

PHỔ THÔNG

ĐẶC BIỆT TÂN-NIÊN, số 75

(1-3-1962)

sẽ phát-hành ngày 24-2-1962

- Tuổi xuân 18 (truyện ngắn) XUYÊN-SƠN
- Ngày xuân tặng các bạn phụ-nữ
10 điều giữ chồng ở nhà CÔ PHÙNG-HẠNH
- Thủy-tò loài người VÕ-QUANG-YẾN (Paris)
- Juan Ramon Jimenez PHẠM-CÔNG-THIỆN
- Một ngày lễ hôn hoan ở Đức CHRISTA ABEL (Đức)
- Nhơn ngày Tết nhớ lại những thú
chơi của dân chúng thời xưa THIẾT-MAI
- Truyện « những người đôi mươi » NGUYỄN THU MINH
- Em còn nhớ chăng em ? TÔ-THÙY-YÊN
- Bức thư cuối năm của 1 ký giả TẾ XUYÊN
- Cô lái bên sông MẶC THƯ
- Văn thơ tỏ tâm BÀNG BÁ LÂN
- Thăng Thị (truyện ngắn) NGUYỄN-VỸ
- Và các mục thường-xuyên của DIỆU-HUYỀN, TÂN-
PHONG, DUYÊN-HỒNG, THIẾU-SƠN, THẦM-THỆ-HÀ v.v ...

Hình bìa : Nụ cười của Đông-phương và Tây-phương gặp nhau.

GIÁ BÁN VẪN 10\$

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 300



NAM THƯ V — BỘ MỜI SỐ 74 — 1-2-1962

- 1.— Trầm-lặng (thơ) Nguyễn Vỹ 9
- 2.— Xuân Việt-Nam tại Paris Nguyễn văn Cồn 10 — 18
- 3.— Tiếng súng xen lẫn tiếng pháo Lê thiện Nhân 19 — 28
- 4.— Xuân của ta và Xuân của nhân loại Thiệu Sơn 29 — 36
- 5.— Góc trọ ngày Xuân (thơ) Hoàng thiên Phương 37
- 6.— Tàn thủy Hoàng du Xuân Nguyễn tử Quang 38 — 46
- 7.— Xuân đã về (thơ) Tâm Tĩnh 47
- 8.— Sự tích chùa Sơn-lâm Từ trầm Lệ 48 — 52
- 9.— Tuổi thọ của con người (khảo luận) Nguyễn bá Thế 53 — 61
- 10.— Cô đơn (thơ) Đào tú Lang 62
- 11.— Thư Xuân (thơ) Tuyết Linh 63
- 12.— Cao-hồ-cốt Bs. Hoàng mộng Lương 64 — 68
- 13.— Một ngày Tết lịch-sử Nguyễn Triệu 69 — 71
- 14.— Năm Dần nói chuyện Cọp Trịnh thiên Tứ 72 — 79
- 15.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ 80 — 86
- 16.— Ai già từ ai dày? (thơ) Phương Tấn 87
- 17.— Ngày Tết ở Nhật-Bản Nông Bằng Giang 88 — 97
- 18.— Khà Dĩ Huỳnh Khắc Dụng 98 — 103
- 19.— Phụ nữ mới của mùa Xuân thế-hệ Christa Abel 104 — 107
- 20.— Lỡ mấy mùa Xuân (truyện ngắn) Hoàng Thắng 108 — 115
- 21.— Xuân nhân loại (khoa-học) Võ quang Yến 116 — 122

24.— Cọp tranh hùng với Kênh-kênh	Tham Phong	124
25.— Xuân riêng (thơ)	Jaya Panrang	125—130
26.— Danh nhân thế-giới	My Son	131
27.— Nỗi sầu mùa Xuân (thơ)	Tân Phong	132—135
28.— Cảnh hoa hoàng mai (truyện ngắn)	Phương Duyên	136
29.— Thành-Cát-Từ-Hiền	Nguyễn Vỹ	137—142
30.— Thằng Cọp (truyện ngắn)	Vi Huyền Đắc	143—146
31.— Mơ Xuân, Xuân cảm (thơ)	Tô Nguyệt Đình	147—153
32.— Bữa ăn ngon (truyện ngoại quốc)	Thanh Nguyen	154
33.— Nợc Hoàng với Táo-công	Chettur	155—159
34.— Những áng thơ hay	Tú Be	160—161
35.— Minh ơi !	Thảm Thệ Hà	162—168
36.— Xao xuyến (truyện ngắn)	Diệu Huyền	169—182
37.— Rừng càn đàng đoán bài loạn	Thu Nhi	183—188
38.— Xuân nhớ mẹ (thơ)	Ba Tèo	189—190
39.— Xuân Nhứt cảm lúc (thơ)	Mỹ Khanh	191
40.— Đẻ trước mùa Xuân	Bút Trà	192
41.— Thơ lên ruột	Ananta Tser	193—195
42.— Cái Nết di lũy chông (truyện ngắn)	Diệu Huyền	196—198
43.— Sách báo mới	Trọng Tấn	199—207
44.— Đáp bạn bốn phương	Phò Thông	208
	Diệu Huyền	209—226

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cao của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

★ Bài lai cao không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liên trích đăng những bài trong tạp - chi PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

TRÂM LẶNG X

UÂN VẼ, TA CHÁN THỂ NÀY RU ?
NON NƯỚC DÂY-DƯA MỐI HẬN-THÙ !
TÀI ĐỨC HUÊN-HOANG PHƯỜNG TỤC-TỬ
VINH-BA NHẢY-NHÓT BỌN PHÀM-PHU.
HƯƠNG TÀN, KHÓI LẠNH, MỒ HOANG VẮNG
BƯỞM RÃ, HOA ỒI, GIÓ MỊT-MÙ. . .
BẢO-LỰT, ĐAO-BINH, TRẦN THẨM-HOÀ,
HAI CÔ HÀNG XÓM BỎ ĐI TU. . .

NGUYỄN-VỸ

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Tiến sĩ Văn chương Pháp—Paris)

Ô. NGUYỄN-VĂN-CỒN trước đây là một Giáo-sư Trung-học có danh-tiếng ở Saigon. Hiện nay ông là Tiến-sĩ Văn-chương Pháp ở Paris, và cũng là một Thi-sĩ. Những bài thơ Việt của ông do chính ông dịch ra Pháp-văn rất được các giới Tri-thức Việt và Pháp ở Paris tán-thưởng. Vào Ban Biên-tập thường-xuyên của Phổ-Thông ở Hải-ngoại, ông đã đứng trong tạp-chí này mấy bài được các giới Giáo-dục Thủ-dô đặc-biệt chú-ý, và được các giới sinh-viên Nước-nhà rất hoan-nghênh. Bài duyên-dáng của ông viết sau đây cho chúng ta thấy phong-dộ Tết của một số Việt-kiều Tri-thức ở Paris.

N.V.



Ừ mấy hôm nay tuyết đổ xuống rầm rĩ. Sáng hôm nay nhìn qua cửa kính, tôi thấy các mái nhà, các bồn cỏ, những thân cây đều phủ một tấm màn trắng xóa.

Tuyết lại bắt đầu rơi, khi nặng nề, khi chơi vơi trên không-trung, khi cuốn theo tuồng gió, trông như muôn

Xuân VIỆT-NAM

nghìn con bướm trắng bay lượn trong bầu trời đục ngầu.

Tôi búi ngùi đọc lại câu thơ của Villon : «Où sont les neiges d'antan ?». (Còn đâu những tuyết xưa?) Và tự nói : «Những cánh tuyết trông giống như hoa bạch mai bên xứ mình, hoa mai ngày Tết».

Phải ! Hôm nay là ngày Mừng Một Tết ! Và đêm hôm qua là Đêm Giao Thừa, đêm long trọng và huyền bí.

Hôm nay Tết, nhưng bên mình tôi không có cảnh đào, chậu thủy-tiên, bông cúc, bông hoàng mai, không có cây nêu, câu đối.

tại PARIS

(Lòng còn gửi áng mây hàng)
Nguyễn-Du

Tôi ở Paris !

Hơn một tuần lễ nay, các giới Việt-Kiều dò hỏi : «Tết năm nay vào ngày thứ mấy nhỉ ?»

— Vào ngày thứ hai.

Học-sinh hỏi nhau : « Sécher cours có được không bỏ ? »

Người đi làm :
« Không biết xin nghỉ có được không ? »

Ý niệm thiêng liêng của ngày Tết đang chàn ngập trong lòng họ. Cũng may, có vài trường học, vài công sở sực nhớ đến người Việt nam cho phép họ nghỉ một ngày.

Tuần lễ trước, tôi nhận được ba bốn tấm thiệp mời dự đêm Tết.

Đêm Dạ - Hội Tết Việt-nam long trọng lắm !

Các giới học-sinh, các anh em thợ thuyền đã huyền não hai ba tháng nay.

Đâu đâu họ cũng nhiệt thành tổ chức Tết. Đoàn ca kịch này, ban âm nhạc kia đã ngày đêm luyện tập...



Đêm Tết ! Trên bàn thờ Tổ-quốc bày giữa sân khấu đèn nhang nghi ngút. Bức hoành-phí, hai câu đối sơn son thiếp vàng, mấy cành đào cắm trong lọ lục - bình. Hình ảnh của Tổ-quốc hiện lại trước mắt chúng tôi.

Các thanh niên nam nữ Việt -

nam gọi lại tinh thiêng liêng của xứ sở. Họ hát lên những câu quan-hộ của vùng Liêm, câu hò của tỉnh Bạc-liêu, họ đánh đàn tranh, thổi ống tiêu.

Một nữ sinh-viên giọng trong veo ngâm nga bài thơ : « Nước Tòì ».

« Nước tôi đã đúc thành một khối,

Từ Nam-quan đến mũi Cà-mau.
Núi rừng khai-khẩn bấy lâu,
Mô hôi, xương máu dầu đầu gian lao.

Núi Tân-Viên dạn màu sương gió,
Sông Cửu-Long thương nhớ đầy vơi,

Lúa vàng bát ngát Đồng Nai,
Rừng xanh bao phủ giấy dài Trường-Sơn. »

Trong lúc ấy, nhìn những thiếu-nữ Việt-nam yêu kiều, dài các trong chiếc áo dài, quần đen tha thướt, trên đôi giày cao gót, nhìn những trẻ em, cả trẻ em tây lai nữa, xúng xính trong bộ quần áo Việt-nam, nhìn những bà cụ già chích khăn nhưng, hay choàng khăn mỏ quạ, tôi bồi hồi, cảm động.

Đó là người nước tôi, đó là dòng máu dân-tộc tôi.

Nghìn thu sinh tử chung nhau,
Chung thương chung nhớ chung sâu chung vui.

Lòng tôi rạo-rực, trong lúc tiếng đàn bầu đang lúi cuồn trăm ngàn tâm hồn mê-li về nơi xứ sở.

Màn đã hạ, óc tôi còn đồng vọng những lời ca của đoàn hợp xướng :

« Ta hát mãi sự vẻ vang của nước,

Ta hát mãi bực anh hùng thuở trước... »

Sau buổi hát, là buổi khiêu-vũ. Người Việt-nam, người Pháp, người ngoại-quốc theo điệu-đàn « Bi-bốp », hay « rốc » nhảy đầm đến gần sáng.



Hôm sau, ngày Mùng Một, tôi ngủ đến 12 giờ. Tôi đem gói mứt bèn nhà gói qua, rồi pha ấm trà tàu, ngồi phong-hu thưởng xuân bên lò sưởi.

Hai giờ chiều, tôi đi chúc Tết Cụ Tú Liêm. Cụ Tú có cửa hàng bán đồ sơn gần Opéra. Cụ Tú sang bên này từ năm 1929. Năm nay Cụ 68 tuổi, nhưng trông Cụ còn khoẻ.

Cụ Tú mời tôi ăn bánh chưng, uống trà mạn sen, và uống rượu đế. Cụ gạt gù nói với tôi :

— Nay ông ạ, tôi đã tinh với nhà tôi.

Cụ bà vội bước tới và, với giọng trách móc, nói : « Minh lại nói chuyện gở ! ».

Cụ Tú gắt lại : « Lo xa có phải là gở đầu ! » rồi Cụ quay lại nói với tôi : « Tôi đã lo đủ số tiền rồi ông ạ ! Khi nào già yếu, không làm việc được nữa, vợ chồng tôi sẽ trở về Gia-định. »

Cụ hạ giọng, ghé vào tai tôi nói tiếp :

— Và nếu Trời bắt tội thất lộc thịnh linh, tôi đã dặn thằng Hai đưa về chôn cất ở quê cha đất tổ, để khỏi làm cô hồn thất thểu ! »

Rồi Cụ phá lên cười như đã chút được gánh nặng : « Nhưng Trời còn thương cho ăn lộc và hôm nay là Tết Nguyên Đán thì ta phải say sưa mới đúng chứ ! »

Cụ Tú rất thâm hiểu chữ Hán và nhớ rất nhiều thơ. Cụ đọc cho tôi nghe thơ Tết của những danh nhân nước ta và thơ Cụ làm trong những khi cao hứng.

Bốn giờ chiều, chúng tôi kẻ xách bánh chưng, người cầm gói kẹo đi thăm chị Thúy ở đường Pasteur. Khi lên đến tầng lầu thứ tư, chừa vào nhà, chúng tôi đã ngửi thấy mùi hương.

Chị Thúy là người Pháp. Năm 1950, Thúy, Kỹ-sư cầu-cống, trở về nước nhưng chẳng may bỏ mình ở vùng Đức-Hòa.

Chị Thúy ở vậy đến giờ, đi làm hãng buôn nuôi hai đứa con mọn : Thằng Jean nay đã 13 tuổi và con Suzanne 12.

Chúng tôi thường thân mật gọi tên chị là Annie.

Chị Thúy đã 34 tuổi, nhưng còn son trẻ, tóc vàng, mắt xanh trông thùy-mị, xinh đẹp.

Trong phòng khách, trên bàn buffet, có đèn nhang, có hoa quả và hình Thúy. Đến trước chúng tôi, đã có năm bảy người bạn thân.

Uống rượu, chúc nhau, chúng tôi chuyện trò rất vui vẻ. Chị Thúy mặc y-phục Việt-nam, người chị nhỏ nhắn, trông xinh lắm.

Bỗng giữa lúc vui say, chị Thúy rất tự nhiên nói lên : « Tết nay, tôi bớt buồn, vì may ra tôi sẽ có hạnh phúc ! »

Mọi người đều nhìn chị, nhưng chị vẫn tươi cười nói tiếp : « Cố nhiên là tôi sẽ không còn cô độc nữa ! »

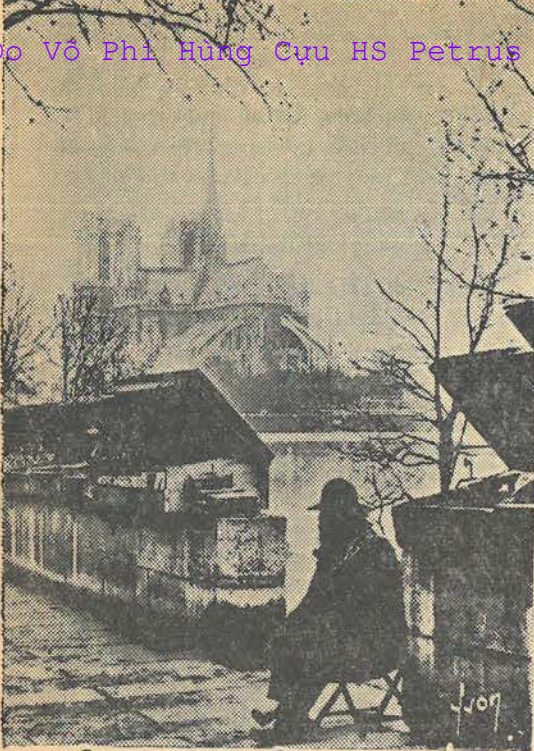
— Bravo !

— Tôi sẽ tái gia !

— Tay nào trúng số độc đắc đấy ?

Chị Thúy nói tiếp :

— Vì tôi đã có hai con với



Ông già bán sách (Bouquiniste) bên bờ sông Seine một buổi mùa đông.

Thúy, nên rất ít người Âu-Phương chịu nhận vai tuồng « cha gà con vịt ». Vì thế, tôi đã chọn một người có thể yêu thẳng Jean và con Suzanne.

Cố nhiên người đó là một người Việt-nam !

— Tay nào đó ?

— Người ngồi bên cạnh các anh đấy ! Ngọc chứ ai !

Ngọc vừa đỡ bác-sĩ, bằng tuổi Annie. Anh đỏ mặt, xem bộ lúng túng. Các anh em đồ xô lại bắt tay hai người rồi cười nói om xòm.

— Vậy thì phải uống ! Một người nói lớn lên.

— Khoan đã. Trên có Cự Tú, dưới có mấy chú lân tăn, nên trước khi nâng chén hãy yêu cầu Cự cho vài câu thơ mừng Annie và Ngọc.

Cự Tú nhấp chén trà, rồi nói : « Hôm nay vừa là Tết Nguyên-Đán, vừa là ngày đính hôn của anh Ngọc và chị Annie thì tất nhiên « Nhập thể cục bắt khả vô văn tự ».

Cự quay lại nói với Annie: « Chắc chị đã biết trong văn-chương nước Việt, không có áng văn nào quý giá hơn truyện Kiều, vậy xin tặng anh chị mấy câu tập Kiều.

Cự Tú cạn chén trà, tăng háng rồi ngâm:

« Nhà lan thanh vắng một mình,

Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh
ai-án,

Một người dẽ có mấy thân,

Châu-Trần còn có Châu-Trần
nào hơn. »

— Hoan hô Cự Tú ! Uống, uống !

Nhưng chị Annie nói : « Nhưng làm thế nào tôi hiểu được văn Kiều ! ».

Chị Liên cử-nhơn Anh-vân được mọi người yêu cầu giảng ra tiếng Pháp để chị Annie hiểu.

Annie cảm động, âu yếm nhìn Ngọc.

Sáu giờ chiều, Cự Tú phải về cúng bữa cơm tối. Chúng tôi ngồi lại ăn bánh chưng, ăn mứt hạt sen, nghe anh Vận ca bông-mạc, sa-mạc, chị Đào ngâm thơ, anh Huân gảy đàn, anh Tuấn hát xẩm, chị Hồng hò Huế.

Annie tươi cười tuyên bố : « Hôm nay là ngày vui của tôi, nên tôi có « surprise » dành các anh chị ! »

— Gì thế ?

— Tôi đã mua trước tám vé đi xem Opéra.

— Chết thật, thế là buổi ngao du của Quận-Công à !

Chúng tôi ép chặt nhau trong chiếc Opel của Ngọc, ba mạng ngồi trước, năm ngồi sau, nhờ có thêm hai cái ghế vải.

Mặc dầu đêm nay có ngôi sao sáng khiêu vũ là cô Liane Daydé, mặc dầu có nhạc thần diệu của Tchaikowsky trong bản « Lac des Cygnes », chúng tôi như cảm thông với Tết nhiều hơn và « lòng còn gửi áng mây hàng ».

Khi tan hát ra, tuyết vẫn rơi tầm tã. Chúng tôi vô tuyết thành từng viên, rồi ném liệng lẫn nhau.

Một anh nói : « Mới có 12 giờ, làm gì cho hết đêm ? ».

Anh Tuấn đáp lại : « Hôm nay là Tết, dầu ở xứ ngrời, ta cũng phải ăn tiêu cho đúng với danh nghĩa Tết. Vậy tôi xin đề nghị lên tiệm Drugstore ở Champs Elysées uống rượu ».

Mọi người đều tán thành.

Tiệm Drugstore không những mở khuya, mà còn có một lễ chức mời lạ tiệm này vừa là nhà thuốc vừa là tiệm dầu thơm, tiệm bán những món quà lật vặt của Paris, vừa là gian-hàng bán đủ nhật trình và vừa là tiệm ăn, mở đến 2 giờ sáng.

Khách vào ra tấp nập, nhất là sau khi tan hát. Ở các rạp

hát bóng xung quanh người ta để lại Drugstore.

Chúng tôi uống rượu, hút thuốc, cười đùa, trêu ghẹo Annie và Ngọc, nhắc Tết bên nhà và các món ăn ! «Giả bây giờ được chén một bát phở tái, ở ngõ Ông Nhạc thì khoái biết mấy ! » Anh Vạn nói.

Hai giờ sáng, tiệm Drugstore đóng cửa. Chúng tôi lại leo lên xe, ra chợ Halles. Chợ Halles là chợ chính của thành-phố Paris, cũng như chợ Bến-thành đối với dân Sài-thành. Ở đây, giờ hoạt-động chính-thức bắt đầu từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng.

Khi chúng tôi đến nơi, thì bên cạnh các xe Camions từ lục tỉnh đem đồ ăn lên, đã có xe Buick, xe Ford, Mercedes, xe Floride...

Khách du-lịch, người phong-lưu muốn tiêu khiển, ăn uống sáng đêm, nhứt là muốn ăn « cháo hành » đều tụ họp ở đây bắt đầu từ 1 giờ khuya.

Chúng tôi vào tiệm « Chân Heo » (Pied de Cochon), chọn một góc riêng rồi biệt, gọi số

trôi, cháo hành và hai chai rượu Riesling Sec.

Chúng tôi xúm xít, châu đầu gần nhau, nhắc những kỷ-niệm vui ngày Tết, nghe chị Annie kể chuyện « Marseillaises » rất có duyên, Ngọc thuật lại chuyện « Salle de garde » và vài người đọc thơ, đọc câu đối Tết.

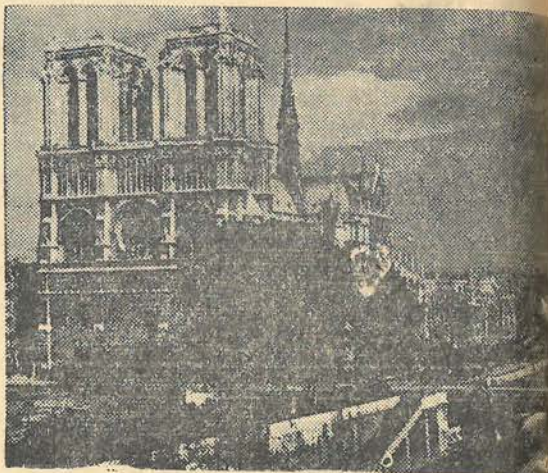
Chị Liên thúc vào tay chúng tôi, nói nhỏ :

— Có biết ai ngồi góc tay mặt kia không ?

— À, Danielle Darrieux !

— Phải rồi ! Còn thiếu-phụ xoay lưng lại mình ?

— Chịu !



Nhà thờ Notre Dame de Paris và các cầu nổi liền tả và hữu ngạn sông Seine

— Ingrid Bergman và chồng mới !

— M'en fous ! Ta cứ uống rượu Tết đã !

Chị Đào làm đổ ly rượu trên tà áo.

Anh Huân liền đọc :

« Vành lược bạc gãy tan dịp gỡ,

« Mảnh quần hồng hoe ở rượu rơi »

Truyện trò vui như Tết, tiếng cười như pháo rang. Không biết chúng tôi uống bao nhiêu ly rượu, hút bao nhiêu điếu thuốc, kể bao nhiêu chuyện vui, đọc bao nhiêu thơ và không biết chúng tôi tỉnh hay say. Riêng tôi có lẽ còn tỉnh đôi chút, vì đã chép lại được những bài thơ thú-vị, chẳng hạn như bài « Tết trên bờ sông Sen » (sông Seine chảy qua Paris) của anh Tuấn :

« Đêm nay lòng nặng ái ân,

Chén xuân muốn cạn bao lần ngừng tay.

Ngoài trời gió cuốn tuyết bay.

Trông vời non nước đợi ngày quang minh.

Nàng Thơ xin hiện ra hình !

Đề hoa thêm thắm, đề tình thêm tươi !

Sông Sen nước chảy ra khơi,
Châu về cố-quận gửi lời nhớ thương. »

Và bài « Nhớ quê » của chị Liên. Chị đọc với giọng êm-ái, diu-dặt, mặc dầu chị đã hơi say; đôi má đỏ, cặp mắt sáng biểu lộ tất cả lòng tin tưởng và chân thật :

« Đêm nay, đêm trăng vui say,
Cầm tay xin hẹn đến ngày hội hương.

Tuổi hoa theo giấc mộng vàng,
Kìa cô lữ-thứ, nọ chàng thư sinh!
Rời ra thiên-hạ thái-bình,
Nước mình mình ở, dân mình mình yêu. »



Ánh sáng lọt lọt của một buổi sáng mùa đông lọt qua cửa kính. Năm giờ ruổi sáng ! Chúng tôi đứng dậy ra về. Ngoài đường người đi chợ đã đông đảo tấp nập. Chúng tôi đi qua những núi bắp cải, những tháp « bơ », những cồn trũng, những rừng hoa, anh Huân nói : « Bây giờ Ngọc đưa Annie, Liên, Hồng, Đào về ; còn bốn đứa tôi xuống métro.

Ngọc hỏi :

— Có métro rồi ?

— Gần sáu giờ, có rồi !



Nhà thờ Notre Dame de Paris và các cầu nối liền tả và hữu ngạn sông Seine

Một lần nữa, chúng tôi chúc nhau mạnh khoẻ và thành công.

Chị Liên nói với tôi : « Chúc anh đủ ngày giờ viết xong tiểu thuyết « Giọt máu người mẹ ».

Tôi trả lời : « Tiểu-thuyết chưa biết có viết xong không, nhưng chắc chắn là tôi sẽ gửi bài tường thuật Tết về báo Phổ Thông ! »

— Thật đấy à ? Đề làm gì ?

— Đề nhắc với đồng bào thân mến bên nhà chúng ta không

bao giờ quên cả !

Chị Annie vui vẻ xen vào :

— Và đề nhắc Ngọc và Annie sẽ về Bến-tre, quê của Ngọc !

— Hoan hô tinh-thần đoàn-kết của Annie !

Chúng tôi lại cười đùa, la lối, khiến người đi chợ sáng phải quay cổ lại nhìn.

NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

tiếng súng xen lẫn
tiếng pháo tối

3 0 TẾT

★ LÊ-THIỆN-NHÂN

L.T.S. — Người ta đã viết nhiều về vụ án Bazin bí mật xảy ra hồi tháng 2 năm 1929 ở Hà-nội và nhiều cây bút đã tiểu thuyết hóa vụ án ấy chớ không dựa vào những tài liệu có căn cứ mà viết.

Nay ông Lê-Thiện-Nhân đã có dịp đọc rõ hồ sơ vụ án này và có tiếp xúc với nhiều nhân vật cách mạng trong Việt-Nam Quốc Dân Đảng, sưu-tầm được tài-liệu chân xác để viết bài này hiện đọc già trong ngày đầu Xuân.

Chúng tôi tưởng rằng ngoài sự giúp vui cho bạn đọc, tác-giả cũng đưa ra được ít nhiều sự kiện để đính chánh một vài sai lầm trong các bài đã đăng báo từ trước đến nay.

TIẾT pháo nổ vang khắp các đường phố chào mừng chúa Xuân sắp tới và kết liễu một năm cũ sắp qua. Chiều 30 Tết dân thành phố Hà-Nội đã thanh toán hết việc năm cũ nhà nào cũng như mặc một bộ áo mới để chờ Xuân. Phố nào cũng có tiếng pháo nổ không nhiều thì ít, nhất là những phố có các nhà quý phái hoặc người làm ăn khá giả, như phố Chợ-Hôm chẳng hạn (còn có tên gọi là Phố Huế nữa).

Chiều hôm 30 tháng Chạp, cuối năm Mậu-Thìn, trong tiếng « lạch tạch... ùng » dĩa phố Chợ-Hôm có ngò dĩa lại có xen lẫn cả ba tiếng « ùng » của một khẩu súng lục khạc đạn vào một người Pháp, trước cửa căn nhà mang số 110. Tiếng pháo át cả tiếng súng, không ai để ý hoặc phân biệt được, ngoại trừ chủ nhân căn nhà số 110 và anh tài xế của người Pháp nạn nhân.

Mãi đến một lúc sau, cách cả nửa tiếng đồng hồ, những người láng giềng thấy Công-an và Cảnh sát cả Việt lẫn Pháp đến mở cuộc điều tra, mới tò mò kéo ra xem, nhưng rồi họ cũng mau chân trở về nhà, vì năm mới sắp đến, không ai muốn chứng kiến cái cảnh xui xẻo : người chết nằm trên vũng máu.

Dân phố Chợ - Hôm đã ít người biết được chuyện xảy ra, thì dân Hà-thành lại càng không hay tí gì nữa vì nhà nào cũng mải lo ăn Tết, bao nhiêu « chuyện thiên-hạ » gát bỏ ngoài tai.

Các nhật báo lại nghỉ Tết 4 ngày, từ 30 tháng Chạp đến hết mừng 3 tháng Giêng, nên dân chúng không mấy ai biết được tin tức gì về vụ án mạng phố Chợ-Hôm.

Đến ngày mùng 4, các báo xuất bản vào 6 giờ sáng, mời đăng tin về vụ án mạng ấy.

Nạn nhân tên Bazin, là một người mộ phu đi Tân-thế-Giới đã bị bắn chết vào hồi quá 7 giờ tối hôm 30 tức mùng 9 tháng 2 năm 1929. Ông bị ám sát nhằm lúc ở trong nhà cô Germaine đi ra tới lề đường ; cô này người đầm lai, bán hàng cho hãng Gó-đa phố Trường-Tiền, là nhơn tinh của Bazin.

Chiều nào xong công việc ở Văn-phòng hồi 5 giờ là Bazin đến thăm cô, nên đã bị người ám sát theo dõi.

● Cuộc điều tra của Công-An

Hai nhân - chứng quan trọng trong vụ này đã thấy tận mắt vụ án mạng : anh tài xế của Bazin cùng cô đầm lai Germaine, được mời ngay đến sở Công-An để lấy khẩu cung ; còn tử thi của nạn nhân được đưa vào nhà xác để bác-sĩ khám nghiệm và làm phúc-trinh.

Người tài xế khai với các điều tra viên rằng lúc ông chủ anh từ nhà cô Germaine bước ra, bỗng có hai thanh-niên Việt-nam tiến tới, một người đưa cho ông

một bức thư, ông vừa cầm lấy thì bị người thứ nhì rút súng bắn ba phát. Anh tài xế hoảng hồn nằm gục xuống chỗ ngồi trong xe, vì anh sợ kẻ lạ mặt bắn luôn cả anh. Anh khai thêm rằng trước khi xảy ra án mạng, hai thanh-niên đã nấp ở một cái Miếu gần đó, nhưng lúc đầu anh tưởng họ chờ nhân tinh thôi, nên không để ý nghi-ngờ.

Còn cô Germaine cũng khai những điều cô chứng kiến đúng như lời của anh tài xế. Khi tiếng nổ làm cho người yêu của cô ngã trên vũng máu, cô hoảng sợ, chạy vào nhà đóng cửa lại, để hở một khe nhỏ nhìn ra, thấy hai thanh niên rảo bước trốn thoát.

Vụ án mạng xảy ra tối 30 Tết thì liền mùng 2 tháng Giêng Công-An đã được lệnh khám xét Khách-sạn Việt-Nam ở phố Hàng Bông cùng Nam-Đông Thư-Xã ở hồ Trúc-Bạch là hai nơi mà họ đã biết từ lâu là trụ sở của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Đồng thời nhà của các yếu nhân trong đảng cũng bị khám xét, một số đảng-viên trọng-yếu bị bắt giam.

Sở dĩ Công-An đã biết trước tổ chức cách-mạng này mà

chưa chịu bắt bớ là vì Louis Marty, Tổng Giám-Đốc Liêm-Phóng và Chánh-Trị ở phủ Toàn-Quyền, còn muốn chờ một mẻ lưới thật lớn, mới bắt nhân thể. Nhưng vụ ám sát Bazin không còn cho phép họ chờ đợi lâu thêm nữa vì thế nào các báo bên Pháp cũng cho rằng đây là công-tác của một đảng cách mạng, nhà cầm quyền Đông-Dương ngủ gục sao mà không khám phá ra đảng cách-mạng nào hết.

Thế là Công-An phải làm nổ bùng vụ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng mà sự tổ chức không được bí-mật cho lắm ; ngay lúc đầu, các yếu-nhân trong ban chấp hành trung ương đã lần lượt sa lưới.

Mãi đến trưa hôm mùng 4 tháng Giêng âm-lịch, Công-an mới đến khám nhà một cậu học sinh trường Trung-học Albert Sarraut, tên Léon-Sanh, ở số 25 phố Hàng Đào, Hà-Nội.

● Tại sao có cuộc bắt bớ cậu này ?

Léon Sanh là một thanh-niên Việt-Nam, nếu có tên Tây và lại có Pháp-tịch nữa, ấy là do một cuộc lạm dụng giấy khai-

sanh của một người đã chết. Tên thật của cậu là Hoàng văn Tiếp. Cậu có một bà thím lấy chồng người Nam kỳ ở Sài Gòn có vô dân Pháp. Bà sanh được đờ con trai khai-sanh đặt tên là Léon-Sanh.

Sau bà ly-dị với chồng, trở về Bắc làm ăn ; bà đem theo đờ con ruột của bà nhưng ít năm sau, cậu bé chết tại một vùng quê. Bà đem nó đi chôn lên vì đang lúc có bệnh thời khí, bà lo sợ vệ sinh làm khó dễ cho gia-đình bà, bằng những phương pháp diệt trùng phiền phức mà các nhà cổ đều muốn tránh.

Cái giấy khai sanh của Léon-Sanh vẫn còn, bà đem cho người cháu dùng và hủy bỏ giấy tờ cũ của Hoàng văn Tiếp ; đổi tên thành Léon Sanh.

Léon Sanh mãi đến mồng 4 Tết mới bị bắt vì cái giấy khai sanh dân Pháp ấy. Sở Công-an không bắt ầu như đối với các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, là vì phải chờ có đủ bằng cứ chắc chắn đã. Hồi Pháp cai trị xứ này, kể có Pháp tịch vẫn được hưởng những bảo-đảm pháp-lý hơn dân « bôn xứ » — Danh từ thông dụng để nói người Việt-Nam.

Thật ra khi xảy ra vụ Bazin, sở Công an đã nghĩ đến Léon-Sanh vì một dĩ-vãng không xa của cậu này : cách đó 2 tháng, Léon Sanh đã bị kết án 6 tháng tù treo vì bị bắt quả tang phát truyền đơn phản-đối việc mộ phu đi Tân-Thế-giới.

Trong hồ-sơ bí-mật của sở Mật-thám, lại có một báo cáo của Nguyễn Quốc Túy, cựu sanh viên trường Cao-đẳng Thương-mại Hà-nội, bạn học cũ của Nguyễn Thái Học, nhìn nhận rằng Léon Sanh có chân trong Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Đã có hai yếu-tố ấy mà mãi đến trưa mồng 4 mới chỉ có lệnh khám nhà Léon Sanh mà thôi, chớ chưa có lệnh bắt ; có lẽ sở Công-An chờ có đủ bằng cứ chắc chắn mới động đến một người có « dân Tây » đầu người ấy có da vàng mũi xep.

Nhưng họ bỗng thộp được một « bằng cứ » liền khi khám nhà và sau đó có trát và xe cày đến mời Léon Sanh đi luôn. « Bằng cứ » ấy là một màu giấy có ghi con số 110 (số nhà của cô nhơn tình Bazin). Lại nữa, trong những tài liệu thân thập được ở nhà Léon-Sanh, có bức thư của cậu viết gửi vào Sài Gòn, chưa bỏ vào

thùng thư nhà bưu - điện, bức thư ấy tưởng chừ giống hệt chừ trong bức thư mà người thanh-niên bí mật đã đưa cho Bazin trước khi hạ thủ.

Hai sự kiện chắc chắn ấy đã quyết định sự bắt giam cậu học sanh trung-học đã bị đuổi khỏi lớp đệ nhứt trường A. Sarraut sau cái án 6 tháng tù treo về tội phát truyền đơn.

● Bị mất « dân Tây » mới bị tra tấn tàn nhẫn.

Lúc đầu, Công-an còn vị nê một « thanh-niên có Pháp-tịch ». Nhưng đồng giấy thầu được ở nhà Léon Sanh tố cáo liền cậu đã mạo-dụng giấy khai sanh của người khác. Cuốn học bạ của Hoàng-văn-Tiếp ở trường Tiểu-học có dán-hình đã giúp cho Công-an phanh-phui ra mau lẹ vụ 2 giấy khai sanh Việt và Pháp mà đương-sự chỉ là một người.

Ngay chiều hôm ấy, các công-an-viên được lệnh thượng cấp bảo tra tấn Léon Sanh đúng như một bị can « bôn xứ » không nương tay chút nào. Còn nhớ hồi đó, báo-chi Hà-nội có đăng tin Léon Sanh tự tử song công-an-viên can-thiệp

và cản trở kịp Báo chí tả khuynh ở Ba-Lê còn nêu lên những cuộc tra tấn vô nhơn đạo đã khiến cho bị can chết đi sống lại nhiều lần. Dầu là một thanh-niên khỏe mạnh, lực-lượng với tuổi mới có 20, Léon Sanh đã phải nhắm mắt kỹ liêu bản cung khai mà các câu ghi trong ấy đều do những nhơn-viên sở Mật-thám « móm-lời » cho bị can.

Với 2 « bằng cứ » : một con số 110 ghi nơi mảnh giấy và một bức thư của bị-can mà tự-dạng giống với bức thư gửi cho Bazin, sở Công-an chắc hẳn rằng đã nắm được thủ-phạm trong tay. Cũng vì có sự tin tưởng ấy mà chánh sở Công-an Bắc-Kỳ Arnoux hấp tấp muốn phải có một kết quả cụ thể đầu tiên để phò trương công trạng và xoa dịu bớt những xúc động trong dư-luận Ba-Lê. Ông ta tính hãy bắt thủ phạm đã còn chi-tiết sẽ điều tra sau.

Về điểm này, trạng sư Bordaz tho-ký của trạng sư Piton, lúc ra trước tòa Đại-hình binh-vực cho Léon Sanh, cũng nhấn mạnh mà lưu ý quan tòa rằng : Thượng lệ trong các vụ đại-hình, nhà điều-tra dùng phương-pháp suy-diễn (méthode déductive) đi từ các sự kiện,

mà tới yếu điểm là thủ phạm ; còn trong vụ này người ta dùng phương-pháp quy-nạp (methode inductive) cứ bắt đại một thủ phạm rồi phanh lẩn lẩn ra các chi-tiết để đi đến kết luận là bị cáo-nhơn đã phạm tội.

Arnoux cho báo chí loan tin rằng Léon Sanh đã thú tội và diễn lại tấn kịch giết người đúng như đã xảy ra ; sở công an có 2 «bằng có» chắc chắn là con số 110 và bức thư của bị can ; bức thư này Tòa phải giao cho một nhà chuyên-môn xét tự-dạng.

Về con số 110, Léon Sanh nhận có viết trong khi đọc báo thấy tin vụ ám-sát, sở dĩ Sanh ghi con số ấy là để tính nhằm xem nhà ấy cách nhà bạn bao xa ; Sanh có một bạn ở nhà số 168 phố chợ Hòm.

Báo chí đăng những tin đầu tiên của Công-an và sau này có nhiều tin khác, quá quan trọng như cuộc khởi nghĩa ở Yên-Bái, các cuộc ám sát bí mật ở Hà-nội, nên không báo nào theo dõi vụ Bazin nữa.

Trong khi đó, trong Hỏa Lò (khám đường Hà-nội) Léon Sanh bị giam ở xà-lim riêng (cellule) dành cho các tội nhơn bị án tử hình. Chừng ít ngày sau khi nhận tội, bị can cải cung ở

phòng Dự-thẩm và cho rằng mình nhận tội ầu vì đã bị tra tấn quá nặng. Ông dự-thẩm hỏi vặn lại :

— Sao lúc diễn lại tấn kịch giết người, anh diễn không sai chút nào ?

— Vì các ông mật thám đã chỉ cho tôi từng cử chỉ, tập cho tôi diễn trước khi có cuộc diễn chánh-thức được chụp vào hình. Tôi mỗi mệt, đau đớn quá, nên làm theo đúng lời họ đề được trở vào xà-lim nằm ngủ. Họ thăm vấn tôi bắt tôi thức mấy ngày đêm, làm tôi mỗi mệt và buồn ngủ quá.

Cùng với vụ bắt Léon Sanh, sở Công-an còn bắt một người nữa là chú của cậu này tên Nguyễn Tấn Long, trước có thầu việc phá rừng cho Công-ty cao su Đất-đỏ ở Nam-kỳ. Vì Bazin là người mộ phu, người ta nghi ông Long cũng mộ phu cạnh tranh, nên mới bắt ông. Khi xét ra ông đã giải nghệ và đang buồn bán ở Hà-nội, họ bèn trả tự-do cho ông.

Nguyễn Văn Viên bị bắt

Sau khi Léon Sanh cải-cung, nhà chức-trách đứng trước một tình thế lúng-túng : Không thêm

được «bằng có» gì chân-xác để buộc tội bị-can.

Nguy-hiêm hơn nữa là cuộc giáo-nghiệm tự-dạng trong 2 bức thư nói trên mà Công - an đặt hết hy-vọng vào đó, thì nhà chuyên viên ở tòa án lại kết luận trái với chuyên-viên sở Công-an : bức thư gửi cho Bazin không phải do tay Léon Sanh viết đầu cho tuồng chữ có giống với chữ của bị can.

Hồi đó Thống-sứ Robin đã lờ binh-vực Chánh-sở Liêm-phóng Arnoux nên quyết cho tìm ra người viết bức thư ấy. Ông cho lệnh tất cả các trường, học trò từ lớp nhi tiểu học trở lên đến trung, đại học, đều phải viết một bài ám tả chữ Pháp để giao cho các chuyên viên xét tự dạng so sánh với bức thư bí mật trên kia.

Từ Nam ra Bắc, cả một núi bản thảo đồ sộ được giao cho Sở Giáo-nghiệm.

Kết quả vẫn là con số không. Bức thư viết tay gửi cho Bazin không biết ai là tác giả.

Hồ sơ vụ án Bazin bị bỏ đẫy và Léon Sanh đã bị giam trên 1 năm trong xà-lim.

Nhờ được trạng - sư cương

quyết yêu cầu nên mỗi ngày bị can được thả ra một góc sân của khám đường, để đi dạo nửa giờ cho bớt cuồng căng.

Phòng Dự-thẩm bắt buộc phải kết-liệu cuộc điều-tra để đưa ra tòa Đại-hình quyết-định, vì đã giam bị cáo nhơn tới 17 tháng rồi. Bổng Công-an bắt được một đảng viên Việt-Nam Quốc Dân Đảng khai tên là Nguyễn-văn-Viên.

Cần phải nói rõ rằng vụ án Bazin và vụ Việt-Nam Quốc Dân Đảng được giao cho hai phòng Dự-thẩm riêng biệt : vụ trên thuộc quyền tòa án Hà-nội, còn vụ dưới thuộc quyền Hội-đồng đề-hình, một cơ-quan tư-pháp đặc biệt do Toàn quyền ký nghị định thiết lập khi có những vụ biến động.

Một hôm, Léon Sanh bị ông Dự-thẩm kêu lên khu giam riêng tù nhơn Pháp. Ông Dự-thẩm đưa bị can tới trước một tủ thi treo tòn ten nơi cửa sổ, dùng áo xé ra bện lại thành sợi dây thắt cổ. Chỉ vào cái xác cõi trần, ốm teo, tím bầm vì máu đọng lại, ông hỏi bị can :

— Anh có nhận ra ai đây không ?

— Tôi không biết người này. Bị can đáp.

— Anh có quen ai là Nguyễn Văn Viên không?

Tôi không quen ai có cái tên ấy.

Ông Dự-thâm bảo viên lục sự ghi vào hồ-sơ rồi đưa Léon-Sanh ký tên. Đọc kỹ tờ khẩu cung ghi chép những câu hỏi và câu đáp, bị can thấy đoạn đầu có câu rằng: « chúng tôi (tức ông dự-thâm) cho bị cáo nhơn dôi chất tử-thi Nguyễn Văn Viên, với sự ưng thuận của ông dự-thâm Hội-dồng đề-hình... » Bị can mới rõ là người treo cổ tự tử thuộc quyền một cơ quan thẩm phán khác.

Vì vậy, trong hồ sơ vụ án Bazin không có khẩu cung của Nguyễn Văn Viên Sau đó ít bữa, Léon Sanh được các bạn ở những xà-lim láng giềng cho hay rằng Nguyễn Văn Viên nhìn nhận rằng anh đã cầm súng bắn chết Bazin, còn tông phạm là ai? Anh nhứt định không khai thả tự-tử để khỏi bị khai thác thêm nữa.

Người thanh-niên đã cầm bức thư đưa Bazin đề cho Nguyễn Văn Viên nỗ súng bắn chết ông này, vẫn còn là con người bí

mật mà sở Mật-thâm không kiểm ra.

Chẳng biết trong hồ sơ vụ Việt-Nam Quốc Dân Đảng có tài-liệu gì chiếu được một tia ánh sáng vào diêm này không. Chỉ biết rằng vụ án Bazin đưa ra tòa Đại-hình Hà-nội xử hồi tháng 8 năm 1930, chỉ có đúng một bị cáo nhơn và trong 15 năm sau, kể đến lúc chánh quyền Pháp bị khuy-nh-đảo (9-3-45) cũng không có ai bị bắt thêm về vụ ám sát bí mật ấy nữa.

● Phiên tòa Đại-hình xử Léon Sanh

Léon Sanh bị đưa ra trước tòa Đại-hình Hà-nội xử «những vụ hỗn xừ». Tòa này gồm có một vị chánh án, 2 vị thẩm-phán bồi-thâm và 2 vị bồi-thâm nhân dân được đề-cử rồi rút thăm trong số những nhơn-sĩ hay thương-gia, kỹ nghệ gia Việt-Nam ở Bắc-Kỳ. (Nếu là tòa xử người Pháp, số bồi-thâm nhân dân lên tới 12 vị).

Trạng sư Bordaz còn trẻ tuổi, lãnh việc biện-hộ cho bị can, do gia đình Léon Sanh bỏ tiền ra mướn. Trước vành móng ngựa, bị can vốn là học sanh đã học hết ban trung học Pháp và lại xuất sắc về môn

Pháp-văn khi còn đi học, nên tòa không phải dùng thông-ngôn, bị-can dùng tiếng Pháp trả lời trôi chảy rành rẽ các câu hỏi của ông chánh án và khôn-khéo phanh phui ra lối hồi cung ở Công-an.

Ông phó Chương-ly ngồi ghế công-lô viện buộc tội lỏng lẻo vì không có bằng chứng gì hết, song ông cũng xin tòa áp dụng hình luật tối đa trong vụ này (tức là tử hình).

Đến lượt trạng sư Bordaz biện-hộ cho bị can. Ông không dùng tài hùng biện, ông chỉ đem lý-lẽ hòa nhã và vững vàng mà gỡ tội cho thân chủ. Ông mô tả cậu thanh-niên ra trước vành móng ngựa như một kẻ đã bị tiêm nhiễm những tư-tưởng của Nietzsche; trong những sách bị thâu ở nhà cậu, có nhiều sách của tác giả này. « Có lẽ trong lúc bùng bột vì cảm xúc bởi hành-động của các thủ phạm trong vụ Bazin, thân chủ tôi này ra cái ý - tưởng điên cuồng là nhận liêu mình là thủ phạm để làm lạc lối cuộc điều tra, cho thủ phạm chánh thức có thì giờ trốn thoát. Hành vi đó là do ảnh hưởng của Nietzsche mà triết lý khuyển con người phải làm cái gì cao cả, cho khác đời... Hành vi của thân

chủ tôi cũng còn do sự ngược đãi ở sở Công-an làm cho y bán loạn tinh-thần, mới này ra cái ý tưởng ấy. »

Trạng sư công kích phương-pháp quy-nạp mà sở Công-an đã dùng để tìm thủ phạm: trước hết bắt một người coi như là thủ phạm đã, rồi sẽ lần lần tìm những sự kiện để buộc tội người ấy. Còn theo thường lệ, người ta phải tìm những sự kiện trước rồi mới đi lần đến việc quyết định ai là thủ phạm sau.

Tòa vào phòng riêng nghị án, và phải bỏ thăm tới hai lần để biểu quyết câu hỏi đầu của ông chánh-án: Bị can có tội không? Đa số các ông bồi-phần, trong đó có 2 ông là người Việt, đã trả lời: Không. Lần đầu thấy kết quả ấy, ông chánh án yêu cầu các vị bồi-thâm suy nghĩ 15 phút nữa rồi biểu quyết lần thứ hai. Lần sau, kết quả lại cũng như lần trước.

Ông chánh án trở ra tuyên bố bị cáo nhơn được trắng án.



Đó là vụ án Bazin mà tòa Đại-hình Hà-nội đã xử 30 năm trước: một vụ án giết người

có hai hung-thủ, mà một người là Nguyễn-văn-Viên đã tự-tử, còn người thứ hai không hề sa lưới pháp-luật trong 15 năm sau, đầu trong khoảng thời gian ấy, đảng viên cách mạng, lần lần bị bắt cũng nhiều mà Công an đành chịu bó tay không bắt được người thứ nhì trong vụ án bí mật nói trên.

Sau này, hai nhà cách mạng

đồng chí cũ của Nguyễn-thất-Học, di cư vào Nam, có cho kể viết bài này biết rằng, người thứ hai đã tham dự vụ giết Bazin là ông L. hiện còn sống và đã có cái may mắn không lọt vào tay Công-an trong 15 năm khi còn chánh quyền Pháp. Chúng tôi chỉ ghi thêm chi-tiết ấy để các nhà làm sử sau này tìm ra tất cả sự thật.



★ CHẢI TÓC

Mồng Ba tết, em Tý đến mừng tuổi Thầy giáo. Thầy vuốt-ve đầu em, hỏi :

- Sao năm mới Tý không chải tóc, để bôm-xôm thế ?
- Thưa thầy, tại vì em không có lược.
- Sao em không mượn lược của Ba em ?
- Thưa thầy, Ba em cũng không có lược.

Thầy cười :

- Không có lược thì Ba em chải tóc bằng gì ?
- Thưa Thầy, Ba em không còn một sợi tóc nào cả.

Encore une limite atteinte dans
la vie.

Encore un sombre hiver jeté sur
nos printemps.



★ THIẾU-SƠN

« **M**ỘT năm chạy
đi. Một năm
trượt tới. Lại một năm chết,
một bước của thời-gian. Giới
hạn đời người bị thu hẹp lại.
Lại một mùa đông âm-đạm ném
vào giữa những ngày xuân tươi-
thắm của chúng ta ».

Tôi đã dịch một cách rất nôm
na mấy câu thơ « Cảm Xuân »
của thi-hào Victor Hugo :

L'année en s'enfuyant par l'année
est suivie.

Encore une qui meurt. Encore
un pas du temps.

Xuân của
ta và

Xuân của
Nhân-loại

Ta có thể nói rằng đời ta chia ra làm hai chặng. Chặng đầu là chặng leo núi, mắt phải ngó lên để đi cho tới đỉnh. Tới đỉnh rồi bắt đầu chặng thứ hai là chặng xuống núi, mắt phải ngó xuống để thấy rõ cái nắm mồ sẽ chôn vùi ta và cũng là cái mục-dịch cuối cùng của cuộc du-hành trên cõi tạm. Có những người không may đã ngã ngay ở chặng đầu, đó là điều bất-hạnh. Có những người may mắn được leo tới đỉnh phóng tầm mắt vào khoảng bao la của vũ trụ rồi ngó trước, nhìn sau lúc bắt đầu xuống dốc. Mỗi bước đi trong không gian là mỗi bước của thời gian.

Loài người đương thi-đua khám phá không-gian nhưng loài người chưa khám phá được thời gian.

Một nhà văn đã viết ra một cuốn sách dự - tưởng giả - thiết một nhà bác-học đã sáng-chế ra được một cái máy để khám phá thời gian (*Machine à explorer le temps*).

Nhà bác-học ngồi trên chiếc máy năm 1910, mở cho máy chạy qua những năm sẽ tới và đã thấy được những hình ảnh đau-thương

của thế-chiến thứ nhất, những hình-ảnh thảm-khốc của thế-chiến thứ hai, những hình ảnh rừng rợn của chiến-tranh nguyên - tử cho tới những ngày tàn của neron loại.

Ngày đó khoa - học đã tàn-phá khoa - học, văn-minh đã tận diệt văn - minh. Nhà cửa, lâu đài, thành quách và bao nhiêu công - trình kiến - trúc của loài người đã bị loài người hủy diệt. Một số ít những người còn sống sót trong những hang-hốc đã quên cả dĩ-vãng của mình, bỏ mất neron - tính của mình, ngo-ngác như những bầy mọi rợ làm nô lệ cho bọn người rừng và bị bọn này giết lẫn giết mòn để ăn thịt. Một kho sách còn sót lại nhưng bụi đóng, nhện dăng, giấy tờ rã nát vì bọn người sống thừa đã quên đọc, quên viết, quên cả chữ-nghĩa

của tiền neron. Ở họ đã mất hết chỉ còn lại những nhu-cầu và những bản - năng của thú-vật. Không còn lễ nghĩa, liêm-sĩ, mất cả lòng trắc - ẩn, vị-tha. Một người bị nạn tất cả đều trở mất đứng nhìn, không động lòng và cũng không cứu vớt. Họ chỉ biết phục-tòng và sợ-hãi. Họ sợ lửa một cách ghê gớm. Họ đã biến thành nên những người tiền-sử, từ thời kỳ loài người chưa tìm ra lửa để nấu ăn. Họ đã cắt đứt truyền-thống của loài người trải qua hàng ngàn thế-kỷ văn-minh và tiên-bộ.

Nếu họ không bị tiêu-diệt thì bọn người còn sống sót nói trên cũng không thể nào xây-dựng lại được những gì đã đổ vỡ do sự cuồng bạo của loài người. Không những họ thiếu cái tài-trí của con người văn-minh mà họ cũng đã bỏ mất luôn cả con tim và khối óc của con người.



Trên đây chỉ là một tiểu-thuyết dự - tưởng nhưng dự-tưởng căn-cứ vào thực-tại, vào những tiên-bộ phi-thường của

khoa-học và những áp-dụng của khoa-học trong những bang-giao quốc-tế, trong những xung-đột giữa người với người. Một văn hào Pháp đã nói đúng : " Chiến-tranh phát-động do sự tương-quan của sự-vật chứ không do sự tương - quan giữa người với người ».

Hai con chó đương trờng-giỡn với nhau một cách thân-ái, bỗng có người vút cho chúng nó cái xương. Thế là chiến-tranh bùng nổ vì cái xương chứ đâu phải là chó không thương chó ? Người với người cũng vậy, vì quyền lợi mà xung-đột, nào phải người không thương người ? Nhưng người khác chó vì người có con tim và khối óc tinh - tế hơn, được xây - dựng trên những căn - bản đạo - đức và được sống trong một đời sống xã-hội có tổ-chức và văn-minh. Người biết lễ-nghĩa, liêm-sĩ, có óc vị-tha và nhiều khi dám hy-sinh vì nghĩa cả. Nhưng tiếc thay ! người cũng tham ăn, tham uống, cũng có nhiều dục-vọng và biết thỏa-mãn những dục-vọng của mình một cách tế-nhị hơn, sâu-sắc hơn và tàn-bạo hơn. Bao

nhieu những phát-minh của khoa-học, những sáng-chế do trí-óc của con người đều có thể được sử-dụng để tàn sát lẫn nhau hơn là để giúp đỡ cho nhau. Những người đạo-đức không đóng những vai tuồng quan trọng. Mà quyền sanh sát nhơn-dân phần nhiều lại nằm trọn trong tay của bọn người ích-kỷ, tham-tàn, gian - ngoan, xảo-quyệt. Họ tạo nên được một hậu thuẫn, trong số những người cũng tham bạo như họ để đưa thế-giới tới một tình trạng nguy - hiểm như tình trạng ngày nay. Với những võ khí hạch-tâm họ có thể làm nổ tung trái đất và ngày tàn của nhơn loại có thể đồng với câu chuyện dự-tưởng nói trên.

★

Nếu ta không phải chết về giặc giã mà được sống bình yên cho tới già, tới chết ta cũng cần phải đếm từng bước của thời-gian mỗi lần ta thêm lên một tuổi.

Đứng ở trên sườn núi ngó xuống vực thẳm hang sâu mà ta bắt buộc phải từ-từ đi xuống, ta không thể không cảm thấy cái số

kiếp mong-manh của đời người. Biết bao nhiêu người cũng chỉ sống như ta mà làm nên những sự - nghiệp ngàn thu bất hủ. Mỗi người cống - hiến phần mình để tạo nên một gia tài chung về đủ phương diện : đạo-đức, tư tưởng, mỹ-thuật, văn-chương và khoa-học. Cái gia tài đó những người đã chết để lại cho những kẻ còn sống. Những người sống phải bảo vệ nó, tài bồi nó để giao lại cho những thế hệ tới sau. Dựa vào nó đời sống của ta mới có ý-nghĩa, có giá-trị. Tách ra khỏi nó đời sống của ta sẽ nghèo-nàn, thô-tục, cần-cỗi, khô héo và ngăn-ngủi như một kiếp phù-du. Những kẻ nào đang tâm phá-hoại cái gia-tài đó sẽ là những kẻ sát-nhơn, những tội-phạm của loài người. Mặc dù ta không đủ thế-lực chân tay kẻ sát-nhơn, ta vẫn có bốn-phận bảo-vệ cái gia-tài chung của nhơn-loại theo những phương-tiện nhỏ-nhoi của mỗi người.

Đời sống văn - minh đề ra nhiều nhu-cầu mà ta không thể tuyệt-đối sống ngoài vòng tranh đấu về những vấn-đề y, thực. Nhưng điều cần nhứt là ta không

chịu làm nô-lệ cho vật-chất với xa hoa. Người làm ra tiền rồi để cho đồng tiền sai khiến, đó là điều tối-kỵ. Gần đây báo chí hàng ngày đã nói tới những vụ làm tiền, giết hại mà chủ mưu lại là những ông to, bà lớn có địa-vị, có danh vọng, có nhà lầu, xe hơi, có kẻ hầu, người hạ hân hoi. Công chuyện đổ-bể, họ phải rời bỏ biệt-thự nguy - nga vào nhà lao tăm-tối, thế là nghĩa làm sao ? Chỉ bởi túi tham không đáy, họ đã lao mình vào một cuộc thi đua về vật-chất xa hoa. Đã giàu họ còn muốn giàu hơn. Đã sang họ còn muốn sang hơn. Họ không làm chủ được đồng tiền và đã để cho đồng tiền làm chủ và dẫn-dắt họ vào những con đường tội lỗi. Họ quá ích-kỷ và ích-kỷ thì phải hại nhơn. Hại nhơn rồi tự hại lấy mình.

Họ muốn rằng ăn phải cho thật ngon, mặc phải cho thật đẹp, ở phải cho thật rộng. Nhưng họ quên rằng thời-gian tàn phá sẽ không cho phép cơ-thể họ chịu đựng mãi những cao-lương mỹ-vị. Họ quên rằng nhưng lụa sẽ không che dấu được tuổi già. Nhứt là khi còn sống thì đời ở

cho thật rộng mà khi chết rồi thì họ cũng phải nằm trong chiếc quan-tài hẹp tẻ và rời thân-thể sẽ phải mục-nát với cỏ cây.

Xưa có một nhà sư thường bày trên án sách trước chỗ ngồi một cái quan-tài nhỏ. Khách đến chơi trông thấy hỏi rằng :

« Người chế ra cái này để làm gì ? »

Nhà sư nói :

— *Người ta sống tất có chết mà chết vào ngay cái này. Ta thật lấy làm lạ. Người đời ai ai cũng chỉ biết có phú quý, công danh, tài sắc, thị-hiến, lo buồn, vất vả suốt đời, chẳng biết đến cái chết là gì. Như ta đây mỗi khi có việc không được như ý, ta cầm cái này mà ngắm xem là tức khắc trong tâm ta được yên ổn mà muôn ngàn sự tư-lự đều lảng lảng sạch như không.*

Cái quan tài con này đủ thay lời huấn, lời giới của bậc nghiêm-sư, bài trăm, bài minh treo bên chỗ ngồi vậy.

Không có chiếc quan tài trước mắt nhưng nếu mỗi năm thọ lãnh tuổi trời ta chịu đếm những bước của thời-gian thì ta thấy ngay

chiếc quan tài mà ta lần lần phải - đi tới để lấy làm lời huấn, lời giới, bài minh, bài trâm của mỗi người trong chúng ta.

Người ta phần nhiều không hay nghĩ tới cái chết mới dám sống một cách bừa bãi, ngang-tàng, phi luân, vô-đạo. Nhưng đứng trước cái chết ai cũng thấy hối-hận và muốn tu-tỉnh để đền bồi tội lỗi. Chờ tới lúc đó thì đã quá trễ mất rồi, còn thì giờ đâu mà tu-tỉnh?

Cái cứu-cánh của đời ta không phải là ở thiên-đàng hay địa-ngục mà cũng không phải là ở cõi hư - vô hay ở trên niết-bàn. Cái cứu - cánh của đời ta là ở ngay trong cõi đời này mà mỗi người đều phải đóng góp phần mình vào cái gia-tài chung của nhân-loại, đem cái tiểu-ngã của mình sáp nhập vào cái đại-ngã của toàn khối. Người sanh ra ta. Người nuôi dưỡng ta. Người dạy dỗ ta. Khối óc ta được người mở-mang. Con tim ta được người xây - dựng. Ta chết rồi người chôn ta. Ta đi rồi có người kế-nghiệp. Ta đã sống cho nhân-loại thì ta chỉ chết trong nhân-loại. Và nhân-loại

còn thì không bao giờ ta chết. Ngã kim nhứt tại tọa chi địa, Cổ chi nhân tăng tiện ngã tọa chi.

Chỗ hôm nay ta ngồi, người xưa đã từng ngồi. Thì chỗ ta ngồi hôm nay, người sau cũng sẽ ngồi. Người xưa của sống ở lòng ta thì ta cũng chưa chết ở lòng người sau miễn là ta đừng sống ở ngoài vòng nhơn-đạo. Nhơn - loại sống mãi hết đời này qua đời khác, đời này kế - nghiệp của đời trước rồi truyền lại cho đời sau những cái gì có ích cho sự sống và nâng cao giá trị của loài người. Phải có quan-niệm như thế thì ta mới thấy đời ta không ngắn-ngủi, tránh cho ta được những việc làm tội-lỗi và thúc - đẩy ta làm trọn cái thiên chức của con người.

Ta không cần có máy đo thời gian nhưng ta đã nhìn thấy xa hơn cái giới hạn của một đời. Tre tàn thì măng mọc. Đông tàn thì xuân sang. Xuân nhân-loại là xuân trường-cửu.

*

Nhưng trong tình-trạng của thế-giới hiện nay chắc gì mùa

xuân Nhân-loại được trường-cửu?

Mới đây chúng ta đã được coi một cuốn phim « Ngày tàn của Nhân-loại » hay là « Bên cuối cùng » (Le dernier rivage).

Bên cuối cùng ở Melbourne tại Úc - Châu. Một tìm thủy đình nguyên-tử đang ở giữa biển khơi thuộc miền Tây Thái Bình Dương chạy phóng-xạ mà lặn về Manille. Ở Manille cũng đầy trời phóng-xạ nên phải tìm đến Melbourne là bến chót. Ở đây máy phóng xạ chưa bay đến nhưng theo một nhà bác-học thì nó sẽ bay đến trong 5 tháng nữa là cùng. Ở khắp các nơi loài người đã chết hết, chỉ còn một số người chờ chết ở đây. Không có phương thế gì ngăn cản được máy phóng-xạ và người ta đã chế sẵn những viên thuốc để phát cho bọn người sống sót này cho họ được chết một cách êm ái hơn là để cho nạn độc của phóng xạ hoành-hành.

Thế rồi vợ khóc chồng, cha khóc con, kẻ lữ-thứ khóc quê hương bị tàn - phá hết thấy đều như sống trong một bãi tha ma mà những cái huyết của mình cũng đã được đào sẵn. Đó

là kết-quả của một cuộc thi-đua vô-trang nguyên-tử, của một cái nút được nhận trong cơn hốt-hoảng của một người.

Báo chí Mỹ phê-bình « Cuốn phim quan trọng nhứt từ 40 năm nay ».

Báo Nga khen : « Một thành-công lớn ». Báo La-Mã nói : « Cuốn phim thê thảm nhứt của thế-giới ». Lại một dự-tưởng.

Ta mong rằng dự-tưởng đó không biến thành sự thật. Nhưng sau khi đã thấy được những cảnh thê-thảm nói trên, chúng ta cũng nên giả-thiết như chỉ còn có năm tháng để sống. Năm tháng để sám - hối những tội - lỗi đã làm. Năm tháng để từ bỏ những tư-tưởng đen tối. Năm tháng để tha-thứ cho nhau, để thương yêu nhau, giúp đỡ nhau và để chuẩn-bị dọn mình trước một biến-cổ quan-trọng.

Chúng ta có thể tin rằng nhân-dân thế-giới sẽ quyết-liệt tranh-đấu để ngăn chặn một thảm-họa cho loài người. Nhưng đứng trước cái thảm họa đó ta càng thấy lòng ta tha - thiết với những gì mà nhân-loại đã

phát minh và xây dựng được ở trên thế-giới này. Nhưng cái đáng quý hơn hết vẫn là mầm sống của con người, con người vĩ-đại, con người vạn-năng, con người tạo-hóa, con người làm chúa-tể muôn loài, làm chủ trái đất, chinh-phục không-gian và không để cho thời gian tàn-phá.

Thời-gian đã không tàn - phá được Nhơn-loại có lý nào Nhơn-loại lại tự hủy-diệt mình ?

Đó là điều mong mỏi và ước vọng của ta trong dịp đông tàn, xuân tới, Xuân của Ta và Xuân của Nhơn-loại.

THIỆU-SƠN



★ ĐI NGHỈ MÁT

— Nghe chị ở nhà nói kỳ nghỉ Tết này anh chị sẽ đi du lịch ra Huế. thích quá nhỉ ?

— Vâng. Chúng tôi định thế, chị ạ. Nhưng chắc không đi được.

— Tại sao thế, anh ?

— Nghe nói Tết đi Huế chơi, nhà tôi đã lo may sắm áo mới, quần mới, giày mới, và các đồ nữ trang, không còn một xu, lấy tiền đâu nữa mà đi !

● DANH NGÔN

— Nếu anh ở trong một thành phố mà người ta thờ con bò, thì anh cũng phải cắt cổ cho nó ăn.

(Tục ngữ AI.CẤP)

Gác trọ - NGUYỄN XUÂN



Ngày nắng mới, xuân về nơi gác trọ
Cúc nở vàng khắp nẻo đón mùa sang
Buồn hoa cô trắng đắm mình trong gió.
Bút nghiêng sầu nhìn đò hội hoa đăng.

Bên hàng xóm, cô gái buồn tựa cửa,
Mắt nhìn trời, khoe cổ nơn nhưng tơ.
Môi hồng chín cười duyên, âu yếm quá,
Suối tóc huyền chảy vọng tới lầu thơ.

Giai nhân đến hương mùa bay tàn mác,
Nhạc xuân reo trong nắng đẹp chau hờa.
Theo nhịp bước say sưa tình hoan lạc
Gác trọ chờ xuân nữ tận phương xa.

Gió hong tóc bên nhà ai thướt trước,
Mây cánh hoa lã ngọn, cánh rơi rơi...
Xuân mới đến em ơi mùa hẹn ước,
Về đây vui, đại hội mấy phương trời ?

HOÀNG-THIÊN-PHƯƠNG

(Thị-Nghè)



thoảng trên làn môi diễm một nụ cười khoan-khoái. Có lẽ đây là lần thứ nhất, nhà vua cảm thấy lòng thay đổi.

Vì từ khi lên ngôi đến giờ, nhà vua chỉ lo chinh-chiến. Đêm nằm không ngủ, lòng hằng mơ những cuộc đao binh. Trước mắt của vị bạo chúa nước Tần, đâu đâu cũng toàn thấy một màu máu lửa. Nhà vua đâu còn thì giờ nghĩ đến, hay thông thả đứng ngắm cảnh vật xinh tươi, non nước hữu tình.



Ở NG trên lầu cung A - phòng bên vườn

Thượng-Uyển, vua Tần đưa tay vén rèm châu ghé mắt nhìn ra ngoài.

Hoa đào nở rục rờ.

Theo gió sớm của một ngày đầu Xuân, hương thơm của muôn ngàn sắc hoa thoang-thoảng đưa lên. Vài con chim non nhảy hót trên cành lá...

Mặt rờng tươi tắn, thỉnh-

tần thủ

Hôm nay, sáu nước : Yên, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn đã bị dẹp tan. Binh khí của các nước chư hầu đều bị nấu tan thành sắt cục. Lãnh thổ hoàn toàn thống nhất. Đâu đâu cũng đều nép oai nể mặt dưới quyền sinh sát của cường Tần.

Đây là cung A-phòng nằm toàn bằng ngọc kim cương, chất chứa hàng ngàn mỹ nữ phi tần để làm thú hoan lạc cho bạo chúa. Nó một dãy Trường thành vạn lý, thật là một sáng kiến của vua Tần nhưng cũng là một kỳ công vĩ đại xây đắp biết bao nước mắt, xương máu của nhân dân. Nhà vua tin tưởng rằng nó có thể chặn đứng những cuộc xâm lăng của bọn rợ Hồ, làm cho ngôi vàng của nhà Tần được vĩnh cửu cùng trời đất.



★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

Sự sinh sát vốn ở trong tay, nhà vua tự hào mình có một uy quyền tối thượng.

Trước hoa đào nở của một ngày xuân thắm, xinh tươi, vị bạo chúa nhà Tần mỉm cười

Vì tuy sáu nước đã bị dẹp tan nhưng trong nước vẫn chưa được yên. Dân chúng tuy lo cấy cày làm ăn, luôn luôn cung sru nộp thuế nhưng còn có một bọn nho sĩ ngày ngày bê tha chè chén. Say sưa chán rồi, chúng lại đọc sách thánh hiền, rung đùi ngâm thơ sĩ mạt triều đình, chằm biếm nhà vua. Dân chúng hầu hết lại chạy theo bọn họ. Quả thực văn chương lời nói của họ có một ma lực rất phi thường.

y hoàng

DU XUÂN

đắc chí, kiêu hãnh với chiến công oanh liệt của mình.

Nhưng...

Nhà vua bất giác thở dài. Trên mặt bỗng hiện lên vài nét lo âu.

Chém giết đã nhiều rồi. Máu của bọn hủ nho này có thể chảy thành sông, xương chất thành núi ; nhưng thỉnh thoảng tiếng đọc sách, giọng ngâm thơ vẫn còn ra rả như tiếng cuộc gọi hè. Chính nhà vua, cũng thường tự hỏi :

— Chúng nó ở đâu mà nhiều quá thế ? Sáu nước chư hầu mạnh mẽ như hồ rừng, thế mà chẳng được bao lâu thì đã bị dẹp tan. Còn bọn hủ nho này toàn lũ trói gà không chặt lại có bản lĩnh hơn sáu nước kia ư !

Nhưng rồi nhà vua lại mỉm cười, một nụ cười sâu sắc thâm độc vì nhà vua vẫn tin tưởng mãnh liệt vào uy quyền sinh sát của mình.

Phải. Chỉ có một tiếng quát của nhà vua là cả ngàn dân chúng phải bị rụng đầu ; và cứ một cái vẫy tay là cả hàng ngàn nho sĩ phải bị róc xương, chôn sống. Đưa tay nâng chòm râu cước, nhà vua lẩm bẫm, ngạo nghễ :

— Ta phải giết. Có giết mới tuyệt.

.....

Choàn lấy chiếc áo hồ cừu, nhà vua lia cung A-phông, lần bước ra khỏi hoàng thành. Theo sau vua, hai tên nội giám.

Đây là lần thứ nhứt, vua Tân ra khỏi hoàng thành vì hành đến các làng mạc, giả dạng thường dân vừa du xuân, vừa dò xét nhân tâm, lắng nghe dư luận.

Nhìn giải non sông gấm vóc mệnh mỏng chìm mình trong

ánh sáng sương xuân, vua Tân sung sướng quay lại nói với hai tên nội giám :

— Ta cương quyết gìn giữ giải non sông này cho nhà Tân ta được ngự trị muôn đời vạn kiếp.

Một tên nội giám khúm núm thưa :

— Vâng. Muôn tâu Chúa thượng ! Giải non sông gấm vóc này nếu để vào tay khác thì uổng lắm. Hạ thần cầu chúc cho ngôi Tân được vững bền như nhứt nguyệt, và Chúa thượng sống lâu để hạ thần được hưởng thụ ân vũ lộ và chiêm ngưỡng long nhan.

Vua Tân gật gù :

— Non nước này là của ta. Dân chúng này đều của ta. Lục quốc nay đã hoàn toàn thần phục dưới chân ta. Vậy còn kẻ nào dám cưỡng nạnh chạm đến uy quyền của ta mà bảo nước này để vào tay kẻ khác. Nhà Tân, ta đây là Nhứt thế, rồi Nhị thế, Tam thế, hàng vạn thế...

— Muôn tâu Chúa thượng ! Hạ thần nói thế là quá lo cho cơ nghiệp nhà Tân. Vì tuy sáu nước chư hầu đều thần phục nhưng còn bọn nho sĩ...

Nghé nhắc đến bọn nho sĩ, vua Tân tức giận, cau mày, ngắt lời bằng một giọng hậm hực :

— À, phải rồi. Còn cái lũ khốn kiếp hủ nho ấy. Bọn chúng luôn luôn dùng thơ văn, sách vở làm mè hoặc chùng nhàn và chàm biếm ta. Nói đến đây, nhà vua thốt nhiên cất tiếng cười khanh khách :

— Nhưng chao ôi, đại đột thay ! Chúng làm thế nào lật đổ ngai vàng này được. Chúng chỉ chuốc lấy cái chết oan uổng mà thôi.

Tin tưởng tuyệt đối vào lời nói quả quyết của nhà vua, tên nội giám mắt sáng lên, phụ họa :

— Vâng. Chúng phải chuốc lấy cái chết oan uổng. Chúng phải trả một giá rất đắt bằng sinh mạng vì tội ngông-nghênh cuồng si của chúng.

Nhưng...

Nhà vua bồng giựt mình, lấy làm lạ. Vì đi đã có mấy dặm đường rồi, nhà vua chỉ thấy toàn là đồng bằng cỏ mọc, cây cối rậm rì, lau sậy um tùm ; thỉnh thoảng mới thấy lác đác vài nóc chòi tranh ở lưng chừng trên một vài con đồi xa

tít. Làn khói lam mờ hòa cùng khí núi hơi rừng lơ lửng trên không như đượm vẻ buồn tanh, lạnh lẽo vô cùng.

Đất rộng mà toàn hoang vu.

Vì nhà vua đầu hay rằng từ khi có cuộc chiến-tranh do bảy nước giành quyền bá chủ làm cho nhân dân đồ than ; nay tuy dưới quyền thống trị của nhà Tân, nhưng chính sách bạo ngược của Tân càng làm cho dân chúng điêu đứng lầm than chẳng khác thời binh lửa. Chém giết, tù đầy đầy dẫy, sưu cao thuế nặng ngập đầu đã làm kinh khủng tâm lòng non yếu của dân dân đen chất phác. Ngày ngày, họ chỉ hồi hộp đợi chờ cái chết do nhà vua đem lại. Rồi đâu đâu cũng cảm thấy khí uất ức căm hờn của dân chúng ngùn-ngụt bốc rục cả trời.

Nhưng một ý nghĩ thoáng qua, vua Tân đắc chí lẩm bẫm :

— À, chúng đã sợ uy vũ của ta nên chúng tìm chỗ tránh xa. Hay thay ! Hay thay !

Đi độ mười dặm nữa, trước mặt nhà vua bồng hiện lên một con đồi. Bên cạnh là một vườn đào rực rỡ chiếu sáng lên như ánh triều dương.

Nhà vua và hai tên nội giám loé cả mắt.

Đây là một xóm đã điêu tàn. Vườn đào vắng chủ nhưng Xuân về hoa đào vẫn nở, phe phẩy theo gió sớm một cách vô tư. Vua Tần khoan khoái, chép miệng:

— Chà, đẹp quá! Nhưng cảnh đẹp như thế này mà sao bóng người vắng bật?

Đưa tay ngoắc một ông lão đương cầm cuội xới đất ở vườn dâu bên cạnh đến hỏi, thì ông lão thưa rằng:

— Đây là Đào hoa trang. Trước kia nơi này trở sanh nhiều nho sĩ tài danh, nhiều bực hào hoa phong nhã. Cứ hằng năm, xuân về hoa đào nở thì các thi sĩ văn nhân tụ họp nơi này để say thú rượu đàn, vui vãn thi phú. Người đông như hội, vui vẻ thanh lịch vô cùng. Nhưng vì gặp phải tay bạo chúa nhà Tần chủ trương đốt sách, chôn sống học trò, cấm tụ họp năm ba bạn bàn quốc sự, nên một số người ở đây đã bị nhà vua bắt giết, một số thì tìm chỗ ẩn mình. Vì thế, từ ấy đến nay, xóm này trở nên hoang vắng. Tiếng đọc sách thánh hiền, giọng ngâm thơ phú không còn nữa.

Ông lão nói thế rồi lại thở dài, quay mặt nhìn xóm Hoa đào như hồi tiếc cảnh thanh bình đầm ấm ngày xưa; đoạn ngâm ngùi tiếp:

— Uổng thay! Uổng thay! Tinh hoa của đất nước, của Dân-tộc vì một tay bạo chúa mà chịu biết bao cảnh tan tóc. Thời thanh bình Nghiêu-Thuấn biết bao giờ trở lại!

Nghe ông lão nói với một vẻ ngang nhiên, vua Tần râu tóc đều dựng, mắt long lên. Ôi chà, tên dân quên dám khinh thường nhà vua, nhục mạ triều đình! Thật thẳng ranh con hèn mặt, không biết sống chết là gì mới dám vuốt đuôi hùm.

Nhưng nhà vua cố nén giận. Vì nhà vua nghĩ mình đương làm một công việc dò xét lòng của chúng nhân.

Mim chặt lấy vành môi khô héo, tay vô mạnh chéo áo, vua Tần ngảnh mặt bỏ đi.

Theo đường mòn quanh co gầy cổ, ba chúa tôi lần bước đến Đào hoa trang.

Ồ, lạ thay! Càng đi sâu vào xóm, lách mình qua những cánh đào tươi đỏ rực rỡ, thì lại nghe có tiếng ngâm thơ từ đâu đấy vắng vắng đưa ra.

Giọng ngâm thơ mỗi lúc càng to, càng ngân lên trầm bổng tuyệt vời. Vua Tần tức giận run lên:

— Ái chà! Giết chưa sạch, bọn hủ nho này chưa tồn nên còn lộng hành. Không sợ chết, chúng công nhiên dám trêu ta.

Ý chừng là có nhiều người nên tiếng cười, tiếng nói xen lẫn. Rồi một lúc giữa bầu không khí yên lặng lại trời lên một giọng ngâm thơ:

« Nghiên ta tụy vũ chừ, tim không vũ.

Bút ta tụy cùng chừ, óc không cùng.

Lòng ta sôi sục chừ, xuống âm cung.

Thân ta sinh tử chừ, như lông hồng.

Bút ta chấm mực chừ, pha máu hận,

Đề lại dăm vắn chừ, cho thế nhân. »

Dứt tiếng ngâm thơ, tiếp theo là tiếng cười khanh khách. Tiếng cười một cách tự hào, ngạo mạn.

Vua Tần, mặt tái hẳn lại. Đôi tròng trắng mắt đỏ rực lên

như nhuộm một màu máu. Mắt nhà vua cứ chăm chăm nhìn vào chỗ phát ra tiếng ngâm thơ.

Quay lại hai tên nội giám, nhà vua quát mắng, truyền lệnh:

— Một ở đây. Một trở về mang theo lệnh của ta bảo Thượng tướng quân Chương Hàng gấp rút đem hai trăm Vệ quân đến đây tảo trừ bọn này không còn một con đở, và san bằng xóm Hoa đào thành bình địa; thử xem còn một móng nào đến đây ngâm thơ đọc sách nữa không?

Tên nội giám cúi đầu chào rồi vội rảo bước đi nhanh về hoàng thành.

« Nghiên ta tụy vũ chừ, tim không vũ

Bút ta tụy cùng chừ, óc không cùng.

Bút ta chấm mực chừ, pha máu hận

Đề lại dăm vắn chừ, cho thế nhân. »

Tiếng ngâm thơ cứ sang sảng vọng lên càng khiêu động sự bực tức của vua Tần. Toàn

thân nhà vua run bần bật, làm râu mép giật lia. Tay của nhà vua vô tình vô nát mấy cánh hoa đào chỗ nhà vua đương đứng. Khi uất của một tên bạo chúa muốn bức tận thiên-đình.

« *Bút ta chấm mực chừ, pha màu hận*

Đề lại dăm vần chừ, cho thế nhân ».

Giọng ngâm dứt, tiếp theo đó, tiếng cười ròn rã vang lên một cách đặc chí và ngạo nghễ.

Không dẫn lòng bức tức được nữa, vua Tần vệt mấy cánh hoa đào mạnh bước tiến vào. Vạt áo hồ cừu phát mạnh làm mấy cánh hoa đào gãy đổ. Gót giày tàn bạo của nhà vua nghiền nát những cánh hoa đào xinh đẹp làm toi tả như xác pháo.

Nhà vua thét lên :

— Lũ nho khốn kiếp dám lớn lối. Ta sẽ cho lũ bây biết mặt Tần Nhứt thế đây.

Nhà vua vừa thét vừa đưa tay vén áo hồ cừu rút thanh gươm ra khỏi vỏ.

Trong chòi tranh có độ mười nho sĩ, hình dáng mảnh khảnh, vẻ mặt tuấn tú phong lưu. Họ xóc áo đứng dậy, cất tiếng

cười ròn rã đầy vẻ khinh ngạo :

— Hay thay ! Hay thay ! Thế nhà vua đến đây định yêu cầu học lấy đạo đức của Thánh Hiền vạn cổ để lại. Vào đây. Vào đây. Chúng ta sẽ truyền thụ cho.

Vua Tần mắt long lên, mày dựng ngược :

— Lũ hủ nho khốn kiếp ! Hãy xem lưỡi gươm của ta đây.

Đoàn nho sĩ vẫn điềm tĩnh cất tiếng lạnh lạnh, đĩnh đạc bảo :

— Tần Doan - Chính ! Nhà ngươi tưởng thanh gươm của nhà ngươi sắc lắm có thể giết chết cả nho sĩ ở đời này ư ? Nhà ngươi lầm rồi. Chúng ta cho nhà ngươi biết rằng : ngai vàng của nhà ngươi sắp sụp đổ vì bàn tay tàn bạo sắt máu của nhà ngươi. Kia, hàng vạn oan hồn của sinh linh đương cầm hồn dưới chín suối chờ đón nhà ngươi để rửa oán trả hờn.

Nói xong, họ đổ xô cả lại. Họ chụp lấy nghiên, bút, cốc rượu, bầu rượu, sách vở ném túi bụi vào vua Tần.

Nhà vua hươi gươm vun vút như xông vào trận mạc.

Lưỡi gươm của nhà vua đưa

đến đâu là đầu rơi máu chảy đến đó. Cả đến những cánh hoa đào tươi rực rỡ gần đây vì làn gươm của nhà vua mà lia cành toi tả.

Nhưng lạ thay, chém hoài không hết. Bao nhiêu đầu của bọn nho sĩ bỗng tự rụng rập lại thân rồi đứng lên xông xộc xông đến.

Những cánh hoa đào rớt xuống đất bị tan vỡ nhưng cũng bay bông trở lên nhảy múa đập đàn vào đầu cổ, mày mặt vua Tần.

Thật là một cảnh dị thường, cổ kim chưa từng có.

Nhà vua tâm thần bấn loạn.

Tên nội giám hốt hoảng ôm đầu bỏ chạy.

Nhà vua mệt thổ hổ hộc, mồ hôi ướt đầm, tay chân mỗi rung, viện binh chưa đến, thế đối phương càng hang.

Như đề trợ oai, bây giờ toàn cả vườn đào đều rung chuyển. Những đóa hoa đào đổ tựa sắc máu đồng lia khỏi cành bay lên. Như có một sức mạnh thiêng-liêng, chúng lôi cuốn cả cỏ cây chung quanh đánh tung búng vào đầu cổ vua Tần.

Một điều lạ lùng hơn nữa

là lão già xói đất ở vườn đào trước kia thỉnh linh xuất hiện. Theo sau ông có thêm cả hàng mười nông dân cầm cuốc xuống đồ xô lại, hùng hổ trợ chiến. Mặt người nào cũng đầy sát khí, hờ hết âm ỉ :

— Tần Doan-Chính, tên bạo chúa nhà Tần hãy dèn mạng cho ta !

Bầu trời đương tươi sáng của một ngày đầu xuân bỗng tối sầm lại. Đất quay như chong chóng. Tiếng gầm, hú của mãnh thú vang lên rùng rợn cả một góc trời.

Vua Tần kinh hoàng kêu lên một tiếng, giật mình tỉnh dậy, mồ hôi lạnh toát... Thì ra một giấc chiêm bao.

Thở khi một hơi dài phọc phọc, nhà vua uể oải chỏi tay ngồi dậy sờ soạng bước xuống long sàng như để xem thực hay mộng. Miệng nhà vua vẫn lẩm bẩm :

— Dữ thật ! Dữ thật !

Vừa lúc ấy có một tên lính hầu cận vào báo cho nhà vua hay rằng : toán lính của Thượng-tướng Chương-Hàng đã bắt được một đám nho sĩ và đương chờ lệnh trên hành quyết.

Khác hơn mấy lần trước là nhà vua quát tháo âm ỉ, vội vã ra triều để khoan khoái nhìn linh dem bọn nho sĩ chôn sống; nhưng lần này, nhà vua với vẻ mặt phờ phạc, lăm li bảo :

— Chặt đầu chúng dem chôn ở Đào hoa trang.

Tên linh ngự gác :

— Muốn tâu Chúa thượng ! Đào hoa trang ở đâu ?

Nhà vua quát mắt :

— Đồ chó ! Dốt nát. Đào hoa trang ở... Đào hoa trang.

Lập lại ba tiếng «Đào hoa trang», vua Tần như còn thấy cảnh hỗn loạn xảy ra giữa cuộc du xuân trong ác mộng lớn vờn trước mắt. Và giọng ngâm thơ sang sảng của bọn nho sĩ như còn dư âm văng vẳng bên tai :

«Bút ta chấm mực chừ, pha máu
hận,

Đề lại dăm vần chừ cho thế
nhân».

Nhà vua lại ngồi phịch xuống long sàng, hai tay ôm đầu. Tên linh cận vệ rón rén bước ra ngoài.

Đây là lần đầu tiên trong quãng đời bô bá, giết chóc, coi mạng người như cỏ rác, vị bạo chúa nhà Tần cảm thấy như có một vật gì thiêng-liêng và màu nhiệm đè nặng ở cõi lòng do một con ác mộng du xuân đã qua.

Thành Hàm-dương, xa xa vài tiếng pháo rời rạc đón xuân năm 200 trước Tây-lịch Kỷ nguyên.

NGUYỄN-TỬ-QUANG



★ DANH NGÔN

Lời nói láo có thể chạy được một năm, lời nói thật chỉ đuổi kịp trong một ngày.

(Tục-ngữ CONGO)

XUÂN
ĐÃ VỀ



Xuân đã về, trăm hoa đua nở
Ánh nắng hồng, rực rỡ ban mai
Đầy vườn bướm lượn, ong bay
Lưng trời, cánh én tung mây đón mừng
Kìa, trước gió mai vàng mím miệng
Đầy đầu cành chim cất tiếng ca
Hồng tươi phở sắc mặn mà
Cúc vàng cũng nở nụ hoa đón chào
Từ thành thị, xuân vào thôn xóm
Từ mái tranh, đến chốn lầu son
Xuân reo rắc, ánh nắng hồng
Hương xuân tỏa khắp non sông ngạt ngào
Xuân đẹp mấy ! biết bao là đẹp !
Mừng xuân sang, ta biết nói gì !
Nói gì, trong cảnh loạn ly,
Nói gì, trong cảnh phân chia đôi bờ !
Tình xuân vẫn hững hờ, ghẻ lạnh
Xuân biết đâu, bao cảnh nảo lòng
Ai người vui cảnh xuân sang,
Riêng ta chỉ thấy bẽ-bàng với xuân !
Đôi vô vị nay lần mai nữa
Nợ non sông chưa chút đền bồi
Xuân sang dạ những bồi hồi
Nước non đôi ngã, ai người tình chung ! ?

★ TÂM-TÌNH

H

Ả Y n g h e
ngươi Miên
bảo : con vật
mạnh mẽ nhất,

vị-chúa tể của rừng xanh ấy, thân thể của Ngài là sự tổ hợp của một quyền uy cao cả, một lá lướt dịu dàng, một hùng mạnh nâng vác và một thông quán huyền vi. Cứ nhìn xem cái đầu thật là lẫm liệt đường bệ như một vị chủ tướng chỉ huy, cái mình mềm mại như thân thể người phụ nữ, bốn chân mạnh bạo, chững chạc, như bốn cột chống nhà, và cái đuôi có đặc-tánh biết rõ được có người đến gần mình, như một kẻ tinh tường nhâm độn. Ấy bởi đầu Ngài là một vị vua hóa thành, mình là một bà hoàng hậu, bốn chân là bốn quan « tứ trụ triều đình », và cái đuôi là viên

quan thiên văn vậy. Người không tin như thế ư, thì đây, tôi xin kể hầu người chuyện tích của

Ngài, một câu chuyện không kém phần lạ lùng, cảm động...



Thuở xưa, có một vị hoàng đế trị vì trên một nước dân đông, đất rộng, sung túc hơn các nước. Ngài là một vị vua kiêu hùng nhất trong thời bấy giờ. Uy quyền, giàu sang, tất cả đều đầy đủ, không có cái gì gọi là sung sướng ở cõi trần gian này mà Ngài không có hưởng qua.

SỰ TÍCH H

Tuy vậy, nhà vua không phải là kẻ chỉ biết có tọa lạc trên hiện tại mà phó mặc, không lo nghĩ đến ngày mai. Sự vinh hiển an lành hôm nay trên chiếc ngai vàng, nhà vua lo sợ biết đâu ngày mai nó sẽ mất. Vì ngài nghĩ rằng đã có

biên giới phân chia các nước thì phải có những cuộc đánh nhau, xâm lăng và chiếm đoạt đất của



bất được người phải hoàn toàn cúi đầu chịu mạng.

Nhà vua ôm ấp mãi cái nguyện vọng ấy cho đến ngày nọ, sau khi đã dò hỏi biết được ở một ngọn núi xa kia bên trời Ấn-Độ, có một vị Phù-thủy tu luyện tài phép rất mực cao siêu màu nhiệm. Nhà vua liền quyết định ra đi đến đó để học phép thần thông. Vua mới cho hoàng hậu biết ý định ấy của ngài, để ngày mai khi lâm triều, vua

CHÚA SƠN

★ TỪ-TRẦM-LỆ

người khác để cho mình thêm giàu thêm mạnh. Mà hai sức mạnh, là phần vật chất so với nhau thì sự thắng bại, may rủi không làm sao đoán được trước. Vậy, phải có cái gì mà trước cái ấy, sức mạnh dù cho đập ngã thành, xô đổ ải, lay cả núi cũng đành hoàn toàn khuất phục bó tay mới được. Cái gì ấy, là phép thuật, vì chỉ có phép thuật trong tay mình thì không những mình trở nên bất khả xâm phạm mà còn

tỏ cho quần thần biết và giao ngôi lại cho hoàng hậu tạm sửa trị chờ khi nhà vua thành công trở về. Nhưng hoàng hậu yêu chồng, không đành để vua ra đi một mình, nên xin ngài cho hoàng hậu cùng đi. Vua nhận lời.

L A M

THẦN THOẠI
CAO - MIÊN

Sáng hôm sau, giữa triều, vua bày tỏ cho bá quan những điều hơn thiệt, lợi hại mà ngài đã suy ngẫm, cùng ý quyết của ngài sẽ rời cung điện nội nhật hôm nay để đi học đạo cùng hoàng hậu. Quần thần đều nhận lời vua là phải và thế cố hết sức chăm nom việc triều-chánh trong lúc vắng mặt vua đợi ngày vua trở lại, trong số trăm quan, bốn quan tể trụ triều đình xin theo vua để phò tá trên đường, và quan thiên văn cũng xin cùng đi để đưa đường dẫn ngõ.

Thế là, trong ngày hôm ấy, đoàn bảy người ấy từ giả kinh đô lên đường sang Ấn-Độ.

Với một chí quyết nhiệt thành không lay chuyển, thế nên bao nỗi gay go cam khổ trên bước đường rừng núi xa vời ấy, họ đều kiên tâm can đảm vượt qua tất cả.

Rõng rã một thời gian suốt nửa năm trường, đoàn người tầm sư học đạo mới đặt chân đến dưới chân núi hiểm trở có vị phù thủy phép thuật cao cường nói trên, trú ẩn. Lại một phen vất vả nữa, mỗi nhọc leo trèo, sau cùng họ đến động vị phù thủy ở.

Sau khi nghe rõ ý muốn của vua và nhận thấy họ quả thật có lòng học Đạo, vị phù thủy nhận lời truyền dạy phép thuật cho họ.

Một năm thắm thoát trôi qua giữa cảnh đất trời hoang vu, cao rộng, bảy người dốc tất cả tâm trí và tài giờ vào sự học. Bây giờ thì họ đã thông thuộc lắm phép thuật cao cường. Họ có thể biến thành chim, thành thú tùy theo ý muốn.

Nghĩ rằng bấy nhiêu tài phép học được đến đây đã dư sức để đối phó với tất cả các vua chúa nào dưới đời, vua mới xin vị phù thủy cho mình cùng đồng bọn rời núi trở lại nước nhà.

Chao ôi ! Còn gì thỏa mãn cho bằng khi đã có lắm phép trong tay. Lúc đi khổ cực muôn vàn, hôm nay trên đường về họ là những người sung sướng nhất trên đời. Tuy nhiên, họ cũng không khinh xuất lắm mà dùng hoài đến phép thuật của mình, chỉ thỉnh thoảng gặp buổi mây trời cao đẹp, họ mới cùng hóa hình thành những con chim mà vẫy vùng đôi cánh tung mình bay lượn giữa ngàn không cho tuyệt

cùng thỏa thích.

Lòng họ rộn ràng trong những niềm, ý say sưa, hoan lạc. Họ trở nên như trẻ con, cọt dừa cùng cánh bướm bên rừng, reo hát quanh cảnh hoa ven triền suối. Mãi mê với trăng ngàn gió núi, cảnh đẹp giai chấp chùng, cho đến một hôm vị quan thiên văn chợt nhận ra cả bọn đã lạc hướng, mất đường về. Họ giật mình trước thực tế, bàng hoàng lo ngại. Sau cùng, cả bọn đồng ý hóa thành chim hầu vượt lên trên không may ra tìm thấy lối đưa về.

Thế là, bảy con chim tung mình lên khỏi đám rừng sâu. Nhưng, cho mãi đến khi chiều đã xuống, chim bay cánh đã mỏi như mà neo về vẫn khuất, mây trời vẫn mịt mù thăm thẳm bao la.

Bảy con chim lại đổ xuống trong một khu rừng và đổi kiếp lại làm người. Màn đêm đen đặc đã trùm lên toàn vũ trụ. Rừng cây đen tối vượn chiếc bóng rừng rợn, hãi hùng. Bảy người buồn bã và lo âu sát vào nhau dưới một gốc cây già có muôn nghìn giây leo chằng chịt loạn đường buông vắt

như lưới rập giăng chờ. Lắng nghe những tiếng động kinh dị, khi rồn rập, khi mơ hồ, vọng lại từ lòng sâu của rừng thăm gieo ghê rợn xuống lòng, vua mở lời :

— Thế là không còn mong có chút hy vọng nào nữa được về đến nước nhà. Rừng thì mênh mông trùng điệp, làm kiếp chim còn mất cả đường bay, thì trong kiếp người này, sự sống làm sao cho an toàn được.

Mọi người im lặng, tìm phương giải quyết. Sau cùng quan thiên văn đề nghị :

— Ta không thể lẻ từng người một mà chống lại được



những gì hung bạo của rừng. Ta phải cùng hóa chung lại làm một con vật, như vậy mới mãnh liệt và bảo toàn được sinh mạng ta.

Đề nghị ấy được cả mọi người chấp thuận là giải pháp duy nhất và hoàn toàn nhất.

Thế là, trong chớp mắt, một con thú rất uy nghi lâm liệt thành hình dưới gốc cây già. Thế giới rừng sâu vừa ghi thêm một tên dân mới mà lại là một tên dân oai hùng mạnh bạo nhất vì con thú ấy là sự tổ hợp của những bầy người.



★ Sau mấy ngày Tết

Mồng 8 Tết, anh Tư đến Bác-sĩ, kè bệnh :

— Thưa Bác-sĩ, cái dạ-dày của tôi đau quặn-quặn, cái bụng của tôi sinh, trái tim của tôi đập mạnh, cái gan của tôi sưng, cái phổi của tôi yếu, hàm răng của tôi nhức quá-xá, cái đầu của tôi nặng trĩu-trĩu, còn tôi thì tôi cũng ề mình !

Bác-sĩ trở mắt nhìn anh Tư :

— Tôi nghe anh kè bệnh, tôi cũng hóa điên !

Người đời sau gọi thú ấy là con Cọp.

Đầu cọp chính là vua biển thành, mình cọp là hoàng hậu, bốn chân là bốn quan tứ trụ triều đình, và đuôi cọp là 'quan thiên văn. Thế nên trông cọp mới đường bệ, mềm mại, và mạnh bạo cùng biết trước được có người đến (1) khi kẻ ấy còn ở tận nơi xa.

TỪ-TRÁM-LÊ

(1) Người Cao-Miên tin rằng Cọp biết được người đến gần là nhờ ở cái đuôi nó.

kiếp người ? Nhưng từ thuở xa xưa đến nay, phỏng đã có bao nhiêu người đã sống quá trăm năm ?

Không kể những tai trời ách nước, không kể những cảnh trạng. « Người là chó sói của người » tàn hại lẫn nhau, chỉ nói đến mức sống bình thường của con người, từ xưa đến



TUỔI THỌ CỦA CON

NGƯỜI

★ NGUYỄN-BÁ-THẾ

nay, phần đông nhân-loại chưa hề được sống đúng với số tuổi trời cho bao giờ ! Chỉ lấy trăm năm làm giới hạn thôi. « Nhân sinh bách tuế vi kỳ », mà con người vẫn đã phải than : Nhân loại sống đến 70 tuổi từ xưa đến nay đã thấy ít rồi ! (Nhân sinh thất thập cổ lai hy).



O N người phải sống đến bao lâu rồi chết mới là đúng

hạn ? Cơ thể của con người chịu đựng với thời-gian đến ngần nào mới hoàn toàn hư hỏng ?

Phép lấy số tử-vi, chia đời người làm 12 cung số, mỗi cung là một đại hạn 10 năm, 12 cung là 120 năm. Nếu ai sống qua một vòng 120 năm ấy, thì trở lại như căn số thuở sơ sinh. Thế thì giới hạn 120 năm kia đã là đủ rồi cho một

Ai đã sống lâu nhất ?

Ở phương Đông ta, kể là thọ nhất thì 800 tuổi như ông Bành-tổ là cùng độ. Mà so với phương Tây, ông Bành-tổ vẫn chưa phải là thọ nhất.

Theo Cựu-uớc, thủy-tổ loài người là ông Adam sống đến 930 tuổi. Rồi đến :

Mathusalem 970 tuổi
Seth 912 —
Enos 905 —
Jared 902 —

Và ông Noé mãi đến năm 500 tuổi mới có con và năm 950 tuổi mới từ già cõi đời.

Nhưng sự sống dai đó không bao lâu đã bị giảm. Đến ông Abraham 175 tuổi đã chết và ông Moïse 120 tuổi thì tắt thở trên núi Nébo.

Còn ở phương Đông ta, sau ông Bành-tổ độc nhất 800 tuổi kia, xuống lần đến đời Nghiêu, Thuấn, mỗi ông cũng chỉ sống hơn 100 tuổi là cùng. Cho đến đời Đường Thái-Tông (627-649) mới có một Uất-tri Bửu-Lâm, con Uất-tri Cung, tu ở chùa Báo-ân sống hơn 300 năm, mãi đến đời Tống Nhân-Tông (1023-1063), Dịch Thanh hãy còn thấy mặt.

Trên đây là những nhân-vật

đời cổ, mà tuổi thọ đã phải giảm sút lần đến thế, trách chi người đời nay thừa - thớt kẻ sống dư trăm.

Số người sống tới 100 tuổi rất ít. Năm 1931, theo sự kiểm tra thì cỡ độ 156 người sống 100 tuổi ở Anh, 119 người ở Pháp ; và hiện nay ở nước nào cũng vậy, chưa có tới 200 người sống lâu 100 tuổi. Nhiều bản thống-kê khác lại cho rằng trong số 10 vạn người, chỉ có 9, 10 người sống được 85 tuổi và chỉ 1 hay 2 người là sống đủ 100 tuổi.

Thời hạn cuộc sống, Con Người phải sống đến 180 tuổi mới là hợp lẽ thiên - nhiên

Xét tuổi sinh-hoạt của con người, ông Littré đã chia làm 4 giai-đoạn :

Từ 25 đến 40 : tuổi trưởng-thành

Từ 40 đến 60 : tuổi lão-thành

Từ 60 đến 80 : tuổi già-nua

Trên 80 : tuổi đại-lão hay tuổi suy yếu.

Các ông Holler, Buffon, Flourens cũng cho rằng con người phải sống ít nhất trong hạn 100 năm. Con số đó gấp 5

lần thời-gian cao lớn của một đời người.

Theo nhà bác-học Metchni-koff, từ khi con người bắt đầu có lịch-sử đến giờ, không có người nào sống quá số 180 tuổi. Mà, theo như một bài khảo-cứu của ông Pierre Devaux, đăng báo « Gringoire » ngày 2 Janvier 1941, thời hạn cuộc sống của con người phải đến 180 tuổi mới hợp lẽ thiên - nhiên. Vì :

Giáo-sư Lazaroff nghiên-cứu về thị-lực của con mắt người ta, tuyên bố :

Thị-lực của con mắt cứ mỗi tuổi một khác đi. Ở những đứa trẻ mới sinh, thị-lực và thính-lực đều gần như không có, cho nên chút ít cựa quậy ngoài ánh sáng hay ở những chỗ âm-ỹ. Dần dần năng-lực đó tăng lên rất nhanh, đến năm 20 tuổi thì đã tới cái mực cao nhất. Đứng vững một thời-gian từ 20 đến 60, thị-lực lại dần dần kém đi, rút xuống ; cho nên những người già cả cũng dễ ngủ như con trẻ : *Lúc xế bóng của cuộc đời lại trở lại như lúc mới sinh !*

Tuy nhiên, theo quan - điểm nghiên-cứu của Lazaroff, đến năm 80 tuổi, thị-lực của con người hãy còn mạnh. Bằng chứng : Thị - lực của những

người già đã lòa rồi, nhưng lòa quá thì mắt lại tinh tỏ lại. Nếu ta đem ghi cái thị-lực ấy bắt đầu từ số không trở lên cho đến mực cao nhất, rồi khi sút đi lại cứ theo đó mà hạ xuống, Lazaroff nhận thấy mãi đến năm 170 hay 180 tuổi, thị-lực người ta mới lại là số không. Nghĩa là : *Lúc cuộc sống tàn lụn, bấy giờ người ta lại trở lại như lúc mới sinh.* Hay nói cách khác, *lúc ấy mới là cái tuổi chết của sinh-lý* (mort physiologique), ngọn lửa sống



của con người bây giờ mới tất. Còn chết trước tuổi ay (180) vẫn là bất-đạt kỳ-tử.

Một bác-sĩ khác Voronoff — người đã nổi tiếng về cách tiếp hạch khỉ vào thân người để cải lão hoàn đồng — đã đứng trên một quan-điểm khác mà suy luận, rồi cũng kết luận trong-tự về số tuổi giới-hạn của con người là khoảng 140 đến 180. Rằng : Bộ xương người ta, lúc mới sinh chỉ là những miếng sụn, mỗi tuổi mỗi rắn chắc lần, thành hẳn xương, rồi lại trở thành sụn vào khoảng từ 120 đến 180 tuổi.

Như thế, khoảng tuổi 160 đến 180 mới là tuổi cuối cùng của kiếp nhân-sinh, chết năm 70, 80 tuổi, đời đã cho là đáng cỏi thọ, nhưng đối với « số tuổi trời cho » chỉ mới là sống được một nửa mà thôi.

Bốn dấu hiệu sống lâu

Tuổi thọ của con người phải là khoảng 120 đến 180 mới hợp lẽ. Nhưng con người bầm thụ khí huyết mạnh yếu khác nhau, cố nhiên thọ yếu cũng có khác.

Muốn biết sự thọ yếu của con người, khoa trướng số đã cung ứng cho nhân-sinh nhiều

phương pháp suy đoán. Nhưng ta hẳn gác qua khoa trướng số không bàn đến, mà đem ánh sáng khoa-học soi sáng cho vững lý hơn.

Theo các nhà sinh-lý hình-thể-học (morphologie) đã nghiên cứu con người có bốn dấu hiệu sống lâu :

1) *Trên mũi.*— Mũi có 3 phần : chót, sống và cánh. Chót mũi chỉ thông-minh, sống mũi chỉ tinh cảm và cánh mũi chỉ sinh-lực. Nếu những phần ấy mà đẹp không có gì nổi bật lên, ta biết rằng người ấy có một thân thể bạc nhược, một tinh-thần yếu kém. Nếu những phần ấy nở-nang đặc-sắc, ta biết rằng người ấy có một thân thể tráng kiện, một tinh-thần mạnh-mẽ.

Thánh Gandhi khi bị ám-sát đã cao tuổi, nhưng cứ coi 2 cánh mũi thì Thánh có thể sống trăm tuổi được. Hai cánh mũi đầy-đặn là bộ hô-hấp tốt, nguyên-động-lực của sự sống lâu mạnh khỏe.

2) *Trên hàm răng.*— Người có hàm răng rộng, mạnh, đều có thể sống lâu hơn người có hàm răng mỏng hẹp hay nhọn.

3) *Trên ót và phía sau đầu.*— Từ trên xuống có 3 phần : phần

yêu đời, phần bán-năng tự-vệ (phía trên lỗ tai) và phần sinh-lực (ở ngang trái tai, biểu hiệu sức chống với sự chết). Tất cả ba phần ấy đều hội tụ lại một cục bườa ở phía sau tai, tức là dấu hiệu sống lâu.

Con mèo có những phần ấy rất nở-nang, cho nên dù bị đau yếu hay bị đánh đập tàn nhẫn nó vẫn đủ sức chống nổi với sự chết.

Ót là phần dâm-dục. Người có phần ấy mạnh chừng nào thì sự dâm dục mạnh chừng ấy, tức là người ấy có sinh lực dồi dào.

4) *Trên mắt.*— Mắt là nơi tụ hội của tinh-thần và sinn-lực. Những tu-sĩ, những người Ấn-độ, những người Á-rập, một vài dân-tộc miền Tyrol (phía đông-bắc nước Ý) nghĩa là những người sống một đời tinh-thần mạnh-mẽ, đều có cặp mắt sáng, tức là có một sinh-lực lớn-lao.

Thật thế, mắt người ta chiếu ra một thứ điện giống như những tia điện lực của đá nam châm, mật thiết liên lạc với nguồn sinh-lực. Mắt sáng chừng nào, người ta sống lâu chừng ấy.

Khoa - học trướng thọ, một khoa-học mà con người đã tha-thiết để kéo dài mạng sống

Trong thực tế, dù có bốn dấu hiệu sống lâu như đã kể trên đây, vẫn chưa hẳn con người sống vượt qua giới hạn trăm năm. Còn như ai không có bốn dấu hiệu ấy thì chắc là phải chết yếu hay sao ? Không. Là con người, dù biết đời là bề khô, số-g là tranh đấu, nhưng có ai không bàn khoăn nghĩ đến giấc mộng trường sinh ? Bởi tha-thiết kéo dài mạng sống, cho nên từ lúc khoa-học xướng minh, hầu hết các nhà bác-học, các dân tộc trên thế giới đều chú tâm đến vấn-đề trường thọ. Mục-dịch của khoa-học vệ-sinh trướng thọ là : Tăng thêm tuổi già theo phương - pháp có thể dùng được, ngăn cấm sự truy lạc của tuổi già, giữ gìn sự thông thường của tuổi già và dân người già tới cái chết tự nhiên.

Phải được sống lâu, càng lâu càng tốt, tăng hạn số mạng, làm cho già hóa trẻ lại, chiến đấu với cái chết, đó là một vấn-đề của mọi thời-đại. Muốn

như thế, nhưng loài người đã được toại nguyện phần nào chưa?

Các bản thống-kê trong thế-giới, kết luận rằng sự mong sống của loài người khi mới ra đời có thể được ấn định như sau :

Thế-kỷ 16	:	21, 2	năm
—	17	:	25, 7 —
—	18	:	33, 6 —
—	19	:	39, 7 —
—	20	:	54 tới 60 năm tùy theo từng xứ.

Thế là sự sống lâu trung bình của loài người trong 4 thế-kỷ đã tăng gấp 3 lần. Số người sống đến tuổi già (từ 60 đến 80) tăng lên.

Ở Anh, kế-hoạch Beveridge cho rằng, đến năm 1971, tỷ số 20 phần trăm dân Anh sẽ là : đàn ông có thể sống trên 65 tuổi và đàn-bà trên 60 tuổi.

Tại Pháp, năm 1780, trong số 100 người chỉ có 7 người sống tới 60 trở lên. Năm 1851, tỷ số đó tăng thêm 10 lần. Năm 1936 tăng lên 15 lần. Năm 1947 tăng lên 16 lần. Từ đầu thế-kỷ 20, 1900 tổng số những người sống trên 60 tuổi là 4.938.000 người. Năm 1936 : 6.059.000. Năm 1946 : 6.240.000.

Từ 1955 đến 1970, số người già chắc chắn đã và sẽ tăng lên. Theo cái đà ấy, số người già trên thế-giới đầu đầu rồi cũng sẽ có nhiều.

Những phương - pháp nâng cao tuổi sống của con người cho hợp lý

Đứng trên phương diện y-lý mà tìm phương cải - lão hoàn đồng, nhà bác-học Voronoff đã thuyết trình : «... Gan, óc, phổi người ta sinh ra là để sống đến trăm tuổi, nhưng vì những hạch yếu sớm, không phát tiết được đủ chất sống nuôi cơ thể, nên người ta mới chết yểu. Như thế, chỉ cần làm thế nào khi những hạch người ta đã yếu, đem vào được cho cơ-thể người ta cái chất sống mà những hạch lúc còn mạnh vẫn phát tiết ra để nuôi, thì người ta có thể dễ-dàng sống được đến cái giới hạn trăm tuổi hay hơn nữa. Phương-pháp này có hai cách thực hành : Một là làm khoẻ lại những hạch yếu, hai là làm tri hoãn cái lúc yếu của những hạch... »

Để làm khoẻ lại những hạch yếu, bác-sĩ Voronoff đã thực hành bằng cách lấy hạch khỉ tiếp cho người. Để làm tri hoãn

cái lúc yếu của những hạch, một nhà thông-thái Mỹ, bác-học K... tuyên bố đã khảo cứu ra được một vị thuốc có thể giảm sự hư hỏng của các cơ-thể, tức là làm tăng cái tuổi sống của con người lên.

Nhưng phương-pháp tiếp hạch của Voronoff rồi cũng chẳng phải là phương trường-sinh diệu được. Cho đến thuốc phân lão hoàn đồng « Kémyl » của bác-sĩ René Espeut — nhà vi-trùng-học nổi tiếng, cũng chưa có gì tuyệt diệu !

Gần đây, bác - sĩ Thomas S. Gardner, người Mỹ, trong một cáo tri gửi cho « Hội Hóa-học Mỹ », tuyên bố : « Tuổi sống trung bình của con người sẽ có thể tăng lên gấp đôi, nếu người ta có thể đem ba triệu Mỹ-kim để dùng vào việc nghiên cứu trong địa hạt mạng danh là Lão-nhân trị-liệu-học (Gérontothérapeutique) Rằng : Lão-nhân trị-liệu-học là ngành khoa-học chăm lo việc tri hoãn tuổi già và ngăn ngừa các phế tật mà các người già mắc phải. Đó là khoa-học mà mục-dích cuối cùng là kéo dài đời

sống của con người. Hiện nay, có ba địa-hạt nghiên cứu về tuổi già :

Địa hạt thứ nhất là một ngành khoa-học chuyên nghiên cứu về các tật bệnh của tuổi già cùng là phương-pháp điều trị các bệnh ấy.

Địa hạt thứ hai thuộc về vấn-đề tâm-lý-học đối với những người già cả. (Hai địa hạt nghiên cứu ấy chắc chắn đều có tinh cách rất quan trọng, nhưng cả hai đều không mang lại hy-vọng có thể kéo dài thêm đời sống con người hoặc hy-vọng một đời sống cường tráng hơn. Theo bác-sĩ Gardner, kết quả của những nghiên cứu ấy nhiều lắm cũng chỉ như là... gây đẽ chống mà thôi).

Địa hạt nghiên cứu thứ ba tức là địa hạt Lão-nhân-học (Gérontologie) gồm có các vấn-đề thuộc sinh-vật-học do sự nghiên cứu tuổi già nêu ra. Địa hạt này là căn-bản của nền khoa-học mới mạng danh



là Lão-nhân tri-liệu-học.

Bác-sĩ Chu Đạo, người Trung-Hoa, cho rằng muốn sống lâu phải có đủ ba điều kiện :

1.) Tiêu-hóa tốt.— Thức ăn uống, khi trời thì phải được tiêu hóa một cách hoàn toàn.

2) Bài-tiết tốt.— Thức ăn uống, khi trời hô-hấp đã được hoàn toàn tiêu hóa phải được bài tiết hết ra ngoài do theo ruột, thận và da.

3) Vệ-sinh tinh-thần.— Các bác-sĩ lo săn sóc tới cơ thể của chúng ta để sửa sang lại phần sự tiêu hóa và bài tiết cho thiện-mỹ, nhưng chính chúng ta phải giữ vệ-sinh cho tinh-thần của chúng ta. Chúng ta có thể kéo dài đời sống của mình và của đồng loại bằng cách điều hòa được đời sống trong xã-hội của ta.

Tóm lại, điều cần nhất là nên biết động-lực quan-trọng của tuổi già :

1) Các bộ-phần sinh-hoạt giảm bớt xuống, bộ máy hô-hấp và tiêu-hóa kém đi, năng-lực làm việc, quyền lực và sức-tiềm tàng suy vi.

2) Sự tuần-hoàn trong cơ-thể chậm lại. Sự tuần-hoàn là đặc-tính của cuộc đời, mà chậm lại thì phải già. Nếu sự tuần-hoàn ngừng lại, hồn sẽ lìa khỏi xác. Nhìn mạch máu, tóc, ta

biết ngay là người già.

3) Bộ máy bài-tiết suy bại do thận, ruột, phổi yếu và da nhăn.

4) Ăn phải thứ độc để phát sinh ra các điều-kiện kể trên.

Do những sự nhận xét trên, ấn định đại-cương khoa vệ-sinh trường-thọ :

— Không nên hoạt-động nhiều và nên sống một cách điều hòa đời sống tinh cảm và đời sống xã-hội.

— Làm cho máu được tuần-hoàn dễ-dàng và nhanh chóng, làm cho sự bài-tiết được dễ-dàng.

— Giảm một phần các thức ăn trung-độc.

— Tăng thêm sinh-khí bằng nhiều chất kích-thích vào cơ-thể, tinh-thần rất đầy đủ và đúng mực lại phải hru ý đến các phân-động-lực và năng-lực suy yếu của mình.

Để kết luận, chúng tôi xin kể qua hai mẩu chuyện thú-vị có liên quan đến vấn-đề trường-thọ :

Trong văn-học-giới, hẳn ai cũng biết tài khôi hài của danh-sĩ Đông-phương Sóc đời Hán Võ-Đế. Một buổi chiều, nhà vua hỏi các bề-tôi về vấn-đề trường-thọ. Nhiều người thuyết trình theo khoa tương số, rằng : Kể

có nhân-trung dài và sâu thì sống lâu trăm tuổi. Nhân-trung tức là khoản giữa môi trên, dưới chót mũi. Nghe nói như thế, Đông-phương Sóc đứng che miệng cười. Mọi người đều khó chịu vì nụ cười châm-biếm. Nhà vua quát mắng :

— Khanh nghĩ sao mà cười ?

Đông-phương Sóc thần-nhiên tâu :

— Tôi đang nghĩ đến gương mặt của ông Bành-tổ.

— Sao ?

— Theo truyền thuyết thì Bành-tổ sống đến 800 tuổi. Nhân-trung dài thì sống lâu trăm tuổi, đến như Bành-tổ sống lâu 800 tuổi thì chắc là nhân-trung phải dài gấp tám, và... và gương mặt cổ-nhiên phải bằng cái... bánh xe.

Ấy là chuyện ở phương Đông. Còn đây là chuyện ở phương Tây, bên trời Mỹ :

Ông Hoa-thịnh-đốn (Washington) khi còn trẻ vẫn là người có ý chí mạnh. Một hôm, ông bỗng lấy dao rạch bàn tay đến đỏ máu mà vẫn thần-nhiên không đổi sắc. Người cha kinh ngạc :

— Con làm sao thế ?

Hoa-thịnh-đốn đáp :

— Con không sao hết. Người ta nói lần chỉ sinh-đạo (ligne de



Vie) trong bàn tay con ngắn quá, nên con dùng dao rạch... cho nó dài ra.

Hai mẩu chuyện cùng một ý-vị. Chúng ta tất cả đều có thể kéo dài còn đường sống của chúng ta, không cần phải có một nhân-trung dài trên một gương mặt to bằng cái bánh xe, và cũng không phải bằng con dao rạch cho lần chỉ sinh-đạo dài thêm ra, mà bằng ý chí của ta : Muốn sống và phải biết điều-hòa cuộc sống.

NGUYỄN-BÁ-THẾ

CÔ ĐƠN

Xuân về đêm da-hội
 Sao mình ta bơ vơ !
 Đèn hoa giăng khắp lối,
 Sao mình ta thân thờ !



Người chen vai rảo bước,
 Riêng mình ta cô đơn !
 Người đua nhau đón rước,
 Riêng ta càng thêm buồn !

Làm sao vô tư-lự ?
 Khi cuộc đời đổi thay
 Nhiều khi cần tâm-sự
 Biết trao gởi cùng ai ?

Người đâu không thấy tới,
 Chuyện đời : ngã ba đường...
 Biết ai mà chờ đợi !
 Biết ai mà nhớ thương !

ĐÀO-TỨ-LANG

(University of the Philippines)

Được thư chị gọi về ăn Tết
 Xếp sách em nhìn nắng mới lên
 Lòng thấy dịu hơn gió thoảng
 Buổi chiều hoa lá ngủ bên liềm
 Chị ơi ! mới đó mà xuân đến
 Em khỏi ngỡ đâu khỏi ngạc nhiên
 Từ thuở đem thân vào gió bụi
 Niềm mơ em vẫn lạnh như tiền
 Vẫn không dám nghĩ rằng xuân đẹp
 Một buổi dừng đầu đời cánh chim
 Lạ gì cái tuổi thời tay trắng



Sự nghiệp vo tròn chuyện bạc đen
 Từng năm áo rách rồi vai giá
 Cúi mặt đi bên vạt nổi niềm
 Cũng thương cũng nhớ về phương chị
 Mỗi lúc dừng chân đợi bóng thuyền
 Nhưng mà, chị ơi ! lòng em tưởng
 Thương nhớ lúc này em chớ nên
 Thân thể chưa ra thân thể nữa
 Dám đâu dăm ấm chị cùng em
 Ở đây thiên hạ chào xuân Tết
 Cũng đã tung bìng chuyện áo xiêm
 Cũng đã hoa thơm cùng rượu ngọt
 Pháo hồng vang dậy suốt ngày đêm
 Em đâu tay không, đâu gió bụi
 Dám nói đến lễ hội buồn riêng
 Chị có thương cho em của chị
 Thì cho em hẹn thuở nào em
 Đã thấy mùa Xuân là tại sao
 Đèn mộng huy hoàng tuổi thiếu niên
 Xuân này em cứ tha phương vẫy
 Swong gió đầu sơn chi đã kiên
 Chị ở quê nhà thừa với mẹ
 Rằng Xuân em cũng mộng êm đêm

t
h
w

X
u
à
n

TUYẾT-LINH (Saigon)

TRONG các vị thuốc Bắc rút ở động-vật ra, vị Cao-hổ-cốt đứng về hàng ngũ danh-dự, người Việt-nam phần nhiều biết tên Hổ-cốt. Ở về giai-cấp tư sản và tiểu-tư-sản nhiều người đã uống hổ-cốt nhưt là các cụ cao tuổi. Núi Trường-sơn là doanh-bản của cạp, nơi nào nhiều hưu-nai có nhiều cạp. Các vùng cao-nguyên V. N. từ Bắc đến Nam phần nhiều có cạp. Dân số đông-bào-thượng không tăng thêm vì hai lẽ : thứ nhất chưa thăm-nhuần vệ-sanh ; lẽ thứ nhì bị cạp ăn. Từ xưa đến nay,



CAO XƯƠNG CẠP

★ BÁC-SĨ

người ta tìm nhiều cách để diệt trừ cạp : cạm-bẫy, săn, bắn, nhưng loại ác thú này vẫn còn mãi.

Người Tàu và người Việt dùng vị thuốc Hổ-cốt đã lâu đời rồi. Khi Thành-cát Tư-Hân thế kỷ XIII vượt Tuyết-sơn qua chinh phục Âu-châu, ông Trương này đã uống huyết-ngựa bát-thảo rồi, lúc đó người ta đã biết khai-thác các vị thuốc ở nơi động-vật, thì lẽ tất nhiên đồng thời người ta đã biết dùng vị hổ-cốt.

Tập trung Xương cạp

Ở Thượng-châu Bắc-Việt và miền núi Trung-Việt, ngày nay

cửa-trường có những điền-chủ thiện-xạ. Họ có súng bán voi, cạp. Họ biết cách để dành xương cạp. Họ tập trung nhiều bộ xương rồi bán lại cho các hiệu thuốc-bác người Trung-Hoa. Có người biết nấu thì tự nấu lấy hổ-cốt để dùng.

Một ít nhà thương-mại, chủ đồn-diễn hay là công-chức ở Vùng Cao-Nguyên cũng có



HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

nấu eao xương-cạp để gia dụng hay để bán ra. Dùng của nhà được nhiều bảo-đảm. Trên thị trường cái gì ít có, mất tiền, hay bị giả-dối. Cao-hổ-cốt rất dễ dối - trá, người ta có thể bán cho bạn cao xương-trâu với nhân hiệu cao xương cạp, « treo đầu-heo mà bán thịt chó. »

Kỹ thuật nấu cao-hổ-cốt

Hạ được một mãnh-hổ, việc mà người ta làm đầu tiên là đốt cháy hết mấy sợi râu của nó. Người ta nghĩ rằng nếu để râu ấy lại, sau thành hậu-họa sâu-độc. Người ta tin rằng có những kẻ chuyên

sống với nghề đầu-độc, kẻ ấy dùng râu cạp để nuôi sâu. Tục truyền như vậy, thế gian tin như vậy, không biết hư thật ra sao. Đốt râu xong, lột da cạp, có nghệ thuật giải-phẫu để lột-da, phải làm cho đúng phép để ngày sau bán da-cạp mới được-giá. Người ta dùng da - cạp làm nệm lót chân để thêm phần oai vệ của nhà-tướng : Chữ « trướng-hổ » do đấy mà có. Hiện nay, lối ấy đã lỗi thời rồi, người ta dùng da cạp độn-rom, làm một thớt-cạp giả để nơi phòng chờ - đợi. Lột da rồi, lóc thịt. Ở nơi da không được sót một hột mỡ nào, ở nơi xương cũng không được sót chút thịt, chút gân nào. Công việc này rất tế-nhị, người ta rửa cạo bộ xương trong dòng suối, nước chảy

trong veo, rửa cao mãi đến khi thật sạch mới phơi khô ngan gió; xương vừa khô, đem ra tắm rượu rồi sao sơ. Nếu chưa nẫu liền thì thỉnh thoảng phải phơi và tắm rượu lại để tránh sâu bọ.

Thợ nẫu cao, có 2 phái: một là để cả bộ xương vào nồi; hai là chẻ vụn ra mà nẫu. Điều cần thiết là phải sắp đặt chỗ nẫu rộng rãi, phải dựng ba lò lửa: một để nẫu xương, một để nẫu nước sôi và một để cô nước cốt. Cần có sẵn một đồng củi gỗ đủ dùng ba ngày 3 đêm. Phái có hai đoàn thợ (hai kíp) túc-trực thường-xuyên. Lửa chụm phải riu-riu, không được cho lớn ngọn. Khi nồi xương nẫu đã lâu, nước xúp đã hơi đậm màu, thì người ta lấy gáo múc nước ấy đổ vào trong một nồi, nồi này cũng phải chụm lửa, lửa than chớ không phải lửa củi. Đã múc bao nhiêu gáo xúp, thì phải thể vào bấy nhiêu gáo nước sôi có sẵn bên tay. Cứ thế xem chừng, ba ngày ba đêm, tiếp tục nẫu, đến khi nào thấy nước xương hết màu đậm, nước màu trong

trắng thì mới chấm dứt. Lúc bấy giờ người ta mới «cò» cái nồi nước cốt với lửa than, cò mãi khi nào thành cao mới thôi.

Nếu bạn là chủ-nhơn của nồi nước cốt, thì bạn phải coi chừng luôn vì theo tục truyền lúc ấy là lúc hay bị «xói bót». Bác thợ nẫu có thể múc cao rồi vùi trong tro làm hao mòn sở-hữu của bạn. Kỹ-thuật nẫu cao kể trên rút ở đại-tự-diễn dược-học. Lẽ tất có nhiều chi tiết không kể hết, chi tiết thuộc về «bí-mật nhà nghề» của khoa bào-chế đông-y.

★
Có những chất gì trong hồ cốt?

Đã có nhiều bác-sĩ, nhiều dược-sĩ khảo-cứu vị thuốc này. Có nhiều bài nói về nó đã viết trong tạp-chí của Viện Pasteur. Phân chất ra, thì hồ-cốt có những món này: acides aminés, phosphates, calcium, chlorures, đó là các món chính. Đối với các loại xương của các thú khác, thì trong hồ-cốt có nhiều acides aminés hơn. Những

chất của hồ-cốt chất bổ, dùng để tiếp-súc cho bệnh nhơn yếu đuối ăn mất ngon, người kém sức, v.v...

Hiện nay, Tây-dược vẫn dùng các chất chính mà tôi đã kể trên, các chất ấy họ rút ở xương thú vật (chớ không phải xương-cộp). Đông-y dùng hợp - chất thiên nhiên. Tây - y dùng phân - chất nhơn-tạo. Hai đường - lối khác nhau vì 2 chủ-trương khác nhau. Phái nào cũng có lẽ phải riêng của phái ấy.

Đông-y dùng hồ-cốt theo quan niệm của phương pháp « tự-nhiên trị-liệu». Phương pháp này tôi đã nói qua trong bài « ai ăn trứng vịt lộn không? »

Phổ Thông số 1 ngày 1-11-58

Mãnh-hổ ở rừng nhẩy vọt tài, gân cốt mạnh, sức lực dồi-dào, chinh đông phạt tây ... được như vậy là nhờ trong mình có nguyên-khí rất giàu và dương khí có phần dư giả, dương khí ấy chứa trong bộ xương, không bị hư hỏng bởi lửa, và có lẽ lửa nẫu làm cho dương khí ấy thêm mạnh. Vì luận-lý như vậy mà đông-y dùng hồ-cốt chằng? Dùng toàn

hợp-chất của bộ xương chớ không dùng phân-chất.

★
Công-dụng

Theo các y-thơ phương-Đông, thì hồ-cốt trị gân-cốt yếu liệt, bại-xuy. Người ta dùng nó để chữa trị chứng « bán thân bất toại » hậu quả của trúng phong. Khi bị thấp-khí (humidité) tấn công làm cho hai ống chân sưng, đau, nhứt, tê, người ta cũng dùng hồ-cốt. Vị thuốc này hay dành riêng cho các người cao tuổi. Có nhiều cách dùng hồ-cốt: ăn cao độc vị với cháo; hòa-hợp với các thứ cao lộc, cao khi, ngâm rượu. Một phương thang cổ-diễn mà các ông lang hay dùng là « Đột-hoạt ký-sinh gia hồ-cốt » chủ trị gân-cốt yếu, xuy-bại hai chân.

Thang ấy có những vị:
Dương qui 2 chỉ
Thục địa 2 chỉ
Bạch thược 3 chỉ
Xuyên khung 2 chỉ

Đân-Sâm	3	chỉ
Phòng phong	2	chỉ
Độc hoạt	2	chỉ
Tan-ký-Sanh	2	chỉ
Đỗ-Trọng	2	chỉ
Ngưu-Tất	2	chỉ
Tần-giao	2	chỉ
Quế-chỉ	2	chỉ
Tề Tân	1	chỉ rươi
Hồ Cốt	3	chỉ
Mã tiền	1	chỉ

Ở đây, hổ cốt phải xắt nhỏ, tẩm dấm hay rượu, sao vàng, rồi mới bỏ chung vào các vị mà sắc uống.

Nhân xuân nhâm-dần (năm cọp), tôi nói chuyện sơ lược về xương cọp cho vui. Bạn đọc chó tưởng làm năm cọp phải uống xương cọp. Theo thuyết « ngũ vận lục

khí » đông-y, thì các năm canh-tý (1960) và Canh-Tuất (1970) thì có thể uống trừ thấp với thang « Đột hoạt Ky-sinh hổ-cốt ». Nhưng năm ấy « Thủy Vương bắt cặp, 'thổ vương hành » có nhiều bệnh tê thấp.

Thuyết « ngũ vận lục khí » cần phải điều chỉnh lại trong thời đại nguyên-tử này bởi những quả bom cỡ lớn nó đã làm cho quả địa-cầu của ta do-bản thêm « ô-troc-ác-khí ».

H. M. L.

Tài liệu tham khảo:

- 1) Dược học đại tư điển.
- 2) Tập san Viện Pasteur
- 3) Đông-y Thực-hành của Trần-cư-Chánh.



★ DANH NGÔN

● Đân-bà là con chim đẹp nhất mà chúng ta có trên mặt đất
(La femme est le plus bel oiseau que nous ayons sur terre)

A. DE MUSSET (Thi-sĩ Pháp)



C Á C H đây ngoài 200 năm, cũng vào ngày Nguyên-dán, là ngày mùng 1 Tết năm Quý-mão (30-1-1843) tại thành Gia-Định đã xảy ra một việc âm-mưu phiến-loạn mà việc biến-động này lại là do bọn Hoa-thương gây nên!

Lý-văn-Quang là một Huê-kiều người Phúc-Kiến, ngụ tại Đại-phố (1) trong thành Gia-Định, làm nghề buôn bán.

Bấy giờ đất Đại-phố thuộc dưới quyền cai-trị chúa Hiếu-Võ (1739-1765) nhà Nguyễn.

Thấy nhân-dân hồi đó đang sống trong cảnh thái-bình, không biết đến việc binh, Quang cho là một cơ-hội tốt có thể khởi sự được...

★ NGUYỄN TRIỆU

Quang bí-mật tổ-chức một đảng trên 300 người rồi tự xưng là « Đông-phổ đại-vương » dùng Hà-Huy làm quân-sư, Tạ-Tam làm Đô-đốc, Tạ Tứ làm hữu Đô-đốc, ngầm tính những việc khuấy nước chọc trời... Võ-trương bèn nhà Nguyễn có ông Nguyễn Cư-Cần là một tay dũng mạnh hơn người và giỏi võ-nghệ, bấy giờ đang làm khâm-sai cai-đội, trước Cần-thận-hầu, đóng ở Dinh-Trần-Biên.

Ông Cư-Cần là một nhân-vật đáng sợ trong con mắt bọn

(1) Đại-phố-châu còn có tên khác nữa là Đông-phố hoặc Kê-châu.

Lý-văn-Quang. Chúng nghĩ mưu : trước hãy trừ được ông này đi thì sẽ thành-công dễ dàng. Mong một Tết quý - mao (1847) đã tung-bùng đến với dân chúng đất Đồng-Nai.



NGUYỄN TRIỆU

Từ châu-thành đến thôn quê, từ các nhà chuyên-trách đến nhân dân, ai nấy đều hòa theo tiếng vui reo của dịp nước quanh Kê-châu tấp-nập trong cảnh đón mừng Xuân mới...

Bọn Lý-văn-Quang rập nhau cử sự :

Đặt sẵn quân mai-phục ở trong các phố, chúng đem hơn 50 tên dững cảm, bận áo mớ đẹp và mang theo lễ-vật giả làm bọn người đi lễ tết, dâng hoàng tiến vào nhà ở trong trại Cần-thận-hầu, nói là năm mới đi đến mừng tuổi (lễ tết) cụ lớn...

Nhân lúc không ngờ, bọn trên 50 tên ấy, rút đoản-đao ở trong tay áo ra xông vào chém Cần-thận-hầu.

Tuy đã bị thương, ông Cần

cũng vùng chạy đèn bên vách, rút thanh đoản-đao ở trên giá, giết được năm, sáu tên giặc.

Rồi chúng tự rút ra ngoài, và vào trong trại quân, cướp lấy súng dài, chia ra hai mặt, ập vào hỗn chiến.

Ông Cần bị thương nặng, sức đã yếu kém, phải hua đao vừa đánh vừa lùi. Chẳng dè cái chuôi đao vướng vào rào cây, làm cho ông trượt chân ngã vật xuống. Giặc xông đến, đâm ông chết ngay.

Bấy giờ quân linh bộ thuộc hối hả kéo đến tiếp ứng, thì giặc bỏ chạy đi...

Chúng tự-quân, giữ thế-thủ chống lại quan quân chúa Nguyễn, làm nghẽn đường giao-thông ở Gia-định.

Cương - uy - Hầu, Nguyễn, (không rõ tên là gì) đem quân thủy bộ trong dinh ra bày trận ở phía Bắc, đốt phá chiếc cầu để chặn đường tiến lên của quân giặc nhưng Cương Uy-hầu cứ cầm quân

cầm-cự, chứ không dám tiến lên đánh dẹp.

Rồi đưa hịch « cấp báo » cho Đại-thắng-Hầu Tống-Phúc-Đại hiện làm Cai-Cơ ở đạo Mỗi-Suy, hợp binh cùng đánh, bảy giờ mới dẹp tan được. Hai ông bắt được bọn Quang và 57 tên đầu đảng hung-ác. Vì cho rằng bọn chúng là người thuộc nhà Thanh, một nước đối với ta từ hồi đó đóng cái vai « Thiên triều » nên hãy tống bọn chúng vào « đê-lao », chớ không đem giết vội !

Hai ông cho phi ngựa tâu

việc này ngay lên chúa Nguyễn ngoài Huế.

Về sau, triều-đình bên ta kê rõ tội-trạng bọn giặc Khách này vào một tập « văn-án », giao chúng và công-văn ấy cho Thiên-tổng Mãn - Thanh là Lê - Huy - Đức giải về tỉnh Mãn (Phúc - Kiến) để đốc-bộ tỉnh ấy trị tội.

Những tội-phạm bị giải đi ấy, còn 16 tên, trong có bọn Lý-văn-Quang, Hà-Huy và Tạ-Tứ. Ấy là không kể những đứa đã chết ở ngục, hoặc đau ốm hay là bị thương.



★ Cựu học trò thông-minh hơn ông Thủ-tướng

Một hôm ông Clémenceau, Thủ-tướng Pháp, đến thăm một trường Tiểu-học. Gặp giờ toán, ông hỏi một em học trò-lớp Năm :

— 4 với 4 là mấy ?

— Dạ, tùy theo chỗ nó đứng ạ.

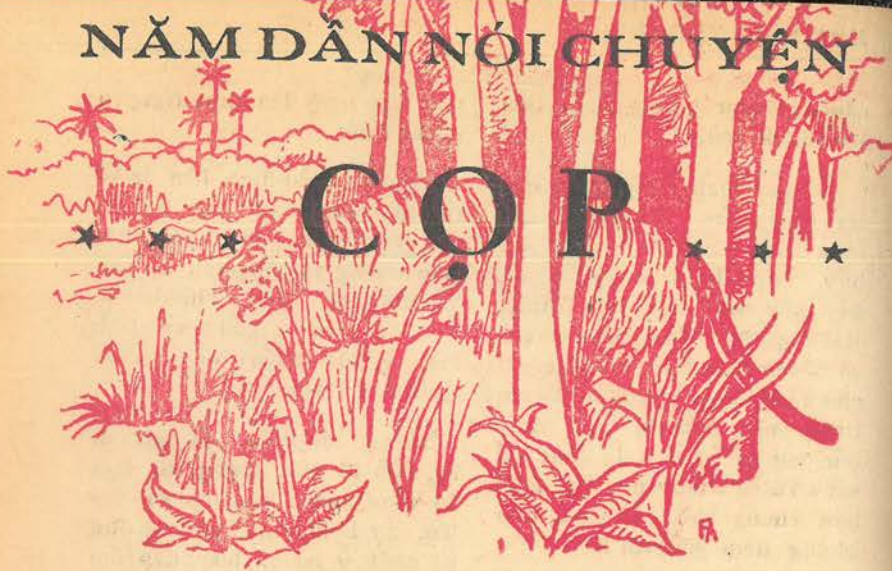
Clémenceau trợn mắt hỏi :

— Sao lại tùy theo chỗ nó đứng ?

— Dạ, hễ một số 4 đứng trên và một số 4 đứng dưới thì là 8; còn hai số 4 đứng ngang hàng với nhau thì là 44.

Clémenceau cười xòa, vuốt tóc em bé :

— Chừng mầy lớn, tao sẽ cho mầy làm Bộ-Trưởng Bộ Thương mại !



Ọ P không phải là một con vật xa lạ đối với những người sống ở Á-châu và đặc biệt, đối với chúng ta.

Danh từ **ÔNG CỌP** đã được dùng để nhát con nít, dĩ nhiên trong đó có tôi, từ lúc mới lên bốn năm tuổi. Chuyện cọp đầu tiên tôi được nghe và có lẽ không bao giờ quên là câu chuyện khôi hài : lăm chám noir, lăm chám jaune, comme boeuf, grand que boeuf, mais mange boeuf, do một người bạn đó cách đây hai mươi bốn năm.

Nhân dịp đầu năm cọp, tôi

★ TRỊNH-THIÊN-TỬ

xin đề hầu bạn đọc vài mẩu chuyện đã xảy ra ở Khánh-hòa giang-sơn của loài cọp, mà tôi đã được nghe kể lại một cách chắc chắn, đáng tin hay đã mục kích.

● CỌP SỐNG Ở ĐÀU

Trong một vài Sở nuôi thú ở Âu-châu, thỉnh thoảng, người ta thấy xuất hiện một vài con cọp và đó là dịp Sở đông khách nhất. Cọp đối với người Âu hay Mỹ châu cũng như hải-cầu

đối với chúng ta. Cọp chỉ đặc biệt sống ở Á-châu và nhiều nhất là vùng Đông Nam Á. Bắt đầu từ miền khí ho có gáy Tây-Bá-Lợi-Á với loại cọp lam mình thon lông xám hay vàng nhạt đến tận xứ Bengale bên Ấn-độ với những con cọp nặng nề, màu nâu vàng ; trong bất cứ khu rừng nào, người ta cũng tìm thấy ít nhiều dấu vết cọp, kể cả các đảo Sumatra, de la Sonde, Bornéo, Java v.v... Nhưng cọp nhiều nhất ở đâu ? Xin thưa, cọp Khánh - hòa. Thật vậy, ai đã từng có dịp sống ở miền quê hương Ông Ba mươi này một thời gian đều công nhận không có cọp ở đâu nhiều bằng. Một nhà vạn vật học



người Pháp, Ông Léon Bertin, khi viết về cọp ở Á-châu trong quyển đời sống loài vật (la vie des animaux) đã cho rằng tỉnh Nha-trang nhiều cọp nhất. Nếu có bạn nào hỏi tôi ở Khánh-hòa nơi nào nhiều cọp nhất, tôi thú thật rất khó trả lời. Người ta có thể nói cọp Cây cày, cọp Đồng-Bò, cọp

Bến-khẽ, cọp Đồng-trăng, cọp Ru li, cọp Hòa-tàn v.v... bạn sẽ có ý niệm được phần nào số lượng cọp ở đây.

Trong văn-học Tây - phương, người ta cũng thấy có vài dấu vết cọp. Trong một số bức tranh cổ của người Ai-cập, người thấy có hình cọp. Cọp ở đây hoặc dùng để ám-chỉ hoặc sự thành công hoặc sự hung ác giận dữ. Theo người Ai-cập, hình ảnh một con ngựa tượng trưng cho sự trả thù kinh khủng. Trong phòng Động - vật của Viện Bảo-tàng Vatican người ta còn thấy hai bản đá cẩm thạch có hình một con cọp xé một con cừu con.

Vài sự kiện trên chứng tỏ người Tây-phương đã chú ý đến con vật chỉ có ở Á-châu từ lâu.

● Tính cọp

Tuy mang tiếng là một loài vật ăn thịt sống, không phải lúc nào cọp cũng thích máu đỏ như là khi no. Nhiều người

thường sống ở rừng kể chuyện lại, có khi họ gặp cọp phát run lên như cây sậy nhưng rất cục ròi đường ai nấy đi. Nhưng gặp lúc đói hay giận dữ, cọp ít khi dễ mồi thoát khỏi. Cọp cũng biết sợ người nếu chúng ta bình tĩnh hành động trước. Cọp lội qua sông, suối rất giỏi và lúc nào cái đuôi cũng nhô lên cao khỏi mặt nước như bánh lái. Gặp mồi, cọp dương đôi mắt nhìn trùng trùng và trước khi ra tay, đuôi cọp thường đập một cái như muốn báo cho con mồi đề phòng. Cọp thích ăn bò, nai, còng, đôi khi cả rùa cá và người.

Người ta cho rằng cọp rất thính tai, nên người miền gần núi ít khi dám nói hành ông-ba-mươi, nhưng cũng rất mau quên : mỗi lần ngủ dậy đập tai là quên đi tất cả các chuyện đã nghe được trong giấc ngủ. Sự tin tưởng này có lẽ do câu chuyện thần thoại Phạm Nhĩ loạn thiên cung bị Đức Phật Như Lai đánh thua phải chạy xuống trần gian hóa thành cọp còn mang nhiều tính chất cũ như giết người, thính tai và chóng quên. Nhưng không phải lúc nào cọp cũng hung. Bắt được cọp con, người ta có thể nuôi và tập cho làm một

vài công việc nhẹ, thường dùng trong các gánh xiếc như cỡi xe đạp, đi giày, v. v... Cọp cũng biết mến chủ như loài chó, mèo. Người ta đã kể lại nhiều con cọp nhện đôi chết theo chủ cũng như buồn rầu khi chủ đau ốm. Cọp không chỉ biết mến người mà còn biết trả ơn như câu chuyện một nhà thám hiểm người Mỹ tả ; ghi lại đại ý : Một con cọp đã công thầy thuốc về xem mạch cho chủ, đem đứa con trai bị đi lạc trả về cho chủ, kiếm mồi cho chủ v.v... Nhưng tất cả vài tính hiền của cọp không làm cao chúng ta quên tính hung-hăng của nó. Người ta cho rằng người có tướng cọp rất tốt. Ban Siêu đời Hán có đầu như đầu cọp làm đến



chức đại-tướng, vua Lê-Lợi cũng có tướng đi như cọp. Cọp có một đặc điểm hơn người là không bao giờ sát hại đồng loại, nhưng lại không biết đoàn kết như người hay các loài-vật khác. Một con cọp cắn hơn con sư-tử, nhưng năm con cọp cắn thua năm con sư-tử.

● CHUYỆN CỌP CỔ KIM

Về các câu chuyện cọp thời xưa khá nhiều, tôi xin chọn nhắc lại hai chuyện : Từ Đạo-Hạnh và Không-Minh-Không và chuyện cọp cứu vua Gia-Long với thành ngữ ông Ba-Mươi.

Từ Đạo-Hạnh và Không Minh Không là hai thiền sư rất thân, đều cùng học trò của Thầy Nam-Hải Quan-âm ? Với giao hện ai về nước trước sẽ là người đạo cao, Không-Minh giận bạn đã về trước lại còn đội lớp hồ đón đường nhát mình nên đã nguyện Đạo-Hạnh ngày sau sẽ hóa cọp. Lúc bấy giờ, hoàng đệ Sùng-Hiền-Hầu, em vua Lý Nhân-Tông, không có con nên đã đi cầu con khắp các chùa chiền trong nước với hy vọng có được một hoàng nam nối giòng. Đạo-Hạnh động lòng thương, muốn hậu thân mình làm con Sùng-Hiền-Hầu, Mới

được sáu tháng, Đông Cung Thái-tử Dương Hoán, tức hiện thân của Đạo-Hạnh, bắt đầu hóa hổ. Lòng rắn rì tựa như lòng cọp mọc ra đầy mình, đồng thời răng nanh cọp cũng lộ ra. Thái tử hung hăng, cắn bắt cứ ai đụng vào mình, tinh tinh thay đổi giống y tinh cọp. Tất cả danh y trong và ngoài triều đều chạy. Không Minh xuất hiện, chữa bệnh cho Thái-tử, tức chữa bệnh cho bạn đã vì lời rủa của mình. Không - Minh cho nấu một thùng dầu sôi để giữa sân và bắt nhúng đầu Thái - tử vào cho đến khi rụng hết lông. Dương Hoán lành bệnh, lên ngôi tức là vua Lý Thần Tông nhà Lý.

Câu chuyện cọp cứu Nguyễn Ánh thực tế, dễ tin hơn câu chuyện trên.

Bị Tây-Son nạt, Chúa Nguyễn Ánh cùng quân lính phải trốn vào rừng, thiếu cả lương thực. Vào một buổi sáng sớm, chúa thấy một con heo rừng bị cọp cắn chết bỏ trước trại. Trong lúc đói khát, được một thớt mồi nặng gần trăm ký, có thể làm một bữa đại-tiệc. Quả thật là của trời cho. Tối đến, quân lính sợ cọp, phải đề phòng, nhưng sáng hôm sau lại thấy một con mồi khác. Sau đó, cứ



mỗi buổi sáng thức dậy đều có sẵn thịt, khi con nai, khi con bò, khi con heo, v.v... Chúa cho rằng trời đã sai cọp mang mối đến cứu Chúa. Khi lên ngôi nhà vua đặt ra lệ: ai bắt được cọp sống thưởng ba mươi quan, ai giết cọp chết, bị phạt ba mươi trượng. Do đó, cọp còn được mang thêm một bí danh là Ông-ba-mươi.

Và đến chuyện cọp đời nay.

Trong những năm gần đây cũng có nhiều câu chuyện cọp thích thú. Tôi không có ý bàn chuyện ăn cọp, uống cọp, chơi cọp, đi cọp, mua cọp, bán cọp đã xảy ra hàng ngày trên mặt báo chương. Tôi muốn kể một câu chuyện có thật đã xảy ra tại quê tôi.

Vào khoảng năm 1950-1951, đồng-bào ở hai quận Diên-khánh và Vĩnh-xương (Khánh-hòa) thường nghe nói hoặc trông thấy nhiều con cọp rất dạng: vỏ cọp xác người. Loại cọp giả này có tính đặc biệt là lúc nào cũng đi hai chân, ít khi bốn chân và không bao giờ nhảy như cá tính của loài này. Tôi không biết chắc chắn loại cọp giả này do đâu và có công dụng gì thêm ngoài chuyện hồ giả hồ oai để đi ăn cắp gà, bí bầu, heo, v.v... Người ta đã bắt được một ông cọp giả thò tay bắt heo. Loại cọp này thường phát xuất cũng như ăn mình ở các đám mía. Cọp thường núp phía sau nhà như rình người nào ban đêm cần có chuyện đi ra ngoài. Nhưng lạ, gặp người hẳn lại tỏ ra mất tự nhiên nên sau nhiều đêm để ý, người ta đã khám phá ra người trong lớp cọp nói trên.

Và sau đây là một vài câu chuyện cọp phát-tích từ Khánh-hòa.

● Cọp ăn có nòi

Ở vài miền thôn quê, thỉnh thoảng chúng ta còn nghe nói đến các câu chuyện cọp ăn có nòi, chết đuối có nòi v.v...

Trong lịch sử Trung-hoa, người ta cũng thấy còn ghi lại câu-chuyện cọp ăn có nòi. Một hôm Khổng-Tử cùng học trò Tử-Lộ đi dạo thì gặp một người đàn bà khóc lóc thảm-thiết và cho hai người biết: Y lo sợ sẽ bị cọp ăn như cha chồng, chồng và con nàng.

Nếu ta tin rằng sau khi mỗi người chết đều thành ma thì ma của người bị cọp ăn được đặc biệt gọi là ma tránh. Người ta cho rằng ma tránh, hay chính oan hồn của người chết, đã xui khiến hương dẫn con cọp đã giết mình đi bắt bà con trong giòng họ để xuống âm phủ làm bạn cho vui. Câu chuyện không chỉ nằm trong lãnh vực cùng máu huyết mà đôi khi còn liên can đến những người chẳng may lúc còn sinh thời, ma tránh yêu. Nhưng không phải lúc nào điều tin tưởng trên cũng đúng sự thật.

Đó là trường hợp đã xảy ra trong gia-đình tôi. Ông anh ruột của Ông nội tôi làm nghề đồn củi và chẳng may bị cọp ăn. Ai cũng sợ rằng Ông nội tôi cũng sẽ bị tai họa trên nhưng đến hiện giờ, các bác chú, anh em tôi, tuy phải sống gần rừng núi, chưa có người nào bị tai nạn. Nhưng có một điều khá buồn cười, đối với chúng ta ngày nay, trong tai họa của gia đình tôi trên, là việc bác ruột tôi đã bị một gia đình từ hôn không chịu gã con gái khi được biết chúng tôi có nòi cọp ăn.

● Cọp báo thù

Chúng ta thường cho rằng loài chó đánh hơi rất giỏi, nhưt là chó ở các sở trình thám, nhưng ít ai biết tài bắt hơi và nhớ hơi người rất lâu của loài cọp. Người ta cho rằng, một con cọp bị người bắn hay đánh bị thương, cọp ta sẽ theo rồi người đó, dầu đã thay đổi chỗ ở, để báo thù. Trong trường hợp cọp chết, dòng họ hẳn sẽ bắt hơi người gây ra tai nạn để trả thù. Tôi đã biết một câu chuyện cọp báo thù, xảy ra cho người bạn của cha tôi như sau.

Vào khoảng năm 1944, cha tôi có một người bạn lai Pháp, tên

Pierre. Ông thích săn bắn cọp và bắn rất giỏi. Cha tôi khuyên Ông không nên bắn cọp vì người sợ sẽ bị trả thù, nhưng Ông Pierre nhưt định không nghe. Vào năm 1946, Ông đến thăm lại cha tôi và cho cha tôi biết «Cứ mỗi lần mang súng đi săn, là ông lại gặp một con cọp đen và ông nhớ hình như đã có một lần ông bắn con cọp đó bị thương». Cha tôi khuyên ông nên bỏ nghề đi săn và ông nghe lời. Năm 1951 ông vào quân đội Pháp và trong một thư gửi cho cha tôi, ông đã viết : «Trong một lần hành quân ở Tu-Bông, tôi gặp lại con cọp đã nói với anh năm năm về trước. Lần này tự nhiên tôi cảm thấy sợ...» Hai năm sau, cha tôi nghe ông ta bị cọp vồ trúng phải một cánh tay, phải điều trị tại bệnh viện quân-y Nha-trang. Vài tháng sau ông chết và nghe người ta đồn mã Ông bị cọp vồ đảo lên hai lần. Quân lính Pháp tức mình cho gài mìn quanh mã và sáng hôm sau, người ta thấy một con cọp đen, trên trán có một vết thương đã lành, chết bên chiếc quan tài đã tróc hết lớp giấy đỏ bao ở ngoài.

Cọp không chỉ đảo mã kẻ thù mà còn đảo cả mã những người chẳng may bị hấn bắt



và chưa ăn kịp các phần ngon như tóc, vú...

● Cọp hú

Khi phải nói dối người yêu, bạn bè, bạn có thể thề bán sống bán chết thế nào cũng được, nhưng xin bạn chó thề cọp hú. Đối với những người đã biết qua cọp Khánh-hòa tiếng thề trên linh thiêng số một. Thành thật và muốn được họ tin một cách chắc chắn, bạn cứ việc thề cọp hú. Nhưng bạn nên giữ lời, khéo mở miệng mắc oan.

Tục truyền rằng khi con cọp ăn được trăm người (Có người cho rằng ở bên Ấn-Độ đã có một con cọp ăn đến 450 nhân mạng.) nó sẽ trở nên linh thiêng.

Cọp chuyên bắt những người nào trót lỡ thề ầu cọp hú. Khi gặp đúng người đến số, cọp hú lên một tiếng tức thì nạn nhân cũng bắt đầu cười,

hú, mùa theo. Cọp và người giỡn với nhau như hai bạn tri-âm lâu ngày gặp nhau. Người ta cho rằng lúc bấy giờ còn có thêm tiếng reo mừng của những oan hồn đã bị cọp ta vồ. Nạn nhân cười rú rất kinh khủng nên có khi gặp, ít ai dám cứu. Cười cho đến say dừng không nổi thì cọp đến dùng. Người bị cọp hú, theo tục truyền, sẽ bị cọp hú từ kiếp này qua kiếp khác. Để tranh hậu hoạn trên, thân nhân người chẳng may bị tai nạn, phải đốt bộ xin nạn nhân bỏ vào trong hộp và để ở một chùa có thầy cao đạo. Chuyện có vẻ huyền bí, không biết có đáng tin không?

Phần kết luận mấy câu chuyện giao duyên năm mới bằng câu chuyện có thật sau đây.

Năm 1949, ở Nha-trang có nạn đầu cơ ... ột. Người ta đã đầu cơ ột để bán với giá ba đồng một chực. Nguyên do như thế này : Ở một làng nọ thuộc quận Diên-Khánh có một gia đình nuôi con thuốc và theo tin đồn đã bỏ thuốc giết chết mấy người. ột là phương tiện duy nhất có thể kiểm soát thức ăn đồ uống có bị bỏ thuốc độc vào hay không, trước khi cho vào bao tử. Thì ột làm sao mà không mắc và không bị đầu-cơ ?

Bỏ ột vào đồ ăn uống, nếu có nhiễm chất độc, ột sẽ quay tròn sôi bọt lên.

Thuốc độc, xin lỗi tất cả các bạn, là cút của một sinh vật, có được do một lòng mép con cọp bỏ vào trong một ống măng non, được gọi tạm là con thuốc.

Người ta tin rằng, nếu thuốc được nhiều người chết, chủ nhân con thuốc sẽ làm ăn phát đạt, bằng không sẽ bị suy sụp, nên nhiều khi người nuôi thuốc cả bà con. Có một hạng người làm trung gian, chuyên đi thuốc thuê lấy tiền. Năm trên, người ta bắt được một người thuốc thuê và may cho gia chủ, khi nhân viên đến soát, họ đã cho thủ tiêu ông Thần Hồ Tiên của họ mất hết tan tích.

Người mắc phải bệnh con thuốc, ăn ột không cay, nên lúc đó, tôi đã được nghe người ta đôi câu ca dao sau đây.

Ớt nào là ớt chẳng cay

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng

thành câu :

Ớt nào là ớt chẳng cay

Mắc phải con thuốc không cay ột là

đề mọi người thuốc lấy năm lòng, nhưt là con nit.



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910
NƯỚC VIỆT 1960

(Xem P. T. từ số 54)

CHIẾC máy - bay đầu-tiên kiểu *Farman*, 1915, đáp xuống một khu đất hoang gần *Tinh-lý*, một buổi chiều thứ Sáu năm 1920, trước một công - chúng vài ngàn người đã gây được một uy tín lớn lao cho nước Pháp, và thêm được một yếu - tố tâm-lý vững-chắc cho chính-sách chinh-phục mà họ gọi là « *Bảo-hộ* ». Thời-kỳ này, các nhà văn - thân có đầu-óc ái-quốc đã hoạt-động chống Pháp từ 1906—1908, theo phong-trào *Duy-Tân*, phong-trào xin-xâu « *Giặc Đồng-bào* », hầu

hết đã bị đày đi *Côn-lôn*, *Lao - Bảo*, đều đã lần lượt trở về, và sống yên thường thủ phận. Các ông không hoạt-động chính-trị nữa, chỉ mở trường tư tại nhà dạy học trò. Ông *Tú Phong*, *Thầy-học* cũ của *Ký-Thanh* và của *Phán Tuấn*, sau khi đi ở tù *Côn-lôn* về, liền mở trường dạy chữ *Quốc-ngữ*, và bỏ hẳn chữ *Nho*. Người ta ngạc-nhiên thấy ông *Tú* sau 9 năm đi ở tù về, đã cúp tóc *carré*, và cách-thức ăn ở đã tiệm-

* NGUYỄN-VỸ

nhiệm « *Văn-minh Âu - Tây* », Ông viết chữ *Quốc-ngữ* rất thạo, và có đem về một quyển tập dày khoảng 200 trang chép bằng mực tím tất cả những gì ông đã học được trong nhà *Lao Côn-lôn*. Ông đem quyển tập ấy dạy lại cho đám học-trò của ông, độ vài



ba chục thanh-thiếu-niên, con nững nhà khá-giả nhưng không thích đi học « trường Nhà Nước ». Nhiều cậu đã lớn tuổi và sắp làm ông *Hương* ông *Xã*. Đại khái về *Toán* thì ông *Tú* dạy cách đo bóng cây để biết cây cao mấy thước, đo ngọn núi cao, và diện tích hình vuông, hình chữ-nhật, hình tam-giác, hình chữ nhật-lệch, hình thoi, v.v...

Ông cho học-trò làm những bài toán bằng thơ, thí dụ như :

Vừa gà vừa chó
Bó một bó cho tròn,
36 con,

100 cái cẳng.
Hỏi mấy gà,
mấy chó ?
v. v. . .

Về *Địa dư*, ông dạy về địa-đồ « *ngũ-dại - châu* », và bồi đủ các thứ màu, vẽ bậy bạ không trúng vào đầu cả, nhưng đại-khái cũng phân biệt châu *Âu*, châu

Á, châu *Mỹ*, v.v... Về *Lịch-sử* ông có viết ra một quyển sách *Quốc-ngữ* nhan đề « *Nam Quốc-Sử diễn-ca* » bằng thơ lục bát. Ông cho học-trò học thuộc lòng quyển sử của ông, một bản duy-nhất, chép bằng tay, thay vì học « *Tứ-Thư Ngũ-kinh* » như ông đã dạy trước kia. Quyển « *Nam Quốc-sử diễn-ca* » của ông *Tú* mở đầu như sau đây :

Nước ta đã bốn ngàn niên,
Hồng - Bàng lập quốc con Tiên
cháu Rồng.
Ân-cơ kết với Lạc-Long.
Sanh ra trăm triệu, chuyện không
hoang-đường.

Mời nghe thì khó tò-tường,

Nhưng giòng Lạc - Việt hùng-
cường biết bao !

Đất nhiều, sông rộng, núi cao,

Dân hăm-lăm triệu dễ đâu thua
người ! v.v...

Tuy thế, ông Tú cũng không ghét chữ Tây lắm. Thỉnh thoảng ông dạy học-trò của ông học chơi cho vui vài ba câu tiếng Pháp mà ông đã học được ở Côn-lôn, thí-dụ như: *Bông-sua Bà đằm*. *Bông-sua Mông-xừ*. Mừng một Tết, ông Tú đến nhà ông Cử Phạm, chúc mừng bằng một câu tiếng Tây: « *Bon - An - né !* » điểm thêm một nụ cười bông đùa rất có duyên. Đó là triệu-chứng chữ Pháp đã bắt đầu thịnh-hành vào khoảng năm 1920 trong dân-gian vậy.

Ông Tú cũng dạy học-trò của ông học chữ số của Tây, theo giọng ta :

On, đơ, toa, cách, xanh, xít..
nóp, đít, óng, đui... Hơn nữa, ông Tú đặt tên cho đứa cháu ngoại mới sinh, là *Lê - văn - On* (theo chữ *Un* của Pháp), và đứa cháu-nội thứ ba là *Trần-văn-Toa*

(theo chữ *Trois*).

Ông Tú dạy cả khoa vệ-sinh nữa, một môn học mà trước kia chính ông cũng chưa biết. Thí-dụ ông dạy rằng sáng dậy phải lấy cục than đen trong bếp chà trên răng, rồi súc miệng, cho sạch miệng và sạch răng. Tất cả học-trò của ông đều làm đúng theo như lời Thầy dạy.

Ký Thanh là học-trò cũ của ông Tú, trước kia rất kính trọng Thầy, nhưng từ ngày ông Tú bị bắt vì quốc-sự và bị đày đi Côn-Lôn, chàng không hề nhắc đến tên Thầy nữa. Hôm ông Tú ở tù về, bà-con trong phố và trong tỉnh mừng-rỡ đến thăm tập-nập, chập nhà chập cửa, và tỏ lòng quyên-luyến cảm-phục Ông Tú, duy có Ký Thanh là không dám bước chân đến hỏi thăm Thầy một câu. Chàng sợ « liên-lụy » đến bản thân, tìm cách tránh ông Thầy cũ như tránh người cù.

Phán Tuấn, trái lại, thường đến thăm Thầy luôn, tuy rằng hồi nhỏ, « *Thằng Chuột* » mới được ông Tú dạy cho học bập - bẹ vài chữ « *Thiên trời, địa đất* » mà thôi, vì nhà nghèo đâu có đi

học được thường-xuyên. Nhớ tình thầy trò cũ, Trần-anh-Tuấn thường đem « kính » ông Tú một gói trà, hoặc một cân đường, một chai rượu hổ-cốt, một hộp sữa bò... Thời buổi ấy, chỉ có một thứ sữa hộp duy-nhất là *sữa con-chim* và là một món xa-xi. Ai có tiền mới mua được một hộp về nhà để dành pha uống cả nửa tháng mới hết. Trong tỉnh chỉ có nhà các quan và các Thầy lương-bổng nhiều mới dám uống « *sữa bò* ». Cho nên lâu lâu Phán Tuấn đem biếu Ông Tú một hộp sữa-bò, ông quý lắm, vui-mừng cảm-on « *Thầy Phán* ». Mỗi lần Tuấn đến thăm, chàng thích hỏi ông Tú về đời sống của tù ở Côn-Lôn. Chàng thích nghe ông kể chuyện các bạn đồng-lao của ông như ông Nghè Huỳnh-thúc-Kháng, ông Nghè Ngô-đức-Kể, ông Tây-hồ Phan-châu-Trinh, ông Tú Tân-Hội, v.v...

Tuấn nghe say-mê. Có lần Tuấn khẽ hỏi :

— Thưa Thầy, vua Duy-Tân có ở Côn-Lôn không ?

— Không. Nghe nói Tây đày Ngài qua đâu tận bên Phi-châu lạn.

— Thưa Thầy còn Vua Thành-Thái ?

— Ngài, thì hình như cũng bị lưu-đồ qua bên đó.

— Vua Hàm-Nghi ?

— Vua Hàm-Nghi cũng bị đày qua Phi-châu.

Tuấn hỏi cho biết thế thôi, chứ Tuấn không dám thổ-lộ tâm sự riêng tư gì của chàng. Chàng biết chàng đang bị Ký Thanh « *dòm ngó* », và tìm kiếm đủ các cách để làm hại chàng. Tuấn đến thăm ông Tú Phong, đã là một hành-động táo-bạo và liều-linh lắm rồi.

Gần Tết, Tuấn - em xin mẹ một đồng bạc, góp với học-trò trong lớp mua các món lễ vật để « *tết* » Thầy lớp Năm.

Lớp nào và trường nào học-trò cũng tự động làm việc ấy, để tỏ lòng biết ơn Thầy dạy dỗ. Chính cha mẹ học-trò cũng rất sốt-sắng về việc ấy nữa. Thầy-giáo lúc bấy giờ, (cách nay chỉ 40 năm !) được học-sinh kính mến và trọng vọng lắm.

Vì học giỏi nhất lớp, lại hạnh kiểm tốt, nên Tuấn được bạn bè trao tiền nhờ mẹ mua các đồ vật tết Thầy: một quả nếp, hai chai rượu, một cân đường bông, và một cân đường phèn. Mấy lớp

lớn (lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất), học-trò còn đọc « đít-cua » để « mừng tuổi » Thầy-giáo. Học-trò Lớp Năm còn nhỏ quá, chưa làm được « đít-cua », nhưng cha mẹ cũng dạy cho một vài câu lễ-phép mà các em học thuộc lòng ở nhà để rồi đến đọc cho Thầy nghe. Chiều ngày 27, hay 28 tháng Chạp, Thầy giáo vừa ăn cơm xong, thấy cả lớp học-trò của mình toàn tụi con nít 9, 10 tuổi, mặc áo đen dài, quần trắng, đi chân không, rụt-rè tiến vào nhà Thầy. Mấy em đi đầu bụng mấy quả « lễ-vật » tức là quả Tết, cung kính đặt trên bàn giữa nơi Thầy ngồi uống nước trà. Tất cả đều khúm-núm, sợ-sệt. Thầy giáo đang mặc áo cut, cũng vội vàng vào buồng mặc áo xuyến dài ra tiếp học-trò.

Các em đứng vòng tay rất lễ-phép, rồi một đứa đã được các em để cử trước, — chính là Tuấn-em, — cúi đầu xá Thầy ba xá, bập-bẹ nói một câu mà em đã được cha mẹ ở nhà dạy cho học thuộc lòng :

— Dạ bẩm Thầy, năm hết Tết đến, chúng con xin kính lời mừng tuổi Thầy Cô, cùng quý-quyển và chúng em kính chúc Thầy Cô sang Năm mới được Phật Trời phò-hộ an-khương.

Tuấn nói trôi chảy gọn-gàng không vấp một chữ, xong cúi đầu xá Thầy ba xá. Toàn thể các em đều cung kính cúi đầu xá Thầy ba xá.

Thầy Giáo ngồi bàn, rung rung nước mắt. Thầy cảm-động quá, không nói sao được, liền đưa tay ra kéo Tuấn vào lòng Thầy, và kéo hết cả ba chục em vào đứng hết lại cạnh Thầy. Thầy lấy tay âu-yếm vuốt đầu tóc các em.

Thầy Giáo hồi xưa nghèo lắm. Lương tháng chỉ được 5 đồng bạc chứ đâu có nhiều. Thầy không có gì đãi các em, chỉ bụng trên bàn thờ xướng một quả bánh - in của cô Giáo vừa làm để cúng. Thầy gọi cô lấy thêm ra ít nhất cũng cho đủ 30 cái bánh để làm quà cho 30 em học-trò.

Mỗi em đưa hai bàn tay non-nớt ra lễ-phép nhận lãnh quà của Thầy. Nhưng tội-nghiệp, không em nào ăn cả, bỏ túi để đem về khoe với cha mẹ. Các em học-trò năm 1920 đã biết quý cái bánh của Thầy Giáo cho Tết, không phải bởi nó là cái bánh, mà bởi nó là món quà Tết của Thầy. Thầy nói mấy lời cảm ơn các em, cảm ơn cha

mẹ các em, và gửi lời về « mừng tuổi » các bậc cha mẹ. Cô Giáo cũng vui-vẻ, tươi cười, âu-yếm hỏi chuyện từng em.

Cùng buổi tối ấy, học-trò lớp nào cũng đều đi Tết Thầy Giáo của mình.

Riêng ở lớp Nhứt, trò Hường được toàn thể các bạn cùng lớp cử ra đọc bài « đít cua » bằng chữ Pháp để chúc mừng Thầy. Bài tự trò làm lấy, vì trò giỏi chữ Pháp nhất lớp. Trò đã làm xong trước đó mười ngày, và chuyên tay nhau cả lớp cùng xem. Xong, trò Liên, con Thầy Thông Lễ làm y-tá ở tỉnh, nhờ cha đem vào nhà-thương đánh máy giùm trên một tờ giấy thật trắng. Trò Quít, đứng đầu về môn vẽ, được các bạn giao cho công việc vẽ một bó hoa thật đẹp, đủ màu, trên đầu tờ « đít-cua ».

Tối hôm ấy, cơm nước xong vào khoảng 7 giờ, 40 học-trò lớp Nhất áo quần tề-chỉnh, tự-hợp tại nhà cậu Hường. Nơi đây, với tiền đóng góp của tất cả lớp, mẹ cậu Hường đã mua sẵn các món lễ-vật đựng trong 5 quả lớn. Năm cậu tình-nguyện bụng năm quả, rồi tất cả cùng đi đến nhà Thầy ở một đường hẻm tối om trong Thành. Chỗ sửa vang đây

cả xóm. Thầy giáo lớp Nhất đang nằm võng ru con ngủ, nghiêng mình ngó ra sân thấy lỗ - nhỏ nhưng bóng đen. Cô giáo cầm chiếc đèn Huê-kỳ đứng cửa rọi ra, quây vào nói với chồng : « Học-trò ! » Cô ôm con ra, để cho Thầy được rảnh. Thầy vào nhà trong, mặc áo lương dài kết nút xương, ra ngồi ghế tràng-kỷ để tiếp học-trò của Thầy.

Sau khi 5 cậu đặt 5 quả Lễ-vật trên bàn, ai nấy đều im-lặng vòng tay đứng sau Hường. Cậu Hường cầm tờ giấy đánh máy có vẽ bó hoa vạn-thọ, xá Thầy ba xá, rồi cung-kính đọc. Giọng cậu run-run như sợ-sệt. Xin chép nguyên-văn một bài Pháp-ngữ của học-trò lớp Nhất tự làm ra để chúc mừng năm mới Thầy giáo, ngày Tết năm 1921 : (1)

*Monsieur et Cher Maître,
A l'occasion du Nouvel An qui
va venir, nous, vos petits élèves
respectueux et obéissants, avons
l'honneur de vous adresser, ainsi
qu'à votre honorable famille, nos
vœux les plus fervents de Bonheur*

1) Tài-liệu của ông Trần-văn-Tĩnh, - thân phụ một học-sinh trường Pháp-việt Q.N. năm 1921

de Richesse, et de Longévitè.

*Monsieur et Cher Maître,
Vos bienfaits sont comparables
à la montagne Thái-son, vos
Vertus sont immenses comme
la Mer de l' Est. Vous êtes au
dessous du Roi mais au dessus de
nos parents que nous aimons et
respectons également. C'est pour-
quoi nous ne pouvons pas vous
exprimer toute la reconnaissance
que nous avons au fond de notre
cœur pour l'instruction que vous
nous donnez.*

*Nous vous prions de vouloir
bien pardonner notre langage
maladroit. Mais notre respect est
grand à votre égard, notre grati-
tude est profonde. Dans notre
vie nous ne pourrions jamais oublier
notre Maître bien-aimé.*

*Veuillez agréer, Monsieur et
Cher Maître, l'expression
de notre très humble reconnaissance*

*Vos élèves très dévoués du
Cours Supérieur. Tết, 1921.*

Lời văn quả thật còn ngây-
ngò, nhưng cách đặt câu đã khá
vững, văn - phạm đã đúng đắn,
diễn tả không đến nỗi vụng về
lắm.

Xiu Dịch nguyên văn:

Thưa Thầy kính mến,

Nhân dịp Năm mới sắp đến,
chúng con, bọn học-trò nhỏ của
Thầy, cung kính và biết nghe
lời, hân hạnh dâng lên Thầy
cùng tôn-quyền, những lời rất
nồng - nhiệt kính chúc. Phước,
Lộc, Thọ.

Thưa Thầy kính mến,

Ơn của Thầy như núi Thái-
son, đức của Thầy rộng mênh-
mông như Biển đông. Thầy ở
dưới Vua, nhưng ở trên cha mẹ
chúng con, mà chúng con cũng
yêu kính vậy. Cho nên chúng con
không thể nào diễn tả hết được
tất cả sự biết ơn mà chúng con
cảm từ trong đáy lòng, vì nền
giáo-dục mà Thầy đã ban cho
chúng con. Chúng con xin Thầy
tha thứ cho lời nói vụng - về.
Nhưng sự kính trọng của chúng
con đối với Thầy rất là rộng lớn,
lòng tri-ân của chúng con rất là
sâu-xa. Trong đời chúng con sẽ
không thể nào quên được bậc
Hiền-sur yêu dấu.

Kính xin Thầy nhận nơi đây
lòng biết ơn hèn mọn của chúng
con.

Học-trò rất tận tâm trung
thành với Thầy, ở Lớp Nhứt—

Tết, 1921.

(còn nữa)



ai già-từ

ai đây ?

Hồn buồn dài... buồn dài
Ngã mũ chào tình - yêu.
Độc-hành qua năm tháng,
Thương nhớ nhau chi nhiều ;

Ngũơ linh - hồn gầy guộc,
Trình Thượng - Để phương con
Đem dần lên lạnh buốt,
Ngày giang môi mà cười.

Thân trải dài đại-lộ.
Mình gọi tên KIM-HÀNG.
Đường chân khuya thồ-mộ.
Buồn bung mặt cười khan...

Tình yêu chừ phát-vãng ;
Ai già-từ ai đây ?
Mình vui gì khuây-lãng !
Nhớ thương nhau đã đầy.

Hồn hiện-sinh nuôi tiếc,
Ngã mũ chào tình yêu.
Vụng-dại về nguyên thủy,
Thương nhớ nhau chi nhiều...

PHƯƠNG-TÂN

(Đà-Nẵng)

T
H
O



★ **NÔNG-BẰNG-GIANG**
(Sinh-viên Đại-học-đường
TOKYO)

ngoại rất vô-vị và buồn chán. Thường thường cứ vào dịp này, chúng tôi, mỗi người đều có nhận quà từ bên nhà : một tờ báo xuân, gói trà, mứt và một số thư xuân của những người thân và yêu. Quà Tết V. N. đến với chúng tôi sớm muộn không chừng, có khi mãi đến tháng ba chúng tôi mới nhận được quà và có năm chúng tôi chẳng biết đêm giao thừa là đêm nào.

Tôi còn nhớ hai năm trước, lúc tôi nhận được một hộp mứt hộp sen mà thật tình tôi chẳng biết ngày Tết Nguyên-đán là ngày nào. Tình nhấm mãi, mới gọi một anh bạn khác

ngày TẾT

ở Nhật

KHÔNG riêng gì sinh viên Việt-Nam ở Nhật-bản mà có thể nói, hầu hết sinh viên Việt-Nam ở ngoại quốc, như Pháp, Mỹ, Đức, Úc, Gia-Nã-Đại... đều cảm thấy ngày Tết V. N. ở hải

đến phòng riêng ăn mứt, thưởng xuân, nghe nhạc V.N. và đề kê cho nhau nghe những kỷ niệm vui, đẹp trong đêm giao thừa và ngày mừng một Tết. Nhớ thôi là nhớ. Khu chợ hoa trên đại lộ Bonard và Nguyễn-Huệ, với những tà áo vàng, đồ tha thướt,

NGÀY TẾT Ở NHẬT BẢN

với những nụ cười duyên dáng, những ánh mắt đa tình. Tất cả đã tạo nên một lực-trường có sức quyến rũ những con tim buồn chán, những kẻ đường như lúc nào cũng tha thiết với hoa-niên.

Tôi đã mất đi những hương sắc, những bóng ảnh dễ yêu, mà những ngày chạy chết cuối năm đã dành cho tôi. Tôi không bao giờ tuyệt vọng. Tôi không nghĩ rằng tôi đã mất hẳn những hình ảnh, những màu sắc ấy, mà chính đối tượng và màu sắc đã thay đổi qua không gian và thời

gian. Tôi vẫn sống với nó, những hình ảnh ấy, những màu sắc ấy, tuy bằng một hình thức mới, nhưng vẫn là một tâm-hồn. Không khí mới ấy có màu sắc huyền hoặc như thế nào, và có thể để lại trong tâm hồn tôi một hình ảnh thứ hai không ?

Không - khí ngày Tết Nhật-Bản

Nhật-Bản như ta biết cũng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-Hoa rất nhiều nên đối với họ, vẫn óc phong tục ăn Tết theo âm-lịch và tính năm theo 12 con giáp : Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Ty,



ngộ, mùi, thân, đậu, tuất, hợi. Do lẽ đó, ngày xưa họ vẫn ăn Tết theo âm lịch, tuy nhiên, hiện tại ở các đô thị, người Nhật Bản đều ăn Tết theo dương lịch, chỉ riêng vùng nhà quê thì một vài nơi còn giữ lệ cũ.

Đối với người Nhật, ngày Tết được coi như là ngày lễ trọng đại và được tổ chức với tất cả tấm lòng thành kính, trong bầu không khí trang nghiêm và đồng thời cũng phải vui vẻ, hân hoan, hòa lạc. Ngày Tết cũng là mùa chúc tụng đặc biệt hơn bao giờ hết. Cũng như lối trang trí và bữa cơm ngày Tết cũng có nhiều nghi thức. Ở TOKYO, OSAKA, KYOTO, không khí ngày Tết bắt đầu từ cuối tháng mười. Trong cái màu sắc đậm đà của ngày Tết Nhật - Bản, còn có cái hương vị ngày lễ Giáng-sinh. Chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng một lối bày trí khác thường, tân kỳ, đẹp mắt, qua các phố ở Ginza, hoặc ở các Departement stores ở Tokyo. Chúng ta cũng sẽ được dịp sống với cái không khí ma quái, quyến rũ ở các trà thất, và vũ trường, hộp đêm...

Ở các công tư sở cũng lo chuẩn bị cho ngày Tết. Họ tổ

chức lễ tiễn đưa năm cũ gọi là BÖNENKAI. Tiệc BÖNENKAI thường được tổ chức sau ngày lễ Giáng Sinh, nghĩa là trong khoảng thời gian từ 25/12 - 31/12. Trong buổi tiệc BÖNEN-KAI này, tất cả nhân viên, giám đốc (tại sở chung vui đề quên đi những điều xui quây trong năm, và hy vọng một năm mới may mắn nhiều hơn. Sau bữa tiệc BÖNENKAI là buổi dạ vũ. Đối với sinh viên sống trong các ký túc xá, hoặc là hội-quán sinh viên thì họ cũng tổ chức tiệc BÖNEN-KAI và dạ vũ trong đêm ấy.

Riêng sở bưu - điện, ông Bộ trưởng bộ này cũng cho tặng gia số phụ trạm, để có thể phát những cánh thư xuân đúng vào ngày mừng một Tết. Đặc biệt hơn nữa là từ đầu tháng mười, sở bưu điện đã cho phát hành một loại bưu thiệp Tết. Trên mỗi tấm bưu thiệp Tết này có ghi số thứ tự, có thể được trúng giải thưởng, mà giá tiền bưu thiệp Tết chỉ bằng giá tiền bưu thiệp thường nhật, mỗi tấm là 5 yen, (độ 1\$ V.N.) có kể cả tiền tem.

● TRANG TRÍ

Ngày trong gia đình Nhật, ngày Tết cũng phải có một lối

trang trí thanh lịch. Để chuẩn bị ngày Tết cho chu đáo, họ phải lo quét dọn, lau chùi nhà cửa với hy vọng tin tưởng sẽ được nhiều may mắn tốt lành trong năm mới.

Ở trước mỗi nhà, ngay công vào, người Nhật-bản có dựng lên một cây hay cành tùng, trúc và nếu có thể thêm một cành mai, mà họ gọi chung là KADOMATSU. Ba hình ảnh trên tượng trưng cho sự trường cửu (tùng), lòng quân tử (trúc) và sự trung thành (mai). Trong nhà, ở cửa chính, phần trên cùng họ có đặt một vòng giấy rom và kết vào đó một giấy rom khác dài hơn gọi là WAKAZARI. Vào trong gia đình Nhật, ở mỗi phòng đều có một sự trang trí riêng biệt, ngoài những bức tranh cổ, những bức danh họa, những lọ quí, ở mỗi phòng đều có treo giấy rom thánh kết thành vòng. Cứ nhìn vào lối trang trí ấy, chúng ta có thể nhận biết gia chủ là tín đồ Thần đạo, (Shinto) hay là tín đồ Phật giáo. Vì ở các gia đình thuộc Thần đạo thì trên bàn lương án được cúng một ít rượu «Sake» và hai cái bánh MOCHI, khác mặt, cái nọ chồng lên cái kia và trên cùng có đề một quả quít chua to. Bánh

cúng này gọi là OSONAE.

Ở gia đình người thuộc Phật giáo thì khác, trên bàn lương án thấy có bày một cái bánh KAGAMIMOCHI nhỏ và được đề nhiều hoa, mà bánh KAGAMI - MOCHI lại đặt trên một tấm vải trắng. Ngoài ra còn thấy có một lọ hoa, có cắm một cành tùng, trúc và một cành cây non có quả, tượng trưng cho sự giàu sang thịnh vượng.

Tất cả mọi sự trang trí trên dù ở gia đình người Thần đạo, hay Phật giáo chăng nữa, cũng không ngoài mục đích hy vọng một năm hạnh phúc, may mắn thái bình.

● Giao Thừa và ngày mừng một Tết

(1) *Hội chuông cảnh tỉnh.*— Ở Tokyo hay ở Osaka, Kyoto trong đêm giao thừa, thường có một không khí đặc biệt. Họ đi lễ bái ở các thần cung, đền thờ các bậc vua chúa hay ở các ngôi chùa. Trong đêm giao thừa, người Nhật-Bản phần đông là đàn bà và các cô con gái trẻ đẹp, dắt díu nhau đến các ngôi chùa, các thần cung vua chúa để lễ bái và cầu mong một sự tốt lành,



luông. Và đồng thời khu này cũng là trung tâm thể thao ở Tokyo, có đủ sân vận động trường cho các môn đã cầu, (basse-ball) có thể chứa trên 60.000 khán giả, hồ tắm công cộng rộng lớn, sân điền kinh... Cũng không nên quên là trong kỳ Á-vận-hội lần thứ ba; tháng 5 năm 1958 ở Tokyo cũng tổ chức ở khu này. Và trong tương lai, Thế-vận-hội 1964 tới, khu này cũng là một trong những trung tâm để các lực sĩ quốc tế tranh tài, gọi là làng Thế-vận-hội.

2 Chúc Tết đầu năm.—

Ngày đầu năm, theo thói quen, người Nhật gửi thiệp chúc Tết cho nhau gọi là KENGAYO. Đối với học sinh và sinh viên thì họ sẽ gửi thiệp chúc Tết cho bạn bè thân hữu và cả cho các vị giáo sư ở trường của họ. Những thiệp chúc Tết này được mang đến bưu điện trước ngày 25 tháng 12 và các bưu trạm sẽ phân phát cho mọi người đúng vào sáng mừng một Tết, vào lúc 10 giờ hay 11 giờ. Ở trên danh thiệp này, thường thường được viết một câu chúc Tết thông thường nhưt là : AKEMASHITE OMEDETO GOZAIMASU, đại thể, có nghĩa như là cung chúc tân xuân của Việt-Nam. Với những người

quá nhiều bận rộn thì họ còn có thể dùng điện tín, hoặc điện thoại để chúc tụng nhau. Hay hơn nữa, đôi khi vì một lý do chậm trễ nào đó, thì thiệp chúc Tết của họ có thể đến tay người bạn, không đúng ngày mừng một Tết, mà có thể là ngày mừng hai mừng ba không chừng. Trong sự chúc nhau trong ngày Tết này, còn có ý tỏ cho nhau, giữa tình bạn hữu, chủ, tớ, thầy-trò... vẫn còn nhớ nhau.

Trong ngày mừng một Tết, hay là ba ngày Tết cùng thể, bạn bè, người quen gặp nhau, họ cũng chúc nhau bằng một câu thông thường AKEMASHITE OMEDETO GOZAIMASU. Đối với những gia đình trưởng giả, có chức vị, trong dịp này lễ phục sẽ được lên khung các cậu thi ăn diện đầu ra đầy cả, còn các cô cũng không kém phần duyên dáng, trong chiếc áo Kimono đẹp, để tiếp khách hoặc để đi chúc Tết những người thân. Thường thường người đi chúc Tết có mang theo một ít quà Tết, gọi là OTOSHIDAMA. Trong trường hợp nếu là bạn bè thân thuộc, người nhận quà Tết cũng có cái lệ trả lễ. Có qua có lại cho vui vẻ cả làng. Dĩ nhiên là trong trường hợp nhận quà của các thương-gia, hiệu buôn,

thì không có lệ trả lễ ấy, họ gọi là quà Tết thương mãi. Ngay đến các cấp yếu nhân, nhận quà Tết của kẻ khác cũng là trường hợp ngoại-lệ.

Đối với trẻ em, quà Tết là điều vui vẻ nhất trong năm, thường thường không phải những loại đồ chơi như ngày lễ Giáng-sinh mà là một ngân khoản đầu năm. Số tiền Tết đầu năm này, trẻ em Nhật thường nhận của cha mẹ, anh chị hoặc là các ông bác, chú trong gia-đình thân-tộc. Ngay đến sinh-viên đại học, các cô các cậu vẫn có lệ nhận quà Tết này, và tha hồ mà nhày nhót say sưa. Số tiền quà Tết OTOSHIDAMA cũng như tiền mừng tuổi, tiền «đi-xi» ở Việt-nam.

(3) Lễ khai bút và giấc mộng đầu năm.— Trong ngày mừng một Tết, người Nhật còn có cái phong tục làm lễ khai bút gọi là KAKIZOME. Khi họ làm lễ khai bút đầu năm thì họ không dùng bút chì, hay bút mực thường, mà họ dùng bút lông gọi là FUDE. Giấy viết trong ngày đầu năm, cũng không phải loại giấy thường, mà là loại giấy hoa tiên, gọi là HANSHI. Trong dịp này họ muốn viết gì tùy ý, có người thì viết thư cho người yêu nhưt

hạnh-phúc. Có thể nói Thần-cung Minh-Trị là nơi được nhiều người đến chiêm-bái nhưt. Đền thờ Minh Trị ở ga HARAJUKU, trên con đường xe điện Yamate, có một diện tích độ 739.000 thước vuông. Nơi đây có nhiều cây tùng và rất nhiều cây quí và hoa đẹp, có cả một hồ cá vàng rộng lớn. Ngõ vào đền là một tam quan gọi là Torii. làm bằng một loại gỗ quí, to và cao độ 12m20. Ngoài ra, ở quanh đền thờ Minh-Trị còn có một công viên rộng mát, diện-tích trên 500.000 thước

đời, có kẻ lại viết những câu thơ đối. Số đông bạn trẻ sinh viên, hầu hết là nữ - sinh, thường khai bút bằng một cánh thư tình, và kể đó họ sẽ viết lên một tờ giấy đẹp một bài thơ mộng, mà họ tin tưởng, hy - vọng rằng giấc mộng đầu năm trong ngày mừng một Tết sẽ là giấc mộng vàng :

NAKAKIYO NO

TOO NORIHUNE NO MINAMESAME (1).

NAMINONE HURINO

OTO NO YOKI KANA.

Bài thơ-mộng đầu năm này có cái đặc biệt là nếu chúng ta đọc xuôi từ trên xuống dưới đến MINAMESAME (1) và đọc ngược lại từ dưới lên trên cũng đến chữ MINAMESAME (1) thì như nhau. Bài thơ mộng này sẽ được người con gái Nhật, (có thể những chàng si cũng làm thế) đem để ở dưới chiếc gối hoa của họ, với hy vọng là trong đêm mừng một Tết, họ sẽ được một giấc mộng vàng như ý ước mơ. Giấc mộng đầu năm trong đêm mừng một Tết, này gọi là HATSUYUME.

(1) Món ăn ngày Tết — Đề cho không khí ngày Tết vui vẻ, hương vị ngày Tết đậm đà hơn, người Nhật cũng sửa soạn cho



Sinh-viên Nhật vui đùa sau khi chơi trượt tuyết.

ngày mừng một Tết một vài món ăn đặc biệt. Tuy món ăn ngày Tết không có vẻ thịnh soạn lắm, nhưng rất nhiều ý nghĩa và những món ăn này thường được dùng liên tiếp trong ba ngày Tết, vì các cửa hàng tạp hóa, hiệu buôn đều đóng cửa, đây cũng là một lối làm giản tiện trong ba ngày Tết. Những món ăn chính trong ngày Tết mà không một gia-đình nào không có là rượu TOSO, canh ZÒNI và các thức ăn gọi là OSECHI.

TOSO là một thứ rượu ngọt đặc biệt, gọi là MIRIN, và

thường được ngâm với một thứ thuốc trường lực, mà họ tưởng là nếu ngày Tết mà được một cốc rượu TOSO thì sẽ khoẻ mạnh sống lâu. Trong gia đình Nhật nào, ngày Tết cũng có loại rượu TOSO này. Và sáng mừng một Tết, tất cả mọi người trong gia-đình, dù là gái hay trẻ nít cũng đều uống một cốc rượu nhỏ TOSO.

ZÒNI là một thứ xúp cải, cá tươi hoặc thịt gà hoặc chim bồ-câu, có thả một vài cái bánh MOCHI, và OSECHI là những món ăn dùng trong ngày Tết để trong một cái hộp sơn mài.

Món ăn trong ngày Tết Nhật, đặc biệt hơn cả có lẽ là bánh MOCHI. Bánh MOCHI là một loại bánh làm bằng gạo nếp, giống như bánh dày, mà người mình thường dùng. Cách làm bánh này cũng tương tự như cách làm bánh phồng ở trong Nam.

Cứ vào dịp Tết, trong tháng 12, ở các vùng quê, người Nhật già bánh MOCHI dưới trăng, và họp nhau ca hát những bài hát dân ca rất vui. Trong ngày Tết, gia-đình nào cũng phải có ít nhất vài chiếc bánh MOCHI.

Rượu TOSO, được đựng trong một cái lọ quý trọng như cái ấm trà tàu nhỏ, cùng với ba

cái cốc sơn mài, to nhỏ khác nhau. Ba cái cốc này được lật ngửa và đặt trước mặt khách. Khách trình trọng, ngồi đúng theo phong tục Nhật, dùng hai tay nâng cái cốc nhỏ trên cùng, kể đó gia chủ từ từ rót rượu TOSO vào cốc. Và cũng nên nhớ một điều là rượu TOSO chỉ được đãi một lần thôi, khách không được quyền đòi khoản đãi lần thứ hai. Trong trường hợp nếu khách là một cây «ba-xi-đế», thì ông khách lưu linh này sẽ được đãi một thứ rượu SAKE sau cốc rượu TOSO. Sau lần rượu TOSO sẽ đến lượt xúp ZÒNI và được dùng với các món ăn OSECHI. Đây là một nghi thức lễ-tục trong lúc ăn trong ngày Tết Nhật.

Tết đối với học-sinh và sinh-viên

Đối với học-sinh tiểu-học và trung-học thì được nghỉ hai tuần, gọi là nghỉ Tết. Trái lại sinh viên Đại học thì được nghỉ ba tuần, thường thường kể từ ngày 21/12, và gọi là nghỉ mùa đông. Học - sinh tiểu và trung-học dường như không có sự đi trú nào xa cả, vì suốt năm họ sống với gia-đình để ăn học. Sinh viên, thì một số đông từ bỏ làng, tỉnh nhỏ để lên Tokyo học đến ngày Tết họ lại khăn gói về quê, để sống với gia

đình. Đây cũng là một dịp để cho họ hưởng những ngày nhàn-lạc. Trong ngày Tết, phần đông những cô cậu nào dưới 18 tuổi, trong những gia-đình nghiêm khắc, gần như họ bị bắt buộc phải sống với Gia đình. Ngày mừng một Tết, họ phải bận rộn tiếp khách, hoặc là ngồi xem vô tuyến truyền hình với chương trình đặc biệt đầu năm. Sinh viên đại học thì được tự-do hơn, trong đêm giao thừa, và ngày mừng một Tết, họ có quyền ăn chơi. Các thư sinh bạch diện trong mấy ngày này có nhờ say sưa thì cũng chẳng sao. Các cô con gái háy-hây mà hồng ở đại học, thường mệnh danh là tiết hạnh khả phong chàng nữa, trong những ngày này cũng có thể được quyền về khuya. Chính vì lẽ đó mà trong đêm giao thừa hay đêm mừng một Tết, đến mãi 3 giờ sáng mà tôi còn bắt gặp những đôi nhân tình chậm bước. Một số đông sinh viên khác, nhân cơ hội này đề từ bỏ Tokyo, viễn du thám hiểm ở những vùng đồi núi có nhiều tuyết để có thể đi chơi ski hay skate được. Tuy nhiên, sau những giờ vui đùa với tuyết, trở lại khách sạn hay lữ quán, họ vẫn hưởng trọn vẹn cái Tết.

Trong ngày Tết, sinh viên thường có cái thú « mạc chược » hay là đánh Rummy hoặc Poker. Đối với trẻ em, con trai thì thường đánh vụ, chơi điếu. Hai trò chơi này bây giờ chỉ còn ở các vùng quê ở miền nam nước Nhật. Trẻ em ở tỉnh thì chơi bài tây, như là chơi bài theo loại giải trí nhớ dai, chơi bài tính điểm 51 điểm, hoặc là xếp bài theo thứ tự theo lá 7, gọi là SITI-NARABE, thường thường cách chơi bài tây theo lối Nhật hoặc lối Mỹ rất là dài dòng vãn vãn. Đặc biệt hơn cả đối với trẻ em gái, lối chơi đánh hoa gọi là HANTESUKI và cũng nên nhớ là trong các cuộc chơi giải trí trên không bao giờ ăn tiền, mà họ chỉ thường dùng kẹo bánh, hoặc bằng cách vẽ mặt đề cuộc nhau. Đối với sinh viên thì nhiều cô cậu tính nghịch hơn, cuộc nhau bằng những châu xi-nê, khiêu vũ hoặc là những cái hôn đầu năm. Riêng trẻ em ở miền Bắc nước Nhật, tỉnh AKITA hay tỉnh AOMORI chẳng hạn, thì trẻ em ở vùng tuyết phủ này xây những cái nhà tuyết gọi là KAMAKURA, và chui vào trong ấy để uống rượu ngọt, gọi là rượu AMAZAKE, ăn

bánh MOCHI và đánh bài, vui nghịch.



Ngày Tết ở Nhật, năm đầu tiên đã làm cho tôi cảm thấy bơ vơ lạc lõng, và thiếu mất đi một cái gì, nếu không phải là xác pháo. Nhớ và nhớ, lần thương và tiếc. Nhiều lúc tôi nghĩ đến pháo, mơ được đốt những phong pháo dài, đâm chần lên xác pháo màu hồng, đỏ cả đường phố Saigon. Tôi đem ý tưởng ấy kể cho người bạn gái của tôi nghe, thì nàng rũ cười. Tôi còn bảo với nàng là tiếng pháo không những chỉ có trong ngày Tết, mà trong ngày hôn lễ cũng có lệ đốt pháo. Nàng bảo với tôi, như thế thì trong đời của chúng ta bao giờ cũng là xuân cả. Tôi không đồng ý với nàng về ý tưởng ấy, tôi cũng không phản đối và bảo ý-tưởng ấy sai. Vì giữa nàng và tôi không có cùng chung một cảm điềm.

○ Cái Tết năm đầu buồn chán ấy đã dần dần mất đi, để lại trong tôi những màu sắc đậm đà tươi đẹp. Tôi cảm thấy quen thân với nó nhiều hơn, qua những nụ cười ngây dại, những mái tóc ngắn xinh-xinh, những khoe mắt dài huyền hoặc. Dù

trong hiện tại tôi chưa có một ý niệm yêu thương nào đối với nó, nhưng tôi nói rất nhiều về nó. Trong sự tò điềm ấy, không phải chỉ bằng một hình thức lịch sự để làm vui lòng nó, mà bằng một thứ tình cảm mới. Cái xơ-xác âm-đạm của tiết khí mùa đông trong ngày Tết, không làm cho lòng tôi cô đơn tẻ lạnh, mà chính nó, Tết đã reo rất vào tâm lòng lạng lẽ, buồn chán của tôi những hơi ấm nồng-nàn, những cảm giác thích thú. Tôi đã quen dần với cảm giác mới lạ ấy, và đôi lúc tôi có ý nghĩ muốn giữ lấy nó, mãi mãi với tôi. Hình ảnh chét chóc của cây cổ không còn là đối tượng đáng ghét, ghê sợ đối với tôi nữa, mà tôi mãi mê nhìn nó, muốn ôm ấp chiếm đoạt lấy nó.

Với tất cả những hương sắc đậm đà ấy, với những phong tục tập quán xa lạ, ngày Tết Nhật-bản đã đem lại cho tôi một nếp sống mới, một cảm tình mới.

NÔNG-BẢNG-GIANG
(Tokyo)



tuồng Lê-Huê. Có lần, cũng theo lời nó nói, năm đó nó cũng trông rỗi, — nó lên trét đồ... dờ trên mép râu-ria treo trên vách. Bữa đó hát tuồng Huê-dung-Đạo ông Trương bị mùi bất-nhẫn kia không tha, nên ngữ-nghe muốn tét cuống-họng. Làm ông Quan-công cũng chẳng rõ tại sao nhị-đệ ghét Tào-Tháo hơn mọi khi. . .

★ HUỖNH-KHẮC-DỤNG

K H A D I

MỒI năm, gần đến lúc «đập-dông», liết trời lạnh-lạnh nếu không có hứng để làm thơ, tôi hay nhớ tới một thằng bạn học cũ trường trung-học Mỹ-tho. Nó tên là KHẮM, vốn dòng «trâm-anh», con một ông Phú, linh-tráng kêu tung là «Cậu Sáu»; theo lời nó hay kể lại, hồi ba nó còn ngồi quận, mỗi đêm muốn đi coi hát bội, bắt lính hầu công đi, sau khi «nợ» bà già nó được tiền-xu. Vô cửa không tồn tiền, mà còn vô tuốt trống buong, coi chị ba Lài sấm

Mấy tháng đầu năm 1922, học «anh-lạc» (interne) trường Mỹ, thấy bằng mặt thằng công-tử ấy tôi phát ghét; nhưng trước lạ sau quen, tôi và nó không bao lâu trở thành cặp bài trùng.

Thằng quý đó, ốm-nhóm, ốm-nhách như đũa thiếu ăn, mặt mét-mét như rét kinh-niên, ngực thì cong, lưng thì khòm, mắt lại lé hơi, tai vành, lại có cái tật rần-mắt thì... khời can! Nó ngủ chung một từng lầu với tôi, lớp học ngày, lớp học tối, bàn nó khít bàn tôi nên đầu muốn đầu không, tụi tôi cũng thân nhau... như bóng với hình.

Cái thằng sao mà làm biếng không chỗ chê, chỉ cái miệng lách-chách, bộ mặt quý-thần, lúc nào cũng như đi đưa đám ma. Ban ngày vô lớp ngó mòng ngoài sân hay lóng tai nghe tiếng xe ngựa chạy ngoài đường hay tiếng chuông của mấy gánh cà-rem các-chú; thầy rầy như không, tối ngồi *é-tuýt* (étude) ông cũng chơi chong, không học chữ nào hết. Các bạn có biết nó làm gì không? Thưa: nó viết báo! Trời ơi! mới 15 tuổi, mũi mũi chưa sạch, học năm thứ nhứt cao-đẳng-tiểu-học nghĩa là mới vừa đậu *xéc-ti-phi-ca* (certificat d'études primaires) — còn 4 năm dài đăng-đăng nữa mới thi *dip-lôm* (Diplôme de fin d'études primaires-supérieures, — như bằng Brevet élémentaire) thể mà đã làm báo! Phạt trên bàn thấy nó cũng đồ quạu nữa, lựa là con người! Mà như là mấy ông «*rep*» (répétiteurs: các vị giáo-viên canh-chừng trật-tự và giảng bài cho học-trò trong giờ *é-tuýt*). Lẽo đẽo, mấy ông rinh sau lưng thằng quý đó, coi nó làm gì, thì ra nó hí-hoáy, viết nhựt-trình, bằng ngòi sắt hiệu «Sergent-major», chữ nhỏ ri, trên 1 tờ giấy cỡ 26 x 30 phân, gấp đôi lại. Nó viết thao-thao bài này sang bài khác, có «tit» hần hoi, chớ đừng tưởng lời-

thôi đâu nhé? Bài của nó viết, lẽ dĩ nhiên là... ba-làng-nhàng... phần đông là nói chuyện phiếm, tiểu-lâm, chọc cười, kiêu-ngạo đũa này, chỉ-trích thầy kia. Mỗi nhân-vật của nó đều đặt tên dằng-hoàng. Sau khi mất toi hai buổi học tối, là tờ báo hoàn-thành, phát-hành được rỗi. Chủ-nhiệm là KHẢ-DĨ (tôi chắc lúc đó nó cũng không hiểu nghĩa hai chữ này là gì nhưng tự gán cho mình cái bút hiệu nghe kêu là được), chủ bút cũng nó, thơ-ký tòa-soạn cũng nó, mà lên-lút chuyển tay lớp này sang lớp khác, cũng là nó. Mà cũng ngộ: chẳng những trong lớp, trên «*dol-toa*» (dortoir) trước khi ngủ, mà ngoài sân chơi, đũa nào quạu gì cũng kiểm đọc tờ «MỸ-THO LUẬN-ĐAM» giùm năm giùm bảy, đọc giùm cho nó! Kể ra, thằng Khả-Dĩ cũng tài thật, nó chạy tin-tức châu-đảo lăm: từ dưới nhà-bếp là khu-vực ông đốc cấm học-trò bèn mặng, lại nhà chị Tám công-xec (concierge) qua sân trong nhà ông giáo-sư toán, họ TẠ mà thằng nào cũng «ngán», cho tới nhà ông đốc MADEC, đũa nào bắt bớ với Bác ba (ông già nấu ăn) đăng xin về-com-cháy-mỡ, thằng nào bợ-đít ông họ TẠ đăng ông bốt hăm-hừ, thằng nào làm bộ đi đá ở góc cầu-tiền,

rồi ngó MADEC tiểu thơ, chuyện gì nó cũng biết, cũng thạo rảo! Mà... Trời, cái giọng kể chuyện của thằng Khả-Dĩ mĩa-mai ghê lắm và phê-bình như mấy ông cụ... « Ở đời... là vậy đó ». Các bạn học gọi đùa nó là « Khỉ giả tiên-sanh », hoặc là « Khỉ-già lão-tổ », cậu ta tức lắm mà không dám gây, sợ ăn đòn. Có lẽ nó nghĩ mình là nhà văn mà bọn phàm-phu tục-tử không biết né-nang tôn-kính.

Trong lớp đệ - nhứt (1ère année) có ông thầy dạy Pháp - văn là ông C. nói tiếng Tây như bập rang, thuật chuyện đời xưa là số dách, mặt thi đen, mắt thi lé, miệng thì móm-xòm lại thích cười duyên. Có tật cho điểm bài luận thi kẹo hết chỗ nói... Có một lần, ông ra một đề-luận : « Décrivez une malabare ». Không rõ cố-ý hay vô-tình, thằng Khả-Dĩ tả một anh chà-và; « ảnh đen thui như lọ chảo ». Trong trường tụi nó đặt cho mỗi ông Thầy một tên riêng để khi nói chuyện về các ông, các ông không biết. Âu cũng là một tập-quán chung cho tuổi thanh xuân các giới. Ông C. mang tên là « anh Bảy Miền dưới » vì chúa-nhật đi ngang nhà, thấy ông bạn chần ra sân tĩa bông. Giống như chà-

và bán vải ngoài chợ Mỹ. Hễ nói « anh Bảy Miền dưới », là biết ngay ông. Thét rồi, ông cũng độ ra. Hôm trả bài và cất nghĩa cho học-trò, ông kêu Khả-Dĩ lên, một tay thì xách tai nó chằng-chằng, nó đau, nhón gót lên, cái miệng méo-xẹo, một tay thầy cầm cây thước, nhịp-nhịp trên bàn và bắt nó đọc lớn lên : « Le Malabar... lui... noir comme charbon sous les poëles... » Ông C. cười gằn và mắng : « À! thằng này giỏi thật! Mày về nhà đọc cho tĩa mày nghe như vậy, nghe không? » Rồi thôi, không đánh, không rầy nữa, chỉ dến cho nhà văn một cái trứng không-lồ thêm gạch dít, nghĩa là chúa nhựt tuần đó khỏi ra chợ. Tội cho thằng Khả-Dĩ của tụi, tình ngay mà lý gian... « Ở đời, vậy đó...! » Nó đâu có dè thầy biểu tả hình-dáng cái xe-kiếng, tiếng Pháp gọi « une malabare » là thứ xe bèn Ấn Độ nhập-cảng qua xứ mình, từ xưa, thứ xe bằng cây, vuông dài, bích-bùng bánh cao-su đặc, nặng-nề, ngựa kéo, trong có hai ghế dài kê ngang, 4 chỗ ngồi, bèn hông có cửa kiếng, kéo lên hạ xuống được, người đánh-xe ngồi phía ngoài... Hôm đó, tụi mới thấy thằng bạn tụi buồn, rưng rưng nước mắt.

Năm 1923, chúng tụi vừa lên 16, thế mà thằng Khả-Dĩ đâm ra biết... diện như chữa bao giờ. Nào là áo u-oe bằng ga-bạc-din, nào là cà-la-oách đỏ, nào là giày ét-cạc-banh đen bóng láng. Hỏi ra, thì anh ta bị cha mẹ ép đi « coi vợ »! Ông nội ơi! Tụi mà ở vào địa-vị nó, chắc mắc-cỡ chết đi được. Nhưng cái thằng ranh con ấy, coi bộ khoái chí-tử!

Từ ngày nó đi hỏi được vợ tụi sau, nó trở nên nghiêm-nghị, ít phá thầy gheo bạn, chăm học, tháng nào cũng được ghi tên vào « bảng danh-dự » (tableau d'honneur) chờ khi có lễ nghỉ hay bãi-trường đem về lấy-le với ông già vợ là một ông điền-chủ ở nhà-quê.

Năm 1925, giới học-sinh đồng lòng đề tang cụ Phan - Châu - Trinh. Tụi trường Cô - le (Collège) cũng hàng hải ghê lắm! Mạng nào cũng thù Tây và ghét mấy thằng liếm giày « mẫu-quốc » bất-luận dưới hình-thức nào. Lễ dĩ nhiên, nhà văn Khỉ-già hoạt-dộng ráo-riết trong bọn diễn-giả, dâng-dàn, kéo bàn ra sân cỏ, trèo lên hô-hào đá-đảo Tây dữ-dội. Cũng dưới sự chỉ huy của Khỉ-già và một nhóm bạn lớp đệ-từ (năm chót thi ra trường) mới xảy ra vụ phá cổng nhà trường, xếp hàng tư, phá bót

cảnh-sát, liệng đá vào gây thương-tích cho ông Cò, ông Phó Tham - biện, linh tấn-công nhẹ - nhẹ, thế mà có bạn chết giắc, thằng Khả-Dĩ bị ăn bá-súng, tụi này xúm công cậu về trường, khuấy sữa cho nó uống, khi tỉnh dậy, nó cười... và nói : « Ở đời, là vậy đó : hễ mình yếu thì người ta đập trên lưng mình, mình có cú đầu họ mới ngồi trên được, tụi bây à. Tao đoá mấy thằng lính quạ, tao sẽ học nghề-võ ăn thua đủ với tụi nó cho bày coi. Học chữ Tây làm quái gì! Tao sẽ nối chí ông Phan - châu - Trinh. » Nó không biết nhà ái-quốc, chỉ nghe phong-thanh thôi. Lúc nhà chức-trách chưa đòi hỏi đến nó và mấy người dẫn đầu dám biểu-tình, Khả-Dĩ đâm ra chán ghét cảnh nhà trường, nhứt là một ông « rệp » già, bụng phệ, vô ê-tuyệt cứ chưởi xiêng chưởi xéo tụi này : « Sà gì một thằng tui mà tụi bây đề tang, như tĩa bày chết không bằng? »

Thằng Khả-Dĩ giận lắm, tụi lên lầu chờ ai nấy ngủ hết, lén-lén vô phòng ông rệp già, trên bàn có cái ca nước trà, rót để sẵn đó, cứ mỗi bữa 5 giờ sáng, trống đánh gọi dậy rửa mặt, ông già ực trước ngậm nước trà rồi mới xuống lầu súc miệng. Thằng quỷ của tụi lấy ca nước

ng ráo rồi đãi thế vô, để lại
cũ, ông Rệp già mắc toi ấy
g dậy, ba chớp ba sáng,
ng ca hợp một hợp, phun
eo-phèo ... chưởi «cha thằng
i nào phá tao?» và lo chạy
úc miệng lẹ-lẹ. Thế là một
cho tội này cười bê bưng.
ai đâu mà phạt?

háng Khả-Dĩ và vài ba bạn
c bị nhốt vào khám ít ngày
nhà trường đóng cửa luôn.
một nơi.

Đã sau, tôi được biết nó sang
p, đi bằng cách làm công
i chiếc tàu Paul LECAT,
g một cuộc sống vất vả vì
eo, nhưng học cũng thành.

Đi cách đây một năm, tình
trong một buổi tiệc tại đàn
Điền-Tri, tôi gặp lại bạn tôi,
Đôi. Tuy cặp mắt hãy còn
quắc, đang trò-chuyện với
nữ thi-hữu. Vừa thấy tôi,
phá cười to lên và ngâm
câu:

*in lại, xuân qua, đã mấy
lần?*

*buồn, vinh nhục, cũng vì
xuân...»*

Đôi nói luôn.

Bạn cười và lấy làm lạ sao
Đôi quen với Khả-Dĩ đến gọi

nhau mấy tao. Thằng quý ấy
bèn ngó tôi và ngâm, giọng hơi
run run:

«*Năm chục năm qua, thăm-
thoát mau,*» rồi nín nỉa. Cô
bạn gục tôi: «Tuần-Lý tiếp câu
thừa đi, xem nào?» Tôi bèn chỉ
Khả-Dĩ và nói theo:

«*Da nhẵn, má phụn, tóc phai
màu*»; tôi tiếp luôn:

«*Tai nghe danh-lợi, tro như
phông.*»

Khả-Dĩ: «*Miệng nếm nhân-
tình, chát tợ cau*»

Tuần Lý: «*Sáng sớm nở
như con én liêng.*»

Khả-Dĩ: «*Chiều tà lặng - lẽ
cời ve sầu.*»

Cô bạn vỗ tay: «*Hay! hay!*»
Bác-sĩ Điền - Hường đứng xa
chạy lại:

— Gi mà vui dữ vậy? Tôi
chuyên: «*Bụi đời không bám
lông thanh - bạch.*» Khả-Dĩ kết
ngay: «*Hun-dúc tâm-hồn, đợi
kiếp sau.*»

Sau bữa cơm, nó nháy tôi lại
ngồi cạnh nó, và mọi nỗi hàn-
huyên.

«*Đời tao sao buồn mãi, mây
à. -- Máy thẳng chó chết, hễ
tao nhớ tới, là muốn bịnh*

liên. Không biết sáu bảy năm
nay, có phải tại đau gan kinh-niên
hay sao, mà chén cơm dường
như nhỏ lại, và nuốt như nuốt
sạn, làm việc cầu đủ nuôi vợ con,
có dư-dã gì đâu. Còn mầy? Tao
nghe mầy cũng cố-gắng lắm
đó, thì phải? Tôi chưa kịp
đáp, Khả-Dĩ thêm: «*Tao chỉ
thương hại cái tội chó ngu, cứ
đeo theo bọt nước bèo mầy
mà không thiết gì đạo-đức. Tội*

ngiệp tội nó. Nắm xuống, cũng
phủ tay trắng, như mầy, như
tao, vậy mà lo hốt hoài... bắt
chấp nhân-tử, đạo-hạnh...»

«*Ở đời, là vậy đó mầy.*»

Tôi hãy còn văng-vẳng bèn
tai mấy lời của bạn cũ. Nhưng
không biết nó nói ai, cũng
không muốn hỏi xách-khoe
nó làm gì...

TUẦN-LÝ



★ KHOAI TÂY

Một bà nội-trợ đi chợ nhìn giỏ khoai tây, hỏi người bán:

— *Khoai Nhật hay khoai Tây đó chị?*

Người bán chau mày trả lời:

— *Mua khoai để ăn thì khoai nào ăn chẳng được, có phải mua về
để nói chuyện hay sao mà phải cần biết Nhật hay Tây?*

★ Danh-ngôn về người đàn-bà

● *Đàn bà là kiệt tác của vũ-trụ.*

(La femme est le chef d'oeuvre de l'Univers).

LESSING (Nhà-ăn Đức)



PHỤ NỮ MỚI CỦA Mùa Xuân

THỂ - HỆ

CHRISTA ABEL

CHRISTA ABEL là một nữ Kỹ-giả trẻ trẻ tuổi ở Hamburg, nước Đức. Nhân mùa Xuân ở Đông-phương, cô gởi sang chị em bạn gái Việt-Nam một câu chuyện làm quà về phong trào phụ-nữ mới ở Đức hiện nay. Mới không phải là một quần mới chật ống, một áo mới không cổ, không phải mới điệu nói bộ đi, mới ăn chơi nhây nhót, mà mới là hàng hải tranh đua làm các công tác và nghề-nghiệp khó nhọc về tay chân mà từ trước đến giờ vẫn để riêng cho đàn ông. Mới, là mới trong quan-niệm tiến-bộ về phụ-nữ chức-nghiệp.

CÒ gái đứng « pom » xăng bán cho xe hơi của khách hàng vừa chạy đến đậu trước sân ga-ra kia, tên là Heidi. Cô là một thiếu-nữ trẻ đẹp, duyên-dáng như muôn nghìn thiếu-nữ khác của mùa xuân Thế-hệ. Chỉ khác ở nghề-nghiệp của cô mà thôi. Trước đây vài chục năm, khó mà thấy được hàng ngày những cô gái làm nghề thợ máy sửa các máy xe hơi, lau dầu mỡ, thay một cái bánh xe, hay đổ xăng vào trong xe, không khác nào một thợ chuyên nghiệp đàn ông. Ngày nay, trông thấy những cô thợ máy kia không còn ai ngạc nhiên nữa. Heidi làm công-tác chuyên-môn không khác gì một người thợ đồng nghiệp của phái Nam. Và cũng như thợ đàn ông, cô đã học nghề và đã đi thi lấy được bằng cấp chuyên nghiệp.

Ngày nay, phụ-nữ nhiều nước trên Thế-giới đã làm những nghề nghiệp lao-động mà từ trước vẫn chỉ có đàn ông mới làm được. Phạm-vi hoạt-động của nữ-giới đã mở rộng thêm ra, và

lan tràn khắp các nghề. Vì thế mà nhiều liên-đoàn hay hiệp-hội chức nghiệp ở Âu-Mỹ đã có chân đứng của đa số các cô các bà làm thợ tiện, thợ rèn, tài-xế taxi, họa-đồ kỹ-nghệ, sơn nhà, quét nước vôi, cả đến nghề thợ sắp chữ ở nhà in nữa, v.v... Đây là những nghề trước kia chỉ để dành riêng cho Nam-giới.

Ở Hamburg, nhà xã-hội-học Karl Martin Bolte có mở một cuộc điều tra để xem phụ-nữ ưa thích những nghề nào, căn-cứ trên phạm-vi gia-đình và xã - hội của họ. Kết-quả đầu tiên của cuộc điều-tra ấy đã khiến cho ta ngạc-nhiên.

Về chức-nghiệp tự-do, sắp hạng như sau đây :

Thích nhất là nghề Bác-sĩ, rồi đến nghề Giáo - sư Đại - học, Trung-học, Công-chức cao-cấp, và Y-tế xã-hội. Số nữ sinh-viên Đại-học tại Tây Đức năm 1952 có 19.000 người, sang năm 1960 lên đến 60.000 người. Có 600.000 (sáu trăm ngàn) phụ - nữ đang làm Giám-đốc hoặc Chủ-sự chuyên

các hãng kinh-doanh kỹ-nghệ
bương-mãi, trực - tiếp điều.
những nhà máy có hàng
thợ đàn-ông, hoặc chịu trách
về các công-tác của đủ các
chuyên nghiệp. Nhiều người
rằng phụ - nữ thiếu ý niệm
quan và thiếu sức khoẻ về
chất, lại kém khả-năng về khoa
thực-nghiệm. Nhưng thời-
đã thay đổi nhiều và xã-hội
tiến-triển không ngừng.

Những thành-kiến của Thế-kỷ
không còn giá-trị nữa ở
kỷ XX.

Uầy vậy, phụ-nữ chúng ta cũng
từ-bỏ được hẳn một vài ảnh-
truyền thống, và còn quen
các thành-kiến của phụ-nữ,
như nhi-đờng. Thí-dụ như
ta cho là chuyện rất «thường
» khi chúng ta an-ủi những
lệ của một em bé gái trong
chúng ta lại có thể rầy la đũa
trai đang khóc.

Chúng ta vẫn cho rằng người
gái là phái yếu, và phải
c kính - nể hơn. Những
đời đàn-bà nào đã đảo lộn
c những thành-kiến cổ-truyền
lại cũng không sao khỏi tự

cảm-giác trong thâm-tâm mình
một chút ân-hận...

Để tránh những sự - kiện
trên kia, các thiếu-nữ sắp-
sửa ra đời đảm-đương một nghề-
nghiệp, được thọ-linh trong các
học-đường một giáo-huấn thực-
tế hơn. Họ học các môn công-
dân giáo-dục, tiêm-nhiễm tư-
tưởng trừu-tượng nhờ Toán-
học và Khoa-học, và được diễn-
tả ý-nghĩ và bản-cái tự-do.
Người phụ-nữ tân-tiến học được
phương-pháp tự-chủ lấy mình,
chế-ngự các tình-cảm của mình,
kiểm-soát được các tính nóng-
giận, sầu-bi, oán-hờn, ghen-ty,
sẽ dần-dần thay-thế cho người
phụ-nữ «phái yếu» của thời xưa.

Nhờ được đức tính mềm-dẻo
và ứng phó dễ-dàng trong mọi
trường-hợp khó-khăn, người
phụ-nữ tiến-bộ ở các cấp-bực
chỉ-huy, đã hơn các đồng-nghiệp
đàn-ông, vì đàn-ông làm việc
gắt-gông hơn và khắc-khổ hơn.
Một bà hay một cô Giám-đốc ở
Văn-phòng thường cố gắng
giải-quyết mọi vấn-đề thắc-mắc
trong công-tác với bạn đồng-

nghiệp đàn-ông, bằng cách ngoại-
giao mềm-dẻo, khôn-khéo hơn.

Hiện nay, ở Liêng-bang Tây
Đức, số phụ-nữ điều-khiển các
công-sở, tư-sở, đã chiếm 40%,
và con số ấy chưa phải là tối-đa.
Vừa rồi, một cơ-quan điều-tra
phỏng-vấn 1.300 cô nữ-sinh
Trung-học ở Hamburg về dự-

định tương-lai của mỗi cô, thì
1299 cô đã trả lời sẽ chọn một
nghề hoạt-động chuyên-nghiệp.
Chỉ có 1 cô tuyên-bỏ : « Tôi
không có tham-vọng gì cả... Tôi
sẽ thỏa-mãn được làm một người
nội-trợ tốt trong gia-đình, thế
thời... »

CHRISTA ABEL



* SAY RƯỢU

Minh thấy bạn bó ngón tay trở liền hỏi :

— Tay anh sao bó vậy ?

*— À, đêm qua tao ở nhà hàng ra về, bị thằng say rượu đập
tao đập ngón tay đó đi.*

— Có đập nhầm thì đập nhầm bàn chân, chớ sao lại đập nhầm tay?

— Bị tao nắm.

— Làm gì mà nắm ?

*— Thì tao cũng say, tao té tao nằm xuống đường nên bị đập
nhầm tay chớ sao!*

quay lại, anh mỉm cười xin lỗi.
Cô gái cũng mỉm cười đáp lại.

Hoàng liên tưởng tới Uyên.
Anh biết chắc chắn, từ giờ phút
này anh đã mất nàng vĩnh-viễn !
Anh đã đợi chờ nàng mấy mùa
xuân rồi, giờ đây — mãi cho tới
sáng nay — anh mới biết được
sự thật.

Nếu không có sự gặp gỡ bất
ngờ đó tại nhà người bạn anh,
có lẽ không bao giờ anh có thể
hiểu được sự thật cay đắng này.

Cuộc đời cũng trở trêu thay !



Nhận được thư của Trần ở
Huế gửi vào mời Hoàng ra ngoài
đó ăn Tết, anh liền nhận lời ngay.
Đọc những lời « quảng cáo » của
bạn, anh đã thích Huế rồi. Theo
lời Trần, khí hậu ở đây, vào đầu
năm cũng lạnh-lẻo, có mưa phùn
bay lất-phất.

Phải có lạnh, có mưa bụi mới
thật là Tết. Sống mãi ở Saigon

LỖ MÁY

vào những ngày đầu năm thật là
chán chường. Mặc bộ đồ lớn,
ngồi taxi chạy khắp nơi, dưới
ánh nắng gay gắt như mùa hè
ngoài Bắc để thăm viếng chúc
mừng bà con, bè bạn thiết đúng
là một cực hình. Nhưng không đi
được.

Lá thư của Trần đã giúp
Hoàng thoát khỏi cảnh khổ-cực
đó.

Sáng 28 Tết, Hoàng xách chiếc
valy nhỏ đạp xe ra hãng máy bay
Air Việt-nam, rồi từ đây, anh đi
xe của hãng ra phi-trường Tân-
son-Nhất.

Đã năm năm rồi, giờ đây anh
mới lại bước chân lên máy bay.
Những cảm giác lo lo nhưng
thích thú của buổi ban đầu không
còn nữa, giờ đây con chim sắt
đối với anh không còn xa lạ gì.

Vì Hoàng có đánh điện-tín
cho vợ chồng Trần hay anh sẽ
ra sáng nay, nên khi máy bay hạ
cánh xuống phi-trường Phú-Bài,
anh đã nhìn thấy vợ chồng người

bạn đang đứng chờ nơi phòng
đợi.

Sau khi hỏi thăm sức khoẻ
của Hoàng, Trần nói :

— Tết năm nay ở nhà mình vui
lắm, còn có cả vợ chồng Bình nữa.
Khuya nay họ sẽ ra bằng xe lửa.
À, cậu có biết Bình không ?

— Hình như không thì phải.
Hoàng phân vân đáp.

— Bình làm việc ở Nha-trang.
Anh chàng mới lấy vợ hồi đầu
tháng chạp này, Cô vợ tên là Uyên

Hoàng giật mình vội hỏi :

— Vợ Bình tên là Uyên ư ?
Uyên nào thế nhỉ ?

Nghi ngờ, Trần hỏi bạn :

— Cậu quen vợ Bình sao ?
Hoàng vội lắc đầu :

— Đầu có, mình đã biết vợ
Bình là ai đâu.

Dù trả lời vậy, nhưng khi ngồi

✱ **HOÀNG-THẮNG**

M Ì Ò A X Ò Æ N

xe đi vào thành phố, Hoàng
bản khoản ngẩng tới người đàn
— dù anh chưa gặp mặt —
tên Uyên.

Người yêu của anh cũng tên
Uyên, cũng ở Nha-trang một thời-
n và đã lâu rồi anh không
được tin tức của nàng. Hoàng
mong Uyên — vợ của Bình
khôn; phải là Uyên, người
của anh.

Nhưng biết đâu... Cuộc sống
cả một chuỗi bất ngờ nối tiếp
au. Nếu người đàn bà mà anh
gặp lại, chính là Uyên của
n, anh sẽ phải xử sự thế nào?
hàng đành lắc đầu cố xua đuổi
ý nghĩ buồn chán đó.

Khi vợ chồng Trần rủ Hoàng
ga đón vợ chồng Bình, anh đã
n lễ mời mỗi đề ở nhà. Sự
t, anh muốn tránh cuộc gặp gỡ
y nếu chẳng may, người đàn bà
chính là Uyên của anh.

Do thói quen ở Saigon, mãi
n giờ sáng hôm sau Hoàng
vị thức giấc. Khi bước ra
dòng khách, anh nghe có tiếng
i cười của vợ Trần và một
trời đàn bà khác. Chắc là Uyên,
của Bình.

Nhưng Hoàng ngạc nhiên
đứng sững. Tiếng nói của người
đàn bà nghe quen quá. Anh phân
vân nghĩ ngợi: « Chẳng lẽ là
Uyên của mình? »

Người đàn bà ngồi quay lưng
về phía cửa buồng trong, nên
không thấy Hoàng bước ra. Vợ
Trần đứng dậy giới thiệu:

— Đây là anh Hoàng, bạn
thân của chúng tôi.

Chỉ người đàn bà đang ngồi,
nói tiếp:

-- Còn đây là chị Bình.

Hoàng nhận thấy mặt người
đàn bà tái hân đi. Đúng là Uyên
của anh hồi trước. Mặt anh nóng
bừng, khó chịu.

Liếc nhanh thấy vợ Trần lộ
vẻ ngạc nhiên vì cử chỉ của hai
người, Hoàng vội ấp úng nói:

— Hân hạnh được biết... chị.

Ngay lúc đó, Trần ở ngoài sân
đi vào cùng một người nữa.
Hoàng đoán là Bình.

— Kia Hoàng, sao đây muộn
thế? Minh giới thiệu đây là Bình,
cũng là bạn quen cả.

Bình niềm nở bắt tay Hoàng.
Chợt nhìn thấy vợ, mặt xanh

như tàu lá anh vội vã chạy tới
bên, hỏi:

— Em làm sao thế?

Uyên lắc đầu:

— Hình như em bị gió thì
phải.

Vợ Trần lên tiếng:

— Anh Bình hãy đưa chị
vào buồng nghỉ đi. Để tôi đi lấy
đầu thoa.

Uyên vội xua tay:

— Thôi, em khỏi rồi. Cảm ơn
chị.

Bình không yên tâm, cố dìu vợ
vào trong buồng. Khi hai người
đi ngang chỗ Hoàng đứng, Uyên
liếc nhanh nhìn anh. Hoàng không
hiều nàng buồn cho anh hay cho
chính nàng, khi anh nhận thấy
đôi mắt rầu rĩ của người xưa.

Trong lúc mọi người mãi chú
ý tới cơn bệnh của Uyên, Hoàng
lặng lẽ đi ra phố. Đầu óc anh
lộn xộn, không một ý nghĩ nhất
định. Hình ảnh trước mắt mờ mờ
như có sương mù bao phủ.
Hoàng không nhìn rõ hẳn một
ai, một cửa tiệm nào. Máu nóng
bốc lên đầu rùng rục, làm anh
hoa mắt. Hơi nóng như muốn

toát ra khỏi chân tóc.

Thế là Uyên đã lấy chồng
rồi! Vậy mà anh đã tổn mất
bao thì giờ chỉ để dành nghĩ
tới nàng.

Hoàng tạt vào ngồi trong một
quán rượu. Chỉ có rượu mới
giúp anh giải thoát cơn sầu khổ.
Cầm ly rượu trong tay, anh lắc
mạnh. Sóng nước chạo đi chao
lại trong chốn chật hẹp hình
khối như muốn trào ra ngoài.
Cục đá chạm vào thành cốc
kêu lạnh canh gợn gợn. Hơi lạnh
toát ra ngoài ly thủy tinh, thấm
vào tay, vào da thịt làm anh
khoan khoái, dễ chịu.

Hoàng im lặng đắm hồn vào
dĩ-vãng, một dĩ-vãng tươi đẹp
êm đềm. Nhưng anh vội lắc đầu
xua đuổi cái dĩ-vãng đang ám-
ảnh anh. Nghĩ tới làm gì nữa.
Dĩ-vãng hãy xếp lại. Chỉ biết
có hiện-tại. Hiện-tại đau khổ
vì bị lừa dối, bị phản bội. Con
người luôn luôn nói « Em yêu
anh! Em yêu anh! » bây giờ
đã quên hẳn anh và lấy chồng
rồi. Thật là ghê tởm những lời
nói êm dịu, ngon-ngọt đó.

Hoàng nhìn vào trong lòng

ột hình ảnh hiện ra, mờ
rõ dần, rõ dần. Hình ảnh
Những khi muốn quên
ai là lúc nhớ tới nhất.
muốn đắm mạnh vào ly
ho tan vỡ hình ảnh độ đi
hình ảnh Uyên đã tan dần,
trong sóng rượu. Hình
a dĩ-vãng lại len lỏi hiện
c mắt anh.

Hoàng nhớ lần đầu tiên
áp Uyên, anh có cảm
như mình đã gặp nhiều
một nơi nào mà anh không
Bởi vậy, anh tìm cách
yên nạng.

Tôi trông cô quen quá,
r tôi đã gặp cô ở đâu
n. À, hình như ở Phú-
thì phải.

àng, tôi ở Phú-Nhuận.
ng anh cũng quen lắm.

g câu chuyện, đột nhiên
o anh :

hú thật với anh là tôi
p anh bao giờ cả.

ôi cũng thế — Hoàng thú
oi cũng cố nghĩ thì ra tôi
gặp Uyên bao giờ thật.
có điều không ngờ là
ình cùng ở Phú-Nhuận cả

Hai người cùng cười xòa khi
rõ nhà Uyên chỉ cách nhà anh có
một cái ngõ.

Sau buổi gặp gỡ, đó Hoàng
không thấy Uyên nữa. Một
tháng sau, anh nhận được một
lá thư. Nhìn tên người gửi đề
ngoài phong thư, lòng anh xao-
xuyến lạ. Đó là thư của Uyên.

Sài Gòn ngày 23. 3. 195.

Kính gửi anh Hoàng,

Chắc anh ngạc nhiên lắm nhỉ,
xé chiếc phong bì anh có ngờ đâu
lại bắt gặp thư em.

Thưa anh, từ hôm gặp anh tới
giờ đã gần một tháng rồi, em
không có thì giờ đến thăm anh
nữa. Anh ạ, vì em phải học ở
trung trường ngay sau hôm chúng
mình quen biết nhau. Trong thời
gian học tập, ăn ở trong trường
không được ra ngoài.

Lắm lúc nhớ anh quá mà không
thể nào ra được. Nhưng chỉ còn
vài hôm nữa thôi là mãn khoá
rồi anh ạ.

Thôi, xin phép anh tạm ngưng
bút, sắp đến giờ học rồi.

Sau xin chúc anh luôn luôn
mạnh khoẻ và tươi đẹp như lòng
em mong ước.

Người em, Uyên

Một tháng sau...

Saigon ngày 26-4-195.

Kính gửi anh Hoàng mến,

Thư lỗi cho em nhé, vì công
việc cũng không mấy khi được
rỗi rãi nên không viết thư thăm
anh. Nói như thế anh cho là quá
đáng nhưng thật thế, anh ạ. Tuy
vậy, nhưng lúc nào em cũng nhớ
tới anh. Có lắm lúc đi qua nhà
anh luôn, nhưng vì anh đi làm
nên cũng không hôm nào gặp.

Hôm nào rỗi, mời anh lại chơi
nhà em nhé. Anh cứ nhìn cái
nhà nào là nhà lá lợp xúp là
đúng đấy. Nói thật đấy anh
ạ.

Đã lâu không gặp anh, em
nhớ quá mà chẳng biết làm thế
nào, vì anh cũng đi làm suốt
ngày.

Thôi chẳng nói nhiều nữa,
hôm nào gặp anh, em sẽ nói
nhiều.

Xin phép anh tạm ngưng bút
và chúc anh luôn luôn vui vẻ,
đẹp như lòng em mong ước.

Em của anh
Uyên

Rồi...

Saigon ngày 4-5-195.

Kính gửi anh mến,

Lần trước anh bảo chủ-nhật
anh đến chơi, em chờ suốt ngày

mà không thấy anh. Có lẽ anh
quên, chứ chủ nhật thì bận gì.

Em nhớ anh quá, lâu nay
không được gặp anh. Đạo này
anh có được mạnh không?

Thỉnh thoảng anh viết thư cho
em nhé. Gồm anh của em lúc nào
cũng bận đến nỗi không có thì
giờ viết thư nữa. Anh chăm làm
quá.

Thôi đêm đã khuya, xin phép
anh tạm ngưng bút. Chúc anh
mạnh.

Em,
Hôn anh
Uyên

Những lá thư xanh tới tay
anh, đã làm cho anh không thể
im lặng được. Khi nhận được
lá thư đầu tiên, anh đã mong
Uyên đừng nên đi quá xa vì như
vậy sẽ mất thì giờ và sẽ khổ cho
cả hai người.

Nhưng anh đã yêu. Anh đã
«bị» lói cuốn vào tình yêu thì
đúng hơn. Anh không thể im
lặng được nữa, và anh đã thờ
lộ tình yêu cùng Uyên.

Nhưng khi nhận được thư trả
lời của nàng, anh lại không thể
làm sao hiểu nỗi Uyên được
nữa.

Uyên đã trả lời anh :

Đã mấy lần rồi, mấy lần
 đến bút định viết thư
 nh, nhưng trời ơi, không
 đủ can-đảm để viết, đành
 bắt quăng bút đi. Nhưng
 nay, dù sao đi nữa, em
 cố gắng viết cho anh.

hạ, từ trước tới giờ em
 coi anh như người anh và
 em đã chặn đứng lại,
 như theo lời anh dặn ở lá
 đầu là đừng bao giờ đi xa
 khổ tâm cho cả hai người.

muốn chúng ta tránh xa
 anh vực yêu đương ấy, thật
 vẫn mến anh và nhớ anh
 đời nào.

mong rằng, nhận được lá
 này, anh sẽ cố quên những ý
 ấy đi để rồi một ngày mai
 sẽ trở lại với cuộc đời vô
 tư xưa là em vui lòng.

Em anh,

UYỄN

là lửa tình của anh được
 đốt lên để rồi lại cũng
 nàng dập tắt. Anh không
 hổ, không thất vọng, nhưng
 vực mình. Lòng tự ái bị
 g tổn, anh tự cắt đứt liên

lạc với Uyên.

Một năm trôi qua.

Khi được tin Uyên làm việc
 ở Nha-trang anh vội viết thư
 ra hỏi thăm sức khoẻ của nàng.

Lại một lá thư xanh bay tới.

Nha-trang, ngày 18-2-196.

Anh mến,

Đã một năm nay bất tin anh,
 em nhớ anh quá. Em không hiểu
 tại sao anh giận em, nên em đã
 xin đổi ra Nha-trang cho vui
 nỗi sầu.

Xa anh, em mới tự nhận thấy
 em đã yêu anh.

Em yêu anh lắm anh Hoàng
 ạ. Hình ảnh anh luôn luôn ngự
 trị trong tim em, trong giấc
 mộng đẹp của em.

Những ngày vừa qua có lẽ ở
 Saigon vui quá, nên anh đã quên
 mất dĩa em gái mãi tận chân
 trời góc biển này, phải không?
 Nay nhận được thư anh, em rất
 sung sướng khi nghĩ đến ở
 phương trời xa vẫn có người
 nghĩ tới em, săn sóc em, và
 em cũng luôn luôn nhớ tới anh.

Sống ở Nha-trang khí-hậu tốt,
 nên người có phần dễ chịu nhưng
 buồn vì em phải xa những
 người thân và nhất là anh. Chủ
 nhật em cũng chả biết đi chơi
 đâu, mà dù có định đi một mình

cũng chán, nên em dành năm
 ở nhà cho hết ngày. Buồn thay!

Đã một năm em không về Sài-
 gòn, có lẽ cuối tháng này em phải
 về chơi mới được. Xa Saigon
 lâu em cũng thấy nhớ.

Anh nhớ viết thư cho em nhé!
 Nếu không em giận đấy.

Em yêu của anh,
 Uyên

Hai người nối lại duyên xưa,
 thư từ luôn trao đổi. Thỉnh-
 thoảng Uyên xin phép nghỉ về
 Saigon. Cả hai cùng sống lại
 những ngày vui vẻ nhất.

Hồi Tết năm rồi, khi được
 biết Uyên không được nghỉ phép
 về Saigon ăn Tết, Hoàng đã biên
 thư cho nàng hay anh sẽ ra ngoài
 đó ăn Tết với nàng. Nhưng vì
 có sự trắc trở nên anh không ra
 Nha-trang được. Anh viết thư
 xin lỗi nàng và anh đã viết tới
 năm lá thư mà không nhận được
 hồi âm, mặc dầu thư anh gửi đi
 vẫn không thấy gởi trả lại.

Đề rồi giờ đây, Uyên đã thuộc

Chị Trần rụt rè hỏi:

— Hay là anh Hoàng thấy ở
 đây có điều gì phiền phức?

Hoàng vội xua tay:

— Chị nói vậy thì buồn cho
 tôi quá. Chỉ vì công việc đầy thôi.
 Nếu không, tôi đại gì về Saigon
 để ăn cái Tết nóng hổi và bắt
 buộc phải đi chúc Tết bà con.

Liếc nhìn vào buồng của
 Uyên, Hoàng nói thêm:

— Cũng bởi không muốn nhìn
 thấy em nữa, nên anh phải vội
 vã ra đi, dù hôm nay là ngày
 cuối năm. Vì em, anh đã bỏ lỡ
 mấy mùa Xuân rồi.

Giờ đây vĩnh biệt em!



Ô. VÕ-QUANG-YẾN là một trong những bạn ở Đại-học làm vinh-dự cho giới trí-thức Việt-nam du-học Hải-ngoại. Ông đã đỗ cấp bằng Cao-dẳng Khoa-học ở Paris (Diplôme d'Etudes Supérieures) và hiện đang soạn luận-án Tân-sĩ (Luận-án này sẽ trình bày khoảng tháng 2-1962 tại viện Đại-học Khoa-học Paris). Trước đây, ông đã có học tại các Viện Hóa-học Fribourg (Thụy-sĩ) và Mainz (Đức-quốc). Hiện ông chuyên về môn Hóa-học hữu-cơ (Chimie Organique).

Ông Võ-quang-Yến là một nhân-viên trong Ban Biên-lập lựa chọn của TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG ở Hải-ngoại mà những bài về Khoa-học đăng trong mấy số trước đã được

oc rất hoan-ngheh. Lối hành văn của ông giản-dị và lưu-loát, bày đầy-dủ, hấp-dẫn, những đề-tài Khoa-học thường thường

N.V.

chuỗi ngày tháng thật đã quá mau qua... Kê tha phương chạnh nghĩ giờ này ở đất nước và cũng ở khắp bốn phương, thiên hạ đang vui về đón xuân sang. Trời tối dần, trên trời cao các vì sao càng lấp lánh. Biết đâu, biết đâu nhỉ, ở trên nhiều các ngôi sao ấy, giờ này đây cũng có « người » đang vui mừng cùng cổ cây hoa lá. Vũ trụ bao la, biết bao giờ ta tiếp xúc được với loài « người » ở các chốn xa xăm kia ! Từ thuở nào, một câu hỏi thật đã bận trí biết bao người : loài người ở trên mặt đất phải chăng là

vũ trụ ?

Năm 1686, Fontenelle trong cuốn « Entretiens sur la pluralité des mondes » đã từng bảo nếu các hành tinh có cơ cấu giống quả đất ta, cũng chịu ảnh hưởng của mặt trời, thì cũng rất có thể có người ở như ở quả đất. Lý thuyết của

Copernic nhờ Fontenelle đã bắt đầu được đưa ra phổ biến. Nhưng những năm gần đây, với những tiến triển lớn về môn thiên văn học, đặc biệt về môn thiên văn lý học, người ta trở nên hoài nghi thuyết phức số của thế giới (pluralité des mondes).

Trước khi duyệt qua các hành tinh của thái-dương-hệ, thử xét về cung trăng, thiên thể gần quả đất ta nhất «Thằng Cuội ngồi gốc cây đa...» Không gì ở nước ta, nhiều dân tộc khác cũng đã từng nghĩ tới cung trăng và ước mong có ngày lên gặp mặt chị Hằng. Cung trăng tự xoay trên mình mỗi vòng 27 ngày 8 giờ. Như vậy, trong luôn hơn 13 ngày (quả đất), mặt trời chiếu nóng mặt trăng. Nhiệt độ lúc ấy lên quá 100 độ. Nhưng bề mặt trời lặn đi, vì cung

XUÂN NHÂN LOẠI

★ VÕ-QUANG-YẾN

có khác đề tin rằng không có người ở trên vệ tinh của chúng ta.

Hành tinh chạy gần mặt trời nhất là Thủy tinh (Mercure) chạy xung quanh mặt trời mỗi vòng 88 ngày và tự xoay trên mình cũng chừng ấy ngày. Như vậy ngôi sao Thủy có hai mặt : một mặt luôn hướng về mặt trời, nhiệt độ lên đến 400 độ ; mặt kia luôn ở trong bóng tối, nhiệt độ xuống đến 250 độ. Một bên nóng hổi, kim loại như chì thiếc cũng phải tan chảy ra, một bên lạnh ngắt, sinh vật khó lòng sống được trên ngôi sao này, nếu không là những loại vi trùng sống vơ vẩn trong những điều kiện rất khó khăn.

Kim tinh (Vénus) không khác gì là ngôi sao Hôm, sao Mai

có khi quyền bao bọc lại mặt cung trăng là một lớp bụi không dãn nhiệt, tức khác nhiệt độ sụt xuống 150 độ. Điều kiện nhiệt độ này là một cản trở lớn cho sự nảy nở sinh vật. Thêm vào đây, không có nước lại là một duyên

thường thấy sáng tỏ. Tuy trong đối ở gần ta, ngôi sao này là một hành tinh bí mật vì lớp khí quyển dài đặc bao bọc hành tinh, làm cho các nhà thiên văn học khó lòng phát hiện ra. Tuy nhiên, một điều đã rõ là đến nay người ta chưa tìm ra được đường khí quyển hơi nước trong lớp khí quyển ấy. Thêm vào đây, những cơn cuồng phong thuyên chuyển trên những vùng nóng lạnh quá khác nhau gây nên những cơn bão táp dữ dội, hút hóc đá và tàn than núi lửa thành những đám mây mù dày đặc. Vì khí quyển sao Kim có chứa than chì, mây ra có thể có ở trên một ít vi sinh, mốc meo hay rong cũng các loại nấm. Những động vật thì chắc còn phải vài ngàn thế kỷ nữa, khi cây cỏ đã tạo ra đủ đường lối!

Trong các hành tinh loại B của thái-dương-hệ còn có sao Hỏa (Mars). Tương đối sao Hỏa lạnh hơn quả đất ta, trung bình giữa 20 và 30 độ. Vào vậy, về mùa hè, ở vùng nhiệt đới, khí hậu lúc ban trưa có thể lên tới 20 hay 30 độ; ban đêm, vì ít khí quyển, sao Hỏa lạnh xuống tới 60 độ. Với điều kiện nhiệt độ ấy, những vật có thể sống được tuy khó khăn. Từ lâu người ta đã bàn tán nhiều về sinh «thông minh» của Hỏa tinh,

nhưng hiện nay chưa có một bằng chứng nào xác đáng. Thảo luận về một thế chỉ là những loại rêu, nấm, rong, còn cảm thụ hay là những sinh vật «biết suy nghĩ», nếu có, cần phải luôn kiếm cách chống sự thiếu nước, chẳng hạn đào hầm xuống sâu, đồng thời áp lực và nhiệt độ cũng dễ chịu hơn. Chúng ta đang còn xa giả thuyết «người» Hỏa tinh bản hai vệ tinh nhân tạo không lồ...

Trong hệ thống mặt trời còn có bốn hành tinh lớn hợp lại thành «Tứ Đại»: Mộc tinh (Jupiter), Thổ tinh (Saturne), Thiên tinh (Uranus), và Hải tinh (Neptune) nếu không kể Diêm-tinh (Pluton) chạy xa mặt trời nhất. Các ngôi sao này vì chạy quá xa mặt trời, nhiệt độ xuống vào khoảng 120 tới 200 độ, khí quyển chưa đầy các khí metan, ammoniac ít nhiều ở thể lỏng thì không có một hy vọng nào tìm được sinh vật ở đây.

Rút cuộc lại, trong thái-dương-hệ, nếu các nhà thiên văn học không lầm thì chỉ có quả đất ta là có người ở. Nhưng khoan vội thất vọng: trong dải ngân hà (galaxie) có tới 250 tới 300 tỷ ngôi sao lớn cỡ mặt trời của chúng ta và một số không nhỏ các ngôi sao ấy có hành tinh, hệ thống

riêng. Và hơn nữa, ta cũng nên biết dải ngân hà chỉ là một trong một trăm ngàn triệu chòm sao của vũ trụ! Làm sao trong chừng ấy sao, chừng ấy hệ thống, chừng ấy hành tinh lại không có một vài nơi khác có đủ điều kiện để sinh vật sinh sôi nảy nở?



Giòng sông Seine vẫn lãnh đạm lững lờ trôi. Trời càng khuya, các vì sao càng sáng tỏ. Trong đêm tối, khách lữ thứ mê mang ngược dòng thời gian, dòng thời gian mật mù không khác gì đêm tối. Đã mấy xuân rồi con người đã vui tươi với vạn vật? Có lẽ cũng đã lâu lắm rồi nên con người cũng hết còn nhớ mình ở đâu lại, từ chỗ nào ra. Ngày nay, vấn đề tìm nguyên thủy của sinh vật là một trong những môn khoa học hừng thú nhất. Làm sao ở một thời kỳ nhất định của cuộc biến chuyển địa chất, những chất không hồn biến thành tế bào sống để rồi trở nên sinh vật, động vật?

Lúc Pasteur chứng minh không thể có một cuộc ngẫu sinh (génération spontanée), một thuyết đã được thừa nhận từ đời trung cổ, nhiều nhà bác học ở thế kỷ 19 đề nghị «thuyết vũ trụ sống» (théorie des cosmozo-

aires) cho rằng những mầm sinh vật đã từ một thế giới khác lại. Như Kelvin đã giảng, một viên vụn thạch (mitéorite) từ vũ trụ rơi xuống mặt đất có thể mang đến những mầm gây giống cho các vật hữu sinh sau này. Nhưng khi nhìn thấy vụn thạch mỗi khi lướt vào khí quyển, cọ xát với các phần tử khí trời, bốc cháy thành sao băng thì ta cũng tự hỏi mầm còn sống được không. Kế tiếp thuyết ấy là «thuyết tinh dịch vũ trụ» (panspermie cosmique), trong tự thuyết trước. Arréonius cho rằng những mầm sinh vật có thể chuyển động trong vũ trụ, giữa khoảng không gian, do áp lực của ánh sáng mặt trời hay sức nóng của các ngôi sao khác điều động. Người ta còn tính một mầm rời quả đất có thể đạt tới sao Hỏa trong 20 ngày, sao Mộc trong 80 ngày và sao Hải trong 15 tháng mà thôi. Nhưng một trở ngại lớn đã chặn đường thuyết này: nếu mầm sinh vật chịu đựng được sức lạnh và khoảng vô không của vũ trụ, mầm không sao thoát khỏi các tia tử ngoại (ultraviolet) do mặt trời và các ngôi sao khác phát ra. Một vài giờ hay một vài phút thôi là đã đủ để tiêu diệt các loại vi sinh.

Nói chung, thuyết này hay

ết nó cũng chưa được
n toàn ngay trong căn bản
hỉ di chuyển nguyên thủy
vật qua một chỗ khác mà
ng đi thẳng vào nguồn gốc.
chỉ đặt câu hỏi : sinh vật
u lại ? Ta phải tìm hiểu
vật ở đâu mà ra. Từ
ng chất qua vật hữu cơ,
lại với nhau thành phân
lớn, nguyên sinh chất
(protoplasma) thành hình, tế
ra đời, phải chăng đây là
đường nảy nở của sinh
trên mặt đất ? Trong buổi
hai, mặt đất không giống
bây giờ. Những mùa xuân
tiên trên mặt đất không
hiếm phúc được thấy hoa
chim hót : khí quyển đầy
nước, thán khí, amôn-
, một ít chất đạm, khinh
khí hiếm, những chất độc
axit cyanhydric và rất ít
ng khí. Thiếu hoàn toàn
ôzôn (do ba nguyên tử
ng khí hợp lại mà làm
a), có nhiệm vụ ngăn cản
tia tử ngoại, mặt đất lúc
một bãi sa mạc mênh
mặc sức ánh sáng mặt
và các tia vũ trụ đủ thứ
uống hoành hành. Nhưng
do đây nhiều năng lượng
oài đã vào mặt đất phát
những phản ứng hóa
đề gây nên những phân
u cơ đầu tiên. Ngày nay,

người ta biết dùng điện kích
thích, nhân tạo chế nên được
những chất amônhiac, axit
cyanhydric, các hợp chất của
chất đạm... từ các nguyên tố
đã có sẵn trong khí quyển như
khinh khí, dưỡng khí, cacbon,
chất đạm. Đáng khác, với
nhiệt độ cao, những phân tử
phức tạp hơn cũng được cấu
thành : axetylen, tiophen, pyrôl,
pyrôxôl,... từ cacbon, chất đạm,
khinh khí, lưu huỳnh. Thí
nghiệm của Berthelot với quả
trứng điện để chế ra axetylen
là một chứng minh hùng biện.
Trong số các tia vũ trụ vào
quả đất, có lẽ các tia tử ngoại
là những nhân viên đắc lực
nhất trong cuộc đào tạo những
phân tử hữu cơ : vừa là nguồn
năng lực, vừa là chất xúc tác
(catalyseur), các tia này đã
giúp tổng hợp nên formaldêhyt.
Những phân tử này dính liền
lại với nhau, trường hợp
(polymériser) thành đường hay
glucit. Đồng thời trong phản
ứng cấu thành formaldêhyt,
nhiều phân tử dưỡng khí đã
được phát ra và kết hợp lại
với nhau thành ôzôn. Khi ôzôn
dần dần trở nên nhiều, bao
kin quả đất, giữ gìn các sinh
vật sắp được chế tạo ra, chống
lại các tia tử ngoại lúc trước
đã giúp mình ra đời. Phía bên
kia, từ glucit qua lipit, protit

rời axit amin chỉ là những
phản ứng dễ dàng. Gần đây ba
hóa sư Mỹ Hasselstrom, Henry
và Murr dùng điện-tử lạnh cho
bắn vào chất axetat amônium
có sẵn trong thiên nhiên và
chế-tạo thẳng ngay axit amin.
Các axit này dính lại với nhau
làm thành protêin, rường cột
của tất cả tế bào sống.

Ngang đây, ta đã đi một
đoạn lớn. Nhưng còn phải
bước qua một chương ngại
vật lớn lao : các chất hữu cơ
được chế tạo ra chưa phải là
vật sống ! Theo thuyết của
Dauvillier và Desguin, khi đã có
chất hữu cơ, sinh-vật là một
tất yếu không thể tránh được.
Chất hữu cơ trong phân tử lớn
có những tính chất khác với
các khoán chất. Các chất hữu
cơ không vĩnh viễn, trái lại
thay đổi không ngừng. Những
nguyên tử trong phân tử hữu
cơ rất linh động và di chuyển
dễ dàng : đây là triệu chứng
của vật hữu sinh. Nay người
ta đã tìm ra được những loại
vi sinh ti teo, tạm gọi là cực
siêu trùng (ultra virus) có thể
là những chất trung gian giữa
các vật bất-động và các vật
hữu sinh. Chúng có thể kết
tính không thở như vật chết
mà lại có thể tự tách làm hai
như một vật sống. Đem phân

giải thì thấy toàn là các phân
tử protêin thêm vào một ít glu-
cit và lipit. Nếu người ta chưa
tìm ra được trong các cực siêu
trùng những phân hóa tố (diaz-
tase) biểu hiệu của sự tiêu
hóa và do đây sự sống, người
ta đã khảo sát nhiều về các
siêu trùng (virus). Các siêu
trùng gồm có ngoài chất protêin,
một phần tử axit nucleic ADN
có tính chất sinh sản và chuyển
đạt đặc tính di truyền. Đây,
chúng ta đã xông vào bí mật
của đời sống. Hai nhà sinh vật
học được giải Nobel năm 1959,
Ochoa và Korneberg, đã tổng
hợp được chất ADN. Lẽ dĩ-
nhiên, họ chưa tổng hợp được
tế-bào sống nhưng con đường
khảo cứu đã vạch rõ. Học
hỏi những vật độc tế bào
như ogleen được coi là
nguyên tố của cây cỏ, các nhà
bác học đã chú-ý tới một hiện-
tượng vô cùng quan-trọng :
tính-cách ngẫu biến (mutation).
Trong một đám ogleen màu lục
tự-nhiên hiện ra những ogleen
vô sắc. Những ogleen này hết
còn có chất clorôphyl để «tiêu-
hóa» thán khí và các khoáng-
chất có đạm như cây cỏ : chúng
đã thành những thú vật ! Tuy-
nhiên chúng vẫn còn có tính-
chất chế tạo tinh bột (amidon)
như thảo mộc. Trong thiên-

n, loại-vật trung gian giữa
cỏ và thú-vật như thế có
nhiều. Trong phòng thí -
nệm người ta cũng đã lập
được nhiều ngấu-biến sâu
hơn : biến toàn một nhóm
thảo mộc ra oglen thú-vật,
là tìm ra được những điều
thích hợp. Ba điều kiện
trọng nhất là nước, dưỡng
và nhiệt-độ. Cũng vì vậy
ngày nay mỗi khi muốn tìm
vật trên một hành - tinh
trước tiên người ta tìm
các điều-kiện ấy. Khi các
điều-kiện ấy đã được đầy đủ,
ta mới bàn sâu vào hình
của sự sống.

✱

Trên bờ sông Seine, khách
minh tỉnh giấc. Đêm đã
y và nước sông vẫn chảy
Muốn vui xuân mà bèn tai
còn vắng-vắng những lời



Danh-ngôn về người đàn bà

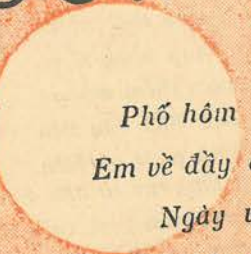
● *Người đàn bà chỉ bắt đầu đẹp khi trái tim của họ bắt đầu
t yên. (La femme ne commence à être belle que quand son cœur est
able d'aimer).*

LA BRUYÈRE
(Nhà-văn Pháp)

✱ **BÙI-GIÁNG**



thưa em
SÀIGÒN



Phố hôm nay phu xém người
Em về đây đủ môi cười bên rặng
Ngày vui xe xích hai hàng
Tháng so le đêm bờ ngăn bến rào
Thưa em từ bữa xa nào
Nhìn nhau mộng đã bước vào trong mơ
Bụi bay là áng mây mờ
Yêu nhau là hẹn sai giờ ngộ nhau
Đời xa sương xuống pha màu
Cố chờ đợi bóng em giàu dung nhan
Con nơi bốn vó băng ngàn
Gặp em thì cũng chạy quanh em
Ta về mở mắt nhìn xem
Trang mờ em vẫn là em thu đầu.



Thường Mùa Xuân

Mười sáu mùa xuân về huyền hoặc
 Cả trời mây hoa lá trở màu xanh
 Ông vừa tươi như nắng sớm trên cành
 Tình thân ái chỉ trao về vũ trụ.
 Thuở mười bảy con tim vừa hé mở
 Mùa xuân đầy âm hưởng của Tình yêu.
 Thi tứ trào dâng, mơ ước thật nhiều
 Niềm sôi nổi máu tim bừng nhạc sống.
 Mười tám ôi mùa xuân diễm mộng!
 Thu vào hồn hình ảnh buổi đầu tiên
 Là ngỡ ngàng trong hạnh phúc vô biên



THANH-NHUNG

Tình rục rờ như làn tơ nắng sớm.
 Thuở mười chín tình xuân vừa thắm đượm
 Mà niềm yêu thầm lặng sống trong hồn
 Không bao giờ biết đến chữ cô đơn
 Vì vũ-trụ có hai người lật cả.
 Thuở hai mươi mùa xuân về rất lạ
 Trong niềm yêu vừa thoáng chút u-sầu
 Ngăn-cách cuộc-dời xâu xé hồn nhau
 Sầu đã biến dòng thơ thành suối lệ.
 Đây là lúc lắng trong niềm kẻ lẻ
 Ôi mùa xuân hai mốt đến bao giờ?
 Xa cả rồi i Tình-Ái, tuổi Ngày-thơ
 Và diễm mộng cũng tan vào hư ảo.
 Đừng ai đọc hồn này qua sắc áo!
 Ôi màu xanh không còn nghĩa yêu thương!
 Khoác áo màu xanh như tuổi-lhiên-đường
 Để chìm đắm trong sầu thương luyến tiếc.

Ngày qua nhanh và đêm di biên biệt
 Ôi những mùa xuân cũ đã rời xa....

CHUYỆN CÔ - TÍCH CHÀM

CỌP TRANH-HÙNG VỚI KÊNH-KÊNH



3700 7000
 0000 0000 0000 0000 0000 0000
 0000 0000 0000 0000 0000 0000

★ JAYA PANRANG

(Chuyên-viên Chăm phụ-trách về Văn-hóa
 Chăm ở Viện Khảo-cổ Việt-Nam)

BẠN đọc PHỒ-THÔNG chắc đã quen tên Ô. JAYA PANRANG, tác-giả những bài nói về Dân-tộc Chăm đã đăng trong tạp-chí này nhiều lần. Ông là một nhà Học-giả Chăm, rất thông-thái, hiện đang cộng-tác với Viện Khảo-cổ Việt-Nam, và cũng là Biên-tập-viên của PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ.

Nhân dịp Xuân Nhâm-Dần, ông hiến bạn đọc một chuyện cô-tích đầy ý-nghĩa của Chăm về con Cọp. Chúng tôi xin đăng nguyên-văn bài ông viết bằng chữ Chăm và cả bài Việt-ngữ do chính ông dịch ra, lời văn rất rõ-ràng, lưu-loát, vô cùng hấp-dẫn.



N.V.

Đề tránh sự rờm-rà vô-ích, chúng tôi chỉ đăng bản chính
hiên-âm một trang đầu thôi).



Handwritten text in red ink, likely a transcription of a story or poem. The text is dense and covers most of the page.

HIÊN-ÂM :

Dal kal

RIMONG MURIAK THONG GROK

★ **JAYA PANRANG akham**

AP di kal rimong tadjak
taneh nao thaich ikan,
rtuh adhua, rimong pap
h danao éa prong, dalam
nan bôh ikan chaboh
ô, rimong kahria thaich

danao nan jo. Nhu thaich
mung pagé satâl éa haray gloh,
mung éa dalam danao nan thu,
éa thu mông bôh ikan rabâu
tamun kôt sai.

Tha dray grok dòk pak halay

CỌP TRANH HÙNG VỚI KÈNH KÈNH

ôh thâu pâr murray tap nan,
grok bôh rimong thaich thu
danao bloh pajo. Grok lakâu
ikan di rimong. Rimong laich :
Muryah sa-ai grok takrur bâng
ikan nan trun tamur danao
muk bek, dahlak halan tian
ka saai grok muk min. Rimong
đa ka grok đi thâu muk ikan ô.

Grok bôh rimong bray ka
nhu muk ikan, grok hu cha-

buôich yua yâu nan nhu choh
ikan hu, dòk rimong muk ikan
mung takai đi hu ô. Sak sak
grok choh hu tha dray ikan,
dòk rimong muk dray halay
klah dray nan, kayua rimong
kapuak đi jiong ô. Nan kakâu
takai nhu tapraich day, ikan
luak truh tuay kaplah kakâu
takai nhu bloh tabiak abih...



Dịch :

N GÀY xưa, cọp bung rỏ
đi tát cá, trên đường đi, cọp
thấy một cái ao nước sâu,
trong ao có nhiều cá đớp bóng,
cọp liền định tâm tát nước
ao ấy để bắt cá. Cọp bắt đầu
tát từ sáng sớm cho đến chiều
xế mới khô cạn cái ao, khi tát
hết nước rồi thì cọp trông
thấy có hàng ngàn con cá.

Lúc đó, không biết từ đâu,
một con kênh-kênh vừa hạ cánh
xuống đúng lúc cọp sắp sửa
bắt cá. Con kênh-kênh xin cá
nơi con cọp. Cọp nói : Nếu
anh thích ăn cá thì hãy xuống
ao mà mò bắt đi, tôi sẵn lòng
cho anh bắt đấy. Cọp tưởng
kênh-kênh không biết bắt cá.

Kênh-kênh thấy cọp chấp-
thuận cho mình cá, không bỏ
lỡ cơ-hội tốt, liền xuống ao bắt
ngay, sẵn có chiếc mỏ, kênh-
kênh mò lấy những con cá lia-
lĩa, còn cọp thì chẳng bắt được
con cá nào. Chốc chốc kênh-
kênh lại mò được một con cá,
còn cọp thì bắt con nào sảy
con đó, vì cọp không thể nắm
cá bằng chân được. Bởi vì chân
cọp có nhiều kẽ hở, cá cứ chun
qua các kẽ của móng chân cọp
mà thoát ra ngoài hết.

Cọp thấy kênh - kênh bắt cá
rất lẹ và bắt toàn là những con
cá to hết, chỉ còn lại những con
cá bé, cọp tức mình đâm ra
ganh-ty và nổi cơn nóng - giận
chưởi bới kênh - kênh, nên hai
đàng cùng nhau ầu-đả. Sẵn có

mở cứng, kênh-kênh mở mạnh vào mình cọp và mở xong thì kênh-kênh bay bổng lên cao làm cho cọp không tài nào đánh được kênh-kênh.

Cọp thấy kênh-kênh cứ bay là là trên không, cọp phóng mình theo cũng không kịp, cọp đành kêu cầu-cứu ở nơi người. Người đang chặt củi, nghe tiếng cọp kêu cầu-cứu, người liền vác cây rựa trên vai chạy đến, kênh-kênh thấy người đến lo sợ và lập-tức lia con cọp mà bay đi, không dám đánh nhau với cọp nữa.

Cọp nói với người: Người ơi! người đã có lòng cứu giúp tôi khỏi hoạn-nạn, ơn người tôi xin ghi-tạc luôn luôn, tôi không dám quên. Bây giờ tôi muốn thưa với người một điều, nhưng tôi e ngại quá. Người nói lại: Cọp ạ! Có điều gì cứ nói thật đi, không nên e ngại chi cả. Đoạn rồi cọp nói với người rằng: Khi nào người trở về nhà thì đừng có nói lại với bất cứ một người nào rằng người đã cứu thoát tôi ra khỏi sự đàn áp của kênh-kênh nhé, để rồi tôi sẽ bắt con nai và con hươu đem đến đền đáp công ơn của người.

Người nói: Được rồi! Tôi sẽ

không bao giờ mách cho một ai hay cả. Cọp nói lại: Nếu người không thành-thật giữ lời hứa thì tôi phải buộc lòng giết người ăn thịt cho mà xem. Người nói lại: Được mà! Nếu có nghe tôi thuật lại chuyện đó cho ai biết thì anh cọp cứ vỗ tôi mà ăn thịt.

Đến lúc người trở về nhà và không hề nói lại cho người nào hay biết công việc đó. Đêm đến, người vào nhà ngủ, sáng sớm, hai vợ chồng của người ở trong nhà ra thì thấy con nai và con hươu đã để sẵn trong sân trước nhà của họ. Vợ liền hỏi chồng: Ai đã mang nai và hươu đến để trong sân nhà mình đây? Chồng không trả lời, nhưng người chồng đã biết là nai và hươu này là của cọp mang đến cho người để gọi là tạ ơn vậy.

Đêm hôm sau cọp lại cũng bắt nai và hươu rồi mang đến để trong sân nhà của người như đêm trước. Sáng ngày thấy nai và hươu đã để sẵn giữa sân nhà, hai vợ chồng liền mang nai và hươu đó đi làm thịt. Tối hôm sau, cọp đến rình nghe coi anh chàng ấy có nói gì với vợ không. Người vợ hỏi chồng: Ai đã mang nai và hươu đó đến để tại nhà mình đó hở chàng? Người nói: Nào

ai có biết. Người vợ tỏ ra buồn rầu và than-trách chồng, vì lâu nay, giữa tình chồng vợ với nhau, không có ai giấu ai điều gì cả mà nay người chồng lại muốn giữ bí mật về việc thịt rừng? Thế rồi người chồng nói sự thật: Hôm trước người đi chặt củi trong rừng, người có thấy cọp và kênh-kênh tranh-hùng. Cọp chiến-đấu không lại với kênh-kênh, cọp liền kêu người can-thiệp, người đến, kênh-kênh thấy người đàn sợ và thôi không dám đánh cọp nữa.

Cọp đang rình ở đàn sau nhà nghe hết câu chuyện người đã thuật lại cho vợ biết khi nãy. Cọp nói: Hồi nãy giờ tôi đã nghe được tất cả những gì người nói cho vợ nghe, vậy theo lời hứa của người, ngày mai người phải lên chỗ cái ao mà tôi tát bắt cá đó để tôi ăn thịt người.

Người không biết làm sao, vừa khóc vừa trách vợ hỏi tò-mò. Ngày hôm sau, sáng sớm người buộc lòng phải lên chỗ ao mà cọp tát cá hôm nọ để cho cọp ăn thịt, người vừa đi vừa khóc lóc. Giữa đường, gặp một con thỏ và thỏ thấy vậy hỏi người rằng: Người ơi! Tại sao vừa đi vừa khóc như thế? Người nói: Tôi đến nạp

minh cho cọp ăn thịt. Thỏ lấy làm ngạc-nhiên và hỏi lại: Tại sao lại đem mình đi nạp cho cọp ăn? Người nói lại với thỏ: Hôm trước cọp và kênh-kênh đánh lộn, đánh cá, cọp bị thua kênh-kênh, cọp có nhờ tôi cứu nó thoát chết, tôi liền chạy đến cứu cọp ra khỏi vòng chiến với kênh-kênh, rồi cọp có dặn với tôi đừng mách lại cho ai hay sự đại bại của cọp trước đối thủ kênh-kênh và cọp đã trả ơn tôi bằng những thịt nai và hươu.

Tôi bằng lòng, đến đêm tối cọp có bắt những thịt rừng đó đem về nhà tôi cho tôi đồng thời cọp lên rình nghe coi tôi có nói gì về chuyện cọp đánh nhau với kênh-kênh không. Nhưng tôi nghe lời vợ tôi dụ-dỗ thành thử tôi nói ra sự thật cho vợ tôi nghe và bị cọp rình nghe thấy tất cả, nên cọp buộc tôi phải đến dâng mình làm mồi cho nó.

Thỏ nói: Người đừng lo! Cọp sẽ không dám ăn thịt người đâu. Người nói: Tôi tin lời anh thỏ, nhưng có phương-pháp nào làm cho cọp khỏi ăn thịt tôi không, anh thỏ ạ!

Thỏ dẫn người đi giúp cọp, đi gần đến nơi, thỏ bàn với người đi trước, còn thỏ theo sau. Người đi đến gần cái ao

cọp tát cả hôm trước thì
 cọp đang nằm chờ sẵn tại
 Cọp liền vùng đứng dậy và
 nhảy đến vỗ thịt người:
 ở trong lùm cây chạy ra.
 hỏi thỏ: Thỏ đến đây làm
 vậy? Thỏ đáp: Tôi đến
 để xem cọp ăn thịt người.
 liền thỏ-lộ cho thỏ biết
 cả những sự hứa hẹn giữa
 thỏ và cọp, đoạn rồi cọp lại
 xin xé thịt người. Nhưng
 cọp can và nói: Quả thật anh
 cố-tinh ăn thịt người hay
 lần thứ nhất xin anh tha
 cho người đi!

pp nhất thiết không bằng
 và cương - quyết đòi xoi
 người. Nếu quả anh cọp
 ng chịu nghe lời khuyên

của tôi, thỏ nói, thì tôi sẽ
 vượn mình xù lông ra rồi tôi
 phóng mình lên thượng tầng
 mây cao để mách với một
 bầy kênh - kênh ở trên đó
 để chúng nó bay xuống đây
 mổ chết anh cọp cho mà xem.
 Thỏ lại hỏi cọp: Vậy anh có
 bằng lòng tha - thứ cho người
 không? Vừa nói xong, thỏ vừa
 rùng mình xù lông ra, đồng thời
 thỏ nhước lên thấy một con
 kênh-kênh đang lượn trên vòm
 trời xanh. Thỏ liền chỉ cho cọp
 thấy con kênh-kênh đó đang
 bay lượn, may thay, vừa lúc
 kênh-kênh lại bay thấp xuống,
 cọp thấy vậy, hoảng sợ, không
 còn dám đòi ăn thịt người và
 một mạch phóng nước đại vào
 trốn trong rừng rậm.



Thi sĩ không chấm phết

Một Văn-sĩ trẻ tuổi và tự-phụ có gởi đến nhà văn Léon Daudet
 bài thơ, mong được đăng trên báo của ông. Cậu Văn-sĩ kèm theo
 thư nói: « Trong lúc thi tức của tôi đang dồi dào mãnh liệt, tôi
 hép vội vàng, nên không kịp để chấm phết, vậy nhờ ông chấm câu
 Léon Daudet xem bài thơ thấy xoàng quá, liền viết thư trả lời:

« Lần sau, cậu cứ gởi những chấm phết, để chúng tôi ghi những
 thơ hộ cho ! »

XUÂN RIÊNG



Một lần nữa, thiên-hạ mừng Xuân đến
 Xuân ngoài kia, mùa vẫn lạnh trong con
 Cả mùa Đông muôn thuở của tâm-hồn
 Làm giá-buốt cõi-cần bao nhiêu ước vọng
 Băng-tuyết phủ lên hai mươi Xuân lạc-lỡ
 Đợi phút giao thừa con gửi Chúa niềm riêng:
 Dài tháng ngày qua chỉ quen mặt ưu-phiền
 Nên mãi nghĩ, mãi buồn cho thân-phận
 Suốt đời con mãi siu-tầm lạnh-đần
 Mỗi ngày thêm một hạt chuỗi u-hoài
 Đồi mắt đảo sâu, trán hần nét buồn dài
 Sầu-muộn đến cho già nua tuổi trẻ
 Yêu-đương sớm biết khiến niềm tin nát-mé
 Nói con tìm mỗi lần nhớ chuyện mình
 Bước thư-sinh ngơ ngác xir ái-tình
 Dọc đường làm-lỡ lẽ gót chân bở ngỡ

Đã bao lần vụng tay, gục đầu, thống-hối
 Lại bao lần, đâm lên vết lỗi làm xira
 Nguyên-tội tổ-tiên con trọn hường-thừa
 Nên yếu-đuối, đứng lên rồi ngã gục
 Vung trần-gian khoác màn đen địa-ngục
 Hai mươi năm góp tội-lỗi đã nhiều
 Đêm Xuân này, dưới chân Chúa dấu yêu
 Con ngược mắt dám mong người giúp đỡ
 Hỡi Thiên Chúa, có đôi chân thơ nhỏ
 Dò dẫm ngại-ngùng trong bóng tối trần-gian
 Có khi nao bước lạc nẻo lối lầm
 Xin tìm Chúa, khốc giữa tay Người rộng mở!



MY-SƠN
 (Dalat)

anh-Nhân Thế-Giới

in-bản Thế-kỷ Hai-mươi

★ TÂN-PHONG

★ Bản « Danh-nhân Thế-giới in-bản Thế-kỷ » này có mục-tích sao-lục tiên-sử và trình bày sự-nghiệp của các nhân-vật quốc-lê đã có thành-tích về-vang liên-quan đến các biến-chuyển vĩ-đại trong giai-đoạn đầu của Thế-kỷ 20, từ 1900 đến 1961.

Đây là những AN-NHÂN của Thế-giới trên tất cả các lĩnh-vực Tiên-hóa của loài Người : Văn-chương, Triết-học, Khoa-học, Y-học, Chính-trị, Hội-họa, Âm-nhạc, Điện-ảnh, những bậc-vĩ-nhân đã góp phần trọng-đại trong công-độc xây-dựng nền Văn-minh của Thế-giới từ đầu Thế-kỷ đến nay.

★ CHÚNG tôi chỉ lựa-chọn những Danh-nhân NỔI BẬT NHẤT TRONG MỖI LĨNH-VỰC TƯ-TUỞNG VÀ NGHỆ-THUẬT, có thể tiêu-biểu mỗi ngành tiên-bộ của Hiện-dại.

★ Những nhân-vật nào tuy có danh-tiếng, nhưng không có thành-tích gì đặc-biệt đối với Văn-minh nhân-loại, (như Nữ-Anh-Hoàng Elisabeth II, Nehru, Hiro-Hito, v.v...) hoặc những nhân-vật chính-trị rất quan-trọng nhưng tinh-thể hiện-tại không cho phép chúng tôi nói đến (như Krouchtchev, Kennedy, Mao-trạch-Đông, Tưởng-giới-Thạch, Staline, v.v...) để giữ hoan-toàn tính-cách vô-tư của Văn-hóa, chúng tôi không ghi vào bản này.

★ Chúng tôi sắp theo thứ tự ABC như sau đây :

- 1 ANNUNZIO (Văn-học)
- 2 ARMSTRONG (Âm-nhạc)
- 3 BELL (Khoa-học)
- 4 BERGSON (Triết-học)
- 5 BRAUN (Khoa-học)
- 6 CÉZANNE (Hội-họa)
- 7 CHAPLIN (Điện-ảnh)
- 8 CHURCHILL (Chính-trị)
- 9 CURIE Marie (Khoa-học)
- 10 CURIE Irène (Khoa-học)
- 11 DEBUSSY (Âm-nhạc)
- 12 DISNEY (Điện-ảnh)
- 13 DUNANT (Hòa-bình)
- 14 Lâm-ngữ-Đường (Văn-học)
- 15 EDISON (Khoa-học)
- 16 EINSTEIN (Khoa-học)
- 17 EISENHOWER (Chính-trị)
- 18 FLEMING (Khoa-học)
- 19 FREUD (Y-học)
- 20 GANDHI (Chính-trị)
- 21 GIDE (Văn-học)
- 22 GUÉRIN (Y-học)
- 23 JOFFRE (Chính-trị)
- 24 KOCH (Y-học)
- 25 LAUBEUF (Khoa-học)
- 26 LUMIÈRE (Khoa-học)
- 27 MARCONI (Khoa-học)
- 28 MICHELIN (Khoa-học)
- 29 NIETZSCHE (Triết-học)
- 30 NOAILLES (Văn-học)
- 31 OBERTH (Khoa-học)
- 32 OGINO (Y-học)
- 33 OPPENHEIMER (K.-học)
- 34 PICASSO (Hội-họa)
- 35 ROOSEVELT (Chính-trị)
- 36 SARTRE (Triết-học)
- 37 SUN YAT SEN (Chính-trị)
- 38 STRAUSS (Âm-nhạc)
- 39 STERNFELD (Khoa-học)
- 40 TAGORE (Văn-học)

- 41 TOLSTOI (Văn-học)
- 42 TOSON (Văn-học)
- 43 WAKSMAN ((Khoa-học)
- 44 WRIGHT (Khoa-học)

Khởi từ số này, chúng tôi xin lần-lượt trình-bày Tiên-sử và Sự-nghiệp của mỗi danh-nhân.

I. — GABRIELE D'ANNUNZIO

Gabriele d'ANNUNZIO sinh tại Pescara (Ý), năm 1863, chết tại Gardone (Ý), năm 1938. Tác-giả nhiều tập Thơ, Tiểu-thuyết, và Kịch. Tác-phẩm của ông, hồi 16-17 tuổi : *Primo Vere, Canto Novo, Intermezzo*. Hồi 24 tuổi đến 38 tuổi : *Isoteo, la Chimera, Elegie Romore, Poema Paradisiaco, Odi Navali*. Những tác-phẩm này đã chứng tỏ thiên-tài đặc-biệt, rất dồi-dào, mãnh-liệt, và từ đây ông sản-xuất nhiều kiệt-tác, dưới nhiều đề-tài vô-cùng phong-phú và tế-nhị : *La Passeggiata,*

前年及此
世界名人
记录

nhìn-nhận Gabriele D'Annunzio là một bậc Thầy, một trong vài ba «Ngọn núi cao nhất» của văn-nghệ hiện-đại. Ông cũng là một nhà đại-ái-quốc của nước Italia. Chiến-tranh 1914-18, ông làm phi-công, một mình lái máy-bay đi thả bom bên Autriche, hoặc chỉ-huy những đoàn phi-cơ tác-chiến trên các mặt trận. Do đó ông bị một viên đạn bắn trúng vào mắt ông, và ông bị mất một con mắt. Ông viết quyển *Notturmo* (1921) chính trong lúc ông bị mù lòa, diễn-tả rất thâm-trầm nhưng tự-tưởng bi quan và sâu-sắc của nhà Thơ mù phải sống luôn luôn trong đêm thắm !

Các sách của ông được dịch ra ngoại-ngữ thật nhiều. Nhiều quyển bằng Pháp-văn do ông tự viết lấy, hoặc tự phiên-dịch ra ngoại ngữ.

Nhiều người cho rằng Thi-sĩ d' Annunzio thường có tính kiêu căng, tự đại. Đúng. Ông kiêu-căng tự-đại vì ông biết ông có tài hơn thiên hạ.

Có lần, một người Mỹ phục thiên tài của ông, từ Mỹ gửi thư sang đề tỏ lòng cảm-phục, ngoài bao thư chỉ đề :

Kính gửi Thi - sĩ Gabriele d'Annunzio, nhà thơ vĩ-đại nhất của nước Italia.



mani, Consolazione Laudi del glo, del mare, della terra, degli oi, Maie (1903) Alcione (1907) rope (1912), v.v...

Kịch: *Sogno di un mattino di primavera, la Città morta, la Gioconda, la gloria, v. v. . .*

Ông cũng viết báo, phê-bình hệ-thuật, các tác-phẩm của người, kể ra đây dài lắm, đủ các loại truyện dài, truyện ngắn, thơ, kịch, phê-bình, đến gần 50 quyển. Tự-tưởng của ông rất kiêu-căng, mạnh - mẽ, nghệ - thuật viết văn tinh-xảo, như những món đồ chạm trổ rất công-phu, tinh-vi, tuyệt-điệu của nhà văn Thế-giới đã phải

Nhân - viên bru - diện trao thư đến tận tay ông, nhưng ông từ chối không nhận thư. Ông bảo :

— Gabriele d'Annunzio không phải là nhà Thơ vĩ-đại nhất của nước Italia, mà là nhà Thơ vĩ-đại nhất của Thế - giới.

Tuy rằng câu nói rất tự-phụ, nhưng cũng... không phải là không đúng !

● Trích dịch một đoạn văn thắm thùy của Gabrielle d'Annunzio:

Cuộc đời của chúng ta là một công-trình huyền diệu.

Cuộc đời của chúng ta là một công - trình huyền - diệu, mà lý trí không thể nào suy-xét được.

Nó càng linh-hoạt phong-phú bao nhiêu, càng xa cách lý-trí bấy nhiêu, bởi vì nó chịu ảnh-hưởng của một thế-lực huyền-bi, thường thường trái hẳn các định-luật dương nhiên.

Khi chúng ta tưởng rằng chúng ta ngủ, hay nằm mơ, đâu phải là chúng ta ngủ, mà chính là vị Thần ảo-thuật kia ngủ, và Thần-lực ấy lơ-dềnh không diu-dắt những đức-tinh của chúng ta đến những đức-linh của sự vật, theo nghệ-thuật nhanh-nhẹn và tuyệt-điệu của hẳn.

Bỏ chúng ta một mình trong giây lát, có lẽ chúng ta có thể rình được hẳn và biết được hẳn, cũng như nếu hẳn làm ngưng lại một guồng máy trong nội-lâm chúng ta thì chúng ta có thể nhìn thấy được cái bí-guyệt của chúng ta, giống như người thợ lấy cái đinh thọc vào một guồng máy để máy dừng chạy nữa. Nhưng con người ta vẫn thức luôn ngay từ lúc khai thiên lập địa ; và không có một bàn tay Macbeth nào có thể giết chết giấc ngủ không bao giờ đến gần ta.

Giấc ngủ của con người là một sai lầm, cũng như thời-gian, cũng như không-gian, đều là sai lầm cả.

Chiếc giường của chúng ta nằm chỉ là trọng - trung một nghi-lễ mà chúng ta không hiểu, hay là hiểu lầm, giống như chiếc quan-tài của Thần Anh - niên Adonis, hay của Jésus, đặt nơi trung-phận giáo-đường trước lễ Phục-sinh.

Nằm trong đó, không phải là một con người, mà chỉ là hình ảnh bằng sáp của một vị Chúa...

(Trích trong « La Leda senza cigno »).

TÀN - PHONG

NỖI SẦU MÙA XUÂN



*Hẹn nhưng không về thăm được,
Bây giờ lại đến mùa xuân!
Đường sang vẫn đầy cách trở,
Giữa mùa mai khóc trong hồn!*

*Mưa bụi giăng mờ khắp ngã
Đón xuân thành phố rộn ràng.
Xác pháo vương hồng lối ngõ
Thức tụng đêm buồn hoang-mang.*



*Mỗi năm đến mùa đào nở,
Nghe tê tái ngập trong lòng!
Áo khăn bạc màu viễn xứ,
Giữa mùa xuân sâu mùa đông!*

*Các lết nay vàng hoang lạnh,
Nhớ thương về nghẹn hồn thơ!
Hẹn nhưng không về thăm được
Đường sang thành-nội xa mờ!*

PHƯƠNG-DUYÊN

★ NGUYỄN-VỸ

CHUYỆN NGẮN

CÀNH HOA HOÀNG MAI



Từ khi gia-đình suy-sụp, công-việc thất bại liên-tiếp, đồ bề nợ-nần, ông Đội Ba trở thành một người cộc - cằn, tàn-ác, không còn diêm-dạm, vui vẻ, như trước. Ông khắc-nghiệt cả với cô con gái độc-nhất của ông, một thiếu-nữ hiền-lành nhất trong xóm.

Mồ-côi mẹ hồi mười-lăm tuổi trong lúc Ba cô mới về hưu-trí, cô Thúy bây giờ đã hai-mươi tuổi, dịu-dàng, tha-thuốt như mẹ cô lúc còn con gái. Từ năm mẹ cô qua đời, Thúy phải thay thế mẹ làm hầu hết các việc nặng - nhọc trong gia-đình, cảnh nhà nghèo túng Ba cô không thể mướn người-ở được. Tuy đương thời xuân-sắc, nhưng phần đau-đớn vì mẹ chết, phần khổ-nhọc vì công-việc, tủi - hờn vì cha không thương xót, gay-gắt chữ mắng suốt ngày, gương mặt kiêu-diễm hồn-nhiên của Thúy mỗi ngày mỗi đượm nét buồn - rầu âm-dạm.

Nhưng Thúy vẫn làm tròn bổn

hận một cô con gái trong gia-
h. Ba cô đi đánh bạc suốt
ày và lê-la các tiệm rượu.

Chiều Ba-mươi tháng Chạp,
u khi lo xong hết công - việc
ết-nhứt, Thúy đi ra khu rừng
hía sau nhà, nơi đây có một cây
àng-mai cứ đến mùa xuân là
y hoa rất đẹp. Thúy định hái
ột cành hoa về cắm lọ độc -
nh trên bàn thờ Mẹ.

Thúy đứng dưới gốc hoàng -
mai sùm-sẻ, cao-ngất, hoa nở
àng-rực trên ngọn cây.

Thúy ngần-ngại chưa dám leo
ên.

Bỗng từ nơi đầu đường tiến
ới một cậu thanh-niên trong làng.
Giang, con trai một nông - dân,
hạc hăm-ba hăm - bốn tuổi.

Thét mặt hiền-từ chắt-phác,
cũng đi vào khu rừng kiếm
hoa về chưng Tết. Ngẫu-nhiên
gặp cô Thúy, Giang bên-lên, hỏi :

— Chắc cô muốn bẻ một nhánh
hoa hoàng-mai phải không, cô
Thúy ?

— Dạ.

— Tôi cũng vậy. Ba tôi bảo
tôi ra đây bẻ hoa về cắm trên
bàn-thờ

Giang leo lên ngọn cây cao, lựa
hai cành, bẻ xong ôm trong tay
trèo xuống. Giang trao tặng Thúy
một cành đẹp nhất, đầy-đặc hoa
và nụ hoa. Thúy thẹn-ình nhưng
vui-sướng :

— Xin cảm ơn anh.

— Có gì mà cảm ơn, cô Thúy.

— Xin chào anh.

— Dạ, chào cô Thúy.



Sáng Mồng-một Tết, Thúy
đến nghĩa-địa trong làng, thăm
mộ Mẹ. Cô thắp một thẻ hương
cắm trên mộ, ngồi sụp xuống lạy.
Thúy rưng rưng hai ngăn lệ,
lầm-bầm : « Đời con không có
Mẹ, con khổ lắm, Mẹ ơi ! »

Thúy thấy trên mộ Mẹ cỏ mọc
đầy. Thúy vừa nhổ cỏ, vừa khóc
thút-thít.. Nhưng cỏ mọc nhiều
quá, Thúy nhổ sao cho sạch hết
được ?

Bỗng Thúy trông thấy Giang,
Thúy vội-vàng lau nước mắt.
Chàng thanh - niên cũng trông
thấy Thúy và tiến đến gần :

— Năm mới xin chúc cô mọi
sự điều vui vẻ tốt đẹp.

— Cảm ơn anh. Tôi cũng xin
chúc anh một năm mới đầy hạnh-
phúc.

Nhưng Giang buồn - bã hỏi
Thúy :

— Hôm nay đầu Năm mới,
sao cô không về nhà ăn Tết, mà
ngồi đây nhổ cỏ trên mộ Bác ?

— Dạ. Cỏ mọc nhiều quá..
Tôi muốn ngày Tết năm mộ của
Mẹ tôi được sạch-sẻ.

Giang không nói gì, vội-vàng
chạy về nhà. Một lúc sau, chàng
trở lại với một cái cuốc. Chàng
bảo Thúy :

— Cô đừng giẫy hết cỏ, cỏ
sẽ không mọc nữa.

Thúy không thể ngăn cản được.
Giang lặng-lẽ giẫy hết cỏ trên
mộ và chung quanh mộ. Thúy
bảo :

— Đầu năm, tôi làm phiền
anh quá. Anh tha lỗi cho, và xin
thành-thật cảm ơn anh nhiều.

— Không có chi, cô Thúy.

— Xin cầu-nguyện Phật Trời
phù-độ anh.

— Cảm ơn cô Thúy. Tôi
cũng sẽ đến Chùa lạy Phật xin
Phật ban nhiều phước đức cho cô.

Thúy chào từ biệt. Giang cũng
vác cuốc đi về.



Thúy đi thăm bà cô ở Quận,
về gần đến khu rừng sau nhà,
lại ngẫu - nhiên gặp Giang từ
trong rừng đi ra :

— Chào cô Thúy.

— Chào anh.

Thúy ngạc-nhiên thấy một con
chim bồ-câu trắng đậu trên vai
Giang. Không nhịn cười được,
Thúy hỏi :

— Con chim bồ-câu của anh
đó hả ? Nó khôn quá nhỉ.

Chim bồ-câu nhìn Thúy với
đôi mắt rất hiền - lành. Giang
bảo :

— Tôi chỉ nuôi có một cặp
thôi, cô Thúy ạ. Chúng nó mến
tôi lắm. Tôi đi chơi đâu, muốn
bắt một con đi với tôi để làm
bạn, cho vui, là nó ngoan-ngoãn
đậu trên vai tôi, không bao giờ
bay đi.

— Còn một con nữa đâu ?

— Con kia ở nhà, chờ con
này về.. Cả hai con đều trắng
hết. Cả hai con đều thương tôi.

bảo nó áp má nó vào má là nó áp liền.

Giang quây bảo con chim, câu trắng liền âu-yếm áp má vào má Giang.

Thúy cười :

— Nó khôn quá nhỉ !

— Nếu cô thích nuôi nó, tôi vui lòng tặng cô.

— Ồ, cảm ơn anh... Tôi thích lắm.

Giang đưa tay lên vai, nhẹ nhàng nâng lấy con chim, và bảo :

— Đồ-câu về ở với cô Thúy nhé.

Giang trao con bồ-câu trắng cho Thúy. Thúy sung sướng ôm trong hai bàn tay, áp nó vào ngực...

Nhưng Thúy mắc cỡ, cảm ơn Giang một lần nữa rồi vội-vàng cầm chim bồ-câu đi về.

☆

Từ hôm ấy, con chim bồ-câu trắng cứ bay qua bay lại nhà Thúy và nhà Giang. Thỉnh-thoảng có cả con bạn của nó bay theo với nó. Nó thường bay đậu nơi cửa sổ phòng Thúy, Thúy

lấy thóc cho nó ăn và ôm lấy nó, vuốt-ve mơn-trơn nó. Một lát nó lại bay về nhà Giang.

Và cũng từ hôm ấy, Thúy và Giang thường gặp nhau nơi khu rừng vắng-vẻ sau nhà Thúy.

Đôi bạn trẻ đã yêu nhau.

Tình yêu chất-phác, nhưng mỗi ngày mỗi tha-thiết, say mê.

Một buổi trưa, ông Đội Ba đi tiệm về, bắt gặp con gái của ông đứng thân-mặt nói chuyện với Giang dưới bóng cây hoàng-mai. Ông tức giận, đỏ mặt, mắng ngay con gái :

— Thúy ! Mày nói chuyện gì với cái thằng ấy ? Hà ? Mày muốn tao giết mày, hả ? Đi về ngay ! Từ nay tao cấm mày không được đi đâu ra khỏi nhà, mày nghe chưa ? Đi về !

Ông quây lại Giang :

— Còn cái cậu này, cậu định quyến-rũ con gái tôi hả ? Từ nay hễ tôi thấy cậu lang-vãng nơi đây, thì tôi bắn chết, chịu ! Tôi nói trước cho mà biết đó ! Cút ngay !

Ông Đội Ba trước kia làm Đội Cảnh-sát, từ ngày về hưu - trí có xin được giấy phép mua

một khẩu súng đề săn-bắn làm kế sinh-nhai.

Với khẩu-súng ấy, ông hăm-dọa mọi người, cho nên Giang vẫn sợ ông. Chàng thui-thui đi về, không dám trả lời một câu.

Ông Đội thuê một bà già lo việc đi chợ, làm bếp và giao-thiệp ở ngoài. Còn Thúy, ông giam-giữ trong nhà, cấm biệt không cho bước ra khỏi nhà một bước.

Thúy buồn rầu, biếng ăn biếng ngủ, suốt nửa tháng nằm khóc một mình. Một buổi chiều, Thúy nhớ Giang quá, không biết làm gì hơn là lấy bút viết trên mảnh giấy mấy dòng thơ tương-tư đau khổ. Nhưng làm cách nào gửi giấy đến cho Giang ? Con chim Bồ - câu trắng bay vào cửa sổ... Thúy ôm lấy nó, vuốt - ve nó như mọi khi. Nó âu-yếm áp má nó vào má Thúy. Bỗng Thúy sực nảy ra một ý-ngĩ. Đôi mắt Thúy sáng rực lên như được một tia hy-vọng chiếu vào ngục thâm. Thúy mỉm cười, gấp tờ thư vừa viết xong, lấy sợi chỉ hồng buộc thư vào cẳng chim.

Chim bồ-câu bay về nhà Giang. Giang rất ngạc-nhiên trông thấy

một sợi chỉ hồng buộc một cuộn giấy gì nơi cẳng con bồ-câu. Chàng vội mở ra coi, vui mừng được tin người yêu. Chàng cũng đã đau khổ suốt nửa tháng, biếng ăn biếng làm, đêm đêm nhớ Thúy, nằm khóc ướt cả gối. Nay được mấy lời thương nhớ của Mộng-trung-nhân, phô bày trên giấy trắng... Chàng vội lấy giấy viết thư trả lời, trao lại Thúy những giòng ái-ân, thề trung-thành với người yêu cho đến mãn đời mãn kiếp.

Chim bồ câu bay qua bay lại mỗi ngày. Mỗi tình thiêng-liêng diễm-tuyệt, mỗi tình chung thủy keo sơn được nối lại mỗi ngày nhờ cánh chim bồ-câu trắng.

Ông Đội Ba đề ý thấy con gái của mình dạo này sao tỏ ra vui-vẻ khác thường, lại có con chim bồ-câu trắng từ đâu bay đến mỗi ngày. Thỉnh-thoảng ông nghe Thúy cất tiếng hát trong phòng, tiếng hát say sưa rung động tình thương nhớ. Ông ngạc-nhiên quyết rình xem. Một buổi chiều, chim bồ-câu trắng từ trong phòng Thúy vừa bay ra, ông Đội Ba chìa súng lên bắn một phát trúng chim, chim bồ-câu rơi xuống trước sân nhà, nằm đầy-

a. Máu dính đỏ lờn hai cánh
ng.

Ông Đội đến gần, thấy một
giấy buộc vào chun chim
ng sợi chỉ hồng. Ông cúi xuống
ra xem : quả thật cánh thư
h của con gái ông gửi cho
tiếng. Ông gọi Thúy ra sân:
nh ba tát tay tàn - nhẵn, rồi
đi ra tiệm uống rượu.

★

Thúy ôm chim bồ - câu vào
ng, ngồi khóc nức-nở...

Đây là con chim mái. Chim
bồ-câu đực bỗng từ đâu bay đến
âu trên vai Thúy. Đôi mắt nó
oàng-hốt và đau-dớn nhìn chim
mái chết. Thúy vừa khóc vừa
m chim ra khu rừng, đào
bôn chim bên góc cây hoàng
mai. Chim bồ-câu đực bay lên
ậu cành cây, ủ-rủ, không muốn
bay đi.

Thúy không ăn, không ngủ,
mỗi ngày mỗi đau nặng. Mỗi
ngày mỗi gầy, chỉ còn da bọc
xương. Đôi mắt sâu hóm.

Bà đầy-tớ già bảo ông Đội
Ba :

— Cô Thúy ốm nặng, ông
phải chở cô đi nhà-thương.

— Nó mưu-mô đấy, đề đi
nhà thương tìm cách gặp thằng
Giang chứ gì !

Ông mời Thầy thuốc ta đến
xem bịnh cho con gái. Thầy
thuốc cắt ba thang thuốc bồ.
Ông Đội Ba bắt ép Thúy phải
uống thuốc. Nhưng ba, thang
không khỏi. Uống liền tiếp mười
hai thang vẫn không khỏi.

Chiều hai-mươi-chín tháng Chạp
Ông Đội-Ba đang ngồi uống
ly rượu tất-niên nơi tiệm, bà
đầy-tớ già chạy đến khóc với
ông :

— Cô Thúy chết rồi !

Ông ném ly rượu xuống đất,
trả tiền rồi đi về nhà. Ông
bước vào phòng cô Thúy. Con
gái ông nằm lạnh ngắt trên
giường, không cử động.

Ông nhìn Thúy, bỗng hối hận,
ông nắm tay con gái và òa ra
khóc nức nở :

— Con ơi con !... Con tha
lỗi cho Ba !... Ba đã giết con!...
Con ơi ! Con ơi !...

Nhưng con gái ông đã chết,
năm yên lặng.

★

Sáng Mồng-một Tết, người ta
thấy một chàng thanh-niên tiều-
tụy, quỳ khóc trên năm mồ cô
Thúy... Và trong khu rừng gần
đấy, con chim Bồ-Câu trắng gục
đầu ủ-rủ trên nhánh hoa hoàng
mai...

N.V.



Ở vào cuối thế-kỷ thứ
XII, Thành-cát-tư-hãn
đã thực-hiện câu tế-ngôn mà
ngót 700 năm sau, Nietzsche
viết ra trong cuốn Zarathoustra :
« Người phải cương-kiên, cương
kiên như toàn - thạch.. Người
phải nhớ rằng, không có cái gì
là chân-lý và không có điều gì
phải kiêng-ky, trừ sự nhu-nhược,
cho dầu sự nhu-nhược đó là ác
tập hay đức-hạnh ! »

Cái hùng-sử của Thành-cát-
tư-hãn đã cho chúng ta thấy
một lần nữa, chính người anh
hùng đã tạo ra thời thế.

Đã hay, thường vẫn có sự
phụ-họa của thời-cơ đối với số-
mệnh của con người, nhưng con
người cũng phải có một cái căn-
bản siêu-vĩ để làm chủ tình-thế
mà nắm lấy then chốt của thời
cuộc.

Những chiến-công oanh - liệt
của Thành-cát-tư-hãn thiết là vô
song, là không-tiền khoáng-hậu,
trong lịch-sử loài-người. Những
vị « hoả-thần » của lục - thao,
tam-lược, như A-lich-son-dại,
Tôn, Ngô, Nã-phá-Luân, cũng
không vượt được lên trên ưu -
hạng của Thành-cát-tư-hãn.

Ngày gần đây, chính đại-tướng
Marc Arthur, người đã thắng
quân Nhật ở Thái-bình-dương,
đã phải thốt ra những lời tán
thưởng sau đây, đối với vũ-
công của Thành-cát-tư-hãn :

« Tất cả những nguyên-tắc về
chiến-lược của Thành-cát-tư-hãn,
ở thời nào, cũng vẫn là một kho-
tàng vô-cùng quý - giá cho
các binh-gia.

« Tuy khí giới và chiếu-cụ có
luôn luôn thay đổi, nhưng, những
điều cốt-yếu trong phép dùng
quân, vẫn chỉ là một. Kinh-nghiệm
và thực-hành chưa gọi là đủ :

ười chiến-sĩ vẫn còn phải học
rất nhiều ở tiền-nhân. Mỗi
ng-kiến của binh-gia xưa, là

THÀNH CÁT TU HÂN



VI-HUYỀN-ĐẮC

một bài-học vô-giá cho ta. Thiết,
không có binh-thư, chiến-sách
nào rõ-ràng, sáng sủa, hơn
những trang chiến-sử của hoàng
đế Mông-Cò, khứ thể đã 700
năm nay ! »

Những sáng-kiến mà đại-
tướng Arthur nói trên đây là phép
« đánh chớp-nhoáng » cùng là
« chiến-tranh toàn-diện » vậy.
Thành-cát-tư-hân đã thành-công
một cách vẻ-vang, vì hai điểm
lấy yếu trên đây.

Thành-cát-tư-hân nguyên-do
là đế-hiệu ; chính tên ông là
Thiết-Mộc-Chân. Ông đã mồ-
côi cha từ khi ông mới 13 tuổi.
Cha ông bị kẻ thù hạ-sát bằng
thuốc độc. Tuy tuổi con nhỏ,
nhưng ông đã có một vóc người
cao-lớn, dũng-mãnh, như một
thanh-tráng. Ông ngồi trên lưng
ngựa suốt ngày, đêm, không biết
mỏi và ông xử-dụng chiếc cung
như một tay thiện-xạ.

Cương-kiên và dũng-cảm là
hai đặc-tính của Thiết-Mộc-Chân.
Cậu quyết tâm phải phục-thù cha
và phải cầm đầu các bộ-lạc ở ven
sông Oát-Nạ.

Sự thông-minh, linh-lợi thiên-
bẩm kết-nạp với sự hiền-ngang

của một chí cả, đã nâng Thiết-
Mộc-Chân lên địa-vị một đấng
minh-chủ của dân-tộc kỵ-mã ở
cánh-dông cỏ bao-la. Họ đang
sống lê-tê, yếu-hèn như những
cái mặt sắt, cái bụi gang, mà nay
bỗng hiện lên một khối « từ-
thạch », thì, lẽ tất-nhiên, họ bị
thu-hút ngay vào một mối. Dần-
dần, mỗi ngày, Thiết-mộc-Chân
có thêm tín-nhiệm và uy-thể. Rồi
trong cuộc đại-hội « Khố-lý-nhĩ-
đài » lần đầu tiên, tất cả từ-
trường đã đồng-thanh tôn ông lên
ngôi cử-ngũ, với đế-hiệu là
Thành-cát-tư-hân.

Sau đó, vị tân-đế xuất-sư,
đánh người rợ Kim, lúc ấy
đương bá-chiếm cả miền bắc
nước Trung-Hoa, trên lưu-
vực của Hoàng-Hà. Rợ Kim
bị đánh bại, xin hòa, ông di-quân
đi chinh Tây. Ông đi tới đâu
là « mã đáo, thành-công ». Cả cái
thung-lũng ở giữa khoảng hai
con sông A-Mẫu và Tích-Nhĩ
đều quy-phục. Dân Hồi-Hồi-
quốc chạy sang Nga-la-tư cầu
cứu, ông cử toàn-lực đánh bại
các ông Hoàng Nga và chiếm-
cử luôn một dải lưu-vực của
Ô-lập-hà, Oa-ngoã-hà, và miền

duyên-hải của Lý Hải và Hắc-
Hải.

Sau khi hai bộ-tướng của ông
là Tốc-Bất-Đài và Triết-Biệt
bình-phục xong Trung-Âu, trở
về, ông liền hạ-lệnh đông-quy về
lấy nốt Trung-Quốc. Nhưng, trên
đường vào đất Trung-Nguyên,
đại-quân của ông vấp phải tiêu
bang Tây-Hạ, một bộ-lạc, xưa
nay, vẫn dĩ-nghệ làm đạo-tặc.
Lại nhân nạn lụt của Hắc-long-
giang, ông phải án-binh. Tây-
Hạ cố-thể phải xin hòa và dâng
công-chúa làm tin.

Theo sử-gia người Mông, là
Hạ-nang-sạt-sen, thì Thành-cát-
tư-hân đã bị công-chúa Tây-Hạ
dùng tà-thuật mà ám-hại. Ông đã
lìa trần sau đêm giao-hoan.

Hình như, cái số-kiếp của
những con người siêu-phàm bao
giờ cũng hay bị du vào những
cảnh-tình đầy éo-le, đầy mâu-
thuẫn. Cầm đầu trăm vạn hùng-
binh, bách chiến bách thắng,
ngoát tay ra lệnh, mấy mươi
muôn chiếc đầu phải rụng ấy thế
mà, Thành-cát-tư-hân đã bị chết
trong tay của một người đàn-bà
kiêu-nhuộc ! Thì, A-đề-Lạp

Attila) chẳng cũng bỏ mình trong
lềm hợp-cần với công-chúa Bur-
gunde, như Samson đã chết
vì tình-nương Dalila, mà Lã-Bổ
đã bị chính tay Điều-Thuyền trói
vào chiếc gường nằm !

Cứ bình-tình mà xét, Thành-
cát-tư-hân, chung quy, cũng chỉ
là một kẻ hiếu-dại.

Muốn làm bá-chủ cả cõi doanh-
hoàn bằng bất cứ phương-tiện

nào, cho nên, ông đã coi mạng
người như cỏ, rác, và không hề
biết đến bốn chữ : « Dĩ đức an
dân ». Có lẽ cũng vì thế, mà ông
đã quá tin vào sức-mạnh, và đã
không hiểu rằng : « Cái nhược-
điểm của sức-mạnh là chỉ biết
ỷ vào sức-mạnh ! »

VI-HUYỀN-ĐẶC

(Hoàng-mai-hiên, 6-12-61)

Quý vị thường hay dài đêm, thận suy, đau lưng, di
mộng hoạt tinh, gân cốt nhức mỏi, đầu vàng mắt hoa v.v...
nên thường uống :

BỔ THẬN CHUYÊN DƯỢC

PHƯỚC LỘC THỌ NAM CHI BỬU

(Thuốc bổ của đàn ông)

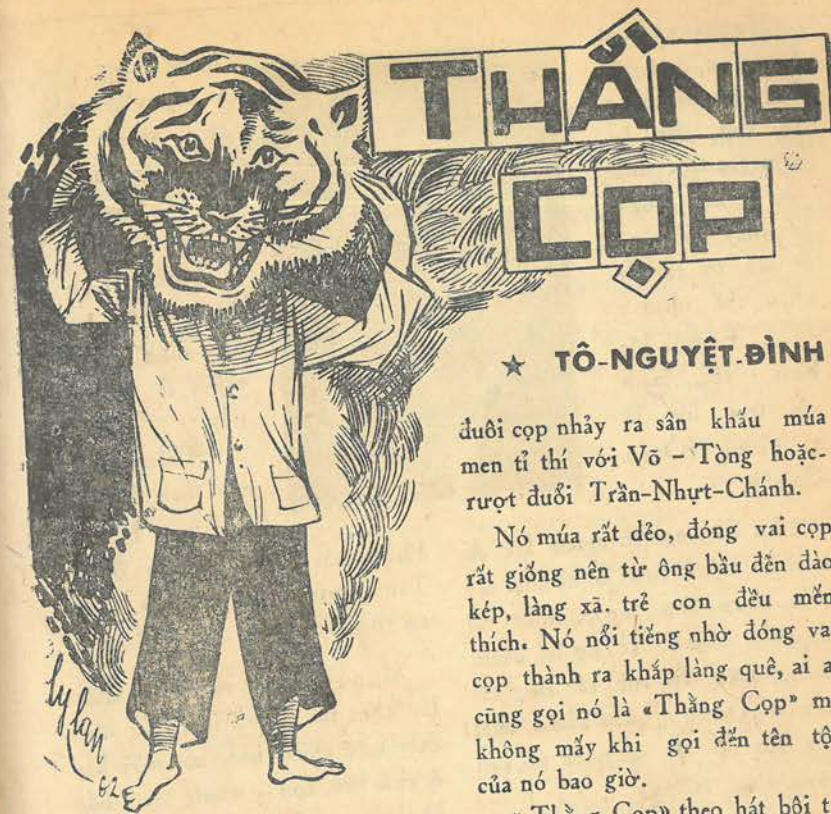
Quý Bà quý Cô khi hư huyết kém, da mặt xanh xao,
thân hình gầy ốm, kinh nguyệt không đều, sản hậu thiếu
máu v. v. . . nên thường uống :

PHỤ NỮ CHUYÊN DƯỢC

PHƯỚC LỘC THỌ NỮ CHI BỬU

(Thuốc bổ của đàn bà)

Đông Dược-Sĩ ONG-SUNG Số 57, Đại-lộ Khổng-tử
CHOLON; và các tiệm thuốc Bắc ở khắp nơi đều có bán.



★ TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH

đuôi cọp nhảy ra sân khấu múa
men tí thí với Võ - Tông hoặc-
rượt đuổi Trần-Nhựt-Chánh.

Nó múa rất dẻo, đóng vai cọp
rất giống nên từ ông bầu đến đào
kép, làng xã, trẻ con đều mến
thích. Nó nổi tiếng nhờ đóng vai
cọp thành ra khắp làng quê, ai ai
cũng gọi nó là « Thằng Cọp » mà
không mấy khi gọi đến tên tộc
của nó bao giờ.

« Thằng Cọp » theo hát bội từ
năm mười chín tuổi, đến năm
hăm sáu tuổi, gần nửa đời
người rồi, thiên hạ vẫn gọi
nó là « Thằng », vì nó có tính
khật khùng, lại chưa vợ con, ai
bảo sao chịu vậy, không thể than
oán trách. Nó có tật lạ ngồi đầu
kéo đờn cò miệng ở đó, không ai
đuổi xô vì biết nó say mê tiếng
đờn, tiếng hát.

KHÔNG phải tại nó
tuổi Dần mà người
ta kêu nó là « thằng Cọp ». Ngày
trước, nó theo gánh hát bội,
quanh năm lưu diễn ở các làng
quê hẻo lánh, chuyên vác cò chạy
hiệu và thỉnh thoảng có diễn tuồng
« Võ Tông sát tầu » hay « Trần-
Nhựt-Chánh hội tam thế » thì nó
mặc đồ văn vện, mang đầu cọp,

Người nó ốm
 om hèm, da ngăm
 en, mặt rỗ chằng
 ỗ chịt, đầu lại
 tròn cạo trọc như
 đầu « thầy-chùa »,
 ễ thấy bóng nó
 ầu, trẻ em rấp
 nhau chế nhạo :
 — Ê, trọc lóc
 nh vôi, bình
 ời trọc lóc là
 Thăng (Ông)
 Cộp ».



Lắm đũa nghịch-ngợm lấy đá
 ọi nó, thì nó cười hề hề múa tay
 úa chun làm... cộp, nhất tụi
 ể chạy đi, chớ không hề đánh,
 ử, vì vậy trẻ con các làng rất
 ến nó, thường đào khoai, chặt
 ĩa cho nó ăn, để nghe nó kéo
 òn cò... miệng.

Đời « Thăng Cộp » nếu chỉ
 thể, tưởng chẳng có gì đáng
 ối. Loạn-lạc ngẫu nhiên làm thay
 ời hẳn « Thăng Cộp » từ nếp
 ng đến việc làm...

Buổi chiều trung tuần tháng
 ạp năm Kỷ-sửu (1949), một
 i-đội Lê-dương tiến đến Cù-
 mở cuộc càn quét dữ dội.

Tiếng súng nổ,
 ai nẩy nhón nhác
 kéo nhau chạy
 trốn như đàn ong
 vỡ tổ. Bấu gánh,
 ðào kệp và
 « Thăng Cộp »
 ðồng bỏ xác gánh
 tại đình Cù-mi
 mạnh ai lo thân
 nấy.

« Thăng Cộp »
 men theo bờ biển
 trở về làng

Phước-hải và về tới nhà ở làng
 Tam-phước đứng vào chiều
 29 tháng chạp.

Mẹ nó thấy nó về thì ôm chầm
 lấy khóc bù lu bù loa. Nó nhìn
 thấy một chiếc bàn thờ mới bày
 ở chái bên, lộn « nhang ma » bốc
 khói lạng lờ, xám lạnh, nhà lại
 vắng bóng người chị gái, nó liền
 bới mẹ. Bà không đáp, chỉ chảy
 nước mắt trở ngôi mà mới bên
 hè.

« Thăng Cộp » thoáng hiểu
 làng nó cũng như bao làng khác
 ðang xáo trộn vì giầy ðinh của
 Tây trắng, Tây đen, chị nó chết
 giống như những xác chết nó

thấy rải-rác ở các làng nó đi qua
 ðể về nhà.

Đêm 29 Tết nó khóc với mẹ
 nó gần suốt sáng. Trong làng, nó
 nghe không ai ngủ yên, người
 ta lục đục dòm cái này, giấu cái
 kia hoặc dất ðiu nhau tấn cư
 ội vĩa trong túng thiếu...

Sáng mừng-một Tết Canh-dần
 (1950) nó mới có dịp nhìn kỹ
 làng nó chỉ còn độ một trăm nóc
 nhà đứng vững, chẳng ai buồn
 nói đến Xuân đến Tết, nét lo âu,
 sợ sệt phảng phất trên mặt mọi
 người. Mẹ nó bảo nó :

— Con nên tìm ra tỉnh nương
 náu qua ngày, ở ðây Tây nó
 không tha con đâu.

« Thăng Cộp » cũng biết vậy.
 Nhưng lòng con thương mẹ,
 lòng em thương nhớ chị, tình yêu
 nhà, ðất, làng, xóm ðâu có cho
 phép nó ra đi. Những năm trước,
 Tết nào nó cũng lặn lội về thăm
 mẹ thăm chị cùng hưởng cảnh
 ðoàn tụ trong ðôi ba ngày. Tết
 này, chị nó không còn, mẹ nó già
 yếu, làng xóm không còn sống êm
 ả, tự-nhiên có cái gì trói chặt nó
 bên mẹ, bên mồ chị. Nó phải ở
 lại làng ðể phụng dưỡng mẹ nó,

ngoài ra nó thấy có phận-sự trông
 nom, canh giữ lúa heo nái mà chị
 nó ðể lại làm mạch sống cho mẹ
 già. Nếu heo con lớn ðần lên,
 bắt bán từng con, mẹ nó sẽ có tiền
 ðáp ðối qua ngày. Như vậy có rất
 nhiều lý do ðể nó ở bên cạnh mẹ
 ðến ngày nào bà một trăm tuổi già.

Mấy anh trai mạnh khoẻ trong
 làng, thấy « Thăng Cộp » quẩn
 quít mẹ nó thì cần nhần :

— Nó yếu như sên mà không
 biết thân, ðể coi Tây ðến nó chạy
 trốn bằng cách nào ?

Mấy cụ già thì cãi :

— Kệ nó mà các cháu, nó
 khùng khịu, ai làm tình làm gì nó
 mà lo, coi vậy có nó cũng ðỡ
 cho bà già.

Có « Thăng Cộp » ở làng,
 nhưng hầu hết người làng ðều coi
 như không có nó. Người ta cứ
 bảo nó khùng khịu, yếu như sên,
 nên không ðể nó tiếp tay, vào một
 việc gì, mặc ðầu nó sẵn lòng ðào
 khoai, ðốn mía giúp các bà già
 gánh ra chợ bán.

Mấy cô gái trang lứa, chẳng
 ai yêu nó, chê nó ðen ðúa xấu xa,
 rõ chằng rõ chịt, lại thêm cái tên



« Thằng Cọp », cô nào nghe đến
 ững che miệng cười. Duy có chị
 Bầy Tốt, góa chồng, muốn « tiếp
 ối » với nó để nhờ sức trai
 m hai công đất trồng bắp trồng
 khoai, nhưng « Thằng Cọp » có
 niết tha đến chuyện vợ-chồng đâu,
 ó nào hiểu ái-tình, tuổi xuân là gì.

Nó chỉ lo phụng dưỡng mẹ già,
 ăn sóc con lợn sề và lừa lợn con
 ủa chị nó để lại. Ngày tối nhìn
 ngấm bầy heo ụt-ịt ở xó hè, nó
 hầy hình như có bóng chị lẫn

quần quanh nhà. Không ai buồn
 để ý đến nó thì tự nó tìm an ủi
 trong sự săn sóc mẹ già và bầy
 heo.

Thế rồi buổi trưa mừng 6
 Tết, nắng gay gắt đổ xuống mái
 nhà, nhưng khóm cây đứng im
 lim như buồn ngủ. Thành linh
 tiếng sùng nổ ở đầu làng, rồi
 tiếng chũn người chạy vội,
 « Thằng Cọp » thấy ai nẩy nhón
 nháo, đùm tùm nhau đi trốn.
 Trong chốc lát tiếng nổ thêm gần,
 vài căn nhà bốc cháy, tiếng giầy-
 đinh vang lên khắp ngõ.

Tây tới ! « Thằng Cọp » biết
 rõ rồi, nó vội vàng lừa bầy heo và
 công mẹ ra trốn ở bụi tre. Nó
 tưởng được yên thân, chẳng dè
 Tây ruộng tới, gặp bầy heo liền
 ví bắt.

« Thằng Cọp » đâu có chịu, nó
 chui ra khỏi bụi tre cắn lại. Nó
 chỉ làm một việc rồ dại. Mấy tên
 lính Tây không bắn nó, mà trói
 nó lại, lấy bá súng khện vào mắt
 cá làm cho nó què chũn, chết
 giặc.

Đến chừng tỉnh lại, nó thấy bà
 mẹ ôm nó khóc. Cạnh đó, con
 heo nái, vú sề xuống gần chằm

đặt đứng ụt-ịt một cách buồn hiu.
 Bầy heo con bị lính Tây bắt
 mắt cả rồi. Có lẽ vì con heo nái
 quá lớn xác, ôm không nổi nên
 Tây bỏ lại. Nó khổ quá, buồn
 quá. Nguồn hy vọng của mẹ con
 nó ở lừa heo con đành tiêu tan
 như mây khói. Đã vậy nó còn
 phải chịu tật què một chũn, đi đâu
 thì cà nhắc, cà nhắc trông rất
 khổ sở.

Người trong làng chia nhau
 giúp đỡ mẹ con nó, chị Bầy Tốt
 cũng cầu thân với nó, nhưng nó
 thấy không cần thiết lắm, nó chỉ
 muốn làm sao trả thù được cho
 chị nó, cho cái chơn què, cho lừa
 heo con....



NẮNG chiều còn đọng nhẹ
 trên những đợt cây và trải rộng
 ra trong không gian thanh tịnh
 im hẩn gió. Nền trời lên cao màu
 xanh lơ, băng láng vài đợt mây
 trắng đứng yên một chỗ.

Trước đình làng, một số đồng
 trai tráng tụ họp nghe người bạn
 họ từ An ngải về báo tin : một
 đội lính Tây sắp kéo đến ruộng
 bổ làng Tam-phước, họ sẽ đi qua

Giồng Ồi Nhỏ.

Tức thì tốp đồng trai tráng
 lấy dao mác gậy gộc kéo đi.
 « Thằng Cọp » tưởng tượng tới
 đám lính giặc đã giết chị nó, bắt
 mắt lừa heo con của nó, lập tức
 nó trở về nhà vác cuốc chạy theo.

— Cọp ! Mày trở về đi đừng
 theo làm rộn, bộ mày tưởng
 chuyện chơi sao ?

Đám trai tráng đuổi xua nó.
 Anh đoàn trưởng thì ra lệnh :
 — Chận « Thằng Cọp » lại,
 đừng để nó đi ló quó Tây đến
 thì khổ mình.

Thế là người ta giữ nó lại.
 Nhưng chỉ trong vài phút sau nó
 vượt khỏi, cà nhắc cái chũn què,
 đuổi theo các bạn nó.

Trời đã chiều, nắng bạc phết,
 không một chút gió, cây cối
 đứng im buồn hiu. Giồng Ồi
 Nhỏ mọc đầy chũm gỏi, bù kết,
 trâm biển và ổi rừng. Địa thế
 của nó khác hẳn Giồng Ồi Lớn
 từ miền biển Phước-hải đổ lên,
 nó từ làng An ngải theo đường
 liên tỉnh 11 đổ xuống giống như
 cái cùi chỏ thọc sâu và làng Tam
 phước.

Thờ ăn thông vờ cánh rừng
chạy thẳng tấp đến chun trời
Giồng Ôi Nhỏ đầy về hiểm
kính Tây muốn vào làng
vượt qua « cái cùi chó »

Mỗi phút trôi qua không khí
thêm nặng nề, hồi hộp.
n trai tráng đã chia nhau núp
bên khúc quanh, chờ một
lính...

Tiếng giầy đinh cộm cộp từ
vẳng lại mỗi lúc một gần,
ng thoáng chốc, bóng lính Tây
lớn nghinh ngang bước tới.

Một tiếng hô lớn, cả cánh
ng ôi đều rung động, nổi
g. Hàng trăm người thi nhau
vào lính giặc.

Úng nổ chen tiếng la hét, găm
điên cuồng, ác liệt. Có bóng
vờ ngả xuống, lính giặc kéo
bò càn, bụi đường mù bay.

Bóng chiều dần dần sẫm lại,
g súng, tiếng la hét im hẳn,
ng Ôi Nhỏ sau phút sáu động
đội đã trở lại với cái không
bình thường, quanh « cùi
» hiện ra cảnh hoang tàn rừng
Năm, mười thầy giặc ngã

lên cỏ, lên cây, lên dây léc màu
vàng hệt vì khô héo. Bình nước
ba lô, găng tay, túi đạn văng bừa
bãi đê lên cỏ như không cho mọc.

Giặc chạy trốn, hết dám
vào làng khuấy phá, anh' đoàn
trưởng vui mừng kiểm điểm lại
anh, em để kéo về. Còn-đủ cả !
Ai nấy đều sung sướng cất tiếng
cười giòn như pháo nổ.

Thốt nhiên họ nín cười. Tiếng
rên thê thảm bỗng vọng vào tai
họ. Đám trai tráng đưa mắt nhìn
nhau thăm hỏi : « Tiếng rên của
ai ? »

Họ nhận ra tiếng rên từ trong
một bụi cây cách năm mươi thước
Anh đoàn trưởng khẽ ra hiệu. Cả
bọn đồng đổ đến...

Một cảnh tượng làm cho họ
sững sờ đến phát khóc...
Trong bụi cây, « Thăng Cọp »
nằm ngửa, hai tay ôm lấy vết
thương liu lác máu ở trước
ngực, mắt nó nhắm lại, cạnh nó
một tên lính giặc ôm súng ngả
sấp xuống chết kề bên cái cuốc.

Không ai ngờ « Thăng Cọp »
đã lén lút lăn mình vào cuộc chiến
đau một cách quả cảm, mặc dầu nó
quê quặt và người ta đuổi xua nó.

Dầu sao nó cũng hạ được tên
lính giặc và bị thương nặng. Anh
đoàn trưởng cúi vào mặt nó gọi
lớn :

— Anh Cọp, anh có sao không?

Nó mở mắt, nhàn mắt,
không đáp. Nhiều người nắm tay,
nắm vai nó lay mạnh :

— Anh Cọp thấy trong mình
ra sao ?

Nó chảy nước mắt, đôi môi
khô héo run đều. Giây lâu, nó
thều thào nói được mấy tiếng :

— Chắc... tôi không... sống...
nổi

Một anh bỗng xốc nó dậy, nói:

— Anh ráng chịu đau, để tôi
bồng anh về làng cứu cấp.

Hai tay vẫn ôm lấy ngực, toàn
thân run đều, « Thăng Cọp » lắc
đầu yếu ớt, nói tiếng chầm, tiếng
nổi :

— Cám,.. ơn anh... em. Hãy..
cho tôi chết ở... đây, đừng..
đem về... làng mẹ tôi... thấy..
đau... lòng.

Nói rồi nó lịm người trong
những cánh tay và những cánh
tay ghì chặt lấy nó :

— Anh Cọp, anh không thể
chết, chúng tôi rất mến anh..

Nó mở mắt nhìn trùng trùng
vào thầy tên lính giặc :

— Chính... nó giết chị... tôi...
ăn cướp bầy... heo... của tôi,
tôi... phải... giết nó...

« Thăng Cọp » lại nhắm mắt,
hơi thở dồn cả lên miệng, tay ghì
cứng vết thương trên ngực, nó
lịm dần.

Những sắc mặt xám lại cùng
vời tiếng gọi thất thanh :

— Anh Cọp ! Anh Cọp ! Anh
đừng làm thế, anh phải sống để
nuôi mẹ già...

Nghe tiếng gọi, nó cố thu sức
tàn chớp mắt nhìn láo liêng, rồi
bỗng nhiên, tay nó rời khỏi vết
thương, nắm chặt lấy tay bạn nó,
hơi mồn dần :

— Anh ơi,.. anh có... về,
nhớ nói với... mẹ... tôi, ráng
nuôi con... heo nái, để năm tới
nó... đẻ...

Nói xong, « Thăng Cọp »
nghèo đầu, trút hơi thở tàn.

Nắng đã tắt, gió lạnh rít dài
qua bờ cây nghe buồn buồn như
tiếng nói ngấp ngừng, nghẹn
nghẹn...

TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH

MƠ' XUÂN

Xuân thoảng mơn man động lá cành,
 Rèm mây tha-thướt rũ xanh-xanh.
 Xuân trong thắm nhẹ lòng họa ngát,
 Hương tỏa vườn mơ giấc mộng lành.

Ánh hồng gợn-gợn suối tình ca,
 Tư nắng tràn-lan gió nhạc hoà,
 Kiêu-diễm màu xuân trên má thắm,
 Êm êm khẽ vuốt vạt hồn hoa.



xuân cảm

Tâm-tình cô đọng giữa trần ai
 Quyện bước chân đi với tháng ngày.
 Sương giọt cành khuya ru ảo-mộng,
 Hoa nghiêng song vắng gợn u-hoài.

Đàn tơ vương-vấn, tình đa lụy
 Bút mực chơi-vơi, phận bất tài
 Non nước đau buồn mây khói tỏa,
 Bên rèm thồn-thức đón xuân lai.

THANH-NGUYỄN
 Xuân Nhâm-Dần 1962



BỮA ĂN Ngon...

S. K. CHETTUR là một trong số các nhà văn có nhiều uy-tin hiện nay ở Ấn-độ. Thường đăng truyện ngắn trong nhiều tờ báo ở New Delhi, như là tờ Shankar's Weekly, tuần báo chính-trị và văn-nghệ viết bằng Anh-văn. Chettur có một lối diễn-lả vui và nhẹ-nhàng, luôn luôn bao hàm một chút triết-lý mỉa-mai về cuộc sống thực-lẽ của con người. Dưới đây, Chettur kể một mẩu truyện vui xảy ra trong ngày Tết Diwali của Ấn-độ (gần như ngày Tết ta) đầu tháng 11 Dương-lịch, tại một Trường Nữ-sinh Trung-học.

★ S.K. CHETTUR
 (New Delhi — Ấn-Độ)

Các tranh vẽ trong bài này là của tác-giả.

CHỊ đã định ăn bữa
ra ở đâu chưa ?

Đó là câu hỏi của cô Syamala,
nội-trú ở trường Trung-học
Đoài-Ô, hỏi cô Vasundhara,
trường Trung-học Thành-phố,
trong mấy phút nghỉ-ngơi giữa
cuộc hội-thảo của hai trường
Trung-học lớn nhất trong
nh, nhân dịp họp mặt kỷ nghĩ
Tết Diwali. Vì phái-đoàn Trung-
học Thành-phố gồm có 18 Nữ-
sinh, đến trễ do chuyến xe-lửa
hồi 9 giờ 30 sáng, nên cuộc
hội-thảo liên-trường sẽ phải kéo
đi hết trọn ngày. Chỉ đề nửa
đồng-hồ cho buổi ăn trưa
là thôi. Cô Vasundhara đáp :

— Ồ, tôi tưởng tôi có thể đến
bán-com nội-trú ở đây để mua
chút ít đồ-ăn gì cũng được.

Cô Vasundhara chạc 21 tuổi,
ảnh-khảnh và duyên-dáng,
mướt-tha trong chiếc áo xa-ri
màu xanh đậm. Cô Syamala bảo :

— Không phải dễ-dàng lắm
đâu, chị ạ. Vì các phần ăn nội-
trú bán-com nội-trú ở đây hạn-
chế gát-gao lắm. Chị muốn
gì, tôi phải xuống quán-com
nội-trú trước mới được.

— Ồ, chị tử-tế quá. Tôi mong
đây có bán món *dosai*, *masala*
dosai...

— Vâng. Nếu không có *dosai*
thì *vada* được chứ ?

Hay là tôi sẽ đặt nhà bếp nấu
món gì ngon để chị dùng nhé ?
Ngày Tết Diwali mà !

— Vâng, tôi ăn sao cũng
được ạ.

— Thế thì tiện lắm. Vậy 1 giờ
trưa xong cuộc hội-thảo, chị đi
với tôi đến quán com và chúng
ta sẽ cùng ăn bữa trưa với nhau
nhé ?

— Vâng, cảm ơn chị lắm.

II

Đúng một giờ, cuộc hội-thảo
chạm dứt nhưng bà Giáo-sư còn
giữ cô Vasundhara ở lại trong
lớp vài phút để nói chuyện.
Đến khi cô từ-giã lớp học về ra
ngoài, thì cô Syamala đã biến
đi đâu mất. Vasundhara đi bách
bộ trước sân trường để chờ.
Ngay lúc đó, cô Saroja, một Nữ-
sinh khác ở nội-trú tại trường
gặp cô, hỏi :

— Này chị Vasundhara ! Chị
đã định ăn bữa trưa bằng cách
nào chưa ?

— Bữa trưa ? Ồ, tôi có thể ăn
sơ-sài chút ít gì cũng được.

— Ăn sơ-sài chút ít hả ? Không
phải đến quán-com nội-trú chứ !
Chị ở từ trong tỉnh ra đây xa
mấy cây số mà ăn sơ-sài là thế
nào ! Nếu có một bữa ăn ngon
thì chị nghĩ sao ?

— Một bữa ăn ngon ?

BỮA ĂN NGON

— Vâng. Một bữa tiệc đàng-
hoàng. Hình như tuần trước
các chị đến đây bị bỏ đói,
chúng tôi thấy như thế là kém
lịch-sự quá, vì khi chúng tôi
đến họp mặt tại trường các chị
thì được các chị tiếp-đãi niềm
nở hơn.

Cô Vasundhara cười hỏi :

— Hôm nay chị muốn đãi
chúng tôi ? Ồ, chị thật là tốt
quá. Nhưng lúc này chị Syamala
có bảo tôi đi với chị ấy đến
Quán-com để cùng ăn trưa.

— Thôi, chị đi với tôi cũng
được. Sẽ có một bữa ăn nóng
hổi, ngon lành lắm.

— Chị tốt quá.

— Nè, mà chị muốn ăn chay
hay ăn mặn ?

— Trời Phật ơi ! Tôi biết lựa
chọn thế nào ?

— Tôi hỏi thật đấy mà. Chị
ăn chay hay ăn mặn, cứ nói
cho tôi rõ.

— Ăn mặn.

— Thế thì hay quá ! Chị đợi
đây một tý nhé. Tôi chạy xuống
Quán Com bảo họ dọn sẵn một
bữa com Tết thật ngon cho chị,
rồi tôi sẽ trở lại đưa chị đi.
Chỉ năm phút thôi.

— Chị thật là sốt-sắng dễ-
thương, quá. Tôi không ngờ



được chị muốn đãi cho bữa ăn
trưa ngon lành. Tại sáng ngày
chúng tôi đi chuyến xe-lửa đi
xóc ruột nên bây giờ đói dữ !

Saroja vẫy tay chào Vasun-
dhara, rồi chạy đi.

III

Vasundhara vào ngồi chờ
trên một chiếc ghế dài trong
lớp học trống-rỗng. Đã 1 giờ
10 phút. Lệ nghỉ trưa chỉ đến
1 giờ 30 là hết. Cô đói bụng
quá, đói muốn xỉu người;
mà họ dọn ăn-sao lâu thế ! May
làm sao, cô bạn đầu tiên,
Syamala, trở lại kia ! Cô hỏi
Vasundhara :

— Chị ngồi đây à ?
 — Vâng, tôi ngồi đây. Chị có biết chị Saroja đi đâu không ?
 — Không. Mà sao ?
 — Saroja vừa hỏi tôi có muốn ăn một bữa cơm trưa thật ngon-lành không ! Một bữa cơm mặn, chứ không phải cơm chay, ngon lắm. Tôi bảo rằng chị Syamala đã định đưa tôi đi xuống Quán cơm ăn tạm chút ít bữa trưa cũng được, nhưng Saroja bảo là để Saroja đi nói với họ dọn một bữa cơm ngon hơn. Chị có phiền chúng tôi không ?

— Ô ! Sao lại phiền ? Saroja làm như thế là lịch-sự lắm đây chứ ! Tôi cũng đã bảo họ dọn một mâm sơ-sài để chị ăn tạm với tôi, nhưng bây giờ tôi phải chạy đi bảo họ thôi, đừng dọn nữa vậy.

— Thế này thì tôi quấy rầy chị quá nhỉ... Tôi ân-hận quá...
 — Ô có gì là quấy rầy đâu. Chị ngồi chờ Saroja một tý, tôi đi ăn cơm một mình vậy.
 Thế là Syamala cũng vẫy tay từ-biệt Vasundhara và rút đi mất.

1 giờ 20 phút. Chẳng thấy bóng dáng Saroja và bữa ăn trưa ngon-lành đâu cả. Vasundhara chờ lâu đói bụng muốn

chết, gặp một cô Nữ-sinh khác hỏi cô Quán cơm nội-trú ở nơi nào nhờ cô chỉ hộ lối đi.

Đi quanh-co một quãng đến một căn-phòng rộng-rãi, Vasundhara nghe từ trong đó vang ra tiếng chén, bát, đĩa, muông, nĩa, dao, lòn-côn lảng-cảng, rộn-rịp vui-thích lạ. Cô bước vào cửa, thấy vô-số các nữ-sinh nội-trú ngồi quây-quần chung quanh các bàn ăn. Saroja đang ngồi ăn ngon lành với hai cô bạn khác. Hình như cô không để ý đến Vasundhara mới bước vào.

Vasundhara tự nghĩ rằng chẳng lẽ chạy tới hỏi Saroja : «Bữa ăn ngon-lành của tôi đâu ?» hỏi thế thì ngu-ngốc quá. Cô tằn-ngần một lúc, nhìn đồng hồ đã thấy 1 giờ 25, thì Saroja ăn xong vừa bước ra. Cô hỏi Vasundhara :

— Ủa ! Từ nãy giờ chị ở đâu ?

— Tôi vẫn ngồi trong lớp-học chờ chị, theo lời chị dặn tôi. Tôi tưởng chị đi bảo họ dọn cơm rồi chị trở lại gọi tôi chứ.

— Ô, lúc nãy tôi đến đây thì người bồi dọn bàn bẻ tôi phải ăn ngay bữa cơm trưa của tôi, nếu để trễ thì bị mất phần, ráng chịu. Thế là tôi phải ăn phần tôi và tôi có bảo người ta dọn riêng cho chị một phần cơ mà !



— À, tôi hiểu rồi. Thế cũng được, chị ạ.

Vasundhara trả lời như thế, vì cô là người quá lịch-sự nhã-nhận, không muốn tỏ cho người ta thấy sự bất bình của mình. Nhưng cô nghĩ thầm : «Việc đời, ai lo phận nấy. Đừng mong ai giúp ai ».

Cô Saroja bảo :

— Dù sao, tôi cũng vào xem họ đã dọn cơm cho chị chưa.

Cô chạy trở vào phòng ăn, một lát sau trở ra, nét mặt thẹn thùng, mắc-cở :

— Chị ơi, anh bồi không thể dọn cơm cho chị bữa nay được, vì bảo trễ quá. Tuần sau chị đến, người ta sẽ dọn.

— Thôi, khỏi, chị ạ. Nhờ chị nói lại với người ta rằng tôi đói bụng quá, không thể chờ đến tuần sau được. Dù sao cũng xin cảm ơn các chị đã có lòng lo lắng cho tôi.

Đã 1 giờ 30 đúng. Vasundhara chẳng có một hột cơm trong bụng. Ngày Tết Diwali !

Vasundhara, nét mặt ủ-ê vì bụng quá đói, đành ôm cặp da đựng sách vở vội-vàng trở về học-đường, nơi đây cuộc hội-thảo chiều sắp-sửa khai-mạc. Gần đến trường, cô gặp Syamala cô bạn đầu-tiên. Cô này hỏi :

— Thế nào, Vasundhara ăn bữa trưa ngon chứ ?

Vasundhara cười đáp :

— Ô, ngon lắm, chị ơi ! Cá nấu canh ngọt lắm, thịt xào thơm lắm. Trong đời tôi chưa được bữa ăn nào ngon như bữa trưa này!.

S. K. CHETTUR

NGỌC-HOÀNG

★
T
Ú
B
E



DÊM hôm 24 rạng 25 tháng chạp, Ngọc-Hoàng có báo mộng cho Tú-Be tôi, yêu cầu bắt làm một bài thơ cảnh cáo Táo-Công đã dám chỉ đội mũ, đi hía mà không mặc quần khiến cho Hằng-Nga và Chức-Nữ bị e thẹn.

Ngọc-Hoàng vừa đi xong, Táo Công lại hiện ra xin Tú-Be ra ơn làm hộ cho một bài «*khieu oan*» với Ngọc-Hoàng.

Tú-Be tôi không dám từ chối phần sợ «*mắt lòng trời*», phần biết rõ Táo Công bị oan, nên có hai bài thơ sau đây :

TÁO-CÔNG

● NGỌC HOÀNG MẮNG TÁO CÔNG

*Ông hôi quần đần bớ Táo Công?
Người làm náo loạn cả Thiên-
Cung.*

*Hằng-Nga thẹn mặt toan lui gót,
Chức-Nữ sôi tim muốn nhớ chồng
Năm Cọp dễ thường xui chuyện
lạ,*

*Bệ Rồng mới dám giờ trò ngông
Roi mây sấm phết cho dăm chực
Tôi ấy không chừa đánh mắt
mông.*

● TÁO CÔNG KHIEU NẠI

*«Khép-nép» van xin với cụ Trời
Đánh tôi sao chẳng thấu oan
tôi !*

*Tôi thường báo mộng : «*thêm
quần nhé*»,*

Nó cứ theo lẽ : đốt áo thôi.

Cá cũng năm nay sông ngửa cá,

Xôi thì nạn lụt hết phần xôi.

*Mong ơn cụ xét ban nhiều lộc,
Trần-thế nhân tâm bạc lắm rồi.*

TÚ-BE



Thanh Khanh

những
áng
thơ
hay

ĐÊM XUÂN TRỜI MƯA

I

Thánh-thót mưa xuân
rớt mái nhà,
Gió đông gọi khách nhớ
người xa.
Bề trần lai-láng, triều
lên xuống,
Hết đời đèn khuya lại
ngắm hoa.

II

Ngắm đóa hoa xuân cũng
ghẹo người.
Người sầu hoa vẫn một
màu tươi.
Hoa tươi như dạng hoa
cười khách,
Cười khách sao mà xuân
chẳng vui ?

* THẨM-THỆ-HÀ



NHIỮNG ÁNG THƠ HAY

III

Khách bảo cho hoa được
biết tường :
Trượng - phu không lẽ
giống người thường.
Cùng nhau đã nặng thề
non nước,
Ya bạn đồng - tâm vậy
phải thương.

IV

Muốn tới cùng ai dải
tấm lòng,
Sầu riêng đã gỡ, gỡ cho
xong.
Xuân đi xuân lại vô cùng
tận.
Có lẽ ta đâu mắc miu
vòng.

TRẦN TẾ-XƯƠNG



XUÂN nay, hễ nói đến Tú-Xương, người ta thường nghĩ ngay đến giọng văn mỉa mình, ngạo đời một cách chua cay, sâu-sắc. Cả đến loại thơ vịnh Xuân, vịnh Tết, ta cũng thường được nghe nhắc-nhở những bài « Năm Mối », « Tết đến », « Chúc Tết », « Xuân nhật ngẫu hứng », toàn chứa-đựng những ý đùa - cợt, châm

biếm thăm-thía, không chút xót thương đời.

Nhưng nhà nghệ-sĩ thuần-túy ấy không phải luôn luôn để nụ cười méo xệch nở trên thơ. Những khi trở về với đời sống phong-phú của nội-tâm, những khi đối bóng hoa đèn giữa đêm xuân vắng-lặng, thi-sĩ lại để tình-cảm chan-hòa nở trên những vần thơ ưu-ái. Bài « ĐÊM



« XUÂN TRỜI MƯA » đã được Tú-Xương sáng-tác trong trường-hợp đó.

Vậy hôm nay, giữa lúc xuân về trên đất nước, giữa lúc hoa thanh-bình chưa nở rộ và tiếng súng chiến-chính còn thay thế pháo giao-thừa, ta hãy ngâm lại bài « ĐÊM XUÂN TRỜI MƯA » để thông-cảm với tâm-sự sâu-kín và niềm ưu-ái đậm-đà của nhà thơ non Côi sông Vị.



Một đêm xuân, nghe tiếng mưa rơi thánh-thót trên mái nhà, Tú-Xương cảm-hứng mượn bốn đoạn thơ thất-ngôn tứ-tuyệt, bày-tỏ cảm-tình thâm-thiết đối với bạn đồng-tâm.

Bài này có thể chia ra làm 4 đoạn :

1.— ĐOẠN I : Nghe mưa rơi, gió thổi, tác-giả nhớ đến người bạn phương xa.

2.— ĐOẠN II : Hoa tươi như ghé người sầu.

3.— ĐOẠN III : Tác-giả thổ-lộ tâm-sự cùng hoa.

4.— ĐOẠN IV : Nghĩ đến cảnh xuân đi xuân lại mà buồn

cho số-phận của mình.

Những mùa xuân trước, mỗi lần Tết đến, Tú-Xương thường đón xuân trong cảnh thanh-bần, mừng xuân với nụ cười hóm-hỉnh. Năm nay xuân về, tâm-hồn người thơ đã biến-đổi. Phong-độ ngày xưa không còn nữa, nụ cười cũng trởn biệt, thi-sĩ sống cô-đơn với tâm-sự giữa đêm trường. Ông ngồi lắng tiếng mưa rơi trên mái nhà, tiếng mưa tạo nên những âm-thanh thánh-thót như rót nhẹ vào lòng một nỗi buồn bao-la, diệu-vợi. Làn gió đông vi-vút gọi cho ông nhớ đến hình-ảnh một người xa có lẽ giờ đây phải chịu rét mướt chốn tha-hương, lạc-loài bơ-vơ như một cánh chim trời phiêu-bạt. Càng nhớ bạn, lòng thi-nhân càng xao-xuyến. Hoa đèn chỉ gọi thêm niềm viễn-cách ; hoa xuân chỉ làm cho ông nghĩ đến thế-sự thăng-trầm như sóng triều nơi bể cả mênh-mông...

Thánh-thót mưa xuân ướt mái nhà,

Gió đông gọi khách nhớ người xa.

Bề trần lai-lãng, triều lên xuống,

Hết đời đèn khuya lại ngắm hoa.

Thi-nhân đối với hoa xuân, thật là hai hình-ảnh tương phản. Hoa xinh tươi mà người thì ứ-dột. Hoa và người như hàm-ấn hai tâm-trạng khác nhau. Hoa tươi để mừng xuân ; người buồn vì nhớ bạn. Tác-giả tưởng-tượng như hoa cũng có tâm-hồn, cũng biết cảm-nghĩ và biết gheo người. Hoa xem người chỉ là một khách lạ, tuy đối diện mà tình-cảm thật trái ngược nhau. Giữa trời xuân vui-vẻ lại có một kẻ không biết thưởng xuân, hoa có cười kẻ sầu-nhân cũng là một điều hợp lý.

Ngắm đóa hoa xuân cũng ghé người,

Người sầu hoa vẫn một màu tươi.

Hoa tươi như dạng hoa cười khách,

Cười khách sao mà xuân chẳng vui ?

Hoa nào hiểu được kẻ sầu-nhân ấy đang ôm một tâm-sự. Hoa đã vô-tư không hiểu, thì khách đành thổ-lộ cho hoa thấu rõ nỗi lòng mình : khách đâu phải kẻ chán đời mà không thiết thưởng xuân, đâu phải kẻ vô-tình mà không biết thưởng hoa. Song đã là một đấng trọng-phu

lẽ đâu đi vui những cái vui tầm-thường như thiên-hạ, trong khi đất nước đang lâm vòng biến-cổ, bao kẻ chí-sĩ anh-hùng đang lên đường tranh-đấu chống ngoại-xâm. Khách nhớ mãi lời « *thề non nước* » với bạn đồng-tâm. Giờ đây, người bạn ấy phiêu-dạt ở phương nào, đang xông-pha giữa muôn vàn nguy-hiểm hay đã dừng chân trên một bến vắng để « *lặng nhìn thiên hạ đôn xuân sang* » ?

Khách bảo cho hoa được biết tường ;

Trọng-phu không lẽ giống người thường.

Cùng nhau đã nặng thề non nước,

Xa bạn đồng-tâm vậy phải thương.

Khách cảm-thấy lòng dạt-dào một niềm thiết-tha thương nhớ bạn. Vui làm sao được, đâu chỉ là cái vui gượng-gạo. Thương nhớ bạn, nhưng cũng là thương cho đất nước điêu-linh. Cái khổ của khách là không thực-hiện được lời thề, không thể sát cánh bạn trên con đường phục-vụ. Muốn tìm tới bạn để dãi tấm lòng sâu-kín, nhưng chân trời góc bể biết đâu mà tìm. Muốn

XUÂN TRỜI MƯA » đã được Tú-Xương sáng-tác trong trường-hợp đó.

Vậy hôm nay, giữa lúc xuân về trên đất nước, giữa lúc hoa thanh-bình chưa nở rộ và tiếng súng chiến-chinh còn thay thế pháo giac-thừa, ta hãy ngâm lại bài « ĐÊM XUÂN TRỜI MƯA » để thông-cảm với tâm-sự sâu-kín và niềm ưu-ái đậm-đá của nhà thơ non Côi sông Vị.



Một đêm xuân, nghe tiếng mưa rơi thánh-thót trên mái nhà, Tú-Xương cảm-hứng mượn bốn đoạn thơ thất-ngôn tứ-tuyệt, bày-tỏ cảm-tình thấm-thiết đối với bạn đồng-tâm.

Bài này có thể chia ra làm 4 đoạn :

1.— ĐOẠN I : Nghe mưa rơi, gió thổi, tác-giả nhớ đến người bạn phương xa.

2.— ĐOẠN II : Hoa tươi như ghẹo người sầu.

3.— ĐOẠN III : Tác-giả thổ-lộ tâm-sự cùng hoa.

4.— ĐOẠN IV : Nghĩ đến cảnh xuân đi xuân lại mà buồn

cho số-phận của mình.

Những mùa xuân trước, mỗi lần Tết đến, Tú-Xương thường đón xuân trong cảnh thanh-bần, mừng xuân với nụ cười hóm-hỉnh. Năm nay xuân về, tâm-hồn người thơ đã biến-đổi. Phong-độ ngày xưa không còn nữa, nụ cười cũng trốn biệt, thi-sĩ sống cô-đơn với tâm-sự giữa đêm trường. Ông ngồi lắng tiếng mưa rơi trên mái nhà, tiếng mưa tạo nên những âm-thanh thánh-thót như rót nhẹ vào lòng một nỗi buồn bao-la, diệu-vợi. Làn gió đông vi-vút gọi cho ông nhớ đến hình-ảnh một người xa có lẽ giờ đây phải chịu rét mướt chốn tha-hương, lạc-loài bơ-bơ như một cánh chim trời phiêu-bạt. Càng nhớ bạn, lòng thi-nhân càng xao-xuyến. Hoa đèn chỉ gọi thêm niềm viễn-cách ; hoa xuân chỉ làm cho ông nghĩ đến thế-sự thăng-trầm như sóng triều nơi bể cả mênh-mông...

Thành-thót mưa xuân rót mái nhà,

Gió đông gọi khách nhớ người xa.

Bề trần lai-láng, triều lên xuống,

Hết đời đèn khuya lại ngắm hoa.

Thi-nhân đối với hoa xuân, thật là hai hình-ảnh tương phản. Hoa xinh tươi mà người thì ủ-dột. Hoa và người như hàm-ấn hai tâm-trạng khác nhau. Hoa tươi để mừng xuân ; người buồn vì nhớ bạn. Tác-giả tưởng-tượng như hoa cũng có tâm-hồn, cũng biết cảm-nghĩ và biết ghẹo người. Hoa xem người chỉ là một khách lạ, tuy đối diện mà tình-cảm thật trái ngược nhau. Giữa trời xuân vui-vẻ lại có một kẻ không biết thương xuân, hoa có cười kẻ sầu-nhân cũng là một điều hợp lý.

Ngắm đóa hoa xuân cũng ghẹo người,

Người sầu hoa vẫn một màu tươi.

Hoa tươi như dạng hoa cười khách,

Cười khách sao mà xuân chẳng vui ?

Hoa nào hiểu được, kẻ sầu-nhân ấy đang ôm một tâm-sự. Hoa đã vô-tư không hiểu, thì khách đành thổ-lộ cho hoa thấu rõ nỗi lòng mình : khách đâu phải kẻ chán đời mà không thiết thương xuân, đâu phải kẻ vô-tình mà không biết thương hoa. Song đã là một đấng trọng-phu

lẽ đâu đi vui những cái vui tầm-thường như thiên-hạ, trong khi đất nước đang làm vòng biển-cổ, bao kẻ chí-sĩ anh-hùng đang lên đường tranh-đấu chống ngoại-xâm. Khách nhớ mãi lời « *thề non nước* » với bạn đồng-tâm. Giờ đây, người bạn ấy phiêu-dạt ở phương nào, đang xông-pha giữa muôn vàn nguy-hiểm hay đã dừng chân trên một bến vắng để « *lặng nhìn thiên hạ đôn xuân sang* » ?

Khách bảo cho hoa được biết

trông ;

Trọng-phu không lẽ giống người

thường.

Cùng nhau đã nặng thề non

nước,

Xa bạn đồng-tâm vậy phải

thương.

Khách cảm-thấy lòng dạt-dào một niềm thiết-tha thương nhớ bạn. Vui làm sao được, đâu chỉ là cái vui gượng-gạo. Thương nhớ bạn, nhưng cũng là thương cho đất nước điều-linh. Cái khổ của khách là không thực-hiện được lời thề, không thể sát cánh bạn trên con đường phục-vụ. Muốn tìm tới bạn để dài tầm lòng sâu-kín, nhưng chân trời góc bể biết đâu mà tìm. Muốn

gỡ cho xong mỗi sầu riêng, thì mỗi sầu lại càng thêm vương-vấn Xuân đi xuân lại, nhịp bước thời-gian vẫn đều-hòa bất tận. Khách ngậm-ngùi tự hỏi : « Có lẽ ta đâu mắc-miu mãi trong vòng ngang-trái, để cho chí trọng-phu mòn-mỏi với tháng năm dài ? »

*Muốn lời cùng ai dãi lấm lòng,
Sầu riêng đã gỡ, gỡ cho xong,
Xuân đi xuân lại vô cùng tận,
Có lẽ ta đâu mắc-miu vòng.*



Đọc bài ĐÊM XUÂN TRỜI MƯA, ta có cảm-tưởng như vừa được nghe một tiếng thở dài nào-nuột, tiếng thở dài uất-hận mà ta khó tưởng là của nhà thơ trào-phúng bậc nhất ở Việt-Nam.

Cái con người hay cười đời một cách chua-chát, lại cũng có thể buồn ra một tiếng lòng bi-ai thấm-thiết. Động-lực nào đã gây nên một sự biến-đổi lớn-lao trong tâm-hồn của nhà thơ sông Vị ? Không giải được câu hỏi đó thì khó mà hiểu được tâm-sự của Tú-Xương.

Nhìn vào cuộc đời ông Tú

Vị-Xuyên ai cũng nhận thấy ông là một nghệ-sĩ truy-lạc phóng-túng, một con người bất-dắc-chí, đem tài-hoa chôn-vùi trong mọi thú hành-lạc, trác-táng. Chính ông đã tự thú nhận :

*Vị-Xuyên có Tú-Xương,
Dở dở lại ương-ương.
Cao-lâu thương ăn quýt,
Thờ dĩ lại chơi lường.*

Tú-Xương rất chân-thật, không thêm sơn son thếp vàng cái bản-ngã phóng đàng của mình. Chúng ta quý ông ở chỗ đó và chúng ta càng tin cái « tâm-sự », cái « sầu riêng » mà ông đã gói-gắm kín-đáo trong văn-chương.

Sống giữa buổi giao-thời Pháp - thuộc, thi - sĩ non Côi đã chứng - kiến bao cảnh tang thương : Hoàng - Diệu tử-tiết, Pháp đặt nền đồ-hộ, vua Hàm-Nghi bị đày, Phan Đình-Phùng tạ thể, phong-trào Cẩn - Vương tan rã. Trong khi những kẻ hàng thần như Hoàng Cao - Khải, Nguyễn Thân đề-xướng thuyết *Tây-Nam độc lập* (Tây Nam kết bạn), những nhà ái-quốc như Phan Châu-Trinh khởi-xướng phong-trào *Duy-Tân*, Phan Bội-Châu

khởi-xướng phong-trào *Đình-Da*, tiếp-tục con đường đấu-tranh chống Thực.

Năm 1897, lần đầu tiên Tú Xương được tiếp-xúc với nhà-chí-sĩ Phan-Bội - Châu ở Phố Hàng Thao. Phải chăng nhà chí-sĩ đã giúp cho nhà thơ thoát xác ? Phải chăng họ Phan đã đem ánh-sáng yêu nước rọi vào tâm-hồn phóng-đăng của họ Trần ? Chỉ biết rằng, qua cuộc tiếp-xúc ấy, Tú Xương đã xem cụ Phan là người bạn đồng-tâm. Và cũng từ đó, thơ của ông đã bắt đầu đượm màu ưu-ái. Ông đã thiết-tha nghĩ đến dân đến nước :

*Nước bốn nghìn năm hồn chữa
lĩnh,*

Người hăm-lăm triệu giấc còn say.

(Học trò ngủ nơi trường học)

Nhiều khi thi-sĩ có cảm-giác mình là kẻ lạc đường, đứng bơ vơ giữa quầng vắng. Mỗi « sầu riêng » làm cho ông sớm bạc đầu :
*Hỏi người, chỉ thấy non xanh
ngất,*

Đợi-nước càng thêm tóc bạc phơ.

(Đi lạc đường)

Lần cuối cùng, Tú - Xương

gặp lại cụ Phan Bội-Châu vào năm 1902, trong dịp đi xem khánh-thành cầu Paul Doumer. Năm ấy, họ Trần đã được 32 tuổi. Rồi từ đó, kẻ bôn-bá hải-ngoại mưu-dò đại-sự, người trối chí trọng-phu trong vòng kiểm-tòa của thực-dân. Hoàn-cảnh như vậy, bảo ông không buồn sao được ? Bài « ĐÊM XUÂN TRỜI MƯA » có lẽ ông đã sáng-tác trong quầng thời-gian này.

Nghe mưa rơi, ông thấy loang đàng lên một nỗi buồn tràn-ngập. Nghe gió thổi, ông ngỡ gió gọi ông nhớ đến người bạn phương xa. Người bạn ấy, còn ai khác hơn là cụ Phan Bội-Châu ?

*Thành-thốt mưa xuân ướt mái
nhà,*

*Gió đông gọi khách nhớ người
xa.*

Ta đừng vội cười khi nghe một thi-sĩ truy-lạc tự cho mình là đảng trọng-phu. Trái lại, ta càng nên nghiêng mình mến phục một tài thơ biết tự-giác, dùng văn-chương làm lợi-khí để đánh thức những kẻ đang mê lầm :

Khách bảo cho hoa được biết
 tường :
 Trương-phu không lẽ giống
 người thường...

Bao nhiêu tài-liệu trên cũng
 đã tạm đầy đủ để ta hiểu rõ tâm-
 sự Tú-Xương. Đó là tâm-sự
 của một kẻ lệt vò để tìm về con
 đường sáng. Đó là tâm-sự của
 một người yêu nước và yêu bạn
 đồng-tâm.

Để làm sáng tỏ vấn-đề, xin
 đơn cử thêm một tài-liệu chứng-
 minh tinh-thần ái-quốc và tình
 bạn hiem có của ông Tú Vi-
 Xuyên. Đó là bài thơ của ông
 làm gởi cho cụ Phan Bội-Châu
 lúc ấy còn lưu-vong ở đất Tàu :

Mười năm vượt bể lại trèo non,
 Em hỏi thăm qua Bác hãy còn.
 Mái tóc Giáp-Thìn đã nhuộm
 tuyết,

Điểm đầu Canh-Ti chưa phai son.
 Vả trời gặp hội mấy năm về,
 Láp bể ra công đất một hòn.
 Có phải như ai mà chẳng chết
 Dang tay chống vững cột còn-khôn.

Đến đây, thiết-tưởng không
 cần mở rộng thêm nữa, và cũng
 không cần bình-luận dài dòng
 chi nữa. Bài thơ trên đã nói hết
 những điều chúng ta muốn nói
 về tinh-thần ái-quốc tiên-cực của
 Tú-Xương rồi.



Vương Dương-Minh cho rằng:
 « Văn thơ thần-tình, phải có chân
 ý. Ví như đũa tre con xòa tóc
 mà vái chào, vẻ đẹp tự-
 nhiên. Nếu đem bộ mặt giả hóc-
 hác lại trang-điểm râu tóc vào,
 chỉ làm cho người ta thêm tởm».
 Đọc bài ĐÊM XUÂN TRỜI
 MƯA, ta không tìm được những
 từ-hoa bay-bướm, những màu
 sắc tân.kỳ, vậy mà ta vẫn thấy
 mền cái vẻ đẹp tự-nhiên, cái tâm
 sự chân-thành của tác-giả.

Chẳng hiểu vô tình hay cố-ý,
 thi-sĩ Trần Tế-Xương đã thực-
 hiện đúng mức quan niệm nghệ-
 thuật của nhà hiền-triết họ Vương.

THẨM. THỆ-HÀ

Mình đi!




Em sinh
 con trai →
 hay con gái ↓



theo ý muốn được không?



 HỒ lại đem Giao-thừa năm vợ của ông Tú bà Tú mà bắt tức cười ! Ông Tú cao-hứng muốn nằm dài trên giường để làm bài Thơ tấ-tiên, bà Tú nhòang-nhèo :

— Thơ, Minh làm lúc nào không được Minh với Thơ như hình với bóng, đeo chặt với nhau quanh năm rồi chớ bộ ! Minh đã tuyên bố với em : « *Thơ là vợ cả của anh, em là vợ lẽ* » cơ mà !

— Em tôi ghen, ha-há ! Lêu-lêu...

— Ủ, em ghen đấy. Em muốn đem nay Minh hoàn-toàn là chồng của em cơ.

— Chứ đem nào anh không hoàn-toàn là chồng của em ?

— Nhưng đem nay, Giao-thừa, em không cho Minh nằm ôm-ấp nàng Thơ của Minh trên giường đâu... Em cho Minh biết !...

— Không cho anh ôm-ấp nằm, thì anh ôm-ấp ngồi vậy.

— Cũng không được nữa... Vậy chớ Minh không nhớ hai vợ chồng Bác-sĩ Hùng mời tụi mình dự dạ-hội đem nay sao ? Cả hai vợ-chồng Hùng đã căn-

dẫn tụi mình là thế nào đúng giờ Giao-thừa cũng đến xông-đất nhà anh chị ấy, rồi khiêu-vũ gia-dình cho đến sáng Mông-một, với cả bạn khác. Minh đã nhận lời rồi, Minh quên sao ?

— Ờ nhĩ... Anh không quên, nhưng anh không nhớ !

— Chị Hùng bảo với em là đem nay anh chị ấy mời bạn-bè đông lắm, có đến ba bốn chục người. Nhưng bọn họ sẽ đến trước Giao-thừa, và đúng 12 giờ khuya thì họ chờ Minh với em đến « xông nhà » ! Họ định để dành cho hai đứa mình một cái ngọc - nhiên gì đó. Rồi mới bắt đầu khiêu-vũ và ăn uống chơi cho đến sáng. Em đề-nghị với Minh thế này nhé, Minh chịu không ?

— Chịu.

Bà Tú cười :

— Minh đã biết em đề-nghị những gì mà Minh chịu ?

— Em đề-nghị sao, anh cũng chịu.

— Em muốn thế này này. Giao-thừa hai đứa mình đến chơi nhà Hùng một lát, rồi đi. Ai họ khiêu-vũ hay ăn-uống đùa dớn gì kệ họ. Minh với em đi lang-thang trong Thành-phố

Saigon chơi, như một cuộc du-lịch ái-tình đầu Năm vậy. Em muốn Minh quàng tay ôm lưng em, Minh với em đi thong-thả, như hai chiếc bóng giữa im-lặng của thành-phố trong giấc ngủ đêm xuân... Minh rử-rử nói chuyện cho em nghe... và cứ đi mãi đến chừng nào mỗi chân thì chúng mình về nhà. Minh thích thế không ?

Ông Tú tùm-tum cười, gật đầu :

— Thích lắm.

— Đúng 12 giờ khuya, nghe chuông chùa ngân lên thì tụi mình khởi hành nhé ?

— O.K.

... Còn 15 phút nữa đúng giờ Giao-thừa, bà Tú hãy còn ngồi ung-dung trang diễm. Cái tạt của bà Tú là đi đầu một mình thì ăn-mặc xoàng-xĩnh, mặt mũi không son phấn, đầu tóc không chải, thế mà đi với chồng bà lại ra làm dáng. Ra điều ta đây « le » lăm bên cạnh « chồng ta » ! Nhưng bà trang-diễm lâu quá, ông Tú không khỏi sốt ruột. Ông đứng sau lưng bà, thắt cravate, nói chậm-rãi :

— Anh không hiểu tại sao hồi trước Má em lại sinh em là con gái ? Nếu hồi đó Má sinh em là con trai, thì bây giờ anh khỏi chờ em ngồi kể từng cái lông mày, tô từng nét son trên môi

Bà Tú thong-thả xoa một lớp phấn hồng trên má, đáp lại ông Tú :

— Má phải sinh em là con gái để em làm vợ Minh chớ. Minh với em là duyên tiền-định mà.

— Thế ngộ nhớ hồi đó Má anh sinh anh là con gái, thì sao ?

— Nếu Má Minh sanh Minh là con gái thì Má em lại sinh em là con trai, để em làm chồng Minh ! Em với Minh, Minh với em, đó tránh dằng nào cho khỏi làm đôi vợ chồng !

— Biết thế, hồi còn ở trong bụng Má anh xin Má sinh anh làm con gái để bây giờ anh làm vợ em !

— Nếu Minh là vợ của em, thì giờ phút này Minh cũng ngồi kể lông mày và đánh môi

son, chứ không phải đứng đeo cravate và hối-giục vợ như thể đầu ! Chính Minh cũng diện «mặt-cây», và chưa xong gì hết mà cứ hối vợ nheo-nheo !...

— Thưa bà, tôi xong rồi đây ạ. Mời bà đứng dậy mặc áo để đi, kéo trẻ chuyển tàu Giao-thừa.

— Thưa ông, tôi cũng xong rồi đây ạ.

Bà Tú nói thế nhưng bà còn lấy lược chải tóc. Bà bảo :

— Minh có biết tại sao Má em sinh em là con gái không ? Theo lời Má kể lại cho em nghe thì tại cô Năm, bà cô ruột của em đó. Hồi nhỏ Cô Năm hay nói lái, bắt chước trẻ con hàng xóm, rồi lớn lên quen miệng kể nói gì cô Năm cũng ưa nói lộn-ngược. Ai đời hôm Mừng-một Tết, cô đến mừng tuổi Má, lại chúc Má thế này : « Em chúc chị năm nay sanh đứa con gái nhé ! » Ý cô là chúc Má sanh con trai, chứ năm mới ai lại chúc nhau sanh con gái bao giờ ! Và lại Má em đã có hai người con gái lớn rồi. Nhưng cô Năm quen miệng nói ngược lại, không dè tháng Giêng đó Má có

thai rồi sinh ra em là con gái thật... Minh xem thế có tác-cười hông !

— Tác cười đấy !... Rồi sao nữa ?

— Hết chuyện.

— Thế, em có tin là tại cô Năm chúc Má sinh con gái cho nên Má sinh ra em là con gái không ?

— Má kể nghe chơi cho vui thế thôi, ai mà tin chuyện kỳ-cục vậy.

— Chuyện ấy không phải kỳ-cục đâu. Đúng lắm đấy ! Chính em là kết-quả của một câu chúc Tết ngược đời của cô Năm !

— Em không hiểu...

— Đây là ảnh-hưởng của ngoại-cảnh, đối với bào-thai. Trong trường-hợp của Má lúc sắp có thai em, là ảnh-hưởng về tâm-lý, theo những thí-nghiệm đích xác của Bác-sĩ RODOLPHE ROCHAT, người Thụy-sĩ, và của nữ Bác-sĩ VÉRA DANTCHAKOFF, Phó chủ-tịch Hàn-lâm-Viện Khoa-học Nga-xô... Em nên hiểu rằng sinh ra con trai, hay con gái, không phải là do sự ngẫu-nhiên, may

rủi, mà chính là do nhiều yếu tố về nội-thể và ngoại-cảnh, ảnh hưởng đến bào-thai ngay từ trước khi thọ thai. Tại sao con giống cha, giống mẹ, giống về hình thức, hoặc giống về tính-tình, tại sao sinh ra gái, tại sao sinh ra trai, Khoa-học có thể sắp đặt sự thụ-thai giống đực hay giống cái theo ý muốn của người mẹ được không, v. v... ấy là những vấn - đề khoa-học rất hấp-dẫn, rất thú-vị... Để hôm nào anh nói cho em nghe, nếu em muốn nghe.

— Em muốn nghe liền bây giờ cơ.

— Bây giờ không được. 12 giờ kém 1 phút rồi, em ơi !

Ông Tú vừa dứt lời thì tiếng chuông Chùa ngân-nga từ khắp nơi, vang lên trong sương khuya, dịu-dàng, êm-ái...

Ông Tú bảo :

— Chuyển tàu Thế-hệ đã đến ga Nhâm-dần.. Nhanh lên em, nó đang chờ chúng ta trong cuộc du-lich của Tình-yêu trên đường dài vạn-kỷ... Nhanh lên !

Bà Tú mặc chiếc áo đẹp nhất của bà, chiếc áo sưỡi màu hồng... Ông Tú khen vợ :

— Úi chà ! Em của anh xinh đẹp làm sao ! Em duyên-dáng quá xá !

— Em đẹp của riêng Minh. Minh còn yêu em mãi, thì em còn đẹp mãi, duyên-dáng mãi...

Bà hốt một nắm hạt dưa bỏ vào túi quần ông Tú, rồi âu-yếm nắm tay ông :

— Minh ơi, đi, Minh !

Nhưng vừa ra khỏi cửa, khóa trái cửa lại, bước xuống thang lầu tầng thứ nhất, bà Tú đã bảo :

— Minh ơi, Minh nói chuyện cho em nghe đi... Minh nói tiếp những thí-nghiệm gì của hai Bác sĩ gì... về sự sinh con trai con gái đó... Thí-dụ như em có thai, em muốn sinh con trai, theo đúng như ý em muốn, có được không ?

— Em muốn sinh con trai thì cứ việc sinh con trai, chứ ai cấm.

— Thế sao có nhiều người muốn sinh con trai mà không được, hả mình ?

— Lúc này anh nói về Bác-sĩ RODOLPHE LOUIS ROCHAT, giáo-sư Đại-học Y-khoa ở Lausanne. Chính Hoàng



Bác sĩ ROCHAT

hậu FARAH DIBA, vợ vua Ba-Tur, nghe theo lời chỉ-dẫn của Bác-sĩ Rochat, mà sinh được con trai. Năm 1950, ông đã 56 tuổi, đã trông nom sự sinh-sản cho trên 36.000 người sản-phụ từ các nước Âu-châu đến nhờ ông, và ông đã trình bày những kinh-nghiệm thiết-thực về sự sinh con trai hay con gái.

Theo Bác-sĩ ROCHAT và Bác-sĩ DUBEAU, thì đây là những yếu-tố cần-thiết cho ta có nhiều hy-vọng, nếu :

A. — MUỐN SINH CON TRAI

Trước thời-hạn có thể thụ-thai (theo Ogino), người vợ phải :

1. — Ăn nhiều trái cây và rau. Ít uống nước. Ít ăn thịt. Đừng ăn mặn.

2. — Dùng thuốc *Adrénaline*.

3. — Chích *Bicarbonate de soude* mỗi ngày, (một muỗng *Bicarbonate de soude* hòa với một lít nước), để cho tăng-gia chất ALCALIN trong các phân-tiết.

4. — Vợ chồng dùng ngủ chung với nhau thường. Mỗi tháng chỉ nên chung-chạ trong những ngày thứ 13, 14, 15, 16 trước kỳ kinh-nguyệt.

Hai điều nhận-xét quan-trọng :
— Thường thường vợ trẻ hơn chồng, khỏe mạnh hơn chồng, thì 80% sinh con trai. (Trường-hợp điển-hình : vợ Napoléon, MARIE LOUISE, OONA, vợ Charlie Chaplin, RITA HAY-WORTH, FARAH DIBA, v.v...) — Thọ thai trong những đêm trăng non (Từ đêm mồng 4 đến đêm mồng 9), cũng thường sinh con trai.

#

B. — MUỐN SINH CON GÁI

Trước thời-hạn có thể thụ-thai, người vợ phải :

1. — Ăn nhiều thịt, trứng và các món béo. Uống nước nhiều.

2. — Dùng thuốc *Lécithine*.

3. — Chích *acide lactique* mỗi đêm, để tăng-gia ACIDE trong các phân-tiết.

4. — Vợ chồng thường gần gũi chung-chạ luôn.

Hai điều nhận-xét : Vợ già hơn chồng, ốm yếu hơn chồng, thường sinh con gái. Thọ-thai trong những đêm trăng tròn (từ 13 đến 17) cũng thường sinh con gái.

Với những yếu-tố trên đây, không phải là chắc-chắn sinh trai hay sinh gái, nhưng có nhiều phần may mắn được kết-quả như ý muốn. Theo kinh-nghiệm của hai Bác-sĩ Rochat và Dubeau, thì kết-quả đã thực-hiện được 87%. Bác-sĩ Serge Mikhaïloff ở Monte-Carlo, cũng thí-nghiệm

theo các phương-pháp trên, đã có kết-quả đến 97% !

Hiện nay, về sự xác-định con trai hay con gái, có một lý-thuyết rất thông-dụng trong y-khoa thế-giới, và được chính-thức công-nhận hoàn-toàn đúng, là cơ-cấu CHROMOSOMES. Sinh con trai, hay con gái, tính nết và thể-chất của đứa con giống cha, hay giống mẹ, v. v... là do nơi chất *chromosomes*. Tiếng Việt có thể tạm dịch là *Chất-Màu* (Do chữ Hy-Lạp *Chrôma* = màu, và *Sôma* = chất). Nhà Bác-học Anh, Julian HUXLEY, rất danh-tiếng về khoa Sinh-vật-học, đã có nói : « *Chất Chromosomes đã làm cho chúng ta thành ra chúng ta* », nghĩa là tất cả các cá-tính về thể-chất và tinh-thần của mỗi con người đều là do các chất *Chromosomes* cấu-tạo ra cả.

— Chất *Chromosomes* là chất gì, hả Minh ? Nó ở đâu ?

— Nó ở trong khắp các tế-bào của thân-thể con người. Và quan-trọng nhất, là nó ở cả trong Tinh-trùng của đàn-ông và Noãn-châu của đàn-bà. Chính nó là yếu-tố quyết-định giống

đực hay giống cái của bào thai, và tính cách di-truyền của cha mẹ với con cái.

— Mình giảng thật rõ-ràng cho em dễ hiểu nhé.

— Ta gọi « *Tinh - trùng* » (Spermatozoïde) của đàn-ông, và « *Noãn-châu* » (Ovule) của đàn-bà, nhưng theo Sinh-vật-học gọi chung bằng một danh-từ là *gamète* (do chữ *gamos* của Hy-Lạp = hôn - phối). MỘT GAMÈTE ĐỰC (trong số chừng 200 triệu *gamètes* đực của đàn-ông xuất-tiết ra mỗi lần) phối-hợp với MỘT GAMÈTE

CÁI (tức là một cái trứng của người đàn-bà, « *rụng* » ra mỗi tháng), thành ra thụ-thai. Điều đó, chúng ta đã biết rồi. Nhưng nghiên-cứu sâu vào nữa, Khoa-học đã tìm thấy rằng trong *gamète* đực, cũng như trong *gamète* cái, đều có các chất *chromosomes*, mỗi *chromosome* nhỏ lý-tý, độ hai phần nghìn của millimètre. Người ta đã khám phá ra rằng tất cả các giống sinh-vật (người và thú) đều có *chromosomes* trong *gamète*, nhưng số lượng khác nhau tùy theo mỗi giống, như sau đây :

Loài Rười	có	12	chromosomes	trong	gamete.
Chuột	»	40	»	»	
Ếch	»	26	»	»	
Ông	»	32	»	»	
Mèo	»	36	»	»	
Chó	»	22	»	»	
Heo	»	40	»	»	
Bò	»	30	»	»	
người và khỉ		48	»	»	

(Người và khỉ đồng số Chromosomes)

Riêng nói về con số 48 của loài người, con số ấy có nghĩa là : bất cứ người đàn-ông nào hay người đàn bà nào, trong

mỗi *Gamète* đực cũng như trong mỗi *Gamète* cái, đều có chứa 48 Chromosomes. Nói thật rõ hơn nữa, là mỗi một *Tinh-trùng*

của đàn ông, cũng như mỗi một *Noãn-Châu* (trứng) của đàn-bà, đều chứa đựng 48 CHROMOSOMES. Con số 48 này là nhất định, không bao giờ nhiều hơn, không bao giờ ít hơn, bất cứ đối với người đàn ông nào, hay người đàn bà nào. Mỗi *Chromosome* đều có hai phần ghép lại với nhau. (Thí dụ cũng như mỗi cái nhơn hột dưa đều có 2 phần, ta có thể tách rời ra làm đôi được). Nhưng mỗi *Chromosome* cái (trong *Noãn-châu* của đàn bà), hai phần bằng nhau, người ta gọi là XX, còn mỗi *Chromosome* đực (trong một *Tinh-trùng* đàn ông) thì hai phần không đồng nhau : một phần lớn, gọi là X, và một phần nhỏ gọi là Y.

Luôn luôn phần Y nhỏ hơn phần X. Vẽ ra đây làm thí-dụ cho dễ hiểu :



Hai phần XX lớn đồng nhau ghép thành Một *Chromosome* Cái.

Hai phần X (lớn) Y (nhỏ) ghép thành Một *Chromosome* Đực.



Khi *Tinh-trùng* gặp *Noãn-châu*, không phải hai *gamètes* đó hòa-hợp lẫn-lộn nhau, mà chỉ dính lại với nhau thôi, và gây ra một hiện-tượng lạ-lùng và rất quan-trọng như sau đây trước khi thành thai, hiện tượng mà danh-từ khoa-học gọi là *Réduction Chromatique*, nghĩa là *phân tán Chromosomes* :

— 48 Chromosomes-Cái tự-nhiên bị loại mất một nửa, chỉ còn 24.

— 48 Chromosomes-Đực cũng tự-nhiên bị loại một nửa, còn lại 24.

— 24 Chromosomes-Mẹ còn lại, phối-hợp với 24 Chromosomes - Cha, kết thành 48 Chromosomes của bào-thai đứa con.

Trong khi giảm bớt một nửa Chromosomes, *Chromosome-Mẹ* bị phân tách ra làm đôi, còn lại một phần X, và *Chromosome-Cha* cũng bị phân tách ra làm đôi, còn lại hoặc là phần X, hoặc là phần Y.

● Nếu phần X của *Chromosome-Mẹ* gặp phần X,

của Chromosome-Cha, bào thai sẽ là CON GÁI.

● Nếu phần X của Chromosome-Mẹ gặp phần Y của Chromosome-Cha, bào-thai sẽ là CON TRAI :

$Y + X = \text{Con trai}$

$X + X = \text{Con gái}$

Em hiểu rõ không, em ?

— Em hiểu rõ lắm. Mình giảng rành-rẽ lắm.

— Em xem, Thượng-đế thật là tài giỏi vô cùng, hay vô cùng ! Ngài sắp đặt đầu vào đấy cả, như một bài toán vĩ-đại, thâm-thúy, có mạch-lạc, không sai một chút xíu nào. Nhưng Ngài sắp đặt tuyệt-xảo và bí-mật như thế, rồi Ngài lại ban cho loài người một trí-óc thông-minh cũng tuyệt-xảo, để tìm hiểu dần-dần, không sớm thì muộn, tất-cả những bí-mật mà Bàn tay Thiêng-liêng của Ngài đã tạo ra. Cho nên chúng ta thành-kính cảm-ơn Thượng-Đế, anh muốn nói là Thượng-Đế Vô-Danh, và Vô-lượng, Vô-biên, của Khoa-học.

— Mình ơi, em đã hiểu rõ nguyên-nhân khoa-học do đấy

mà có sự sinh ra con trai, con gái. Nhưng em còn thắc-mắc tại sao con giống cha, giống mẹ, giống về thể-chất, giống về tinh-thần, tính nết, giống cả về nhiều phương-diện nữa, hoặc là không giống tý nào ?

— Đã hiểu vai-trò rất quan-trọng của CHROMOSOMES X và Y trong sự cấu-tạo bào-thai thành ra trai, hay gái, thì rất dễ hiểu về sự di-truyền từ Cha Mẹ xuống con cái. Nói đúng ra, con cái không thể nào giống cha, hay mẹ, một cách hoàn-toàn được. Thường-thường chỉ giống một nửa thôi. Vì trong lúc cấu tạo bào-thai, chỉ có một nửa số Chromosomes của cha, và một nửa của mẹ, hợp thành, còn một nửa đã mất hẳn. Vì thế nên cứ mỗi một thế-hệ, là có sự thay-đổi một nửa trong cấu-tạo toàn-thể của loài người.

Có nhiều trường-hợp con trai giống Mẹ hơn giống cha, vì phần Chromosome Y của Cha nhỏ hơn phần Chromosome X của Mẹ. Nhưng dù sao, người con gái (X + X) có thể không có một di-truyền nào của Cha, chứ đứa con trai (X + Y)

luôn luôn là nhận-lãnh một truyền-thống của giòng-giống Cha mình, vì nó có phần Chromosomes Y của tất cả giòng họ Cha truyền lại. Cho nên, những câu tục-ngữ của Việt-Nam như : « Cha truyền con nối », và « Chim bay về cội, lá bay về rừng », v.v... tỏ ý con gái hay con trai luôn luôn sẽ hướng về bên Nội, chính là các Cụ ta xưa nói theo kinh-nghiệm truyền-thống, nhưng cũng rất đúng với Khoa-học vậy. Con trai hay con gái, đều có phần Chromosomes X của Cha và của Mẹ, duy chỉ riêng có con trai là có phần Chromosome Y của Cha, truyền từ mấy đời trước mãi mãi đến mấy đời sau, không bao giờ mất được.

— Mình ơi, còn vấn-đề em hỏi Mình lúc nãy, thí dụ đầu năm nay Mình cho em có thai nhé, và em muốn cuối năm nay em sinh một đứa con trai theo ý em muốn nhé, để em tặng Mình, Mình bảo được, là tại sao, hả Mình ?

— Em nên nhớ rằng trong gamète của người cha, (tinh-trùng) cũng như trong gamète của người mẹ (Noãn-châu), không

những chỉ có riêng chất Chromosomes mà còn có một chất thứ hai nữa, cũng không kém quan-trọng, là HORMONES. Ta gọi là KÍCH-THÍCH-TỐ. Kích-thích-tố có ảnh-hưởng đến các bộ phận vú, râu, và giọng nói. Biết như thế, nên khoa-học đã sáng-tạo ra được « kích-thích-tố hóa-học », — Kích-thích-tố nhân-tạo, — và các nhà Bác-học đã có thể biến hóa dần-ông ra dần-bà trong một giai-đoạn nào, và một phần nào. Kích-thích-tố dần-ông và kích-thích-tố dần-bà gần giống nhau. Công-thức hóa-học của hai chất ấy gần như nhau :

● Đây là công-thức hóa học của chất TESTOSTERONE (kích-thích-tố dần-ông) : $C^{19} H^{28} O^2$.

● Đây là công-thức hóa-học của : FOLLICULINE (kích-thích-tố dần-bà) : $C^{18} H^{22} O^2$.

Cơ-thể của dần-ông cũng như của dần-bà đều do một chất như nhau sản-xuất ra hai kích-thích-tố kia, là chất Cholestérol. Chất này có nhiều nhất ở trong gan. Vì thế nên dần-ông hay dần-bà



Nữ Bác-sĩ Vera Dantchakoff

đau gan, yếu gan, thường sinh con ốm yếu. Người đầu tiên đã nhận-nại nghiên-cứu về vai-trò của Kích-thích-tố trong sự sinh con trai, con gái, là nhà Nữ Bác-học VERA DANTCHAKOPF (1878 - 1950). Trước kia, bà là Phó chủ-tịch Hàn-lâm-Viện Khoa-học Nga-xô, ở Moscou. Nhưng nhân được cử làm Chủ-tịch một phái-đoàn Bác-học Nga sang ngoại-quốc, bà trốn luôn và nhập-tịch dân Mỹ. Bà thí-nghiệm về các loài vật và tin rằng nếu thay đổi tính-chất của Kích-thích-tố, sẽ có ảnh hưởng cả đến các chất

Chromosome. Bà đã dùng *Kích-thích-tố giống cái* truyền cho gà cồ, ít lâu gà cồ biến thành gà mái. Do đó bà nghĩ rằng có thể dùng hóa học biến đổi Kích-thích-tố của đàn-bà để gây ảnh hưởng đến Chromosome, và có thể đẻ cho người đàn bà sinh trai hay gái tùy-ý. Nhưng phương này tế-nhị quá, nguy-hiêm quá nên ít người dám áp-dụng. Bốn yếu-tố của Bác-sĩ ROCHAT, vị Bác-sĩ đã giúp cho Hoàng-hậu Farah Diba sinh con trai, hiện nay được các giới y-học khai-thác nhiều hơn cả. Vì áp-dụng **TRƯỚC KHI CÓ THAI**, những yếu-tố kia có công-hiệu *tạo những điều kiện thuận tiên cho sự thắng lợi của Chromosomes Y* trong lúc phân-tán Chromosome khi tinh-trùng và Noãn-châu đã gặp nhau.

Trong 4 yếu-tố cần thiết có *hy-vọng sinh con trai, hoặc con gái*, như đã kê ra lúc này, ta nên đề ý đến 2 điểm này: chất ALCALIN thuận-lợi cho Chromosome Y (con trai), và chất ACIDE cho Chromosome X (con gái). Bác-sĩ SERGE MIKHAILOFF ở Monte-Carlo đã

thí-nghiệm chích BICARBONATE DE SOUDE theo phương-pháp của Bác-sĩ ROCHAT, liên-tiếp trong 20 ngày *trước thời hạn có thể thụ thai*, cho người đàn-bà lẫn người đàn-ông. Ông đã thí-nghiệm cho 100 cặp vợ chồng như thế, kết-quả: **97 NGƯỜI SINH CON TRAI**. Hoàng-hậu FARAH DIBA cũng dùng phương-pháp ấy và đã mãn nguyện. Bác-sĩ Đức FÉLIX INTERBERGER thí-nghiệm trong 74 người đàn-bà, kết-quả có 72 người sinh con trai.

— Mình ơi ! Mình trả lời em biết về trường-hợp của em, tại sao Má em sinh em là con gái ?

— Đây là ảnh-hưởng tâm-lý trong trường-hợp của Má sinh ra em, vì Má bị ám-ảnh bởi câu chúc Tết ngược đời của cô Năm, làm xúc động trong Noãn-châu, do đó CHROMOSOME Y bị phân tán trong lúc Noãn-châu phối-hợp với Tinh-trùng.

Ông Tú nói đến đây, sức thấy lù-lù ở phía trước một cái cầu sắt đồ-sộ. Ông hỏi bà Tú:

— Ủa ! Cầu này là cầu nào, em nhỉ ? Hai đứa mình đi đầu đây nhỉ ?

Hai người đứng lại. Bà Tú ngó quanh-quần hàng phố, lăm-băm với chồng :

— Mình ơi... đây là Dakao... Cầu này chắc là Cầu Bông đi về ngã Lãng-Ông Bà-Chiều... Tụi mình đi lạc lối rồi !...

Bồng bà Tú cười lên hăng-hắc :

— Trời ơi ! Nhà của vợ chồng chị Hùng ở đường Minh-Mạng, trong Chợ-lớn, mà tụi mình đi ngược xuống Dakao chỉ thế này ?

Bà Tú ôm lấy ông Tú, cười như nắc-nẻ... Ông Tú cũng cười ha-há, rồi bảo vợ :

— Giờ này không có xe cộ. Thôi thì chúng mình chịu khó trở lại, cuốc bộ vào Chợ-lớn vậy...

Ông Tú ngó đồng hồ đeo tay : đã 3 giờ sáng.

... Đến nhà Bác-sĩ Hùng, gần 5 giờ. Trong nhà, chủ khách đang cười dơn và nháy dăm, say sưa náo-nhiệt... Vừa nghe tiếng giày của vợ chồng ông Tú bước vào sân, ông Hùng chạy ra hè đốt liên-tiếp 3 phong pháo điện. Bà Tú vừa vào cửa thì đàn-bà đàn-ông xúm nhau la cười rùm lên :

— Năm mới, xin chúc bà Tú đầu năm đẻ con trai, cuối năm đẻ con gái nhé ! Và xin chúc ông Tú đầu năm thêm một vợ, cuối năm thêm hai vợ nhé !...

Giữa cảnh vui nhộn, âm-nhạc tung bừng trời dậy, một đoàn thiếu-nữ duyên-dáng xông lại bao vây bà Tú, đề chúc Tết bà, thì mấy ông bạn giả vờ xen-xao nhón nhác : « Bà Tú ơi ! ông Tú đi đâu rồi ? Ông Tú vừa đến đây, đã biến dạng nào rồi ? » Họ giả vờ đi tìm kiếm khắp nơi...

Bà Tú cười rú rượi, cười mãi, cười mãi : « Nhà-tôi đi với cô nào rồi ! »

Bà đã trông thấy giữa đám đông bạn bè đang khiêu-vũ rộn-rịp, một « giai-nhân » đeo mặt nạ tự xưng là « Nàng Thơ » thướt-tha diễm-lệ, từ trong phòng của Bác-sĩ Hùng chạy ra ôm lấy ông Tú, hôn lấy hôn-đề, rồi nhanh như chớp, lôi ông ra ngoài vườn hoa treo đầy đèn Nhật-Bồn...

Đây là một ông bạn Giáo-sư, cũng là thi-sĩ, muốn trêu vợ chồng ông Tú !...

Diệu-Huyền

XỔ SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP ĐỒNG BÀO TA LÀM NÊN CỬA NHÀ...



Lô ĐỘC-ĐẮC 1.000.000\$
Ngày mở số Thứ Ba hàng tuần

Mỗi vé 10\$00



★ **THU-NHI**
(Phan-Thiết)

**X
A
O**

**X
U
Y
Ê
N**

bị một cơn gió làm cành lá rung rinh, chạm vào nhau kêu xào xạc, tôi tưởng như những oan hồn vất-vưởng tề tựu về để chuẩn bị thưởng Xuân.

Đưa mắt lần về phía cây nhãn, tôi bỗng nhớ đến Chị Thơ, người bạn thân mà một buổi chiều cách đây độ năm năm đã đến ngồi bên, thảo luận đan áo cùng tôi.

Thế mà nay còn đâu bóng dáng dịu hiền, còn đâu giọng nói trầm buồn của Thơ — còn chăng bóng nhân, nơi chị ngồi kể chuyện đã qua.—

Chị lia đời sớm quá. Xa tôi vĩnh viễn mà không một lời giã biệt, không một phút tâm tình, để tôi cảm-thông nỗi khổ cuối cùng của chị.

MỞI 9 giờ tối mà ngoài đường đã thưa người qua lại. Đứng tần-ngần trước hiên, tôi lầm nhẫm, rồi đưa mắt nhìn mấy hàng cây lá ngọn, in hình lơ mờ trong sân, thỉnh thoảng

—Ồ, mà già biệt sao được khi người ta tự-tử!

Nghĩ đến, tôi thấy tội nghiệp quá. Chị tự-tử không phải vì thất tình, thất trí, sa cơ, mà tự-tử vì bị ép buộc phải lấy chồng trong khi chị vẫn còn yêu chồng, chờ đợi chồng về!

Thoạt nghe tin chị tự tử, bạn bè trách chị cạn nghĩ, nông-nổi.

Nhưng nếu ai chịu khó hiểu, chắc càng thương hại chị hơn.

Thương-hại người đàn bà trẻ đẹp, sống xa thị thành, thấy đời ô hợp mà nói không nên lời. Gặp cảnh trái lòng mà cần răng phủ phục. Bị đi vào đường cùng mà không dám thoát-thân.

Bí lối phải đành bỏ con, đi tìm thế-giới khác để rồi đêm đêm thương hiện hồn về vật-vã khóc than...



Đêm nay, câu-chuyện Thơ tự-tử để vẹn-toàn tiết-hạnh lớn vờn trong tâm trí tôi. Hết hình dung khuôn mặt khả ái lại hồi tưởng lúc ngồi bên gốc cây tâm-sự.

Tôi mến Thơ qua đức tánh tốt. Thương Thơ vì hoàn cảnh, phục Thơ vì lòng kiên-trinh. Nhưng có một buổi chiều êm ả, Thơ ngập ngừng thú nhận một tội lỗi dấu kín trong tâm tư:

—Nhi à, tôi sinh ra chắc nhằm một ngôi sao xấu, hết khổ tâm

lại khổ thân, liên miên đến với tội, đeo đẳng từ ngày tiếp xúc với đời, mãi bây giờ vẫn không buông tha.

Rồi với một giọng buồn, Thơ kể tiếp cho tôi nghe một đoạn ngày qua của chị:

— Sinh-trưởng trong một gia đình khá giả, tôi được cha mẹ cho ăn đi học. Ngày 2 buổi cấp sách đến trường, tôi còn tập làm bánh, mứt, vá, may. Nhiều lúc rảnh rang, tôi thích đan tất, mũ cho em, tỉ mỉ thêu từng cánh hoa trên áo, mơ màng nghĩ đến một gia đình ấm cúng mai sau. Trong khi tôi xây nhiều mộng đẹp cho tương-lai thì chiến tranh bùng nổ; tiếng súng chống ngoại xâm âm ầm ầm vang động, câu hát « xếp bút nghiên lên đường tranh đấu » lan dần trong đám sinh-viên, học-sinh. Nghe theo, tôi cởi bỏ lớp áo nữ-sinh tha-thướt, để mặc bộ bà-ba đen lên rừng chống địch. Thật đúng là băng rừng, lội suối. Ban ngày lo tránh phi-cơ oanh-tạc. Tối lại dù trời nực cũng chui vào hầm giữa, vì sợ Cọp về tha. Mỗi lần nghe Tây bố là quăng hết quần áo, đồ đạc, chạy trốn chết. Bây giờ nghĩ đến, thấy lúc ấy khổ vô cùng...

— Tại sao, bây giờ nghĩ lại chị mới thấy khổ? Lúc ấy

không thấy khổ à?

Nghe tôi hỏi, chị mỉm cười, giải thích:

— Lúc ấy một phần hãnh diện vì mình là nữ cán-bộ trẻ tuổi được đặc dụng, đấu tranh cho dân cho nước.

Một phần vì cùng số phận với nhiều người sống chung quanh và một phần vì... vì được một thanh-niên tri thức, làm cùng cơ-quan yêu tôi tha thiết mà tôi cũng yêu lại rất chân-thành, nên quên hết cả...

— Rồi anh chị xây tổ ấm, sinh được 2 chú bé kháu-khỉnh ấy phải không?

— Nào có dễ như vậy đâu, Nhi! Tôi khóc hết nước mắt mới được gia đình cho phép thành thân đó.

— Tại sao vậy, chị?

Thơ trả lời cộc lốc:

— Tại nghèo.

Ngừng một chút, chị kể tiếp:

— Song thân đôi bên đều ở thành, nên lúc Má anh ấy nhờ người đến cầu-hôn thì Má tôi khước-từ rồi còn nói với bà con là không thể nào kết suôi-gia với bà già tâm thường xóm ấy được. Tôi len-lỏi về năn-nỉ hết lời, khóc lóc mà Má tôi vẫn không nao lòng. Mãi đến khi

bà thấy tụi này bền lòng quá, chỉ chờ ngày gia-đình hồi tâm chứ không nhận lời kẻ khác. Thấy thế, ông bà chấp-thuận để xong chuyện cho rồi. Hôn lễ cử hành rất đơn-giản, nhưng trong lòng tụi này...

—...Trời một khúc nhạc mê-ly!...

Nghe tôi trêu, chị mỉm-cười tiếp:

—Ừ... đúng đấy. Chúng tôi sống bên nhau rất êm-ấm. Không bao giờ làm buồn lòng nhau. Đứa con trai đầu lòng ra đời kết chặt tình nghĩa thêm sâu đậm. Chúng tôi yêu nhau lắm, Nhi ạ. Yêu đến nỗi nghĩ rằng không thể sống xa nhau được. Không có một mãnh lực uy quyền gì bắt buộc mà chúng tôi chịu rời bỏ nhau. Thế trung thành và chung-thủy nhau suốt đời. Tôi không đủ lời để diễn-tả tình yêu ấy. Tôi chỉ cho Nhi biết câu mà ảnh thường nói với tôi: « Khi nào em thấy anh tư tình cùng người đàn bà khác thì em cứ giết anh đi. »

Tôi cũng thật tình đáp lại: « Nếu em lang chạ với người nào thì anh phanh thầy em ra muôn mảnh. » Sau đấy bạn con, tôi xin thôi việc ở nhà chăm sóc chúng, còn ảnh vẫn đi đi về về.

Sống như thế chưa đầy bốn năm. Bỗng một hôm tôi lo lắng nhìn người liên lạc hơn hải bước nhanh vào ngõ nhà tôi. Chưa kịp hỏi, người ấy nói một hơi:

— Anh đi công-tác bị Tây bố bắt khi sáng rồi. Hình như nó đã chở đi. Nhưng chắc không sao đâu. Chị đừng lo buồn nhé.

Nói đến đây, anh ta nín bặt vì tiếng khóc của cháu lán-át. Anh chỉ nhìn mấy giọt nước mắt tôi mà thở dài, rồi lặng lẽ ra sau nhà đi mất.

Bấy giờ tôi chỉ biết nằm ôm hai con khóc bên bà hàng xóm lưng tuổi. Mấy hôm sau, tôi thu-xếp công việc, gửi các cháu về nội, lần-mò về nghe ngóng tin chồng.

Suốt hai tháng trời, tôi lặn lội từ nơi này đến chỗ họ để hỏi tin. Khi biết đích-xác ảnh bị đẩy ra Côn-đảo thì cũng là ngày lính mật thám bao vây nhà, mời tôi đến sở rồi tống-giam vào lao-xá.

Nơi đây... tôi...

Thấy chị ngập-ngừng, tôi hỏi:

— Ở trong ấy sao, chị? Khổ lắm hả?

— Khổ thì đành rồi, nhưng tôi đã từng khổ nên không dám nói... chỉ có một chuyện.

Nói đến đây chị cúi mặt

xuống, chớp nhanh hai hàng mi để tránh đôi mắt chăm-chú của tôi mà thấp giọng:

— Nhi à, tôi hiểu Nhi nhiều, nên tôi mới nói chuyện này cho Nhi nghe. Tôi mong Nhi đừng khinh tôi, cười tôi. Tôi nói để Nhi hiểu thêm những ngoặc-ngoéo bi-ấn của tâm-trạng người đàn bà vắng chồng, mà rộng lượng với những kẻ nhẹ dạ lổi lầm. Vì những lổi lầm ấy đôi khi không phải do bản tánh lằng-loàn mất nết của họ tạo ra...

— Việc gì xảy ra thế, chị? Chị không còn yêu anh ấy nữa à?

— Không... Không... tôi yêu quý tôn thờ ảnh suốt đời.

— Thế sao chị vừa nói chị có tội với chồng chị?

Thấy tôi khó hiểu chị áp ứng kể tiếp:

— Vào nhà lao, phần nhờ con thương chồng, phần mất ngủ biếng ăn trong người lại yếu sẵn, nên tôi lâm bệnh. Vì vậy có một anh ở một phòng nam phái sang trị bệnh cho tôi. Ngày nào anh ta cũng vào tiệm thuốc, một đôi khi nói vài câu về bệnh tình thôi. Trong nhà lao, nam nữ không được la-cà trò chuyện, dù là bà con thân quyến cũng thế. Vậy mà độ một tháng sau, tôi cảm thấy lòng

giao động vì hình ảnh người đàn-ông ấy. Tôi nhớ mãi hôm tôi một quả không ngồi dậy nổi, chỉ nằm trên giường bệnh uể oải dang tay ra cho « người ấy » lựa gân tiêm thuốc... Từ nhỏ đến giờ tôi tiêm không biết bao nhiêu thuốc Tây. Thế mà miệng gòn tham rượu hôm ấy vừa lan nhẹ trên da, tôi cảm thấy lạnh-lạnh lan toàn thân. Nhìn đầu « người ấy » cúi thấp, mặt chăm chú vào ống tiêm, tôi tưởng như một đôi vợ chồng trẻ đang quán-quít bên nhau... Mà tôi nóng bừng. Tôi nhắm nghiền hai mắt lại. Chắc cũng tâm-trạng ý-nghĩ ấy nên tôi cảm thấy tay « người ấy » run run, hơi thở dồn dập như hòa-nhịp với tiếng đập của con tim tôi.

Đè-mè trong ảo-tưởng đến khi ngược nhìn lên thì « người ấy » đã quay lưng bước khỏi phòng...

Nhìn lại chỗ tiêm, tôi thấy một vết tím-tím nổi cao dần lên, sờ thay đau-dớn nhức-nối tôi đoán chắc gân bị bẻ, thuốc tràn ra ngoài, công phạt đây.

Đem ấy phần tay nhức, phần thì những ý nghĩ hình ảnh về « người ấy » ám ảnh tâm trí, nên tôi trần trọc suốt đêm. Sáng hôm sau tôi nằm liệt giường đầu hâm hấp nóng, thế mà vẫn liếc chừng về phía

cửa mong ngóng bóng giáng quen quen của « chàng »... Mí mắt nặng-nặng như ai kéo xuống, tôi không chống chỏi, buông tay thiếp đi hồi nào không biết. Một bàn tay đặt nhẹ trên trán làm tôi giật mình. Tuy chưa mở mắt, tôi vẫn biết bàn tay ấy của ai rồi. Bấy giờ tôi bối rối quá... chẳng biết làm sao... Nhắm nghiền mắt lại ư? Giả vờ quá. Mí mở mắt ra thì tay người ấy sẽ rút lại ngay.

Tôi đang phân vân suy tính, thì may quá, anh ta đã lên tiếng gọi tôi:

— Chị Thơ, sao chị nóng thế này? Trọng người có sao không? Tôi đổi thuốc cho chị nhé?

Tôi đưa mắt mệt mỏi nhìn chàng, và trả lời nho nhỏ:

— Không sao, anh ạ... Tùy anh...

Rồi tôi quay mặt vào tường để tránh cái nhìn khó tả của người đàn-ông...

Từ đây tôi thấy lòng hân-hoan khi « người ấy » bước vào thăm bệnh, để rồi sẽ buồn buồn khi lưng « người ấy » khuất sau bức tường.

— Chị yêu người tù ấy ư?

Không đáp lời tôi, Thơ khẽ gạt đầu.

— Ông ta nói thế nào mà chị xiêu lòng?

— Không đâu, đừng nghi ngờ anh ấy quyen rũ tôi mà tội nghiệp! Họ cũng có học thức, tư cách đung dắn, không mở miệng nói một lời yêu-đương, không tán tỉnh cũng không có một cử chỉ xuông-xả nào cả. Chỉ yêu thầm, nói với tôi bằng đôi mắt, đôi mắt... đôi mắt «người ấy» sáng lăm, nhìn tôi như nói lên muôn vạn lời yêu-đương.

— Biết đâu ông ấy nhìn chị với vẻ thương hại người đàn bà trẻ mang số phận gian lao, mà chị hiểu lầm rồi bâng-khuàng mộng-trờng?

— Không đâu Nli a, tôi không lầm đâu.

— Ô! khó tin lắm, coi chừng hiểu lầm rồi thương nhớ bâng quơ, rồi những cử chỉ thái độ người ấy chị đều qui tụ vào vọng; định biến làm cảm tình càng ngày càng tang trường thì nguy...

Chị vội lắc đầu, ngắt lời:

— Tôi nhận xét không sai... vì hôm điếm điện, nghe xếp lao bao tin tôi được phóng thích, «anh ấy» buồn lắm. Lần cuối cùng vào tìm thuốc xong, anh cúi mặt, cầm tay tôi, thở dài nói nhỏ-nhỏ: «Chúng ta là những kẻ có tội.» Nói xong, chắc không đủ can-đảm đứng bên tôi nữa, anh vội vàng quay mặt bước nhanh khỏi phòng trong khi lòng tôi cũng xót-xa.

Ra khỏi cửa khám, gặp con tôi buong rơi giô quần áo,,

dang tay đón hai đứa đang giành nhau chạy ập vào lòng.

Nghe những câu hỏi thơngngây tít-tít: «Sao má đi lâu quá, Má không về với con? Các con nhớ má quá. Má đừng vô ở trong ấy nữa nghe Má?» Lòng tôi đau buốt. Tôi tưởng như chúng biết rõ nên buong lời trách cứ tôi.

Hình ảnh chồng tôi như phảng phất trên nét mặt hai con.

Ôm chặt chúng, tôi thì thầm lời phát xuất tự thâm-tâm:

— Má đã về với các con. Má sẽ mãi mãi sống bên các con.

Những cái hôn tới tấp theo nước mắt tràn trên mặt, mũi, tóc tai con.

Dù chưa nói với «người ấy» một lời yêu đương, chưa có một cử chỉ âu yếm, nhưng tâm hồn tôi đã xao xuyến suốt một tháng trường. Thế nên tôi hối hận trách mình sao buong lung tinh cảm để tự thấy mình mang tội với chồng, thẹn thùng với con.



Bẵng đi mấy năm, tôi và chị Thơ xa nhau mỗi người một ngã. Cho đến năm rồi, tôi về quê ăn Tết mới biết chị mất. Cổ mộ chị đã bao lần đổi sắc.

Thi-thê chị giờ đây chắc tan rã trong lòng đất lạnh. Nhưng tâm hồn chị, liệu có tan đi phút xao xuyến chưa?

THU-NHI

ĐỒ BAN :

VI.— Đố Tết con Cọp

THƯA các bạn, Năm-mới-Năm-me, Ba-Tèo không dám để các bạn suy-nghĩ nhiều, nhứt óc. Vậy xin đố các bạn vài câu



★ NGUYỄN-BA-TUI

Biệt-hiệu : BA-TÈO

Đáng cái - Sáng Toán Bài Toán!!!

để ợt, cho vui ba ngày Tết, thôi hê! Xin đố :

1.— Hai người mẹ và ba người con gái rủ nhau đi chợ Tết Thầy-gòn, mua mỗi người một... « trái chuối chiêng ngọt ». Xin hỏi : mấy người đó mua hết thảy mấy.. « trái chuối chiêng ngọt » (1) ? Nếu bạn trả lời sai, Ba-Tui xin bắt đền một « trái chuối chiêng ngọt » làm quà cho mẹ Ba-Tui.

2.— 3 con Cọp ăn 3 kí-lô thịt bò trong 3 phút đồng-hồ. Xin hỏi . phải có mấy con Cọp để ăn 120 kí-lô thịt bò trong 60 phút đồng hồ?

Bạn nào đáp trúng, Ba-Tui xin mua tặng một cái vé vào cửa Sở-Thú Thầy-gòn để xem 3 con Cọp.

3.— Thăng Cu-Tèo (anh) và thăng Cu-Teo (em), có mỗi

(1) Soutien-gorge. Quý Bà quý cô thường gọi là : cái xú-chiêng.

đưa một hộp đựng bánh. Nếu Cu-Tèo cho Cu-Teo một bánh, thì số bánh của Cu-Teo bằng số bánh của anh nó. Nếu Cu-Teo cho Cu-Tèo một bánh, thì số bánh của Cu-Tèo nhiều gấp hai số bánh của em nó. Vậy, xin hỏi mỗi thằng Cu có mấy cái bánh trong hộp ?

Bạn nào đáp trúng, xin mời bạn quá bộ đến tệt-xá uống chén nước trà Năm-mới.

● Xin xem ba bài đáp trong Phò-Thông Tân-Niên (số 75). Thân chúc Quý Bạn Năm con Cọp được khoẻ như Cọp-Hù ! Hù !

BA - TÈO

bút-hiệu của NGUYỄN-BA-TUI

★ Đáp bài hỏi thứ V (Phò-Thông 73, trang 101).

Xin nhắc lại bài hỏi : Thưa quý bạn, đây là gia-đình ông hàng xóm của tui, gồm có : 1 ông, 1 bà, 3 cha, 2 mẹ, 4 con trai, 2 con gái, 3 anh trai, 2 em gái, 1 bố vợ, 1 mẹ vợ, 1 em rể, 1 anh vợ, 3 anh em trai con cô cậu, 1 em gái con cô cậu, 1 cậu, 1 dượng rể, 1 cô. 6 cháu trai, 2 cháu gái.

Vậy tui xin hỏi quý Bạn : gia-đình ông hàng xóm có ít nhất là bao nhiêu người, và giây liên lạc gia-đình với nhau như thế nào ?

ĐÁP : Gia-đình ấy chỉ có 9 người :



● Nguyễn-Ba-Tui xin chân-thành cảm tạ tất cả các bạn đã gửi lời giải đáp, mặc dầu tất cả đều không trúng. Xin chúc các Bạn đầu năm đẻ con gái, cuối năm đẻ con trai ! Gút-bai !

BA-TUI

xuân nhớ mẹ

★ MỸ-KHANH

Đã mấy xuân rồi cách biệt nhau,
Lòng còn mang nặng vết thương đau !
Đường tuy dậm thẳng mà ngăn cách,
Một giải sông xanh, mấy nhịp cầu !

Biết mẹ còn chăng nơi trần-gian ?
Hay đã chiều kia xuống suối vàng,
Nuôi con, mắt mẹ không dành nhắm,
Mồ mẹ, ai người thấp nển nhang ?

Mẹ còn, thân mẹ cũng mòn hao,
Bây chực năm dư chẳng trẻ nào !
Nỗi sầu ly cách dầu thêm trắng,
Nước tủi ngậm hôn biết nói sao ?

Ngày mẹ ra đi cháu chửa ngồi,
Hãy còn bông bẽ khóc trong nôi.
Ma nay cháu học vang đêm vắng,
« Bà ngoại chính là mẹ mẹ tôi » !

Cũng mùa xuân ấy, độ tháng giêng,
Gió lạnh mưa bay vạn nỗi phiền.
Mẹ đi, môi nghẹn khôn lời hứa,
Sóng gió bao giờ mới lặng yên.

Xuân lại về đây, hỏi mẹ ơi,
Đem bướm, hương, hoa ấm đất trời.
Lòng con nghe hãy còn hoang lạnh,
Bởi con cùng mẹ sống đôi nơi.



xuân nhứt cảm tác NGỌN CỎ BỜ SÔNG

Xanh xanh ngọn cỏ bờ sông,
Mưa nhuần thấm gốc, gió lồng mát thân,
Một vùng ấm áp hơi xuân,
Mừng cho cây cỏ, băng khuâng nở người.

Đò ngang, sông rộng, mù khơi,
Có người thiếu-nữ, đứng ngời đợi mong.
Mưa xuân tắm tã mưa lòng,
Gió xuân trêu ghẹo má hồng ngày xanh !
Bao giờ cảnh được thanh-bình,
Cho non, cho nước, cho mình, đều xuân ?

BÚT - TRÀ

SANH TRƯỚC

mùa

XUÂN



PRAMOEDYA ANANTA TOER

Pramoedya Ananta Toer, nay nay 37 tuổi, là một nhà-văn cách-mạng của Indonesia. Ông đã bị tù dưới thời đô-hộ của Hòa-lan. Hầu hết các truyện-ngắn và hồi-ký của ông đều nhắc đến lúc ông ở tù và thời-kỳ phong-trào tranh-thủ độc lập. Văn ông gọn-gàng, duyên-dáng, và dễ cảm-động.

Ông là nhà-văn có tên tuổi hiện nay ở Djakarta, thủ-đô Cộng-hóa Indonesia.

Hồi ký « Sanh trước mùa Xuân » kể lại một mẩu chuyện lúc ông còn thanh-niên và mẹ ông sinh đứa con út mấy ngày xông-xao rạo-rức trước cuộc cách-mạng thắng-lợi, giữa không-khí hân-hoan tưng-bưng của nhân-dân Indonesia . . . giữa mùa Xuân giải-phóng . . . mà chính thân-phụ ông, một giáo-sư có danh-tiếng, cũng có tham-gia . .

PHỔ THÔNG tạp-chí

CÁI bụng của mẹ tôi mỗi ngày mỗi lớn, và bà không thể đi đứng nhiều được nữa. Chiếc máy dệt do bà sắm để tự dệt vải lụa, khỏi mua hàng ngoại-quốc, đã phải cất đi. Thay vì dệt vải, bà ngồi cả ngày trên một chiếc ghế gỗ ra vườn, và đọc sách say-mè. Cha tôi thì ít khi ở nhà. Tôi hỏi Mẹ tôi, bà mỉm cười bí-mật, bảo : « Ba con đi đeo hột giống cho tương-lai. »

Nhà chúng tôi, vừa là nhà trường của Cha tôi, giống như một công-sở. Cả ngày, có khi cả đêm, nhiều người đánh máy chữ và ronéo quay liên-tiếp. Giấy in sắp từng đống cao. Tôi còn trẻ tuổi, thấy cảnh

tượng rộn-rịp ấy, lấy làm hào-hung lắm. Nhất là một khi tôi biết cha tôi cũng là một nhân-vật quan-trọng trong Thành-phố. Tôi ra đường, nhiều người chỉ-chỏ tôi, bảo nhau : « Con trai ông Toer đây. » Nhiều người dừng lại hỏi-han tôi.

Nhưng tôi bắt đầu lo sợ khi tôi để ý thấy mỗi ngày có hai ba người lính cảnh-sát đi xe-đạp chậm-chậm qua lại trước cửa nhà tôi, và dõm ngó vào trong nhà. Tôi hỏi mẹ tôi, bà bảo : « Họ rình coi cha con đang làm gì đấy. » Tôi tức mình bảo : « Ba con làm giáo-sư mà ! Mẹ tôi giảng-giải rõ-ràng : « Chính vì thế mà họ không ra. Thực-dân không muốn cha con dạy học. » Nhưng lâu ngày không thấy việc gì xảy ra, tôi cũng quên luôn mấy người lính cò.

Thế rồi một hôm cha tôi đi chơi về sớm hơn mọi khi. Mặt ông mệt-nhọc, xanh-dờn. Mẹ tôi hỏi : « Anh bị bệnh hay sao thế ? » Cha tôi hào : « Không ». Rồi cha tôi lấy đưa mẹ tôi coi một tờ giấy của chính-phủ, và nói : « Thế là họ cảm-anh dạy học. Họ đóng cửa nhà trường ».

Từ đó, cha tôi nằm luôn trên ghế sofa ở nhà, không đi đâu nữa. Ông quạu lắm, ít nói chuyện với chúng tôi, ít thay ông cười. Mẹ tôi buồn rầu bảo

tôi : « Cha con thông-minh lắm, nhưng không có đủ thế-lực để chống lại thực-dân. Mẹ mong sao sau này con gây được thế-lực mạnh hơn cha con, thì mới thành công ». Mẹ tôi nói thế, mà hai hàng nước mắt chảy ra trên má.

Cha tôi thì chán-nản, sau đó bỏ nhà đi đầu mát, hai tháng không về. Một hôm, mẹ tôi lo buồn, trao tôi một bức thư, bảo tôi đi tìm xem cha tôi ở đâu đưa thư cho ông. Ra đường, tôi ngồi dưới gốc cây, lén mở thư ra xem. Mẹ tôi chỉ viết có ba bốn dòng « Anh không nhớ đưa con anh sắp ra đời sao? Anh nên về ngay. Nếu xem giấy này mà anh không về nhà thì em sẽ chết mất và em đem cả đứa con theo xuống dưới mồ ». Tôi vội-vàng chạy đi kiếm cha tôi tại một căn nhà bí-mật mà cha tôi thường đến. Cha tôi xem thư, rồi bảo : « Ba về ngay. »

Từ đó cha tôi ở nhà, không đi nữa.

Rồi mẹ tôi sanh đứa con trai hồi ban đêm. Sáng sớm hôm sau, tôi sang phòng mẹ tôi, để xem thằng em mới của tôi như thế nào. Cha tôi cũng bước vào. Thấy thằng con trai ông mừng quýnh, bảo : « Ô, nó bự quá nhỉ ! Nó sẽ to lớn hơn ba má nó ! »

Thế là thằng em tôi ra đời giữa lúc các phong trào cách mạng đều bị đàn áp và dân chúng bị khủng bố ghê gớm. Không khác nào giữa một mùa đông rét buốt, trước một mùa Xuân sắp trời dấy, huy-hoàng...

Một bài thơ của
Indonésia

KHẪN CẦU

* AMIR HAMZAH

Amir Hamzah sinh năm 1911 tại Sumatra — Thủ-lãnh trưởng Thơ Pudjangga Buru, gây phong-trào thơ mới, chịu ảnh-hưởng rất nhiều của nguồn Thơ Ba-tư, và truyền thống Islam.

Bài thơ *Khăn cầu*, tác-giả làm hồi 21 tuổi.

Em ơi, cuộc gặp-gỡ của đôi ta
Anh so-sánh với gì?
Với sóng biển khi trắng lên,
Ao-ạt giữa mông-mênh.
Với gió chiều tê lạnh
Như nổi dậy hương men.



Nghe tiếng em, đưa-dịu êm-êm
Tim anh sáng rực, như vòm sao
bật đèn,
Hồn anh mở rộng, như hoa nở
ban đêm
Hãy rót vào lòng anh tiếng nói
êm-đem
Hãy thổi vào phôi anh hơi thở
của em,
Cho mắt anh mờ được sáng
bên, lên !
Cho môi anh héo thắm màu tươi
lên !

TÂN-PHONG dịch

Cho Tết Quốc

Kiến-nghị

của
Diệu-Huyền
Kính gửi Cụ Trời

Bà Cụ,

MẤY ông Chiêm-tinh xứ Ấn-độ
Bói rằng Tết này Nguyên-tử nổ,
Bảy tám Hành-tinh chạm âm-âm,
Quả đất rung-rinh sẽ sụp đổ...?

PHỔ-Thông tạp-chí số Bảy-mươi,
Ông Tú thỏ-thê chuyện "Mình ơi!"
Cung đã nhắc tin : Mông-một Tết,
Chiến-tranh bùng dậy khắp nơi nơi...?

NHỮNG nếu đúng như lời Thầy bói,
Người người đều chết trong lửa khơi,
Thì Diệu-Huyền đây sống với ai?
Chẳng nhẽ ngày Tết... chết... hết... trại?

CON lạy Cụ Trời, Cụ thương con,
Cho giống Rồng-Tiên được sống còn!
Dân Việt hiền-lành, ngoan-ngoan lắm,
Chẳng tội-tính chi với nước non!

NẾU Cụ muốn giết, thà Cụ giết
Nhưng kẻ thâm-thù của dân Việt!
Nhưng lũ khát máu, loài vô tâm
Giày-xéo dân-den khổ không xiết!

NHỮNG bọn gian-hùng, lũ bất nhân,
Chuyên-môn giả-dối gạt-lừa dân!
Nhưng con sâu-mọt trong nhung lụa,
Đục-khoét dân nghèo, để béo thân!

NHỮNG tên tham-lam, loài heo-gạo
Ái-dân, ái-quốc, toàn giả-tạo!
Muru-mô xảo-quyệt, bịp đứ đờ,
La-hét rùm beng, chỉ xạo-xạo!

NHỮNG kẻ huênh-hoang miệng lưỡi sành,
Nhưng phường lời-tối nói lạnh-quanh,
Miệng gào đạo-đức nghe mê lắm,
Tay hốt tiền xu cũng hốt nhanh!

NHỮNG kẻ trên kia đều đáng chết!
Cụ cứ thả Cọp về xơi hết!
Còn những dân lành, không tội chi,
Xin Cụ tha cho được ăn Tết!

CÚNG CỤ : chuối, xôi, chè, nóng hổi.
— Không dám hối-hộ, CỤ tha-lỗi ! —
Xin CỤ cải-tổ việc trần-gian,
Nhờ phép thần-linh CỤ biến-đổi !

BOM A, Bom H, thành nọ, pom...
Súng mọc thành khoai, đờ dói mồm...
Ca-nông đúc chây ra bơ, sữa...
Đạn nấu trong nồi, chín hóa cơm ..!

NHƯ thế, dân-gian hết dói khổ,
Hết chú dè dàu, ông dè cổ,
Hết phường phong-kiến, hết thực-dân,
Hết chém, hết đâm, hết gậy gổ !

NHỜ CỤ quanh năm sống phủ-phê ;
Cuối năm hoan-hỉ đón Xuân về !
Trâu đi, Cọp đến, vui mừng cả !
Già trẻ ôm nhau cười hê-hê ..!

CỤ nghe lời con, con cảm tạ !
Hay CỤ dạy sao, con cũng « dạ ! ».
Gái cưng của CỤ, là Diệu-Huyền,
Chúc CỤ muôn năm !... Lạy CỤ ạ !..

Diệu-Huyền



* TRỌNG-TÁU

mà chỉ vì trọng khí phách của
lão và mền đức thủy chung của
con lão- Ông Tú có hai cô con
gái : cái Nết và cái Na. Nết
bị bạo bệnh chết năm 14 tuổi.
Ông Tú chỉ còn lại cái Nết là
đứa con gái duy nhất. Ông Tú
Hoàng con nhà giòng giới. Nội
tổ ông xưa kia làm quan trong
Triều, nhưng qua tới đời ông,
hình như trời hết cho ăn lộc,
nên tiên bước hoạn đồ ông cứ
luôn gặp cảnh lận đận lao đao.
Chán mùi công danh phú quý,
ông Tú rút lui về làng đóng vai
thầy đồ gõ đầu trẻ. Gia đình
tuy thanh bạch nhưng giấy rách

CÁI NẾT

đi lấy

CHÔNG

HỒ-BIÊN thuộc vào
hạng giàu nhất nhì
trong làng. Ông Tú
Hoàng bằng lòng
gả con gái mình
cho con trai Phó-Biên chẳng
phải vì « tham ruộng cả ao liền »

ông Tú vẫn cố giữ lấy lẽ, bởi
vậy ông vẫn được trong họ ngoài
làng nề vì rất mực. Ông Tú rất
chú trọng đến đức hạnh của cô

con gái. Nết cũng được cha cho theo học đôi chữ thánh hiền. Nàng không được học chữ quốc ngữ bởi vì vào cái thời của nàng, thứ chữ này bị thiên hạ coi như món thuốc độc rất nguy hại cho hạnh kiểm của con nhà nề nếp.

Nết đẹp, duyên dáng, thù mị, dễ yêu và rất ngoan. Dưới con mắt dân làng, nàng là một người con gái gương mẫu.

Hôm nay là ngày cái Nết đi lấy chồng. Các cậu trai làng Phụng Công, kẻ thì ra ngấn vào ngó, cậu thì tức uất lên vì thất vọng. Trước kia, biết bao nhiêu cậu đã từng rắp ranh săn sóc ao ước chiếm được cái Nết về làm kẻ sửa túi nâng khăn. Thế mà nay, cái Nết bước sang ngang. Cái Nết đã lọt vào tay Phụng, con trai cụ phó lý Biên. Như vậy là hết ! Như vậy là các cậu không còn gì để mộng nữa cả.

Ngày cưới con trai phó Biên, hầu hết các vị chức sắc trong làng đều tới dự, chỉ trừ Lý Cung là vắng mặt. Để tránh tiếng, lão ta cáo ốm. Tất cả mọi người đều biết rõ câu chuyện xích-mịch giữa Lý Cung và

Phó Biên :

Phó Biên đã có lần công-khai bài xích công việc làm ám muội của Lý-Cung, và đề phản đối ông lý trưởng đương kim. Phó-Biên xin rút lui ra khỏi Hội-Đồng Hương Chính. Từ khi bị Phó Biên bẻ mặt, Lý Cung ngấm ngấm nuôi một mối thù hận trong lòng. Ngoài mặt y vẫn làm ra vẻ hòa nhã, nhưng bên trong y vẫn rắp tâm tìm dịp hại kẻ đối thủ.

*

PHÙNG bị một đừ người lên vì tiếp khách. Anh đâu dám than van với ai về nỗi cực nhọc này. Các bạn anh cũng bảo : *« Muốn ăn thì phải lăn vào bếp »* ; lũ em anh cũng nói : *« Muốn vợ thì anh phải chịu khó chút ! »*

Họ nói có lý lắm, vì thế anh nào dám hé môi. Lấy vợ tức là phải chịu đựng đủ tội đủ tình ; lấy vợ ở nhà quê lại càng phải chịu nhiều khổ hình hơn nữa. Phùng đã lẽ sống lẽ chết cả trăm bận, suốt từ sáng đến giờ, muốn chấy cả đầu gối. Anh còn

phải lo chạy lên chạy xuống, chạy ra chạy vào sao cho công việc đái khách được chu toàn. Anh cần phải làm đẹp lòng tất cả mọi người và cố giữ sao cho đừng xảy ra một chuyện xích-mịch nhỏ nhặt nào đáng tiếc trong tiệc cưới.

Mang tiếng là nhà có bát ăn bát để, cha anh đã phải lo đãi đằng làng xã bằng một bữa tiệc thật linh-đim. Ông cho vật một bò, hai lợn để tiếp khách. Nhưng, với bằng ấy thứ, liệu Phó Biên có bịt nổi lỗ miệng của bọn người nặng thành kiến lịch-lạc chưa ? Chỉ một sơ suất nhỏ, cái sây có thể nảy thành cái ung, chuyện bé sẽ xé ra to và lúc ấy chắc hẳn hậu quả sẽ không hay, còn ông sẽ là người gánh chịu tất cả.

Phùng sợ lắm ! Anh chỉ mong sao cho tiệc cưới chóng qua mau, không gặp điều gì trắc trở là anh mừng rồi.

Tuy sống ở thôn quê nhưng Phùng cũng được theo học ở trường Tổng. Anh đã đậu được mảnh bằng Sơ-Học Pháp-Việt. Tương đối ra, anh cũng « văn minh » hơn, hay nói cho đúng, anh bớt hủ lậu hơn nhiều kẻ

trong làng. Anh tỏ vẻ ra là người am hiểu chút xử thế.

Trong đám khách đến dự tiệc cưới chỉ có lão Cửu Bình là người đáng « kiếng » nhất. Lão ra thuộc lòng tất cả những ngày giỗ kỵ của mọi gia-đình. Nếu nhà ai có việc mà rui ro quên mời lão thì phải biết. Tuy ai ai cũng ghê tởm hẳn, nhưng trong các cuộc chè chén không ai dám quên hẳn cả. Người ta sợ cái thói hay bươi chuyện và nói càn của hẳn nên phải dùng xôi, rượu, thịt để bắt hẳn cầm cái miệng đi, chứ nào ai có ưa gì hẳn.

Phùng nghe phong thanh rằng trong đĩa này Cửu Bình sẽ sắp đặt với lũ bạn và em anh để phá đám anh chơi. Đêm nay, hẳn sẽ tìm cách ngăn cản không cho cô dâu, chú rể động phòng.

Phùng mỉm cười khi hay biết được lối đùa nghịch tai quái và kỳ dị nói trên của Cửu Bình. Tuy nhiên, bỗng dưng anh lại rùng mình. Vợ chồng không gần gũi được với nhau đêm này thì con đêm khác, lo gì. Nhưng nếu cứ cái đà đùa giai này, biết đâu

anh lại chẳng còn phải chịu nhiều lỗi chơi ác độc khác của Cửu Bình. Có lần nghĩ liệu, anh đã tính tổng cò lẩn đi, song không dám. Trong làng xã không phải như ở nơi đô thị mà muốn làm gì thì làm...

Đúng như lời anh chỉ đoán, bọn con trai được mời tới dự tiệc cứ tìm cách lảng vảng ở trong buồng cô dâu chú rể. Có lẽ đây cũng là một dịp để các cậu báo thù anh cho đã nư giận. Các cậu có vẻ ghen tức trước diện phúc của anh. Đến cả các em anh, chúng cũng lấy thế làm vui.

Thật ra thì các em anh không có ác ý, nhưng bản tính vui nhộn của tuổi trẻ đã thúc đẩy chúng có những hành động vô ý thức này.

Đã ba giờ sáng mà phòng cô dâu vẫn còn nhiều người tấp nập ra vào. Ác hại hơn nữa, Cửu Bình lại rủ một số người ở lại gây sòng sóc-dĩa ngay tại phòng hoa chúc. Thế là nơi này đã bị biến thành chỗ để cho khách sát phạt nhau.

Trong nhà đã vắng khách, Phùng bước chân vào phòng tính ngả lưng một chút. Nhìn lên giường không thấy cô dâu đâu

— có lẽ Nết quá bực bội nên đã bỏ đi ra ngoài — còn ở dưới đất thì là cả một sòng đồ bác. Anh nhăn mặt khó chịu quay bước trở ra đi tìm vợ...

Rạng ngày hôm sau, gia đình nhà trai nghe một tin sét đánh. Lý-Cung cho hay, có trát quan Phủ đòi Phùng lên hầu: anh bị bắt lính và phải đi trình diện ngay tức khắc. Thế là liền ngay khi đó, cô dâu mới đã phải thu xếp hành lý tiễn chồng lên tỉnh, đáp Tàu qua Pháp tòng chinh, phục vụ « mẫu quốc ».

Cuộc biệt - ly nào lại chẳng buồn, nhất là trường hợp quá đột ngột của đôi vợ chồng mới cưới.

Giờ đây, người ta mới thấy rõ lòng nham hiểm của Lý-Cung. Dù sao, với bản tính kín đáo và thù mị, cái Nết cũng cố gắng chịu đựng, gạt nước mắt đưa chồng qua khỏi lũy tre xanh. Từ nay, chàng sẽ lao thân vào lăn tên mũi đạn, còn thiếp ở nhà xin làm tròn bổn phận dâu con phụng-dưỡng cha mẹ già.

Sau đám cưới là một đám ma, đám ma người sống, vì Phùng ra

đi khó mà có ngày trở lại...



Mới lấy nhau chưa được một ngày, cái Nết đã phải sống kiếp vọng phu.

Hơn hai tháng sau, ông Phó Biên được biết là nàng dâu có tin mừng. Tin cái Nết có chửa khiến ai cũng phải ngạc nhiên, nhất là Cửu-Bình. Rồi trong các câu chuyện ngoài lề đôi mách, thiên hạ theo dật ra thật đủ điều. Nào là: « Cái Nết chưa kịp ăn nằm với chồng mà đã có chửa, cái Nết tâm ngấm tâm ngấm thế mà ghê, cái Nết chẳng xứng tên là Nết tí nào cả v.v... », Táo bạo hơn, Cửu-Bình còn nói một câu chắc nịch như sau:

— Chính tôi bắt gặp cái Nết thường hò hẹn với trai ở sau miếu thờ thần mà bây giờ tôi mới nói.

Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa, câu chuyện cái Nết không chính chuyên bay từ cửa miệng người này sang cửa miệng người khác một cách thật nhanh chóng.

Mới đầu ông Phó Biên còn

cho là câu chuyện bọn người xấu mồm xấu miệng không thêm dè ý, nhưng sau này, thấy nhiều người nói quá, nhất là khi nghe rõ được câu chuyện « chú rể không được động phòng », thì ông bắt đầu phân vân. Phó Biên lục vấn con dâu, nhưng cái Nết chỉ khóc mà không đáp. Thời thì bề nào nó cũng đã là dâu con, nếu làm to chuyện ra chỉ tỏ thêm xấu, ông đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Cái Nết được yên thân với bố chồng, nhưng bà Phó Biên đâu có chịu như vậy được. Thời thì tiếng bắc tiếng chi, lời ong tiếng ve..., trừ Phó Biên ra, còn cả họ nhà Phùng đều coi Nết như một cái gai cần phải nhổ. Cố gắng chịu đựng tất cả những lời mai mỉa, Nết cố ở lại với bên nhà chồng. Sau cùng, khi gần tới ngày nở nhụy khai hoa, biết rằng mọi người không còn muốn dung túng mình nữa, Nết đành trở về ở với cha mẹ đẻ. Nàng sinh được một đứa con trai.

Về phía Phùng, từ khi chàng ra đi, ông Phó Biên không hề nhận được tin gì của con trai hết. Đệ nhị thế chiến kéo dài, chiến tranh Pháp—Đức tới hồi quyết

liệt, tir tức của Phùng vẫn biến, biệt. Có người đồn là chàng đã tử trận.

Năm năm trời trôi qua. Câu chuyện chưa dễ không chính đáng của con dâu ông Phó Biên cũng đã bị mờ dần trong quên lãng.

Hồi mới xảy ra câu chuyện, nhiều chàng thanh niên rần mắt còn đặt câu hỏi :

— Chồng cái Nết đi rồi, vậy thì anh nào là thủ phạm cái bào thai, sao không ra nhận bừa đi cho xong chuyện.

Thiên hạ nói lắm cũng mỗi mồm bởi vì cái Nết không hề bao giờ trả lời một câu hỏi hay tỏ phản ứng gì cả. Chắc có lẽ anh chàng nào đó sợ bị làng phạt vạ nên không dám đứng ra nhận tội lỗi chứ gì. Còn cô ả, mấy năm sau này mặc dầu đã hết bị bêu riếu, mặc dầu được tin chồng chết, vẫn không dám tái giá. Hình như cô ả hối hận, hay xấu hổ với chị em thì đúng hơn. Cô ả đành ở vậy nuôi con và có lẽ chết già làm gái góa đẽ mà chuộc lại các tội lỗi.

★

CUỘC thế-giới đại chiến chấm dứt. Một bữa đầu xuân, người ta thấy có anh lính chào-mào hí hờn xông xáo đi vào làng Phụng Công. Anh dừng bước trên con đê cao, đập mắt nhìn khắp cả lũy tre xanh rồi phưỡn ngực ra như để tận hưởng tất cả không khí trong lành của nơi đồng ruộng. Anh lại lẹ làng cất bước, đi được một quãng anh rẽ quặt xuống một con đập nhỏ. Cứ nhìn anh, không ai dám bảo anh là người xa lạ của đất này. Anh lính thoãn thoắt đi về phía xóm hạ và tiến thẳng vào nhà ông Phó Biên. Đang ngồi đan rổ, ông phó thấy khách lạ giật mình ngừng mặt lên.

— Thầy !

Khách vừa nói dứt câu thì chủ nhà như một cái máy đứng phắt dậy. Ông Phó Biên không nói được nên lời. Cũng bị nghẹn ở cổ họng. Phùng ! Trời ơi ! Phùng... con ông... vẫn còn sống.

Phùng dơ tay tính bắt tay bố nhưng anh vội rút lại ngay vì anh chợt nhớ ra, cha anh chỉ là một ông già nhà quê

chất phác. Phùng vội-vàng hỏi bố :

— Bu con đâu? Nhà con đâu?

Nghe câu hỏi thứ hai, ông Phó Biên thấy đau nhói ở tim. Không biết rồi đây ông sẽ phải trả lời thế nào với con về đứa cháu nội khó thừa nhận được ấy, nhất là đã từ mấy năm nay, hai gia-đình thông gia đã tuyệt giao hẳn. Con dâu ông tìm cách lẩn tránh ông. Ông chẳng hề bao giờ gặp lại nó cả. Hai cha con còn đang đứng chết lặng chưa nói thêm được câu gì thì bà Phó-Biên vừa ở nhà dưới đi lên.

— Bu !

Phùng vừa dứt lời thì bà Phó chạy lại ôm con khóc sụt-mướt. Bà kể lể con-cà con-kê. Bà chỉ lên chiếc bài vị con con đặt trên bàn thờ ở góc nhà :

— Thầy bu cứ tưởng-tượng con chết rồi kia chứ. Sao từ khi đi, con chẳng có thư từ gì về ?

Thì ra sau khi dự lớp huấn luyện cấp tốc về quân sự tại Tín, Phùng phải đáp tàu qua

Pháp ngay nên không có thì giờ viết thư về nhà. Hồi đầu chàng có gửi thư về quê nhưng có lẽ gì có chuyện xích mích với anh bưu tín viên nên anh này đã hủy thư của chàng đi chẵn. Vừa qua tới đất Pháp anh phải đi dự trận cấp tốc đề rồi kể đó thì bị quân Đức bắt làm tù binh ngay. Câu chuyện hàn huyền chưa chấm dứt, Phùng đã lại hỏi thăm vợ :

— Còn vợ con đâu ?

— Thầy-bu trả nó về cho bố mẹ đẻ nó rồi, để nó tự-do đi lấy chồng.

Phùng rùng mình :

— Nó đi lấy chồng khác à ?

Bà Phó Biên khóc như mưa như gió. Bà kể lại cho con trai nghe tất cả những câu chuyện đã xảy ra. Phùng bần chồn hỏi dồn :

— Thế nó đã lấy chồng khác chưa ?

Bà Phó đáp :

— Cô ả xấu hổ quá nên đành ở vậy !

— Nghĩa là nó vẫn ở nhà với bố mẹ đẻ ?

Ông Phó-Biên buồn rầu buồn sống một tiếng « ừ ».

Chẳng nói chẳng rằng, Phùng chạy ba chân bốn cẳng đến nhà ông nhạc. Ông bà Phó chỗ mắt ngạc nhiên, tỉnh lên tiếng gọi con thì chàng cũng đã biến dạng sau hàng rào dâm bụt.

★

PHÙNG nhất định rước vợ về. Bao nhiêu người trong làng, kể cả thầy mẹ anh đều tỏ vẻ bất mãn. Con gái làng anh đã chết hết cả đầu mà anh đến nỗi phải làm thế? Người ta cho rằng đầu óc anh bây giờ « Tây » quá. Anh bất chấp cả đạo lý, cả thuần phong mỹ tục. Những kẻ tình địch của anh lúc này tha hồ được dịp mà chế giễu chê cười anh, nhưng anh cần gì.

Đêm nay, cặp vợ chồng cai Phùng cùng nhau tri kỷ trong căn phòng ấm cúng. Bao nhiêu nỗi nhớ nhung qua mấy năm trời xa cách, bao nhiêu niềm xúc cảm của cuộc hội ngộ trùng Phùng.. Họ nói với nhau rất

nhieu, và nếu có ai may mắn được nghe những lời ái-ân đầy thú vị của họ, chắc hẳn cũng phải mỉm cười mà dành cho họ chút ít cảm-tình.

Cái Nết rúc vào nách chồng nũng nịu :

— Chỉ tại anh cả ! Tại anh hết đấy !

Phùng âu yếm bảo vợ :

— Thì em bảo anh làm thế nào hơn được ? Có cái phòng thì bị bọn quý sứ nó ếm, nó cứ ngồi lù lù ở bên trong..

— Em đã bảo anh, vợ chồng với nhau, đi đâu mà vội, anh lại không chịu. Anh... anh cứ bắt ép em thành ra..

— Thôi, thôi, anh xin nhận tất cả lỗi về phần anh. Nhưng... nhưng, người ta đã thăm yết trộm nhớ mình đến mấy năm trời rồi... yêu muốn chết đi được !

Vợ Phùng chặc lưỡi :

— Cũng chỉ vì em nghĩ, đằng nào em cũng đã gửi thân em cho đời anh rồi cho nên em mới chiều anh..

Phùng bỗng hỏi vợ đột ngột :
— À này, thế cái căn nhà chỗ chúng mình « yêu nhau » sao lại phá đi vậy ?

— Thầy bu làm gì đấy ?

— Chỗ đó bị cháy, bây giờ tất chuồng gà đó, anh thấy không. Cóm, thầy bu nuôi được đàn à mái, đẻ quá anh ạ !

Hai người thi nhau rúc rích, cười chẳng khác chi cặp vợ chồng mới cưới. Thằng bé con

nằm bên cạnh giật mình thức giấc hỏi :

— Thầy bu làm gì đấy ?

Tiếng cười im bật. Bên ngoài gió thổi mạnh hơn lộng vào khe liếp. Phùng kéo cái chăn dạ trùm đầu cho con rồi siết chặt vợ vào lòng miên man nghĩ tới tiệc cưới năm nào...

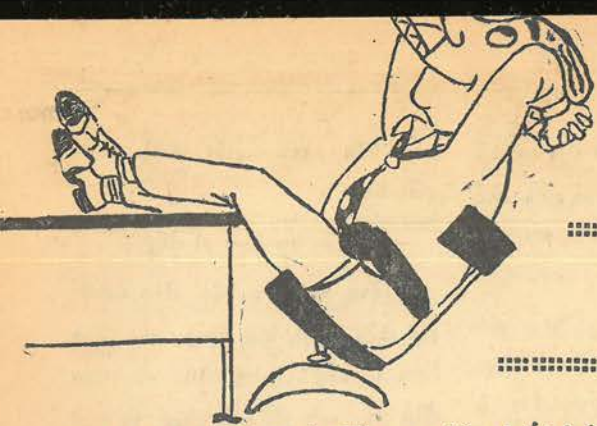
TRỌNG-TÁU



Khiều bài phải gác lại

Vì số Xuân nhiều bài quá, nên chúng tôi phải gác lại một số bài rất hay qua số ĐẶC BIỆT TÂN NIÊN. (Xin xem lời rao nơi trang 4 số này).

Số Tân-Niên cũng sẽ tiếp tục đăng lại các mục thường xuyên : *Mỡ-hôi nước mắt, Một giấc mơ hoa, Ký-giả thuở trước, Nhân-vật Xuân-thu, Chuyện lạ kim cổ, v.v...*



..... Sách

..... Báo

..... Mời

★ **Mười hai nhà Thơ mới nhất hôm nay :**

Của ô. Đường-bá-Bổn. Trích và phê-bình những đoạn thơ của 12 người trong số các Thi-sĩ trẻ tuổi có thơ đăng rải-rác trong báo chí.— In bằng ronéo 68 trang Giá 50\$. Nhà Xuất Bản Đại-Nam Văn-Hiển, Phú-Nhuận.

★ **Bút hoa**

Xuân Nhâm-Dần, 1962. Chủ trương TRẦN-XUÂN-CHẤN. «Cơ-quan xây-dựng Đạo-đức Văn-hóa, phát-huy tư-trưởng nhân-bản». 75 trang, giá 20\$.

★ **Màu trắng**, Thơ của ô. ĐOÀN-QUANG-TUỆ.

*«Dùng trọn tâm tư về đức Phật,
Một đời hoang lạnh bên tang thương»*

Đó là hai câu Thơ của tác-giả in nơi trang đầu. Độ vài chục bài, dày 40 trang. Giá 15\$

★ **Tìm hiểu luật lao động**, tác giả Tuần-Lý HUỖNH-KHẮC DỤNG, Chánh-Án Tòa Lao-động Saigon, do ấn-quán NGUYỄN TRUNG THÀNH, 55 đường Phát-Diệm xuất-bản. Soạn thảo rất công phu, góp nhặt các vấn-đề lao động, nghiên-cứu kỹ càng, sách dày trên 300 trang, khổ 24x16, chắc chắn sẽ giúp ích cho hai giới chủ và thợ.

★ **Asia France Asie, số 169**, Giám đốc René de Berval. Nhiều bài rất có giá trị bằng Pháp-ngữ và Anh-ngữ của các ký giả quốc-tế. Giá U S. 2\$



★ **Vụ trường Trung-học Phan-Chu-Trinh, Đà-nẵng.**

(của Ông Hiệu-trưởng trường Trung-học Phan-Chu-Trinh, Đà-nẵng)

Kính gửi ông Giám-Đốc
tạp-chí Phồ-Thông,

283 Gia-Long — SAIGON

Kính ông,

Nhân việc tòa soạn tạp-chí Phồ-Thông có cho đăng tải mấy việc liên quan đến trường ở trong số 73 ra ngày 15-1-1962.

Tôi kính tin Ông rõ :

- 1) Cuộc họp giáo-sư ngày 15-12-1961 là cuộc họp thường kỳ hằng tháng của giáo-sư liên-lớp đệ Tam.
- 2) Ở trường không có việc đuổi cảnh cáo một tháng 25 học-sinh và đuổi vĩnh-viễn 5 học-sinh.

Cuộc họp nói trên xét về hạnh kiểm và việc học-tập của học-sinh trong đệ nhất lục-cá-nguyệt, đã đề-nghị khen thưởng một số học-sinh chăm chỉ, có hạnh kiểm tốt cũng như trừng phạt một số học-sinh thiếu chuyên-cần, thiếu lễ-độ, ăn nói thô-lỗ, bừa bãi ở lớp học, gian dối trong kỳ thi đệ nhất lục-cá-nguyệt.

3) Trường tôi đã có thư mời tất cả các phụ-huynh của các học-sinh do Hội-đồng giáo-sư nói trên đề-nghị khiển-phạt đề thông báo vào ngày 18-12-1962 và đề cùng với phụ-huynh tìm cách giáo-dục các học-sinh ấy.

Yêu cầu Ông Giám-đốc cho đăng nguyên-văn bản - thư này vào trong mục thích hợp để định chính lại các sự việc.

Kính chào Ông Giám-đốc.

NGUYỄN-ĐĂNG-NGỌC

★ **Cấp-bằng Mỹ và Cấp bằng Việt**

(của một Sinh-viên Đại-học Mỹ, do cô Bích-Phượng, đường Trương-minh Giảng, Saigon, chuyển giao)

Thưa ông chủ bút báo Phồ-Thông,

Tôi xin ông vui lòng trả lời cho câu hỏi này và xin cảm ơn ông trước.

Tôi là một sinh-viên hiện ở tại Hiệp Chúng Quốc và vừa đậu Ph. D. Tôi muốn gọi cấp bằng này theo tiếng Việt. Nhưng tôi rất băn khoăn không biết gọi thế nào cho đúng. Vì những quyển Anh-Việt và Việt-Anh mà tôi có, thì không quyển nào giống quyển nào về định nghĩa chữ Ph. D, và có một sự lẫn lộn giữa Ph. D. và M.A.

Tất cả các quyển tự điển đều cho B. A. (Bachelor) là ngang với cử-nhân.

Quyển Việt-Anh của Lê-Bá-Kông thì định nghĩa M.A là Thạc sĩ (trang 265) Doctor là tiến-sĩ (trang 286) và Doctor cũng gọi là bác-sĩ (trang 38)

Rồi quyển Anh-Việt của ông ấy, trang 295, lại định nghĩa M.A. là đồ tiến-sĩ.

Quyển Anh-Việt của ông Nguyễn-văn-Hòa trang 417 định nghĩa tiến-sĩ là Doctor. Trang 450 tác-giả lại định nghĩa Thạc-sĩ là Agrégé, Ph. D, Ed. D.

Và tôi biết rõ những người có bằng M.A. cũng gọi là Tiến-sĩ. Như vậy tôi đồ Ph. D nên gọi là gì cho danh chính ngôn thuận?

Xin ông vui lòng cho biết. Nếu được, nhờ ông đệ đạt lên Bộ Quốc-gia giáo-dục để chỉnh đốn những sự xưng gọi về cấp bằng B.A — M.A — Ph. D và D. litt. ở ngoại quốc cho xứng, kẻo dùng lộn thì có hại cho người dùng và gây sự hiểu lầm cho những người cùng quanh.

Kính chúc ông vạn an ...

● ĐÁP.— Những danh-từ Tú-Tài, Cử-nhân, Tiến-sĩ của ta, Bachelor, Master, Doctor, của Mỹ, Anh, và Bachelier, Licencié, Docteur của Pháp, chỉ có thể dùng so-sánh tạm các cấp bằng, chứ không có định-nghĩa tương-đương đích-xác được. Vì hệ-thống tổ-chức Cao-đẳng học-đường và Đại-học của ta khác, của Pháp khác, của Mỹ lại càng khác hơn nữa. Trong cuốn « Handbook of International Sindy — 1958 » trong Tập-san News Bulletin của Viện Giáo-dục Quốc-tế, có phân tách khá rõ-rệt những điểm dị-đồng ấy.

○ B.A. (Bachelor of Arts) đúng ra, thì Tú-tài Văn-chương Mỹ, hơn Bachelier-ès-Lettres của Pháp một tý, cũng như B.S. là Tú-Tài Khoa-học. Vì lẽ B.A. B.S. còn ở cấp-bực College, vào một trường University học hai năm nữa mới được cấp-bằng Master of Arts (M.A.), hoặc M.S. (Cử-nhân). M.A. còn học 3 năm nữa mới thi lấy bằng Ph.D (Tiến-sĩ), hoặc Sc.D (Tiến-sĩ khoa-học), hoặc Ed.D (Tiến-sĩ giáo-dục). Vậy, Tự-diễn nói rằng M.A. là người đồ Tiến-sĩ là hoàn-toàn sai-lầm. Cũng như nói « B.A. ngang với Cử-nhân » là sai.

● Thạc-sĩ có nhiều bậc khác nhau :

Thạc-sĩ Văn - chương, Văn - phạm, Sử-Địa, Khoa-học, v.v..., không phải là một cấp-bằng Đại-học, mà chỉ là một chức-vị giáo-sư Trung-học, do những người có bằng-cấp Cử-nhân ứng-thí. Những thạc-sĩ này (như ô. Phạm-duy-Khiêm, Thạc-sĩ Văn-phạm) chỉ có bằng Cử-nhân Văn-chương được nhận vào làm giáo-sư trường Trung-học, chức giáo-sư ấy gọi là Thạc-sĩ. Chức này chỉ có bằng Cử-nhân, không cần phải có bằng Tiến-sĩ, và họ còn kém hơn Tiến-sĩ. Chỉ có Thạc-sĩ Y-khoa, Dược-khoa, và Luật-khoa, thì trái lại, phải có Cấp-bằng Tiến-sĩ Y, Dược, hay Luật, mới được thi lấy cấp-bằng Thạc-sĩ. Riêng trong ba bộ môn này, Thạc-sĩ cao hơn Tiến-sĩ.

Vì lẽ đó, ở Bộ môn Văn-chương, M.A. (Cử-nhân) có thể làm chức-vị « giáo-sư Thạc-sĩ » được, nhưng cái giá-trị của Thạc-sĩ Văn-chương còn kém giá-trị của Tiến-sĩ Văn-chương (Ph.D hay là D. Litt).

● Doctor có hai nghĩa : 1) Bác-sĩ, Y-sĩ. Thí-dụ : Dr. Fleming, Bác-sĩ Fleming.

2) Tiến-sĩ. Thí-dụ : Doctor of Laws, Doctor of Science (Docteur en Droit; Docteur-ès-Sciences),

Tiến-sĩ Luật-khoa, Tiến sĩ Khoa-học, v. v. . .

Tóm lại, ông đồ P.H. D. chính là cấp-bằng « Tiến-sĩ Văn-chương Mỹ »

* Harok-kah-day

(Của Ô. Lưu-quý-Tân, Viện-khảo-Cổ — Saigon)

... Thừa cô, theo truyền-thuyết của người Chàm còn truyền lại và được thể-hiện qua hai câu thơ sau đây, để xác-dịnh biên giới nước Chiêm-Thành (Chàm) trong thời-kỳ quốc-gia Chiêm Thành còn cực-thịnh và độc-lập :

Phun nagar pak Harok-kah-hday,
Hajung nagar Cham dray, Bai-gor thiam lroh.

Dịch :

«Phía đầu xứ (Chàm) tại Harok-dhay (= Cỏ-rê-trán), phía đuôi xứ Chàm ta tại Bai-gor (= Sài-gòn) đẹp thay.» Ý nghĩa của hai câu thơ trên muốn nói là : Phía Bắc nước chàm giáp một ngọn núi mà cây cổ ở đó bị phân chia ra bởi một đường thẳng, một bên thì ngọn cây cổ ngã về hướng Bắc, một bên ngã về hướng Nam.

Trong quyển « An-nam chi-lược » của Lê-Tắc, biên soạn bằng chữ Hán, do Viện Đại-học Huế phiên dịch ra Việt-ngữ vừa mới phát hành. Phần nói về Núi, trang 37, có viết: «Phân-son (núi Phân-son)=Lại còn có nghĩa là Liệt-son, hai nước An-nam và Chiêm-Thành-lấy núi này làm ranh giới, tục truyền rằng cây cổ ở trên núi ấy cũng chia hai : bên ngã về Nam, bên ngã về Bắc ».

Chúng tôi thấy hai bên Chàm và Việt đều có một truyền-thuyết trùng nhau về ranh-giới của hai nước, nhưng chúng tôi không rõ địa-điểm Harok-pah-dhay tức Cỏ-rê-trán tức núi Phân-son tức Liệt son ở vào khu-vực nào.

Vậy trân-trọng xin cô DIỆU-HUYỀN vui lòng cho chúng tôi biết địa-điểm ấy và hiện nay cây cổ ở ngọn núi ấy còn phân rẽ như truyền-thuyết trên đây không ? ...

Thành-thật xin chúc Cô ...

● **Đáp.**— Ngoài quyển « An-Nam Chi-lược », chúng tôi cũng không thấy sách nào nói đến núi *Phân Sơn*. Rất tiếc rằng một ít sách Sử-ký và Địa-dư các thời trước còn để lại, không quyển nào biên chép đầy-đủ, rõ-ràng, về các nhân-danh và địa-danh. Vậy mong các nhà học-giả thông thái chỉ-giáo cho.

✧ Gửi Phở - Thông cho dịp Tết ở Paris

(của một nhóm Sinh-viên ở Pháp)

... Chúng tôi mong ông cho gửi Phở-Thông Xuân sang Paris sớm được càng hay, nếu có trễ cũng phải trước ngày 30 Tết!...

● Chắc các bạn đã nhận được số Xuân P.T. này cùng một hôm ông Táo cỡi máy bay Cá-chép về Trời ! Thân mến chúc các Bạn « ăn Tết » vui-vẻ ở Paris. Diệu-Huyền.

ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN



✧ **Bạn Bùi-v-Trung, P. T. G. Cần-Thơ**

● Ngoài Bắc, mùa nước lụt của sông Hồng-Hà nhằm vào mùa nắng, chứ không phải mùa mưa như ở trong Nam. Câu thơ của cụ Nguyễn-Khuyến « Lụt năm Canh-Dần »:

« Tiếng sóng vo ve triều nước vọng », chính là tiếng sáo diều của trẻ con thường thả trong mùa này.

● Tính năm 1962, là tính từ năm 1 của kỷ-nguyên Gia-tô-giáo, như bạn nói là đúng, rồi cứ thế tính mãi về sau. Thời-Thượng-cổ tính từ năm 1 kỷ-nguyên Gia-tô-giáo trở lui về trước.

✧ **Ô. Bùi-x-Trọng, Giáo-viên, Sông-Cầu.**

● Nhiều hồ lớn nước mặn, như Hồ Baikal, hồ Aral, biển Caspienne ở Nga, (biển này chính là cái hồ) và Biển-Hồ ở Cambodge, v. v. . .) vì xưa kia đây là những phần biển tiếp nối với đại dương sau bị đất, núi, của các địa-biến nổi dậy, lấp dần-dần, còn lại thành hồ. Mùa mưa, nước sông Cửu-Long tràn vào Biển-Hồ ở Cambodge, nhưng không làm mất được chất muối ở nước hồ.

● *Kás Kong, Kás Rong*, đọc gần như *Koh Kong, Koh Rong*, vì chữ K của Khmer đọc như *Kó*, hoặc *Ko*, Người địa-phương đọc *Kás* gần như *Kóó*, chữ H hoặc S ở sau cùng chỉ như hơi thở.

✧ **Ô. Ng.chu-Yết, Duy-Xuyên, Quảng-Nam**

● Danh-từ « Hoa-hậu », do nơi Pháp-ngữ *Reine de Beauté* dịch ra.

● Phong-trào « *Thi Sắc đẹp* » hay là « *Thi Hoa-hậu* » đã có từ thời Thượng-cổ ở Hy-Lạp; tiếng Hy-lạp gọi là *Kallisteia*. (

Cuộc thi Sắc đẹp đầu-tiên do vua Erichthonios tổ-chức tại kinh-thành Athènes 500 năm trước J. C., trong một cuộc lễ liên-hoan mừng vị Nữ-Thần ATHÉNA đã chiến-thắng được hung-thần Aster đến phá-hại thành phố. Nhà vua tổ-chức *Thi sắc đẹp phụ-nữ* ở nhiều nơi, Athènes, Ténédos, Lesbos, Elis... và *Thi Sắc đẹp đàn ông* ở Elis (gọi là *agon enandrius*—thi người đẹp trai nhất). Mục-dịch hai cuộc thi sắc đẹp này là lựa chọn người con trai và cô con gái đẹp nhất trong thành Athènes, để ra cúng-tế Nữ-Thần Athéna, để dâng hoa, mật-ong, trầm và rượu. Từ đây cứ mỗi năm dân Athènes tổ-chức Thi sắc đẹp và thi điền-kinh, đua ngựa, v. v. . . như một ngày Quốc-khánh. Trải qua các thời-đại sau, nhiều xứ khác cũng áp-dụng phong-tục ấy với mục-dịch lễ-nghi tôn-giáo. Mãi đến năm 1927, người Mỹ bắt chước mở cuộc Thi Sắc đẹp, nhưng với mục-dịch chọn tài-tử đóng si-nê. Năm 1929, họ mở cuộc *Thi Sắc đẹp thế-giới* đầu tiên để tôn một « Hoa-hậu Quốc-tế ». Rồi phong-trào « *Thi Hoa-hậu* » từ đây lan-tràn khắp nơi . . . Ở Việt-nam cuộc « *Thi hoa-hậu* » đầu tiên do một nhóm sinh-viên trường cao-đẳng Đông-Dương tổ-chức trong một cuộc chợ-phiên tại khu Hội-chợ Hà-nội, năm 1932.

★ Ô. Trần-văn-Tư, ty Công-chánh Tuy-hòa.

Thứ thuốc Tây dùng để bôi vào chỗ chiết cành hoa, ông viết thư hỏi thẳng nha Canh-nông, hoặc các nhà chuyên môn trồng tía, chừa họ có. Theo thiên-ý của chúng tôi, không cần thuốc nếu ông chiết theo cách *Grefte en écusson*, hoặc *en Couronne*. Hoặc theo kiểu người Anh (*grefte anglaise*) chiết cành nho.

★ Bọn Nguyễn-Thanh-Cần, Huố.

Cô Toàn, trong « *Mở Hời Nước Mắt* » cảm giọng đàn của chàng Nghệ-sĩ Mù, không phải vì giọng đàn, mà vì nỗi niềm đau khổ toát ra từ giọng đàn của nghệ-sĩ. Sự cảm-thông ấy không phải là một *khóai-cảm vật-chất* vì âm-nhạc, mà chính là một xúc-động luân-lý.

★ Ông Nguyễn-hữu-Minh-Hãnh, Tuy-Hòa.

● Nhà Thiên-văn học Nicolas COPPERNIC (chính ông lấy tên latin là *Copernicus*), sinh ở Thorn (Pologne) năm 1473, chết ở Frauenburg năm 1543.

- François BACON, nhà Triết-học và khoa-học Anh, sinh ở London năm 1561, chết năm 1626.

U. N. E. S. C. O. = United Nations Educational Scientific and Cultural Organization, thành lập năm 1946 (Tổ-chức Văn-hóa Khoa-học Giáo-dục Liên-hiệp quốc)

★ Ô. Thanh-Kòa, Sydney, Australie

Dân-số xác-thực của Miền Nam (Việt nam Cộng Hòa), là 14.081.000 (tính đến 1-7-1960).

Dân số Đô thành Saigon : 1.400.000.

★ Ô. Ng-văn-Lốt, KBC. 3318

● Thái-tử Charles nước Anh, sinh ngày 14-11-1948

● Bài văn-tế một Công-chúa Tàu : « Thanh thiên nhất đóa vân » v. v. . . (5 câu), tác-giả là Mạc-dĩnh-Chi.

★ Ô. Lê-Nghĩa, Saigon.

● Ô. Nguyễn-văn-Vĩnh đã được Chính-phủ Pháp đề-nghị thưởng Bắc-đầu Bội-tinh, vì ông là một trong vài nhà trí-thức đầu-tiên ở Bắc-Việt đã có công trong việc phát-huy văn-chương học-thuật của Pháp ở Việt-Nam. Ông cũng đã cộng-sự đắc lực với Hành-chánh thuộc-địa.

● Hiệp-ước Vincent Auriol — Bảo-Đại ký năm 1948, chủ-tương nước Việt-nam « *độc-lập trong khối Liên-Hiệp Pháp* ».

● Văn-đề *Đại-thừa* và *Tiểu-thừa* trong Phật-giáo, không thể giảng-giải đầy đủ trong mục ngắn này được. Chúng tôi sẽ nói đến trong một dịp khác, thành một bài dài. Hiện nay, các nước Ceylan (Tích-Lan) India, Burma (Điện-Điện) Laos, Cambodge, theo phái *Tiểu-thừa*. Tàu, Việt-nam, Nhật, theo phái *Đại thừa*. Ở Sài-gòn, chùa « *Kỳ viên-Tự* », đường Phan-dinh-Phùng, là tập-trung của các đoàn-thể tín-dồ theo Phật-giáo Tiểu-thừa.

★ Ô. Capitaine Verly, SP 88.882 AFN Paris

● Giá báo Phò-Thông gửi phi-cơ sang Pháp, mỗi năm 24 số, giá 813\$ V.N. kể cả cước-phi.

★ Ô. Lương Hải, y tế Quảng-Nam — Hội-An.

Chúng tôi sẽ có bài nói đầy đủ về các thành-phố đã bị lấp dưới đất lâu ngày từ thời thượng-cổ, mà người ta vừa khám-phá trong khi đào đất.

★ Ô. Duy-Quang, I I B. Thí sách Dalat.

● Chúng tôi không mở mục « Dạy sinh-ngữ Anh, Pháp, Đức v. v. . . » Vì theo kinh-nghiệm của chúng tôi, không thể nào dạy học sinh-ngữ trên một tờ báo cho có kết quả được.

★ Nhiều tên Hoa Lan (orchidées) do các nhà chuyên-môn chơi hoa đặt ra bằng chữ La-tin, hoặc thô-ngữ địa-phương, không thể nào dịch ra tiếng Việt được. Nếu có thì mỗi nơi đặt tên mỗi khác.

★ Ô. Trần-Bình, 27 Hồng-Bàng, An-Xuyên

● Những người lính giải Nobel đầu tiên :

Năm 1901, Văn-chương : Thi-sĩ SULLY PRUDHOMME (Pháp)

Vật-lý : Nhà Bác-học ROENTGEN (Đức)

Hóa-học : « VARIT HOFF (Hà-lan)

Y-khoa : Bác-sĩ VON BEHRING (Đức)

Hòa-bình : Henry DUNANT (Suisse)

và PASSY (Pháp)

● Tượng « Nữ thần Tự-Do » ở Mỹ là của Chính-phủ Cộng-hòa Pháp tặng xứ Hoa-kỳ. Tượng này do nhà điêu-khắc Bartholdi, dựng năm 1886 trên đảo Bedloe, Hải-cảng New-York.

★ Bạn T.T. Thúy, Trường Đồng-Khánh, Huế

● Đây, vài thứ thuốc trị chứng hôi nách, hoặc hôi chum, tay, do mồ-hôi toát ra : F-74 (Bột) hoặc là Cre-do (dầu thơm), sản phẩm Pháp. Có nhiều mồ-hôi dầu, cũng gần như một chứng bệnh, nên dùng các loại thuốc Antiseptiques và Astringents, hỏi nơi các hiệu thuốc.

★ Bạn T.L. Quảng.Ngãi

Tuổi Sưu mà năm nay 25 tuổi, là ẤT-SUU.

★ Ô. Ng.v.Bút, giáo-viên Quảng-Trị

● Trương-công-Định sinh năm 1820.

● Thủ-khoa-Huân đỗ Thủ-khoa năm 1852.

● Đá dùng trong quẹt máy (đá lửa) là loại đá silex, (đá thiên-nhiên) Người ta có thể dùng bột đá trộn với vài chất hóa-học khác thành đá lửa nhân-tạo.

★ Ô. Lê-trí-Thắng, Hòa-Thành, An-Xuyên

Trong « Tuấn, chàng trai đất Việt », Trần-anh-Tuấn đỗ bằng thành-chung hồi 16 tuổi và được bổ ra làm việc ngay, vì tình thế đặc-biệt lúc bấy giờ người Pháp mới sang cần đào tạo gấp rút một số công-chức giúp việc cho họ, phần nhiều là thông-ngôn, thư ký và Thầy giáo.

★ Ô. Bé-thế-Viễn, KBC 4775

Đúng giờ « giao-thừa » ở Saigon, 12 giờ đêm thì...

12 giờ đêm... ở Hà-nội, Pnompenh, Vientiane, Bangkok,

Singapore, Djakarta (Indonesia)...

1 giờ đêm... ở Manille, (Phi-luật-Tân) Hongkong, Đài-

Loan, Nam-Kinh...

2 » ... ở Melbourne (Úc), Tokyo, Séoul (Nam-Hàn)

3 » ... ở Sydney (Úc)

7 giờ sáng... Hawai (Hạ-uy-Di)

10 » ... ở Mexico (Bắc Mỹ)

11 » ... ở Chicago (Huê-Kỳ)

12 trưa... ở La Havane (cuba)

5 giờ chiều... ở GREENWICH, Anh-quốc (GIỜ

QUỐC 1 Ế), London, Paris, Alger.

6 » ... ở Tunis, Rome (Ý) Berlin (Đức)

7 giờ tối ... ở Le Caire (Ai-Cập) Leningrad (Nga)

8 .. ở Djibouti, Moscou.

10 » ... ở New Delhi (Ấn-độ)

11 » ... ở Calcutta (Ấn-độ)

★ Ô. Hà-Châu, Jean, thợ máy dệt Dijon (Pháp)

Nguyên-thủy xuất xứ của TƠ là nước Trung-Hoa. Bà Nguyễn Phi LUY-TỒ (Người Âu châu dịch là LOUI-TSÉ, vợ vua

HOÀNG-ĐẾ Hiên-Viên (Hwang Tsi), một buổi sáng đi dạo chơi ngoài vườn, (năm 2698 trước J. C.) bỗng thấy trên một cây dâu vô-số những cái ò sâu tếch bằng sợi, màu vàng ánh đẹp quá. Bà lấy một ò vào xem, và ngâm nước nóng gỡ ra được một sợi tơ vàng thật dài và thật chắc. Bà đề ý xem các ò sâu khác trên cây dâu, và khám phá ra loài TẮM..., bày ra nghề nuôi tằm và kéo tơ. Bà dạy nghề nuôi tằm cho dân chúng và từ đó nước Tàu là nước đầu-tiên sản xuất ra TƠ dề may áo quần.

Người Hy-lạp thì lại cho rằng Tơ Tằm là do một người đàn bà Cô Hy-Lạp, tên là PAMPHILIE đã khám phá ra con Tằm lần đầu tiên trên đảo COS. Nhưng sự thực thì đây chỉ là một loại sâu làm kén, không phải con Tằm.

Từ khi Hoàng-hậu Luy-Tô khám phá ra Tơ Tằm, phong trào trồng dâu, nuôi tằm và quay tơ, rất thịnh hành ở Trung-Quốc, và người Tàu đã sản xuất rất nhiều tơ. Nhưng họ vẫn giấu kín cái bí mật của con Tằm và nghề kéo tơ... Mãi đến 3250 năm sau, vào khoảng năm 552 SAU J.C., vài ba ông Cố-đạo Gia-tô, người Hy-Lạp, đi truyền giáo bên Tàu, mới lén lút đem về xứ được một mớ trứng Bướm Tằm và nhiều cành dâu... Họ trồng dâu và bắt chước nuôi tằm. Sau đó, họ mở thêm các sở trồng dâu và nuôi tằm ở Athènes, Thèbes, Corinthos, là những đô-thị lớn của Hy-Lạp. Phong trào nuôi Tằm trồng dâu được vua Hy-Lạp khuyến khích và cổ động.

Tỉnh PÉLOPONNÈSE trồng dâu nhiều hơn hết, được vinh dự đổi tên là tỉnh MOREE (Vinh Dâu, do chữ Hy-Lạp *Mure* là cây dâu, Latin là *Murus*) Thế - kỷ XII, Vua đảo Sicile (Đảo trung Hải), là ROGER, kéo binh sang đánh Hy-Lạp, chiếm cứ Athènes và Moree, nhờ cả mấy vườn dâu và đem mấy vạn con tằm về nuôi tại Sicile. Từ đó, Tơ Tằm được sản xuất nhiều tại Sicile và dần dần tràn sang Ý, Espagne, và Pháp. Nhà dệt tơ đầu tiên đã được mở trên đất Pháp năm 1470, dưới thời vua LOUIS XI, tại Lyon, rồi đến Montpellier, Paris. Năm 1599, dưới thời vua Henri IV, trong vườn thượng uyển Tuileries đã trồng được 20.000 cây dâu lấy góc ở Sicile...

✧ Bà Đào-thị-Năm, 249 Ng-duy-Hiệu, Quảng-Nam.

Cháu nội sai trên đầu. thì bà nên mua Pommade pénicilline xức sẽ bớt nhiều.

✧ Ô. Ng. bình-Đẳng, Châu-Đốc.

● Các sáng-tác-phẩm đã được hội-dồng K. D. cho phép, tác-giả có quyền không xuất bản.

✧ Bạt Kim-Lan, G. Đ. P. T. An-Hòa, Hyế

Đúng nghĩa Ấn-độ của tên đức Phật ÇAKYA MUNI là :
MUNI = người hiền.

ÇAKYA = giòng họ Çakya

Người hiền của giòng Cakya.

Chữ BUDDHA, đúng nghĩa là Giác-ngộ.

✧ Ô. Thanh-Phong, tòa Hành-chánh Phước-Tuy.

✧ Phi-luật-Tân là một quần-đảo gồm có đến 7000 cù lao, trong đó chỉ có 3 đảo lớn nhất : Luzon, Mindanao, Palaouan. Diện tích tổng cộng 299.000 km vuông, Dân số 24 triệu. Kinh đô Manille ở trong đảo Luzon. Người đầu-tiên tìm thấy Phi-luật-Tân, năm 1521, là Magellan, một nhà phiêu-lưu thám-hiêm người xứ Espagne. Từ đó, do người Espagnols cai trị. Dân-tộc Phi-luật-Tân là thuộc giòng-dối Tagals, lẫn-lộn Malais, Maures, và dân lai Âu. Năm 1896, một nhà anh-hùng tên là AGUINALDO khởi nghĩa, có Huê Kỳ giúp. Espagne thua, nhường đất lại cho Huê-kỳ (1898). Aguinaldo đánh lại Huê-Kỳ, và bị thua (1901). Huê-Kỳ cho tự trị, đặt Manuel Quezon lên làm Tổng-Thống (1934). Bị Nhật chiếm năm 1942. Nhật bại trận năm 1944. Phi-luật-Tân tuyên bố độc lập năm 1946.

● Câu thơ của Nguyễn-Du nói về Từ-Hải (truyện Kiều)

Giang hồ quen thú vẫy-vùng

Giương đàn nửa gành non sông một vùng

GUƠM ĐÀN NỬA GÀNH: Theo câu thơ của Hoàng-Sào, vương giặc đời nhà Đường : « báu kiên cung kiếm bằng thiên tủng, nhất trạo giang sơn tận địa duy » : NỬA VAI ĐEO CUNG KIẾM do Trời cho, một mái chèo đi khắp giang sơn . . .

● BỒ-TÚC ●

Vì công việc gấp rút trong số Xuân, nên chúng tôi không tránh khỏi vài thiếu sót. Xin thêm như sau đây :

● Có độ 500 tờ in nơi trang 16 dưới hình : « Nhà Thờ Notre Dame de Paris và các cầu nổi liền tả và hữu ngạn sông Seine », lộn câu chú thích : « Xóm La-tinh và đền Panthéon, nơi thờ các vĩ-nhân », ở trang 18, và ngược lại.

● Trang 19, ông LÊ - THIÊN - NHÂN chính là bí-danh của một nhân vật V.N.Q.D.Đ, đồng-chí của Nguyễn-thái-Học, và đã đóng một vai trò rất quan-trọng trong vụ Bazin, năm 1929. Hiện ông đang sống ở Saigon, làm ký giả của một vài báo hàng ngày. Ông cũng là biên tập viên của *Phồ-Thông* tạp-chí.

● Bức ảnh của ông NGUYỄN-BÁ-THẾ, ở trang 59, đáng lẽ ở trang 53 nơi đây anh em thợ để lộn bức vẽ một em thiếu nhi.

● Ảnh của ông HUỖNH-KHẮC-DỤNG, trang 98, vì chụp mờ nên in không được rõ. Cuối bài, ông ký « *Tuần-Lý* » (trang 103), chính là bút-hiệu của ông. Ông Tuần-Lý Huỳnh-khắc-Dụng vừa là một vị Quan-Tòa thẩm niên ở Tòa Thượng-Thẩm Saigon, hiện làm Chánh-Án tòa Lao-dộng, vừa là nhà Thơ, nhà Văn. Ông là tác giả những quyển : *Les Plaintes d'une Odalisque* (Dịch Cung-oán Ngâm-Khúc) *Femme de Guerrier* (Dịch Chinh-Phụ-Ngâm), *Sử-liệu Việt-Nam* do Nha Văn-hóa bộ Q.G.G.D. xuất bản, *Thoát nhìn nước Anh* (Sở Thông-tin Anh xuất-bản), *L'Enseignement dans l'ancien Việt-Nam* (France-Asie), v.v... Ông là một biên tập viên của *Phồ-Thông* Tạp-chí. Thơ ông rất nhiều, và hay, thường có đăng trong *Tao-Đàn Phồ-Thông*.

● Mục « *Thành-Cát-Tur-Hân* » đáng lẽ ở trang 143, anh em thợ sắp lộn qua trang 144.

● Trong *Phồ-Thông* số 73, trang 8, mục Xả-luân, thay vì MẠI đim (dấu hỏi) xin sửa lại : MẠI dâm (dấu nặng) Mại-dâm = bán dâm.

Nhân liên lạc với Ban Đọc

1) Một số bạn đọc yêu cầu chúng tôi trả lời bằng thư riêng, nhưng chúng tôi rất tiếc không có thì giờ, vậy xin các bạn miễn cho.

2) Thơ và bài của các bạn gửi đến Tòa-soạn nhiều lắm, chúng tôi có đọc cả, không bỏ qua bài nào cả. Nhưng vì *Phồ-Thông* ra mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ chúng tôi chỉ để dành 4, 5 trang thơ thôi, nên chúng tôi không thể nào đăng hết thơ của các bạn được. Bài lai cỏ, chúng tôi cũng phải chọn lọc, nên rất tiếc không thể đăng được nhiều. Vậy mong các bạn thông cảm cho. Tòa-soạn xin thành thật cảm ơn các bạn.

★ Ô. Bạn đọc ở Phan-Thiết. Cô Thanh-Hương.

Huế. Ô. Vinh, Sài Gòn. cô Loan Sài Gòn: Gởi *Phồ-Thông* biểu bà con ở Pháp, Mỹ, và Nhật, nên gởi bằng máy bay. Cước-phi đắt hơn giá báo đến vài ba lần, nhưng chỉ trong ba bốn hôm là họ nhận được. Gởi tàu thủy lâu lắm. Có khi gần 2 tháng ! Giá cước-phi máy bay ra ngoại-quốc mỗi nơi mỗi khác, quý bạn nên hỏi thẳng nhà Bru-diện. Chúng tôi không dám nhận gởi « Báo tặng », bất cứ ra ngoại-quốc hay trong nước, vì công-việc nhà Báo bận rộn quá, sợ làm giúp việc ấy không được chu - đáo. Xin quý bạn miễn thù cho. Đa tạ.

★ Chúng tôi có nhận được bài và thơ của các bạn Sau đây (từ 1-1-62 đến 15-1-62).

Nguyễn (Đại-Ủy Hải-Quân Đà-Nẵng) — Huyền Lan (Huế) — Trần-Hoành (Huế) — Hoàng-Án (Quảng-Nam) — Lam Hồng (Quảng Ngãi) — Ngô - Xuân - Vinh (Quảng-Ngãi) — Sơn Nguyễn (Saigon) — Trần Vinh Anh (Huế) — Võ Thúc Lés (Bình-Định) — Phương-Tấn (Đà-Nẵng) — Nguyễn-Bình-Đẳng (An Giang) — Đào Ngọc Anh (Qui Nhơn) — Hàn Linh (Truôi) — Văn Tấn Quang (Phú Yên) — Bùi Thanh Cường (Phan Rang) — Dinh Đán (Ninh Thuận) — Nhất Diên (Huế) — Lê Văn Hiến (Bình Định) — Văn

Nghiệm (Tuy Phước) — Thao Minh Triết (Kontum) — Cao Thế Vũ (Huế) — Hoàng Hoa Cương (Tây-Đô) — Trương Vi (Vĩnh Bình) — Phong Vỹ (Kim Long) — Văn Loan (Huế) — Nhất Phương (An Nông) — Vũ Bằng Song (Quảng Trị) — Nguyễn Thanh Trà (Bình Định) — Lê Bình Hương (Tuy Hòa) — Hứa Phương (Hội An) — Tô Lang (Bãi Xàu) — Huyền Ngọc Thanh (Long An) — Duy Hiền (Nhơn An) — Võ Công Luận (Gia-Định) — Phan Nữ Anh Hồng (Phước Thuận) — Võ Hàng (Qui Nhơn) — Nguyễn Sinh Duy (Đà Nẵng) — Lê Thị Hoàng Cầm (Huế) — Nhất Lương (Saigon) — Hồ Văn (Saigon) — Tô Hoài (Vientiane) — Nguyễn Lương Đề (Đà Nẵng) — Anh Trà (Quảng Ngãi) — Dạ Hương Sơn (Huế) — Hàn Song Tâm (Saigon) — Đỗ Trầm (Đà Nẵng) — Mặc Huyền Thiên (Kiến Hòa) — Nguyễn Thế Giác (Qui Nhơn) — Thanh Thúy Hoa (Nhatrang) — Trần Nhâm Thân (Qui Nhơn) — Huyền Trinh (Đà Nẵng) — Hoài Nhân (Huế) — Tâm Nghĩa (Bình Thuận) — Thu Loan (Huế) — Thuận Cát (Nhatrang) — Nguyễn Bình Đăng (Châu Đốc) — Lê Thê (Bình Định) — Phương Loan (Qui-Nhơn) — Lan Hiền (Bình Định) — Ngô Xuân Phong (Nhatrang) — Hà Hữu Long (Phan Rang) — Huỳnh Tú Anh (Cái Bè) — Huỳnh Hữu Phước (An Giang) — Thanh Loan (An Nhơn) — Nguyễn Vinh Liệu (Tam Kỳ) — Thiện Ý (An Giang) — Giang Đình (Saigon) — T.A.G. (Tam Kỳ) — Hoài Nhân (Huế) — Huy Nghĩa (Tuy Hòa) — Thanh Huy (Huế) — Mộng Thôn — Nguyễn Phúc Bảo-Đề (Huế) — Tôn Thất Báu (Huế) — Lã Trúc Uy (Huế) — Đặng Văn Lưu (Huế) — Phan Nghĩa (Tuy Hòa) — Tri Túc (k.b.c. : 4761) — Minh Dũng (Huế) — Bằng Sơn (Vĩnh Long) — Hoài Linh (Gia Định) — Ngọc Hải (Nhatrang) — Tuấn Dũng (Tuy Hòa).

★ ★ ★ ★ **DIỆU-HUYỀN XIN CẢM TẠ** ★ ★ ★

Diệu-Huyền xin thành thật cảm ơn toàn thể các bạn trong Nước và Hải-ngoại đã tỏ lòng tin mến, viết thư về hỏi han mọi việc, trong một năm nay. Nếu có điều gì sơ-sốt trong mục lục «đáp bạn», xin các bạn vui lòng miễn thứ cho. Nhân dịp Năm mới, Diệu-Huyền thân mến chúc toàn thể quý bạn và quý gia-đình 3 chữ : PHÚC-LỘC-THỌ.

Và chúc các bạn Ngoại-quốc : **BONNE ANNÉE !**

... a **HAPPY NEW YEAR !**

... und ein glückliches Jahr !

★ ★ ★ ★ ★ **DIỆU-HUYỀN**

Trả lời ngày tháng âm dương lịch

★ **Ông Võ Thanh Hoài — k.b.c. 6087**

Ngày mùng 4 tháng 6 âm-lịch năm Bính-Tý nhằm ngày Thứ Ba 21-7-1936.

★ **Ông Trần đình Hội — k.b.c. 4476**

— Ngày 24 tháng Giêng âm-lịch năm Quý-Dậu nhằm ngày Thứ Bảy 18-2-1933.

★ **Cô Trần thị Oanh, Phú Nhuận.**

— Ngày 3 tháng 8 năm 1929 (Thứ Bảy) = ngày 28 tháng 6 âm-lịch năm Kỷ-Tỵ.

— Ngày 22 tháng 3 năm 1931 (Chúa Nhật) = mùng 4 tháng 2 năm Tân-Mùi

★ **Ông Đỗ đình Minh — Đà Nẵng.**

— Ngày mùng 6 Tháng giêng âm-lịch năm Kỷ-Mão = Thứ Sáu 24-2-1939.

★ **Ông Dư Đức Huệ — Đà Nẵng**

— Ngày 1-9-1939 (Thứ Sáu) = 18 tháng 7 âm lịch năm Kỷ-Mão.

★ **Em Văn Loan — Huế,**

— Ngày 27 tháng 7 năm Giáp-Thân nhằm ngày thứ Năm 14-9-1944.

★ **Ông Lê văn Tịnh — Bình Định.**

— Ngày 15 tháng 10 năm 1937 (Thứ Sáu) là ngày 12 tháng 8 âm-lịch năm Đinh-Sửu.

★ **Ông Nguyễn đình Hoãn.k.b.c. 4551**

— Ngày 24-4 âm lịch năm Đinh-Sửu nhằm ngày Thứ Tư 2-6-1937.

★ **Em Nguyễn tấn Quảng, Đà-Nẵng**

Ngày 17 tháng 2 năm 1952 (Chúa Nhật) là ngày 22 tháng Giêng Âm-lịch năm Nhâm-Thìn.

✱ Ông Lâm tấn Thành, Pleiku.

— Ngày 22 tháng Giêng âm-lịch năm Giáp Tuất là ngày Thứ Tư 7-3-1934.

✱ Ông Trần song Vân, Huế.

— Ngày 1 tháng 7 âm-lịch năm Kỷ-Mão là ngày Thứ ba 15-8-1939.

✱ Em Trần thị Mỹ-Anh, Huế.

Ngày 26 tháng 4 âm-lịch năm Kỷ-Sửu là ngày Thứ hai 23-5-1949.

— Ngày 20 tháng Giêng âm-lịch năm Ất-Dậu là ngày Thứ Sáu 2-2-1945.

— Ngày 5 tháng 10 năm Mậu-Dần là ngày Thứ Bảy 26-11-1938.

✱ Ông Khúc thừa Trang, Quảng-Ngãi

— Ngày 23 tháng 4 năm 1907 (Thứ Ba) nhằm ngày 11 tháng 3 âm-lịch năm Đinh-Mùi.

✱ Ông Hà công-Anh, Nha-trang

— Ngày mùng 4 tháng Giêng âm-lịch năm Bính-Dần nhằm ngày Thứ Ba 16-2-1926, Đã qua lập xuân năm Bính Dần.

— Ngày mùng 6 tháng 2 âm-lịch năm Kỷ Tỵ là ngày Thứ Bảy 16-3-1929.

✱ Em Lê-quang-Định, Đalat

— Ngày 9-10-1945 (Thứ Ba) nhằm ngày mùng 4 tháng 9 âm-lịch năm Ất Dậu.

TIN BUỒN

Bà THƯỜNG-LẠC, một Nữ-sĩ có chân tài trong Nam-Phong-Thi-Xã và được rất nhiều thi-hữu quý-mến, đã tạ-thế tại nhà thương Grall, ngày 13 tháng Chạp năm Tân-Sửu (18-1-1962), hưởng thọ 59 tuổi. Chúng tôi xin gửi lời đau đớn chia buồn cùng Thi-hữu Hi-Trà, bào-dệ của bà Thường-Lạc, và thành-kính cầu nguyện cho Hương-hồn Nữ-sĩ được tiêu-diêu về Tiên-Cảnh.

NGUYỄN-VỸ

Năm CỌP, dùng sản phẩm CON CỌP

đề kiến tạo : Thân thể cường tráng

Tinh thần minh mẫn

Sinh lực sung mãn

và thể hiện : Đời sống Vui mạnh — Hoạt động — Thành công.



Các thứ giải lao hiệu Con Cọp của hãng B. G. I. tăng cường Sức Khỏe và sự Vui tươi, góp phần vào nền thịnh vượng và hạnh phúc của mọi người và mọi gia đình: la-ve Larue và la-ve «33» bổ dưỡng cơ thể với các khoáng chất và sinh tố hỗn hợp; nước ngọt Con Cọp các loại tăng cường sinh lực, giúp ích cho sự tiêu hóa, giúp cơ thể chống lại sự hao hụt chất nước trong cơ thể, rất nguy hiểm và thường xảy ra trong các xứ nóng. Trong khi giá sinh hoạt lên cao, la-ve và nước ngọt Con Cọp, bổ khỏe và giá rẻ, có thể bổ sung các thức ăn bổ dưỡng đắt tiền hoặc khan hiếm, và như vậy xứng đáng là món nhậu dụng của mọi người, trong mọi gia đình.

Nhân dịp Tân Xuân, hãng B.G.I. chân thành kính chúc quý vị Một Năm đầy Hạnh phúc và Thành công.

HỖ TÍN

Chúng tôi vui mừng được tin cô DÂN THỊ BẠCH-TUYẾT, ái nữ của Bà Sương-phụ, Dân-văn-Lời, Sài Gòn đính hôn với Ông NGÔ-QUANG-MINH, con trai của bà sương-phụ Ngô-văn-Soi, Tây-Ninh Lễ đính-hôn cử-hành tại Sài Gòn ngày 20-1-1962.

Chúng tôi xin thành-thực chúc mừng cô Giáo-sư Dân thị Bạch-Tuyết và quý vị-hôn-phu.

NGUYỄN-VỸ

Cung Chúc Tân Xuân

HỨA - PHƯỚC - MỸ

KIM-HOÀN — HỘT XOÀN
CẦM ĐỒ BÌNH. DÂN
XUẤT; NHẬP. CẢNG
Điện.thoại : 21.973

322, Đường Bùi-hữu-Nghĩa

GIA-ĐÌNH

15-1-62 Khai giảng :

Pháp-Văn Luyện thi Tú-Tài I,
Giáo-sư phụ-trách : ông Quang-Hoa,
Ghi tên tại trường Phan-Sào-Nam, đường Trần-quý-Cáp,
Sài Gòn.

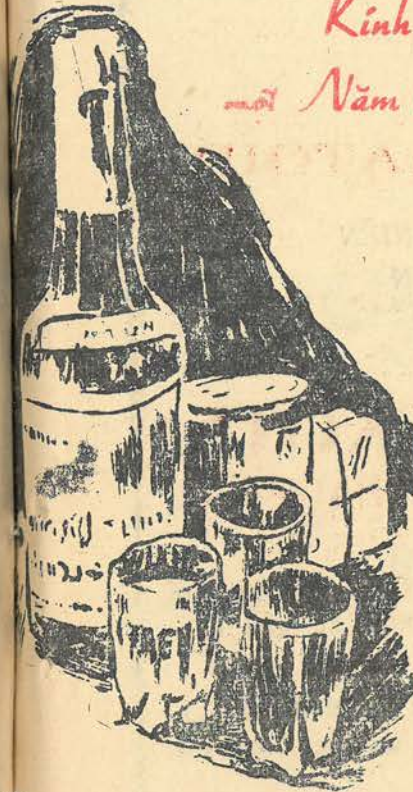
NGUYỄN-XUÂN-NHÂN
Đám-đắc hàng ĐỨC KỶ

278, Công-I-y—Saigon

Đ.T.22.920



*Kính chúc quý vị thân chủ
một Năm mới đầy hạnh-phước*



Chuyên ~~...~~
thực-phẩm :
BỘT MÌ, SỮA ~~...~~



MANUFACTURE DE PEINTURES — VERNIS ET ENCRE

LA PHALENE

DIRECTION & BUREAUX

13, Ngô-dức-Kế — Tél : Saigon 351

SAIGON



USINE & LABORATOIRE

181, Bến PHẠM-THẾ-HIỀN
(Cầu Mật) CHOLON

Dùng sơn « **FALEKOTE** »
Của Hãng-Sơn « LA PHALENE »

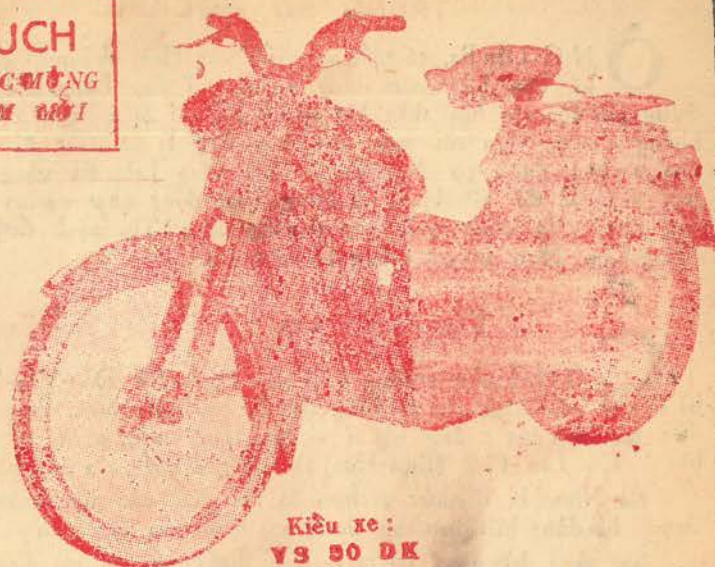
— Sơn tàu, sơn ciment, sơn hồ-tắm, sơn lon hộp
đựng thức ăn, nước mắm, sơn xe đạp, xe gắn máy,
Lambretta, Vespa v. v. . .

— Đặc tánh : Chịu đựng nổi tất cả các chất hóa-học :
solvants, acide và soude caustique không có loại sơn
nào sánh kịp.

— Do kỹ-sư chuyên-môn chế-tạo theo khoa-học tiến-bộ

PUCH

CHỨC MỪNG
NĂM MỚI



Kiểu xe :
VS 50 DK

1962

PUCH (ÁO-QUỐC)

XE GẮN MÁY TỐT NHẤT — CÓ PHIẾU BẢO-ĐẢM

Sườn xe, máy móc, phụ tùng hoàn-
toàn sản-xuất tại Vienne (Áo-Quốc).



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

HÀNG ĐẶNG-ĐÌNH-ĐĂNG

71, Ngô-Tùng-Châu — SAIGON

Điện-Thoại : 262 SAIGON

Cơ xưởng : 211, Võ-Tánh, TÂN-SƠN-HÒA

TỔNG PHÁT-HÀNH : ETS PHÚ-BÌNH

71, Ngô-Tùng-Châu — SAIGON

Chủ-nhân : Bà HUỲNH-THỊ HỒNG-HOÀ

**Tôi mừng còn hơn là ;
TRÚNG SỐ ĐỘC-ĐẮC**

ÔNG Liêu Ba, 56 tuổi, người Trung-Hoa, chủ quán cháo ở
kê bên Lữ-Quán Huy-Hoàng tại chợ Long-Hải vì bị
trúng gió độc nên bán thân bất toại ; bại liệt đã 2 năm đi đứng
không được. Vừa rồi may nhờ bạn ông là Ô. Tư Sơn mua
cho 2 hộp thuốc 39 Nguyễn-An-Cư, Ông Liêu Ba uống trong
một tuần lễ thì hết bệnh, đi đứng hoạt động như người mạnh,
ông Liêu Ba mừng quá, gặp ai cũng nói ; Tôi mạnh được tôi
Mừng Còn Hơn Được Trúng Số Độc Đắc.

THUỐC TA HAY THẬT

CŨNG như trường hợp Bà Kinh Lý Đào-Văn-Nhơn,
bà là nhà giàu hàng sắn và hàng tâm lại còn giàu hơn, lòng nhơn
đức hào-hiệp của 2 ông bà ai ai cũng kính mến, nhứt là đồng-
bào ở Cù Lao Phố (Biên-Hòa) là nơi quê quán của ông bà.

Bà Nhơn bị tê nhức 2 chơn đã lâu, đêm nào cũng không ngủ
được, bà dùng biết bao thứ thuốc mà bệnh vẫn còn bịnh

Sau cùng bà uống có mấy hộp thuốc số 39 mà được hết
bệnh, đêm nào bà cũng ngủ ngon giấc tới sáng, sự vui khoẻ trở
lại đầy đủ cho bà.

Trường hợp của bà Viên-Đệ nguyên chủ hãng dầu Khuynh
Diệp ở Huế, bà Đệ cũng bịnh giống như bịnh bà Nhơn và bà
cũng nhờ uống thuốc 39 mà khỏi hẳn. Hiện nay bà Đệ rất vui
khoẻ và đang chủ-trương Hiệu Kính Tiên ở số 274 đường Hai
Bà Trưng ngang nhà thờ Tân-Định.

CỤ PHAN-BỘI-CHÂU KHEN

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở,
Tay thần há dễ nhẹ công phu »

Đó là hai câu thơ của Cụ Phan-Bội-Châu đề tặng THUỐC
RƯỢU 39 của Cụ Nguyễn-An-Cư. Cụ Phan khen thuốc 39 là
thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bịnh
tê bại nhức mỏi tê thấp hay vô cùng !

Người có bịnh hề gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại
nhức mỏi lại ăn ngon ngủ khoẻ. Cụ Nguyễn-năng-Quốc, Tổng
đốc ở Thái-Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Một hộp giá 20 đồng.

Các hiệu thuốc Tu, Tàu đều có bán và số 54 đường Công-Lý, Saigon.

Hoàn nguyên hình
DẦU XỐ LẠI
Kim-Quan



NHÀ THUỐC TÂY KIM QUAN
SỞI CHỢ MỚI SAIGON

KIM CHÚ Ý: Nhà thuốc KIM-QUAN mới mua bên Pháp về được
5000 hộp DẦU XỐ TÂY độc loại trong trắng (HUILE DE RICIN DÉCOLORÉE)
có tên DẦU XỐ LẠI giữ riêng tới cho một thứ Dầu ma đồng-bác
đồng tư lữ.

XƯỞNG CỬA MÁY LƯU-NAM-HƯNG

190, ĐƯỜNG NGUYỄN-VĂN-HỌC
CẦU BĂNG-KY — GIA-ĐÌNH

*Kính chúc quý-vị khách hàng,
một năm mới tốt đẹp, bình yên,
đầy hạnh-phúc và may-mắn.*

*

Bồn hãng chuyên-môn mua bán các
sắc gỗ súc và gỗ xẻ đủ cỡ để kiến-trúc.

- Bán sỉ và bán lẻ
- Giá phải chăng
- Một xưởng cửa máy đã
được tín-nhiệm của khách hàng.

hương vị quyền tú...

LONDRES

THUỐC THƠM!

20 CIGARETTES

LONDRES

10

AIP

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bịnh ấy. *Bịnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v..* »
 « Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bịnh nói trên » (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELACHINE

Trị bằng thuốc này, bịnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.
 Thuốc *Coquelachine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bịnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng *thở huyết* rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.
 Nếu bịnh *nhờn* không còn phải sợ chứng *khái huyết* nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bịnh *lao* sẽ không còn là chứng bịnh nan-y.
 Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.
 Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

Lò nôi và gạch máy «PHÚ-HỮU»

TUİL PHUHUU

(SÁNG LẬP 1929)

GẠCH BÔNG

CƯ-XÁ TUİL PHUHUU

Xưởng : Phuhu — Đôngphư — Phuthu — (Cantho)

Hãng : 1 kếp-đường Phan-Châu-Trinh — (Giadinh)

Đ.T. 20.715

CƯ-XÁ TUİL PHUHUU

Chắc-chắn, Mỹ-thuật, giá phải chăng, Trả tiền dễ-dàng, vùng an-ninh, giao-thông thuận-tiện, đầy đủ tiện-nghi.

GẠCH BÔNG MÁY ÉP HƠI

Chắc-chắn, bền-bỉ, ciment hảo-hạng, và màu không phai lạt, giá rẻ.

CHIÊM GIẢI NHỨT
MARSEILLE

CUNG-CHỨC TÂN-XUÂN

TUİL PHUHUU

Mùa thi sắp tới, thí-sinh dọn thi T.H.D.N.C.
và Tú-Tài I cần có ngay cuốn :

VIỆT-VĂN BÌNH GIẢNG

(Lớp Đệ-Tứ và Đệ-Nhị A,B,C,D Trung-Học)

của Giáo-sư BÀNG-BÁ-LÂN

- Phương-pháp mới dễ hiểu — Tài-liệu phong-phú chính xác —
- Có thêm phần bài tập hướng dẫn cách làm luận —
- Rất cần ích cho những người tự học để thi —
- Soạn theo đúng chương-trình hiện hành của Bộ Q.G.G.D.
- Sách dày trên 600 trang khổ lớn — In toàn giấy satiné tốt.
- Bìa offset 4 màu do họa-sĩ Tú-Duyên trình bày.

Nhà xuất-bản XÂY-DỰNG phát-hành
13, Trưng-quốc-Dụng, Phú-Nhuận — SAIGON

SÁCH THUỐC TẶNG KHÔNG

100 phương thuốc trị 300 chứng bệnh
thông-thường và ngặt-nghèo

Bệnh lý được nói ra một cách rành-rẽ. Thuốc trị được
nghiên-cứu kỹ-lưỡng, bảo-chế tinh-vi, giá rẽ và công-hiệu như thần.

Sách « Những điều cần biết khi dùng Đông-Y »
là kim chỉ-nam để bảo-vệ sức khoẻ của mỗi gia-đình.

Ở gần xin đến hỏi tại nhà thuốc Kim-Điền. Ở xa xin biên
thư, cho địa-chỉ và kèm theo 1 đồng-bạc cò, sẽ có sách gửi
ặng tới nhà.

NHÀ THUỐC KIM-ĐIỀN

361 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CORÚT

CÓ BÁN KHẮP
DUỐC-PHÒNG AU-MỸ

ĐẦU NĂM KHỎE MẠNH

Alc cũng nhớ thuốc bổ thận trừ danh :

SÂM-NHUNG DƯỢC-TINH

HIỆU « ÔNG GIÀ »

để pha rượu trắng hay nước sôi mà
uống, để gìn giữ sức khoẻ đầu năm,
mãn cuối năm, trử bán khắp nơi và tại

TỔNG PHÁT-HÀNH : **VIỄN-ĐÔNG DƯỢC-PHÒNG**
115, Đường Phùng-Hung — CHOLON
(Đông dược-sĩ : **LƯƠNG-TRIỆU**)

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp những tai-nạn, hỏa-
hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

trụ-sở chánh : 30-32, Đường Laffitte
PARIS (9ème)

Chi Cuộc Viễn-Đông : 16 Đại-Lộ Nguyễn-Huệ
(Charner cũ), SAIGON
Điện-Thoại : 20.461

Bồi thường mau lẹ — Nghi thức giản-tiện,

Khi hữu sự hồi thăm liên chớ ngần-ngại. Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

LONDRES



THUỐC THƠM

12\$

KING SIZE
DIỀU DẠI

AIP

DẦU TRUNG-TÂM



CHUYÊN TRỊ : Các chứng bốn mùa cảm mạo, trúng gió sổ mũi, nghẹt mũi, ăn không tiêu, no hơi sinh bụng, ruột hoặc bao tử đau thất, trẻ em đau bụng, đi xe đi tàu say sóng, và các chứng thủng độc ngoài da v.v...

Nhà thuốc **TRUNG-TÂM**

Đông Dược-Sỹ **CHÂU-HIÊN-HỮU**

Số 6, Bến Lê-quang-Liêm — CHOLON

POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

THUỐC COM



ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỒ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC,
NGỪA NHIÊM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

Trị Thận Duy Nhất chỉ có :

THUỐC ĐAU LƯNG

HÔNG - NGUYỄN



Chuyên trị các chứng thận suy, đau thất ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận, bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận và khen tặng.

Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ

Bà **DƯƠNG-XUÂN-LANG**

Nhà thuốc và phòng mạch :

246, Nguyễn - Hoàng — CHOLON

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

© KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Patron de
SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU NỖI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie TAN A

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

Phát hành loại THUỐC BỔ

HUYET-SON-DUONG

Sở-tiền Đại-lý
và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

42 Duong THUAN-KIEU CHOLON

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC ÂM MỸ

HEPATIC

Chuyên trị đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị
SUYỄN

Không thua gì
thuốc ngoại quốc

PHARMACIE
KIM-QUAN
Số 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 292ICDVHTTND ngày 9-10-1961

Ấn tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon

Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ

NĂM CỌP

dùng nhiều nước ngọt

XÁ-XỊ CON CỌP



Tinh chế với rễ cây xá xị chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ CON CỌP** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xị, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tinh căn bản quý giá của rễ cây xá xị, như : giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tinh chất thơm ngon, tinh khiết. **XÁ XỊ CON CỌP** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.